

VĂN TUYỂN

Tác giả

Phạm Tín An Ninh

Ở CUỐI HAI CON ĐƯỜNG

WEDNESDAY, 12. NOVEMBER 2008, 01:58:46

Sáng tác: Phùng Nhân. TƯỜNG THUẬT.



TƯỜNG TRÌNH BUỔI PHÁT HÀNH TÁC PHẨM “Ở CUỐI HAI CON ĐƯỜNG” CỦA PHẠM TÍN AN NINH

Vào lúc 1,30pm ngày mùng 2 tháng 11 năm 2008. Tại Trung Tâm Sinh Hoạt Văn Hóa Cộng Đồng Người Việt NSW Sydney, nhóm bạn cựu học sinh trường Trung Học Võ Tánh Nha Trang và thân hữu Úc Châu, đã tổ chức một buổi phát hành tập truyện ngắn Ở Cuối Hai Con Đường của nhà văn Phạm Tín Anh Ninh để trợ giúp thương phế binh VNCH tại quê nhà.

Đây là một buổi phát hành sách quy tụ, được rất nhiều thành phần trẻ. Thành phần trí thức, cựu quân nhân và các đoàn thể tổ chức chánh trị. Mà gần như trong mấy chục năm qua, chưa có cuộc sinh hoạt văn hóa phát hành sách nào ở Sydney mà có được sức thu hút đông đảo như lần này. Có thể nói đây là một sự thành công, đã vượt ra ngoài dự định của mọi người, nên ban tổ chức phải sắp đặt thêm ghế ngồi mà không đủ. Cuối cùng phải đứng thêm một vòng ngoài thật là đông, chính điều đó đã thổi lên một luồng sinh khí cho nền văn hóa lưu vong ở đây, mà từ lâu rồi sinh hoạt loại này đã bị lãng quên trong trầm lặng.

Theo một lẽ rất thông thường, một cuốn sách cho dù có hay đến cỡ nào, thì nó cũng cần phải có thử nghiệm với thời gian. Tới chừng đó, thì nó mới được nổi tiếng, hay trở thành The best seller. Nhưng cuốn Ở Cuối Hai Con Đường, thì nó đã trở thành một hiện tượng nóng bỏng tại Úc Châu. Ngày phát hành đầu tiên, nó đã cuốn hút độc giả đến tham dự có lẽ trên 800 người là ít.

Có một điều đáng nói ở đây, là tác giả hiện đang sinh sống tại Na Uy. Mà sự nghiệp cầm viết của anh cũng chỉ mới đây thôi, như anh đã từng tâm sự. Vì sự cầm viết của anh, không phải bắt nguồn từ một việc mưu sinh. Mà nó chỉ bắt nguồn thuần túy của một con người đã sống, và đã từng bị vùi dập đối xử bất công trong đạo lý làm người. Khi anh đã trình diện đi học tập cải tạo trong các trại tù, từ miền Nam rồi họ chuyển anh ra tận ngoài miền Bắc thời tiết lạnh buốt thấu xương, mà tất cả tù nhân cho dù đang bị giam giữ ở bất cứ trại nào. Khi tiếng kèn báo thức từ lúc tỉnh mơ, thì phải sắp hàng đi theo người cảnh binh họ dắt lên rừng, hay lội xuống nước để làm lao dịch mà không có đồ để bịt chống lạnh.

Chính ở những nơi đây, ma thiêng nước độc, đã quật ngã rất nhiều bạn đồng đội, đồng ngũ của anh, đã làm cho anh không còn đủ nước mắt để khóc than trong những giờ phút lâm chung tuyệt vọng như vậy. Nên bao chuyện bể dâu cứ chất chứa mãi trong đầu, cho đến một ngày kia thì anh được đi định cư bên xứ tuyết Na Uy. Thì bao nhiêu chuyện ấy nó đã tuôn tự lên mầm, bắt đầu mọc ra như một đám mạ non. Sau bao tháng năm héo hon vì khô hạn, bây giờ gặp thời tiết thuận hòa, có gió có mưa nên đám mạ ấy tự nhiên ngậm sương kết hạt, để trở thành một đám ruộng phì nhiêu. Mà Phạm Tín An Ninh, anh chỉ cần đưa liềm ra gặt bó, chứ không cần phải đi tìm kiếm đâu xa.

Chính nhờ những chất liệu phù sa đó, mà vun bón cho tác phẩm đầu tay của anh nó được trúng mùa. Từ ngôn ngữ, cho tới câu văn. Cách dựng truyện cũng không cần nhiều hư cấu, mà anh viết nó lại một cách bình thường, rồi sắp xếp thành từ truyện, từ trang. Nhưng mỗi trang sách của Phạm Tín An Ninh, nó bắt con người ta trần trở. Khi đọc đến những đoạn đời khổ nạn mà anh đã trải qua, cũng như bao biến cố đau thương của dân tộc. Từ ông quản giáo Nguyễn Văn Thà trong truyện Ở Cuối Hai Con Đường, cho tới truyện Người Bán Sách Trên Bãi Biển Nha Trang. Đọc giả sẽ bắt gặp nơi đây, tác giả thường mở rộng lòng mình, cũng như mở rộng cốt truyện thật lớn menh mông, để từ đó dòng chảy nhân ái của con người sẽ tuôn tràn vào trong cuộc sống thân yêu bất tận.

Có lẽ đó là những chuyện đời, mà tác giả đã từng chung đụng, tác giả đã từng ra sức mưu mang. Cho nên từ nơi mạch văn, con chữ đã tự nó nói lên một cảm xúc rất tự nhiên, khiến cho đọc giả có cảm giác là chuyện đó đã từng xảy ra đâu đây gần lắm. Cũng chính vì niềm cảm xúc mạnh mẽ đó, mà dường như trong tập truyện đầu tay này đã xóa nhòa ranh giới, giữa hư cấu và chuyện thật ngoài đời. Nên 16 cái truyện ngắn trong tập truyện này, là 16 cảnh đời đang xảy ra trước mắt của chúng ta. Chính vì bao lẽ đó mà có người đã khóc, khi đọc tập truyện này còn trên Internet, hay những bài mà các báo chí trích đăng lại kể từ khi nó còn là những mảnh giấy rời.

Mở đầu chương trình nhà báo Lưu Dân, cho chiếu slide show về cuộc đời niên thiếu của tác giả. Từ khi đi học cho đến lúc vào đời, cho đến khi anh đi vào quân đội. Rồi cuộc chiến đã tàn, Phạm Tín An Ninh cũng như bao nhiêu người sĩ quan quân đội Cộng Hòa Miền Nam thời đó. Anh phải đi học tập cải tạo, từ miền Nam ra tận ngoài miền Bắc xa xôi. Để cho anh tích lũy đầy ắp trong đầu, những điều tai nghe mắt thấy.

Bên cạnh những hình ảnh hào hùng, như cầm lại ngọn cờ trên cổ thành Quảng Trị thân yêu. Là hình ảnh của những người lính thương phế binh tay chùn đã mất, họ lầy lắt cuộc sống qua ngày. Mà thời buổi này, nếu con người có đủ sức khỏe cũng phải gặp khó khăn trong việc mưu sinh. Còn những người thương phế binh này, họ biết làm gì để sống. Thế mà họ vẫn tồn tại như một chứng nhân lịch sử, dù lịch sử rất đau thương, mà họ đã đem thân thể của mình ra hy sinh trong cuộc chiến.

Vậy mà họ đã sống âm thầm như vậy trong những năm qua. Như một cái bóng bên đường, để chờ ngày xuôi tay nhắm mắt. Bao nhiêu hình ảnh đó, đã gây ra một nỗi đau đớn ngậm ngùi. Khiến cho tất cả hội trường, dường như có giọt lệ xót thương. Cho dầu muện màng, nhưng đã nói lên được một điều thầm kín.

Chính sự thôi thúc bất ngờ đó, nó không dự báo trước cho anh để trở thành một nhà văn. Nhưng rồi khi cuốn sách được phát hành, anh được bạn bè thân hữu gọi cho một cái tên thân ái. Nhà văn Phạm Tín An Ninh của đất Nha Trang, quê vợ Ninh Hòa, đã đến Sydney trong vòng tay chào đón của bạn bè. Mà việc làm đó nó cao cả to lớn xiết bao, khi khán giả ngồi nghe Ban Tổ Chức giới thiệu.

Luật sư Nguyễn Văn Thuận, sau khi trình bày ý nghĩa và việc làm của ban tổ chức. Sau đó anh tuyên bố là tất cả số tiền bán sách, trừ lại phần chi phí in ấn phát hành. Còn bao nhiêu thì ban tổ chức, cũng như tác giả sẽ trao tận tay đến những người lính thương phế binh của thời Việt Nam Cộng Hòa, hiện còn đang sống vất vưởng ở quê nhà. Nhưng số tiền đã kiếm được hôm nay, trước hết là anh xin cúi đầu trước tấm lòng nhân hậu của nhà văn Phạm Tín An Ninh. Để cho ban tổ chức một tác phẩm Ở Cuối Hai Con Đường, mới có điều kiện mà giúp đỡ thương phế binh, được cô bác anh chị em ủng hộ thật là đông đảo.

Tiếp theo là nhà văn, cũng là nhà báo Phan Lạc Phúc, ký giả Lô Răng đã từng lừng lẫy một thời. Được giới thiệu là người điểm sách hôm nay, làm cho tất cả hội trường đều im lặng. Ông Phan Lạc Phúc cũng không đề cập đến nội dung cuốn sách gì nhiều, mà ông chỉ có nói chung chung giữa con người cảm viết với nhau. Muốn viết được điều gì tốt, thì trước hết nhà văn phải có cái tâm thật tốt.

Cũng chính vì điều suy nghĩ đó, mà ông xem cái truyện ngắn Ở Cuối Hai Con Đường là một cái truyện tiêu biểu nhất. Để từ đó, tác giả đã chọn nó làm một cái tên cho tập truyện. Còn cuốn sách ông xin để lại cho đọc giả cầm về nhà rồi sẽ đọc sau, bởi vì ông mới vừa nhận cuốn sách này ngày hôm qua, thì ông không thể có nhận xét cách gì cho đúng với vị trí của nó trong tủ sách gia đình, mà cô bác anh chị em ở thành phố Sydney đang tham dự.

Tiếp theo là bác sĩ Đào Quang, một bác sĩ chuyên khoa về xương rất nổi tiếng ở vùng Liverpool. Ông Đào Quang cho biết, đây là lần tiên ông được tham dự một buổi phát hành sách như thế này. Vì khi đi vượt biên với cha mẹ tới đây chỉ mới có mấy tuổi, nên nói tiếng Việt không được rành. Nhưng ông cũng ráng đọc, để biết được nội dung của cuốn sách này, tác giả Phạm Tín An Ninh đã gói gắm những gì trong đó, mà trong mấy ngày qua đã được các cơ quan truyền thông, cũng như báo chí họ đề cập đến rất nhiều.

Chính ông cũng không ngờ, tập truyện ngắn đã lôi cuốn thật là dữ dội. Cũng như nó đã khuấy động tâm tư của ông, khi biết được cha mẹ ông, dân tộc ông đã chịu qua một thời kỳ đen tối. Một thời kỳ lao dịch khổ sai, mà hầu như từ trước tới nay ông chưa bao giờ hình dung ra nổi.

Ngày hôm nay nhờ đọc cuốn truyện này, ông mới hiểu được chính cuộc đời của ông, địa vị của ông ngày hôm nay có được, là nhờ những người lính như Phạm Tín Anh Ninh đã đem thân ra bảo vệ. Để rồi hôm nay những mẩu chuyện này, lưu dấu lại cho mai sau, nên ngày hôm nay đối với ông rất là trân trọng. Có lẽ nhờ nó, mà ông sẽ mở rộng tầm nhìn ra trong thời đại hiện giờ. Ông sẽ sát cánh với thể hệ của ông, để từ đó đi đúng theo con đường mà thế hệ cha ông đã từng đi trước...

Phải nói đây là một gương mặt trẻ, một thành phần trẻ. Đã nói lên được tiếng nói của thế hệ mai sau, biết kể vai gánh vác những gì mà cha ông làm còn dang dở. Vì thế mà sau khi dứt lời, một tràng pháo tay tán thưởng nổi lên, để chuyển lửa về đến tận quê nhà, mà hiện nay ở trong nước người dân còn đang gánh chịu rất nhiều áp bức.

Tiếp theo là phần phát biểu của tác giả Phạm Tín Anh Ninh, anh cho biết ý nguyện của anh, là ghi lại những mẩu chuyện có liên quan tới cuộc sống. Những chuyện để nói lên bao nỗi khổ đau của dân tộc, mà anh đã có một thời kỳ chịu đựng và vượt qua.

Anh viết lại cuốn sách này, không phải để khêu lại lòng thù hận. Mà anh muốn nói lên lòng trắc ẩn của con người, trong quá khứ cũng như hiện tại, đến lúc nào đó cũng phải đối diện với lương tâm. Chỉ có tình người, và lòng nhân ái mới là bền vững. Còn những tội ác, hay những chủ nghĩa cực đoan do một số người lãnh đạo dựng lên. Nó chỉ là một bóng mây đen trong thời kỳ đen tối, rồi đây nó sẽ bị dẹp tan, khi toàn dân cương quyết đứng lên phá bỏ...

Tiếp đến là chương trình văn nghệ thật là phong phú, Ban Phụng Tím đã hát một lượt 3 bản Hòn Vọng Phu. Giọng hát vút lên cao, như đưa hồn người vào thời chinh chiến. Mà ở đó hình bóng chinh nhân, một thanh gươm trên lưng ngựa đang xông pha nơi chốn sa trường. Khiến cho người nghe càng thêm đem lòng hoài cảm. Cũng như trong 16 truyện ngắn của Phạm Tín Anh Ninh, đã được xây dựng trên tình người. Của sự thủy chung, của nền đạo lý bây giờ và cho cả mai sau không hề lay chuyển.

Cuối cùng trong buổi ra mắt sách, ban tổ chức đã trao cho ông Nguyễn Thanh Thủy, đại diện cho Hội Thương Phế Binh Quân Lực VNCH/NSW một số tiền là 10,000 Úc kim.

Phùng Nhân

PHỎNG VẤN ĐỘC GIẢ

SUNDAY, 30. NOVEMBER 2008, 00:47:01



PHỎNG VẤN ĐỘC GIẢ

*Cuộc phỏng vấn do Hoài Đăng, Đài Phát Thanh 2VNR /Úc Châu
thực hiện vào ngày 28.10.08.
về tác phẩm "Ở Cuối Hai Con Đường" của tác giả Phạm Tín An Ninh.*

Ở CUỐI HAI CON ĐƯỜNG

TUESDAY, 18. NOVEMBER 2008, 03:35:45



Những năm “cải tạo” ở miền Bắc, tôi được chuyển đi khá nhiều trại. Từ Lào Cai, xuống Hoàng Liên Sơn, rồi Nghệ Tĩnh. Khi mới đến Hoàng Liên Sơn, tôi được đưa đến trại Hang Dơi, nằm sâu trong núi. Đây là một vùng sơn lâm chướng khí, nên chỉ mới gần hai năm mà tôi đã có hơn 20 người bạn tù nằm lại vĩnh viễn ở dưới sườn đồi.

Sau đó, tôi được chuyển về trại 6/ Nghĩa Lộ. Trại này nằm gần Ban chỉ huy Tổng Trại, và cách trại 5, nơi giam giữ gần 30 tướng lĩnh miền Nam, chỉ một hàng rào và mấy cái ao nuôi cá trắm cỏ. Ban ngày ra ngoài lao động, tôi vẫn gặp một vài ông thầy cũ, kể cho nhau nghe đủ thứ chuyện vui buồn.

Ngày nhập trại, sau khi “biên chế” xong, cán bộ giáo dục trại đưa 50 thằng chúng tôi vào một cái lán lợp bằng nứa, nền đất, ngồi chờ “đồng chí cán bộ quản giáo” đến tiếp nhận.

Vài phút sau, một sĩ quan mang quân hàm thượng úy đi vào lán. Điều trước tiên chúng tôi nhìn thấy là anh ta chỉ còn một cánh tay. Một nửa cánh tay kia chỉ là tay áo bằng kaki Nam Định, buông thõng xuống và phát phơ qua lại theo nhịp đi của anh. Không khí trở nên ngột ngạt. Không nói ra, nhưng có lẽ trong đám tù chúng tôi ai cũng có cùng một suy nghĩ: - Đây mới đích thực là nợ máu đây, biết trả như thế nào cho đủ?

Nhưng bất ngờ, người cán bộ quản giáo đến trước chúng tôi, miệng nở nụ cười. Nhìn khuôn mặt hiền lành, và ánh mắt thật thà, chúng tôi cũng bớt lo âu.

Bằng một giọng đặt sệt Nghệ Tĩnh, anh quản giáo giới thiệu tên mình: Nguyễn Văn Thà, rồi “báo cáo” một số nội quy, yêu cầu của Trại. Anh đưa cho anh đội trưởng một tập vở học trò, phát cho anh em mỗi người một tờ giấy để làm bản “lý lịch trích ngang”.

Tôi đang ngồi hý hoáy viết cái bản kê khai lý lịch ba đời với bao nhiêu thứ “tội” dưới biển trên trời mà tôi đã thuộc lòng từ lâu lắm - bởi đã phải viết đến cả trăm lần, ngay cả những lần bị đánh thức lúc nửa đêm - bỗng nghe tiếng anh quản giáo hỏi:

- Trong này có anh nào thuộc Sư 23?

Tôi im lặng giây lát rồi lên tiếng:

- Thừa cán bộ, có tôi ạ.

- Anh ở trung đoàn mấy.

- Trung Đoàn 44.

- Vậy anh có tham dự trận đánh Trung Nghĩa ở KonTum đầu mùa hè 1972?

- Vâng, có ạ.

Anh quản giáo đưa cánh tay bị mất một nửa, chỉ còn cái tay áo đong đưa, lên:

- Tôi bị mất cánh tay này trong trận đó.

Nhìn qua anh em, thấy tất cả mọi con mắt đều dồn về phía tôi. Để lấy lại bình tĩnh, tôi làm ra vẻ chủ động:

- Lúc ấy cán bộ ở đơn vị nào?

- Tôi ở trung đoàn xe tăng thuộc Sư 320.

Anh quản giáo rảo mắt nhìn quanh, rồi hạ giọng tiếp tục:

- Trận ấy đơn vị tôi thua nặng. Cả một tiểu đoàn tăng của tôi còn có 2 chiếc. Chiếc T54 của tôi bị bắn cháy. Tôi thoát được ra ngoài, nhưng bị các anh bắt làm tù binh.

- Sau đó cán bộ được trao trả? tôi hỏi.

- Tôi bị thương nặng lắm, do chính đạn trong xe tôi phát nổ. Tôi được các anh đưa về quân y viện Pleiku chữa trị. Nhờ vậy mà tôi còn sống và được trao trả tù binh đợt cuối cùng năm 1973, sau khi có hiệp định Ba Lê.

Đạo đó, miền Bắc, đặc biệt trên vùng Hoàng Liên Sơn, trời lạnh lắm. Mỗi lần được đào một cái hầm giữa nhà, đốt những gốc cây được anh em nhặt ngoài rừng, sau giờ lao động, mang về sưởi ấm. Tối nào, anh quản giáo cũng xuống sinh hoạt với anh em. Gọi là sinh hoạt, nhưng thực ra anh chỉ tâm tình những chuyện vui buồn đời lính, thăm hỏi hoàn cảnh của anh em tù, và khuyên anh em nên cố gắng giữ gìn sức khỏe, đừng làm điều gì sai phạm để không phải nghe mấy ông cán bộ nặng lời.

Anh thường nói:

- Tôi rất đau lòng, khi thấy các anh phải nghe những lời thô lỗ. Tôi biết các anh đều là những người có trình độ văn hóa và ai cũng đã từng chỉ huy.

Mùa đông, không trồng trọt được, nên khẩu phần ăn của một người tù chỉ có một miếng bánh mì đen bằng hai ngón tay, hoặc lưng một bát bắp hạt. Phần thiếu ăn, một phần ẩm ướt thiếu vệ sinh, nên nhiều anh em tù bị bệnh kiết lỵ. Thuốc men hoàn toàn không có, nên bệnh kéo dài lâu ngày. Nhiều người đứng không vững.

Một buổi chiều cuối đông, mưa phùn rả rích, sương mù giăng kín cả thung lũng trại tù, cả đám tù chúng tôi ngồi co ro trong lán, cố nhai từng hạt bắp cứng như viên sỏi, nhìn ra cánh đồng phía trước, thấp thoáng một người mang áo toại (loại áo mưa kết bằng lá cây) chạy lúp xúp từ chỗ này đến chỗ khác, cho đến khi trời tối.

Đêm đó, như thường lệ, anh Thà xuống sinh hoạt với anh em bên bếp lửa. Anh bảo nhỏ anh đội trưởng:

- Tôi để một giỏ cá đàng sau lán. Trước giờ ngủ, anh ra mang vào, chia cho mấy anh bị bệnh kiết lỵ đang mất sức để các anh bồi dưỡng. Nhớ giữ kín, đừng để trên biết.

Bây giờ anh em mới hiểu, người mà chiều nay, đặt lờ bắt cá ngoài đồng ruộng chính là quản giáo Thà. Ai cũng cảm động.

Biết là anh em tù bị đói triền miên, nhất là sau mùa đông dài, một buổi sáng đầu mùa xuân, quản giáo Thà đưa cả đội 50 người tù lên một đồi trồng toàn sắn của một hợp tác xã nào đó. Sắn đầu mùa, củ còn nhỏ. Anh chỉ cho anh em cách đào lấy củ mà thân sắn vẫn còn nguyên; đào mấy cái bếp “Hoàng Cầm” để luộc sắn mà không ai phát hiện có khói. Anh dắt hai anh tù xuống đồi xách hai thùng nước mang lên, căn dặn anh em thay phiên nhau luộc sắn ăn cho no. Anh đích thân ở lại đứng gác, nếu có ai vào, anh vờ ra lệnh “chuẩn bị đi về”, anh em tức khắc dấu hết “tang vật” xuống một cái hố đã đào sẵn.

Dường như đó là cái ngày duy nhất mà 50 người tù chúng tôi được no -dù chỉ là no sắn-

Không biết tới hôm ấy, trong giờ “giao ban”, quản giáo Thà đã báo cáo với ban chỉ huy trại là đội tù của chúng tôi đã phát được bao nhiêu hecta rừng?

Mỗi lần ra bãi thấy anh em lao động nặng nhọc, anh Thà bảo nhỏ:

- Anh em làm việc vừa phải, khi nào mệt thì ta nghỉ. Nhớ giữ gìn sức khỏe, vì thời gian cải tạo còn dài lắm.

Vào một dịp Tết, cầm giấy nghỉ phép trong tay, nhưng anh không về nhà, mà ở lại với anh em. Số tiền lương vừa lãnh được, anh mua mấy bánh thuốc Lào, vài ký kẹo lạc, biếu anh em ăn tết. Lần ấy, anh tâm sự thật nhiều với anh em:

- Lần bị thương năm 1972 ở Kontum, tôi nghĩ là tôi đã chết. Vết thương quá nặng, lại phải nằm trong rừng rậm một mình, không có thức ăn, nước uống. Trong lúc tuyệt vọng nhất, tôi bất ngờ được một đơn vị của Sư 23 các anh phát giác. Các anh băng bó vết thương, cho tôi ăn uống, tận tình săn sóc tôi như một người đồng ngũ. Các anh luân phiên khiêng tôi ra khỏi khu rừng rậm, gọi máy bay tản thương đến đưa tôi về bệnh viện. Trời tối, máy bay chưa xuống được, đảo mấy vòng, thì vị trí bị lộ. Các anh bị pháo kích, may mà không có ai bị thương. Các anh lại phải vội vàng di chuyển đi nơi khác. Cả khu rừng chỉ có một khe đá là nơi trú ẩn an toàn, các anh lại dành cho tôi, rồi phân tán mỏng. Tôi được hai anh y tá săn sóc suốt cả đêm. Người chỉ huy hôm ấy là một anh rất trẻ, mang quân hàm trung úy, mấy lần ôn tồn hỏi thăm tôi và khuyên tôi cố gắng để được đưa về quân y viện chữa trị. Anh còn cho tôi nửa bao thuốc lá còn lại của anh, bảo tôi hút thuốc để quên bớt cơn đau của vết thương. Sáng sớm hôm sau, tôi được máy bay tản thương đưa tôi về quân y viện Pleiku. Ở đây, mặc dù tôi phải nằm riêng, nhưng được bác sĩ các anh chăm sóc tận tình. Tất cả đã đối xử với tôi như người đồng đội. Có lần, một phái đoàn đến ủy lạo thương binh các anh, họ cũng đến thăm, cho tôi quà, và an ủi tôi thật chân tình. Vết thương vừa lành, thì tôi được lệnh trao trả tù binh. Khi chia tay, bệnh viện còn cho tôi nhiều thuốc men và một số đồ dùng. Lòng tôi tràn ngập cảm xúc. Tôi nghẹn ngào trước tình con người, tình dân tộc mà các anh đã dành cho tôi. Tình cảm ấy tôi chôn chặt tận đáy lòng, không dám tâm sự cùng ai, vì lòng tôi lúc nào cũng nghĩ đến vợ con tôi, và nhất là người mẹ già gần tuổi 80 đang ngày đêm mong chờ tôi trở về.

Anh cố gắng giữ bình tĩnh, nhưng rõ ràng là giọng nói của anh sắp nghẹn ngào.

- Khi về lại ngoài Bắc, người ta có còn tin cậy anh không? - một anh tù hỏi.

- Ngay sau khi được trao trả, tôi phải vắt hết thuốc men và những thứ các anh cho. Tôi cố dấu mấy viên thuốc trụ sinh phòng nhiễm trùng, nhưng họ khám xét kỹ quá, tôi phải tìm cách vắt đi. Trước khi đưa về Bắc, chúng tôi được học tập hơn một tháng, làm kiểm điểm và lên án sự đối xử tàn ác của các anh. Tôi thấy xấu hổ lắm khi nói điều ngược lại, nhưng rồi ai cũng thế, không thể làm khác hơn. Chính vì vậy mà lòng tôi cứ dằn vặt mãi cho đến hôm nay.

Thời gian vàng son của năm mươi người tù đội 4 trại 6/ Nghĩa Lộ, Hoàng Liên Sơn, kéo dài không quá sáu tháng.

Một buổi sáng sớm, khi sương mù còn vương trên thung lũng trại tù, một người đạp chiếc xe đạp vội vã rời ban chỉ huy trại. Sau xe đeo theo một cái rương bằng gỗ và một túi đeo lưng bộ đội. Một vài anh em nhận ra anh Thà và báo cho anh em. Cả một đội năm mươi người tù vừa mới thức dậy, còn ngái ngủ, chạy ủa ra sân, vẫy tay gọi. Anh Thà không nhìn lại, đưa cánh tay chỉ còn một nửa lên vẫy vẫy, rồi biến dạng trước cổng trại.

* * *

Chiếc thuyền nhỏ mang theo trên 50 người vượt biển, trong đó có tôi và ba người bạn cùng tù ở Nghĩa Lộ ngày trước, ra đến hải phận quốc tế hai ngày thì gặp bão. Chúng tôi may mắn được một chiếc tàu chuyên chở dầu hỏa của vương quốc Naui, trên đường từ Nhật sang Singapore, cứu vớt. Hai ngày đêm trên tàu là cả một thiên đường. Từ vị thuyền trưởng đến anh thủy thủ, chị bác sĩ, y tá, đều hết lòng săn sóc lo lắng cho chúng tôi. Hôm rời tàu để được chuyển đến trại tị nạn Singapore, chúng tôi quá xúc động không ai cầm được nước mắt. Tất cả thủy thủ đoàn đều ra đứng thành hai hàng dài trên boong tàu, ai nấy đều khóc sụt sùi ôm lấy từng người chúng tôi mà chia tay. Rồi những ngày sống trong trại, chúng tôi được thầy cô giáo và ông đại sứ Naui, thường xuyên có mặt lo lắng cho chúng tôi đủ điều. Chúng tôi vừa xúc động vừa đau đớn. Nỗi đau của một người vừa mới bị anh em một nhà hành hạ, đuổi xô đến bước đường cùng, phải bỏ nhà bỏ xứ để thoát thân trong cái chết, bây giờ lại được những kẻ xa lạ không cùng ngôn ngữ, màu da, màu tóc, lại hết lòng đùm bọc yêu thương. Mang cái ân tình đó, chúng tôi chọn Naui là nơi tạm gởi phần đời còn lại của mình.

Bốn anh em, những người cùng tù Nghĩa Lộ năm nào, được sắp xếp ở gần nhau. Mỗi ngày gặp nhau đều nhắc lại những năm tháng khốn khổ trong tù. Đặc biệt khi nhắc tới quản giáo Thà, ai trong chúng tôi cũng ngậm ngùi, nghĩ đến một người không cùng chiến tuyến mà còn có được tấm lòng. Sau lần bị “hạ tầng công tác” ở trại tù Nghĩa Lộ, không biết anh đi về đâu, nhưng chắc chắn là bây giờ cũng vất vả lắm.

Sau hai năm theo học, tôi được nhận vào làm trong ngân hàng bưu điện trung ương. Tại đây, tôi quen với Kenneth Hansen, một bạn đồng nghiệp còn trẻ tuổi, lại ở gần nhà, nên sau này trở nên thân tình. Anh ta là sinh viên đang theo học về kinh tế, chỉ làm việc thêm ngoài giờ học. Làm chung gần một năm, thì anh bạn Naui này lại được nhận vào một công ty lớn và sang làm việc ở chi nhánh bên Ấn Độ.

Bẵng đi vài năm, bất ngờ một hôm anh gọi điện thoại báo là sẽ đến thăm tôi và đem đến cho tôi một bất ngờ. Và đúng là bất ngờ thật, vì cùng đến với anh là một người con gái Việt nam. Anh giới thiệu với vợ chồng tôi, đó là vị hôn thê của anh.

Cô gái tên Đoàn, nói giọng Hà Nội chính tông. Gặp chúng tôi ở một nơi xa lạ, cô vui mừng lắm, nhưng khi nhìn thấy tấm ảnh của tôi treo trên tường, mang quân phục và cấp bậc của quân đội VNCH, cô có vẻ ái ngại. Biết vậy, chúng tôi cũng niềm nở, đưa cọt cho cô được tự nhiên. Cô cho biết cô là bạn thân với nữ ca sĩ Ái Vân từ lúc hai người còn đi học ở Hà Nội. Sau sáu năm du học ở Đông Đức, rồi Liên Xô, cô được sang thực tập tại Ấn Độ. Chính tại đây cô có dịp gặp và quen với chàng trai Naui này. Khi ấy cô đã có chồng và một đứa con trai. Người chồng trước cùng du học ở

Liên Xô, sau này trở thành một cán bộ cao cấp trong ngành dầu khí tại Hà Nội. Sau thời gian thực tập ở Ấn Độ trở về, cô được bạn bè và người thân cho biết là anh chồng đã cặp một cô gái khác chỉ một vài tuần sau ngày cô đi. Cô đem việc này nói phải trái với chồng, lại bị anh ta hành hung và nói những lời thô lỗ. Cô vừa buồn vừa giận, bỏ chồng, xin sang học tiếp chương trình Tiến sĩ tại một đại học ở Đông Đức.

Sau ngày bức tường Bá Linh ô nhục bị nhân dân Đức phá sập, nước CHND Đức (Đông Đức) bỗng chốc không còn nữa. Cô không về nước mà tìm cách trốn sang Tây Đức. Qua một thời gian hết sức khó khăn, cô may mắn liên lạc được với anh Kenneth Hansen, để được bảo lãnh sang Na Uy. Biết cô thuộc gia đình một đảng viên cộng sản cao cấp, bởi cô được du học ở nhiều nước thuộc khối cộng sản trước đây, nhưng tôi không hỏi vì sợ cô ngại. Sau này chính Kenneth Hansen cho biết bố của cô trước kia là đại sứ Việt Nam tại Liên Xô cũ. Sau ngày Liên Xô sụp đổ, kéo theo sự tan vỡ của toàn khối cộng sản Đông Âu, ông xót xa nhìn ra được một điều gì đó. Trở về Việt Nam, ông không còn được nhà nước Cộng sản trọng dụng, trở thành kẻ bất mãn, cả ngày nằm nhà không tiếp xúc một ai.

Sau một thời gian, được cấp quốc tịch Na Uy, cô Đoan trở về Việt Nam thăm gia đình, đặc biệt là người cha già đang ốm nặng. Nhân tiện xin mang đứa con trai sang Na Uy với cô.

Việc cô Đoan trở về Hà Nội, làm tôi nghĩ đến anh quản giáo Nguyễn văn Thà trước. Tôi cùng với mấy người bạn tù cũ, góp một số tiền khoảng 800 đôla, nhờ cô Đoan về Nghệ Tĩnh tìm và trao lại cho anh, như để tỏ chút lòng biết ơn một người bao nhiêu năm sống trong đám bùn lầy nước đọng mà vẫn còn giữ sạch được tấm lòng. Việc tìm anh không phải dễ dàng, vì chúng tôi không biết nhiều về anh. Trong mảnh giấy nhắn tin, chỉ vắn vện vài chữ: “ông Nguyễn văn Thà, gốc Nghệ Tĩnh, khoảng năm 1979 là thượng úy, làm quản giáo trại tù cải tạo số 6/ Nghĩa Lộ, Hoàng Liên Sơn”. Cô Đoan vui vẻ nhận lời và hứa sẽ tìm đủ mọi cách để gặp hoặc liên lạc anh Thà. Cô cũng cho biết là cô có ông chú họ hiện làm việc tại bộ quốc phòng. Cô sẽ nhờ ông ta tìm hộ.

Một tháng sau, cô Đoan trở lại Na Uy, báo cho chúng tôi biết là ông chú của cô không tìm thấy tên Nguyễn văn Thà trong danh sách sĩ quan. Ông đoán là anh ta đã bị phục viên từ lâu lắm rồi. Cô đã đích thân vào Nghệ Tĩnh, hỏi thăm mọi cơ quan, nhưng không ai biết. Cuối cùng cô phải thuê mấy tờ báo địa phương đăng lời nhắn tin, trong đó có ghi số điện thoại của tôi. Cô còn cho biết là nhân tiện có mặt ở Nghệ Tĩnh thì cô nhờ họ thôi, chứ không có nhiều hy vọng gì, vì chỉ một ít người ở thành phố có báo đọc.

Thời gian trôi qua, bận bịu bao nhiêu việc làm ăn, lo cho con cái, để kịp hội nhập vào đời sống trên quê hương mới, chúng tôi không còn ai nhắc đến chuyện anh Thà.

Bỗng một hôm, khi đang say ngủ, nghe tiếng điện thoại reo, tôi giật mình tỉnh giấc. Xem đồng hồ, hơn hai giờ sáng. Mùa đông Bắc Âu, nhiệt độ bên ngoài cửa sổ chỉ - 20 độ C. Tôi ái ngại. Giờ này mà ai gọi điện thoại thì phải có điều gì khẩn cấp lắm. Tôi bật ống nghe. Đầu giây bên kia là giọng một cô gái, nói tiếng Việt rất khó nghe. Cô hỏi hã, nhưng rất lễ phép, xin được gặp tôi. Cô cẩn thận nhắc lại tên tôi hai lần, với đầy đủ họ và tên.

- Xin lỗi, cô là ai và đang ở đâu ạ? Tôi hỏi.

- Dạ, cháu là Hà, Nguyễn Thị Hà, cháu đang ở Ba Lan ạ.

Tôi im lặng. Thoáng lục lọi trong trí nhưng tôi không nhớ là mình đã quen ai tên Hà.

Bên kia đầu giây, cô gái lên tiếng:

- Bác có còn nhớ ông Thà, làm quản giáo ở Nghĩa Lộ không ạ?

- Ông Thà, Nguyễn văn Thà, bác nhớ, nhưng cô là gì của ông Thà, và sao lại ở Ba-Lan?

- Dạ, ông Thà là bố cháu. Cháu ở Ba-Lan với một đứa em trai. Bọn cháu khổ lắm Bác ạ. Tiếng cô gái sụt sùi.

- Cháu cho bác số phôn, bác gọi lại ngay, để cháu khỏi tốn tiền.

Tôi gọi lại, và nghe tâm sự náo nức của cô gái. Cô và em trai, tên Tĩnh, được bố mẹ lo lắng, chạy vạy, bán hết đồ đạc trong nhà, kể cả chiếc xe đạp Trung quốc mà cha cô nâng niu như là một thứ gia bảo, vay mượn thêm, lo cho hai chị em cô sang lao động ở Ba-Lan. Sau khi chính quyền cộng sản Ba-Lan bị cuốn theo làn sóng dân chủ ở Đông Âu, chị em cô cùng hầu hết những người được chính quyền Việt Nam gửi sang lao động, đã không về nước, trốn ở lại. Vì sống bất hợp pháp, nên không tìm được việc làm chính thức. Hầu hết làm chui, buôn bán thuốc lá lậu. Một số trở thành ăn cắp, băng đảng, quay lại cướp bóc hoặc tống tiền chính những người đồng hương, đồng cảnh. Số người Việt này trở thành mối bận tâm không nhỏ cho những chính quyền mới ở các nước Đông Âu.

Hai chị em cô Hà thuê một căn gác nhỏ trong thành phố Warszawa, nhận thuốc lá của một người khác, mang đi bán. Nhưng mỗi lần dành dụm được một ít, chưa kịp gửi về giúp gia đình thì bị cướp sạch. Một hôm, cậu em trai nhận thuốc lá mang đi bán, bị cảnh sát bắt và phát hiện là số thuốc lá kia vừa bị mất cắp tại một cửa hàng Ba-Lan. Vì vậy cậu em trai bị nhốt vào tù, còn cô Hà thì đang bị truy nã. Việc xảy ra một ngày trước khi cô Hà gọi điện thoại cho tôi.

- Bây giờ cháu đang ở đâu? Tôi hỏi.

- Cháu đang trốn ở nhà một người bạn, nhưng cô ta không dám chứa cháu lâu.

Cháu không biết phải làm sao, thì bất ngờ nhớ đến lá thư của ba cháu gửi cho cháu cách nay vài tháng. Ba cháu bảo cháu trong trường hợp rất cần thiết mới gọi cho bác.

- Ba cháu bây giờ làm gì?

- Ông bị ốm nặng. Cách nay hai năm bị tai biến mạch máu não, liệt nửa người, nên chỉ nằm một chỗ. Vì vậy nên chị em cháu trốn ở lại đây để kiếm tiền gửi về cho bố cháu điều trị và sống qua ngày bác ạ.

Tôi ghi số điện thoại, địa chỉ người bạn của Hà, tên nhà tù mà Tĩnh, em trai của Hà đang bị giam giữ, trấn an và hẹn sẽ gặp cô trong một ngày rất gần ở Ba-Lan.

Tôi nhớ tới một người bạn Ba-lan, anh Zbigniew Piwko. Chúng tôi quen khá thân lúc cả hai vừa mới đến Na-uy. Anh ta lớn hơn tôi ba tuổi. Trước kia là một đại tá không quân, chỉ huy một không đoàn chiến đấu thuộc quân đội cộng sản Ba-Lan. Về sau, anh ta ngầm ủng hộ Công Đoàn Đoàn Kết do ông Walesa lãnh đạo. Hành tung bại lộ, trong khi bị truy bắt, anh đã lấy một chiếc trực thăng, chở gia đình, gồm người vợ và hai đứa con, bay sang Tây Đức. Theo sự thỉnh cầu của anh, gia đình anh được chính phủ Na-uy đặc biệt nhận cho tị nạn chính trị.

Anh và tôi học tiếng Na-uy cùng một lớp, và sau đó có một thời gian chúng tôi cùng làm thông dịch cho Sở Cảnh Sát. Nhưng chỉ hơn một năm sau, thì tình hình chính trị ở Ba-Lan thay đổi bất ngờ. Công Đoàn Đoàn Kết của ông Walesa lãnh đạo đã thắng lợi về vang. Ông được bầu làm Tổng Thống đầu tiên của nước Ba-Lan dân chủ.

Anh Piwko, người bạn tị nạn của tôi, được mời về nước để giữ một chức vụ khá lớn

trong ngành cảnh sát. Vào những dịp Giáng sinh, nhớ đến tôi, anh gửi thiệp mừng giáng sinh và năm mới. Anh kể đủ thứ chuyện về xứ sở của anh, về niềm vui và hy vọng của người dân Ba-Lan bây giờ. Sau tấm thiệp không đủ chỗ nên lúc nào anh cũng viết kèm theo vài trang giấy. Anh mời vợ chồng tôi có dịp thu xếp sang chơi với gia đình anh vài hôm và xem đất nước Ba-Lan của anh đang hồi sinh trong dân chủ.

Sáng hôm sau, tôi tìm lại số phân và gọi cho anh. Anh rất vui mừng khi nghe tôi báo tin sang thăm. Vì đi vội, nên tôi chỉ đi một mình. Vợ chồng anh đón tôi ở phi trường, nơi dành cho VIP (thượng khách). Anh chị còn cho biết là rất thú vị khi có dịp được dùng lại ngôn ngữ Naui để nói chuyện với tôi. Tôi thực sự xúc động trước sự tiếp đón nồng hậu mà gia đình anh đã dành cho tôi. Tôi ngại ngùng không dám nói với anh những điều muốn nhờ anh giúp. Nhưng rồi cuối cùng, tôi cũng phải tâm tình cùng anh về chuyện anh quản giáo Thà trong trại tù Nghĩa Lộ năm nào, và hoàn cảnh khốn cùng của hai đứa con hiện đang ở tại đây, ngay trên đất nước Ba-Lan của anh. Nghe tôi kể, anh ngậm ngùi giây lát rồi đứng lên ôm vai tôi, hứa sẽ hết lòng giúp tôi về việc này.

Anh đưa tôi đến gặp hai chị em cháu Hà. Đưa Hà về nhà ở với gia đình anh. Hai hôm sau anh làm thủ tục bảo lãnh Tĩnh, em của Hà từ trại tù về.

Trước khi về lại Naui, tôi đã thức trọn một đêm để tâm tình khuyên lơn hai chị em Hà, biếu cho hai cháu một số tiền để tạm sinh sống và chuyển về Việt nam biếu anh Thà, bố hai cháu. Trên đường đưa tôi ra phi trường, vợ chồng Piwko bảo tôi yên tâm, anh chị xem hai chị em Hà như là cháu trong nhà và sẽ tận tình lo lắng cho hai cháu.

Hơn một tháng sau, Piwko gọi phân báo cho tôi tin mừng: hai chị em Hà đã được Piwko bảo trợ, được cấp giấy tờ chính thức cư trú tại Ba-lan. Hai cháu đang được học ngôn ngữ Ba-lan. Hà, vì lớn tuổi, nên sẽ xin việc làm. Tĩnh, em Hà, sẽ được tiếp tục theo học tại một trường trung học.

Các Anh thân quý,

Khi ngồi viết những dòng này cho các anh, thực tình tôi không còn nhớ mặt các anh, nhưng tôi còn nhớ rất rõ thời gian tôi làm quản giáo ở trại Nghĩa Lộ. Vậy mà không ngờ hôm nay các anh còn nhớ đến tôi. Đọc thư của cháu Hà từ Ba-Lan gửi về, cùng với số tiền của các anh gửi cho, lòng tôi cảm xúc đến nghẹn ngào. Tôi và gia đình xin muôn vàn cảm tạ. Các anh làm tôi nhớ tới một câu nói của Các-Mác: “Chỉ có loài súc vật mới quay lưng trước cảnh khốn khổ của đồng loại để chăm lo cho bộ lông của mình”. Ngày nay, cả thế giới đều lên án Mác, những nước một thời lấy chủ nghĩa Mác làm ánh đuốc soi đường, bây giờ cũng đã từ bỏ Mác, chỉ còn một vài nơi lấy Mác làm bức bình phong để che đậy những mục nát ở phía bên trong, nhưng câu nói trên kia của Mác, với tôi, vẫn mãi mãi là một lời vàng ngọc. Điều tệ hại là những kẻ một thời theo Mác đã luôn luôn làm ngược lại lời nói này của Mác.

Chúng tôi mừng cho các anh đã đưa được gia đình ra khỏi nước. Mặc dù tôi biết một người phải bỏ quê hương mà đi, còn đau đớn nào hơn. Ngay cả con cái chúng tôi, vất vả biết chừng nào, mà tôi cũng đành khuyên các cháu phải ra đi để may ra còn tìm được một chút tương lai, giá trị nào đó của kiếp con người.

Phần tôi, sau khi bị kiểm điểm nặng nề ở trại Nghĩa Lộ, tôi bị điều ra mặt trận phương Bắc, trong thời kỳ giặc bành trướng Trung Quốc tràn qua biên giới. Nhờ thương tật, tôi được bố trí một công tác lật vật ở hậu cần. Mặt trận kết thúc, tôi bị phục viên về nhà, tiền phụ cấp không đủ nuôi chính bản thân. Tôi chỉ còn một cánh tay mà phải phát rẫy trồng rau để phụ giúp gia đình.

Hơn ba năm nay, tôi bị ốm nặng, nằm liệt giường. Nhờ chị em cháu Hà gởi tiền về nuôi tôi và cả gia đình, tôi mới còn sống được đến hôm nay. Biết trốn lại Ba Lan, không có giấy tờ, hai cháu sẽ khó khăn ghê lắm, nhưng vẫn còn hơn là về lại bên này. Có làm suốt ngày cũng chẳng đủ ăn. May mà nhờ các anh hết lòng giúp hai cháu. Cái ơn này biết khi nào chúng tôi mới trả được cho các anh đây. Tôi biết mình không còn sống bao lâu. Cuối đời một con người, tôi nghiệm rõ được một điều: Chỉ có cái tình con người với nhau mới thực sự quý giá và tồn tại mãi với thời gian. Những chế độ này, chủ nghĩa nọ, cuối cùng cũng chỉ là những đám mây đen bay trên đầu. Đôi khi che ta được chút nắng, nhưng nhiều lúc đã trút bao cơn mưa lũ xuống để làm khốn khổ cả nhân gian...”

* * * * *

Không ngờ lá thư đầu tiên này cũng là lá thư cuối cùng chúng tôi nhận được từ anh Thà. Anh đã qua đời sau đó không lâu. Nghe cháu Hà kể lại. Khi hấp hối, anh bảo vợ anh mang mấy cái huy chương, anh được cấp trong thời chiến tranh, đào lỗ chôn xuống phía sau nhà. Anh thăm thì: xin hãy chôn chặt hộ tôi cái quá khứ đau thương và lầm lỡ đó lại. Chính nó đã gây biết bao chia lìa, tang tóc, và sự thù hận giữa những người anh em cùng một mẹ, không biết sẽ kéo dài cho đến bao giờ?

NGƯỜI BÁN SÁCH

TRÊN BÃI BIỂN NHATRANG

TUESDAY, 16. SEPTEMBER 2008, 02:38:35



Tôi trở về thăm quê hương sau hơn mười lăm năm, kể từ ngày vượt biển ra đi. Tôi quyết định điều này qua bao nhiêu đêm ưu tư trằn trọc. Tôi chẳng còn ai thân quen bên ấy để về thăm. Mẹ tôi mất hồi tôi mới lên năm. Cha tôi chết cuối năm 1976 trong trại tù cải tạo Đá Bàn, khi tôi đang ở một trại tù khác tận núi rừng Việt Bắc và mãi năm năm sau tôi mới nhận được tin buồn. Đưa em gái mà tôi thương quý nhất, mang hình ảnh của người mẹ mà tôi chỉ còn mơ hồ trong ký ức, cũng đã kết liễu cuộc đời ở cái tuổi tưởng chừng lúc nào cũng có cả một bầu trời xanh bao la trước mặt. Còn bạn bè tôi, thằng chết, đưa ra đi, gởi thân khắp bốn phương trời. Biết là lần trở về này, rồi cũng chẳng khác gì cái ngày cách đây mười sáu năm, từ một trại tù miền Bắc trở về, tôi bơ vơ lạc lõng trên chính nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Tôi cũng không có ý định về đây để tìm lại những kỷ niệm ngày xưa. Những "hang động tuổi thơ" chắc cũng đã biến mất trước bao nhiêu giông tố năm nào bất ngờ ụp xuống. Bây giờ chỉ còn sót lại chút ít trong lòng những người tha phương lưu lạc. Bản thân tôi có quá nhiều đớn đau và mất mát ngay trên chính cái thành phố một thời xinh đẹp này. Tôi sợ phải nhìn lại cái quá khứ hãi hùng và tang thương đó. Tôi về chỉ để làm một điều, mà nếu không làm được, lòng tôi sẽ ray rứt khôn nguôi. Có lẽ đến khi chết tôi vẫn không làm sao nhắm mắt.

Tôi về để tìm lại phần mộ của cha và em tôi, cải táng đem về bên cạnh phần mộ của mẹ tôi trong nghĩa trang gia tộc ở quê tôi ngoài Vạn Giã. Điều ước mơ của cha tôi, mỗi lần ông kể cho tôi nghe về mẹ tôi và chuyện tình khá lãng mạn nhưng cũng nhiều cay đắng của ông bà. Cha tôi được chôn cất sơ sài trên núi Đá Bàn, bên ngoài một trại tù cải tạo lúc xưa. Còn em gái tôi, được gia đình một cô bạn thân chôn cất tại một nghĩa trang ngoài Đồng Đế. Khó khăn và may mắn lắm tôi mới tìm được tin tức về mộ phần của cha và em tôi sau hơn hai mươi năm. Nhờ một người bạn cùng tù với cha tôi, chính tay ông đã đào huyệt cho cha tôi, và gia đình cô bạn thân của em gái tôi, vượt biên từ năm 1978, hiện định cư tận bên Hòa Lan, cung cấp chi tiết và vẽ cả bản đồ hướng dẫn cho tôi.

Ngồi trên máy bay, tôi lo lắng đủ điều. Mộ em tôi nằm trong một nghĩa trang, dù chưa được xây, nhưng có tấm bia đúc bằng xi-măng nên có lẽ dễ tìm, nhưng phần mộ của cha tôi, nằm trong núi, và cái trại cải tạo ngày xưa bây giờ đã biến thành một khu kinh tế mới. Gần ba mươi năm rồi, có biết bao sự đổi thay. Cuối cùng thì tâm nguyện của tôi cũng hoàn thành được một nửa. Trái ngược với những lo lắng ban đầu, tôi dễ dàng tìm ra phần mộ của cha tôi. Mặc dù bối cảnh chung quanh thay đổi, nhưng bà con ở vùng kinh tế mới này đa số là dân thành phố bị cưỡng bách "tự nguyện" lên đây, một số ngày xưa là lính và công chức. Họ biết đây là mộ của những người tù cải tạo, nên họ thương mà rào lại và giữ gìn. Những dịp cuối năm họ đều thắp hương, tảo mộ và kể lại tên trên những tấm bia bằng gỗ, dù đã rong rêu qua bao nhiêu mùa mưa nắng. Riêng phần mộ của em tôi, mò mẫm suốt cả hai tuần tôi vẫn tìm không ra. Cả khu nghĩa trang bây giờ thay đổi. Người chết nhiều quá. Nhiều ngôi mộ mới xây, nhưng cũng có một số đã được cải táng, dời đi nơi khác. Nhà cửa cất san sát bên nghĩa địa. Người sống bây giờ ở chung với người chết. Tôi bắt chước người xưa khăn vái, xin hồn thiêng em tôi về chỉ cho tôi ngôi mộ của em nằm. Nhưng lời vái của tôi vẫn không thiêng.

Tôi thuê người cải táng phần mộ của cha tôi. Đi từng nhà trong khu kinh tế mới cảm ơn lòng tốt của mọi người. Đưa hài cốt của cha tôi về an táng bên cạnh mẹ tôi, trong nghĩa trang gia tộc, thuê thợ xây lại tất cả những ngôi mộ đã bao nhiêu năm không có ai chăm sóc.

Còn một ngày nữa là hết hạn visa. Tôi muốn đi một vòng, tìm lại chút gì của Nha-Trang xưa. Mùa hè Nha-Trang bây giờ dường như nóng bức hơn ngày xưa. Tôi thuê một chiếc xích lô chạy dọc theo con đường Duy Tân cũ. Vừa để cho mát, vừa muốn tìm lại những lùm cây dương ngày trước, thuở chúng tôi và bạn bè hẹn hò sau những lúc tan trường. Một số lùm dương vẫn còn đó, nhưng trở trọi, điêu tàn. Tôi bảo anh phu xe cho tôi xuống trường Võ Tánh. Anh phu xe còn trẻ, thắng xe lại, ngạc nhiên. Tôi hiểu, nên tôi bảo tôi sẽ chỉ đường, anh cứ theo tôi. Ngôi trường cũ, nơi tôi có biết bao kỷ niệm của ba năm theo học, bây giờ không những cái tên trường, mà tất cả đều trở thành xa lạ. Những hàng cây phía trước không còn. Ngôi trường đứng chờ vợ, chẳng còn sót lại chút gì thơ mộng, gây trong tôi một cảm xúc bẽ bàng hơn là thương tiếc.

Bất giác tôi nhớ đến em tôi. Đưa em gái xinh đẹp dễ thương, đã cho tôi cái ấm áp của cả một gia đình, trong những ngày chúng tôi lớn lên không có mẹ. Em học bên trường Nữ Trung Học, nhưng thường đến đây chờ tôi để hai anh em cùng ra biển. Em tôi thích tắm biển, nhưng ngại đến đó một mình nên thường rủ tôi đi theo hộ tống. Tôi tha hồ làm tình làm tội mấy anh chàng muốn đến làm quen, tán tỉnh em tôi. Tôi đi bộ dọc theo bãi biển, tìm đến khu có nhiều cây dừa trước trường Bá Ninh lúc trước, nơi ngày xưa em tôi thường ngồi ở đó.

Tôi đưa mắt nhìn một vòng từ xa. Nơi bậc xi măng tiếp giáp bãi cát, một người tàn tật đang khó nhọc dùng cánh tay duy nhất còn lại giữ thăng bằng trượt xuống. Trông anh ta giống như một con cóc. Len lỏi trong đám người đi tắm, anh hướng về phía tôi ngồi. Lưng anh mang túi vải chứa đầy sách, và kéo lê trên cát một cái túi vải nữa, cũng toàn là sách. Anh lê lét từng quãng, từng quãng ngắn. Bất ngờ anh ta ngược lên. Thấy tôi gật đầu chào, anh ta nhìn tôi cười rạng rỡ, để lộ hàm răng trắng. Khuôn mặt tuấn tú, râu quai hàm, vàng trán cao với mấy sợi tóc vắt ngang rất nghệ sĩ. Anh dùng bàn tay duy nhất lôi một cuốn sách trong túi vải đang nằm trên mặt cát và từ từ mở ra. Tôi liếc qua. Cuốn sách có cái tựa viết bằng tiếng Anh, nói về chuyện chuyến tàu Titanic. Tôi nhớ đến cuốn phim cùng tên, mới quảng cáo rầm rộ trên truyền hình Nauy mà tôi chưa kịp đi xem. Bỗng tôi tròn mắt ngạc nhiên khi nghe anh mở lời chào và giới thiệu cuốn sách bằng tiếng Anh mà anh phát âm rất lưu loát, không thua kém gì những người Việt đã sinh sống lâu năm ở nước ngoài. Anh lầm tưởng tôi là người Nhật hay Đại Hàn gì đó. Tôi thán phục anh vô cùng và bảo với anh tôi là người Việt, định cư ở Nauy, nên trình độ tiếng Anh của tôi chỉ vừa đủ nói dăm ba câu xã giao, chứ làm gì có thể thưởng thức được văn chương. Tôi cảm ơn anh và móc ví ra định biếu anh một chút tiền, nhưng anh vội đưa tay ngăn lại:

- Cảm ơn anh, nhưng xin anh đừng dành tiền cho những người còn nghèo khổ hơn tôi. - Anh nhỏ nhẹ bằng một giọng thân thiện và lễ độ.

Câu nói và thái độ của anh làm tôi rất đỗi ngạc nhiên. Vì từ khi trình giấy thông hành vào nước, trước những người mang lon, đội mũ đại diện cho cả một quốc gia mà cũng không có được phong thái thanh tao như anh; và chẳng lẽ ở trong cái thành phố "mũi nhọn du lịch" này lại còn nhiều người khốn khổ hơn anh ?

Tôi đành mua một cuốn sách để anh vui lòng nhận tiền, nhưng rồi thấy anh cứ loay hoay moi hết túi nọ đến túi kia, để tìm đủ tiền thối lại cho tôi.

Tôi muốn hỏi thăm anh vài câu, nhưng anh đã nhoèn miệng cười và gật đầu chào tôi rồi vội vàng lê lét sang mấy người khách nước ngoài đang nằm phơi nắng trên hàng ghế phía trước.

Từ hôm ấy, hình ảnh người tàn tật bán sách trên bãi biển Nha-Trang cứ lần quần trong đầu và theo tôi về tới Nauy; để rồi nếu có ai đó lỡ lời nói điều gì không mấy tốt về những người nghèo khổ ở Việt Nam, tôi có cảm tưởng như đang xúc phạm đến anh, người bán sách khả kính mà tôi bất ngờ được gặp.

Năm sau, tôi lấy một tháng hè về lại Việt Nam. Lần này tôi mua vé và nhờ cha cô bạn của em tôi, từ Hòa Lan, cùng về với tôi. Ông là người đã giúp chôn cất em tôi ngày trước. Tôi không ngờ là mình phải về lại Việt Nam lần thứ hai. Một điều mà trước đây tôi không hề nghĩ tới. Nhưng tôi phải làm tròn bổn phận của người anh với cô em gái, mà nếu trước kia tôi lo lắng cho nó chu đáo hơn, biết đâu bây giờ nó còn sống để cho tôi khỏi cảnh cô cút một mình.

Sau một chuyến bay dài, tôi mệt đừ người. Tôi trở về từ vùng Bắc Âu lạnh lẽo, bây giờ lại gặp cái nắng oi nồng của vùng nhiệt đới. Sau khi thuê khách sạn xong, tôi chạy ngay ra biển tắm. Nằm dài trên bãi cát, tôi bỗng nhớ tới người bán sách năm xưa. Tôi thả bộ theo bờ biển về hướng mấy cái lều có bóng dáng nhiều người ngoại quốc đang từ khách sạn kéo ra, bỗng mắt tôi sáng lên khi nhìn thấy người tàn tật đang lê lét theo sau. Cũng hai cái túi vải đựng sách. Đúng là anh tàn tật bán sách năm trước chứ còn ai. Tôi mừng thầm như sắp sửa được gặp lại con người mà bấy lâu nay tôi thường nghĩ tới với lòng mến mộ. Tôi suy nghĩ làm cách nào để anh ta vui lòng nhận sự giúp đỡ của mình. Nhưng người tàn tật lúc nào cũng bám sát vào những người nước ngoài. Tôi để ý thấy người ta cũng không mua sách và chỉ cho anh tiền. Tôi ngạc nhiên khi thấy anh

ta cười, hớn hở nhận tiền rất điệu nghệ, không nghe anh nói cái câu thật tử tế mà một năm trước anh đã lễ phép nói với tôi "Cám ơn anh, nhưng xin anh đừng dành cho những người còn nghèo khổ hơn tôi". Một cái gì đó thật đẹp vừa bị sụp đổ trong lòng. Tôi cảm thấy người nóng hừng hực. Không biết là sức nóng giữa ban trưa hay vì máu nóng bốc lên đầu. Tôi cầm đầu chạy lao vào những đợt sóng cuồng nộ đang từ ngoài khơi đổ vào bờ.

Nước biển trong xanh, sóng biển như những cánh tay ôm tôi vào lòng vuốt ve, dỗ dành. Mặt nước mênh mông, trải rộng đến những dãy núi mờ xanh tận cuối chân trời. Tôi nghe vắng vắng trong không gian như có ai đang dạo đàn bản Nha Trang Ngày Về. Thiên nhiên phần nào giúp tâm hồn con người rộng mở và dễ cảm thông hơn.

Sau một hồi quần với sóng biển, tôi cũng tạm quên người tàn tật bán sách đã làm tôi hụt hẫng. Nhưng khi vừa bước lên bờ cát, thì tôi lại trông thấy anh ta đang o bế mấy người nước ngoài và đưa tay xin cả thức ăn thừa. Tôi nghi ngờ, có thể là người tàn tật này không phải là người tàn tật năm xưa. Tôi đến gần hỏi thăm. Nhưng chưa hỏi hết câu hắn đã "Đ. m. cái khứa đói rồi hòng ra mà còn làm cao ấy hả. Chết mẹ nó rồi.."

Chỉ nghe cái giọng lỗ mãng của hắn, tôi đủ biết chắc hắn ta không phải là anh - người tàn tật bán sách mà năm trước tôi đã gặp -. Tôi theo người bán sách này với ý định hỏi thăm thêm về anh cho ra lẽ, nhưng thấy hắn ta chẳng mấy tha thiết. Hắn di chuyển chậm, nhưng mắt hắn lại quan sát thật nhanh về những đám người đang xuống bãi ở quãng xa. Và khi đi ngang qua chỗ ngồi của người đàn bà bán cua luộc, hắn hất hàm bảo "Đó, vợ khứa đó !"

Tôi liền chụp ngay cơ hội, hy vọng tìm ra manh mối. Nhưng khi tôi lân la lại gần, thấy chị bán cua luộc này có vẻ nghiêm trang khác với những người bán hàng rong bình thường, tôi không biết phải bắt đầu làm sao. Tôi mua hết con cua này tới con cua khác mà chẳng ăn con nào. Và cứ mỗi lần chị định quảy gánh đi chỗ khác, tôi gọi giật lại mua thêm một con nữa để giữ chân chị. Vừa lúc chị nhận ra người khách mua cua này cũng có gì khác thường, tôi buột miệng :

- Chị là vợ của người tàn tật bán sách trên bãi biển này mấy năm trước ?

Chị ngó người ra, im lặng nhìn tôi. Có lẽ thấy tôi là một người xa lạ sao lại tò mò vào một chuyện riêng tư. Tôi kể cho chị nghe cái cảm tình đặc biệt mà tôi đã dành cho anh ấy. Tôi muốn tìm cách giúp anh một phần nào nỗi thống khổ tật nguyên. Tôi tha thiết muốn biết về anh. Dường như những lời chân thật của tôi làm cho chị xúc động. Chị nhìn tôi, đôi mắt thật buồn :

- Em không phải là vợ của anh ấy. Tụi em cùng cảnh khổ nên đùm bọc lấy nhau mà sống. Một số người đùa, gán ghép tụi em rồi quen gọi thế thôi, anh ạ. Anh ấy đã chết cách nay hơn tám tháng. Em đã lo chôn cất anh ấy.

Lòng tôi thất lại, một phần vì cảm thương anh trong cảnh khốn cùng, một phần ân hận là giá năm trước mình tìm cách giúp đỡ anh, biết đâu đã cứu được anh. Tôi có ý muốn nhờ chị đưa tôi ra mộ để thắp cho anh nén hương. Chị ngại ngần nhưng cuối cùng gật đầu hẹn bốn giờ chiều chờ tôi trước khách sạn tôi ở. Tôi thuê chiếc taxi, và xin phép cùng ngồi với chị ở băng ghế sau để dễ dàng trò chuyện. Trên đường ra nghĩa trang, chị say sưa tâm tình cùng tôi, như từ lâu lắm chị không có dịp nói ra những điều bao năm dấu kín ở trong lòng. Chị tên Trang. Cha chị trước kia là một trung sĩ địa phương quân, bị thương năm 1968, trong trận tết Mậu Thân, nên được giải ngũ. Mẹ chị mất từ khi chị còn bé lắm. Cha chị không chịu tục huyền mà ở vậy nuôi đứa con độc nhất của mình. Nhờ số tiền trợ cấp ban đầu, ông mua được một căn nhà tồn trong khu dành cho thương phế binh, nằm phía sau ga xe lửa. Ông xin được cái chân bán vé cho

hãng xe đồ Phi Long ở bến xe Xóm Mới. Lương ba cọc ba đồng cộng với tiền hưu bổng hàng tháng, ông dành dụm cố lo lắng cho cô con gái học hành. Năm 1974, xong lớp 12, chị thi đậu vào trường sư phạm. Sau ngày Nha trang “giải phóng”, chị bị loại ra bởi lý lịch “ngụy quân” của cha. Lúc này, gia đình trở nên bi đát. Cha chị, tất nhiên, không còn được lãnh tiền hưu bổng ngày trước, chị không tìm ra bất cứ việc làm gì. Cuối cùng cha chị đành phải bán một nửa căn nhà vốn đã chật chội, để mua một chiếc xích lô làm phương tiện sinh nhai. Còn chị thì đi bán hàng rong từ dạo ấy.

- Đến bây giờ ông cụ vẫn còn đạp xích lô ? Tôi tò mò hỏi.

- Ông mất lâu rồi anh ạ. Tội nghiệp, ông thương anh Bá lắm, xem anh ấy như con.

Tôi ngạc nhiên :

- Anh Bá nào ?

- Người tàn tật bán sách đó.

Đến bây giờ tôi mới biết tên của anh.

Chị cho biết anh Bá ngày xưa là trung úy phi công. Máy bay của anh bị bắn rơi vào những ngày Sài gòn nguy khốn, khi yểm trợ cho mặt trận Long Khánh của Sư Đoàn Tướng Đảo. Anh được anh em bộ binh tiếp cứu, nhưng bị thương rất nặng, phải đưa về Tổng Y Viện Cộng Hòa. Sau cuộc giải phẫu khá dài, anh tỉnh lại. Nhưng khi biết được mình bị mất hai chân và một cánh tay, anh ngất xỉu và hôn mê suốt cả một tuần. Ngay sau khi Sài gòn vừa “giải phóng”, anh bị đuổi ra khỏi Tổng Y Viện khi vết thương chưa lành. Gần hai tháng sau cha em gặp anh ấy trên bến xe Xóm Mới. Biết được phần nào hoàn cảnh thương tâm, cha em lấy xích lô chở anh về nhà chăm sóc vết thương và anh sống với cha con em từ dạo ấy.

- Anh ấy không có thân nhân. Tôi hỏi

- Anh có một cô em gái ở đây, nhưng mà chết lâu rồi. Ban đầu không nghe anh nói điều này. Mãi sau này thấy trên đầu giường của anh có thờ tấm ảnh của một cô con gái và có nhiều đêm rất khuya anh ngồi bất động trước tấm ảnh, cha em hỏi mấy lần, anh mới bảo đó là cô em gái duy nhất của anh.

- Anh không còn bạn bè ?

- Nghe nói anh đang học một khóa phi hành ở đâu bên Mỹ, rồi nhờ có trình độ anh ngữ khá, anh được lưu lại Mỹ làm sĩ quan liên lạc không quân. Nghe tin miền Nam nguy khốn, anh tình nguyện xin về chiến đấu. Vừa về nước, anh ra chiến trường ngay và bị nạn khi đang bay phi vụ thứ hai. Có lẽ vì vậy mà không nghe anh nhắc tới bạn bè.

Xe dừng lại, tôi bước xuống trả tiền và bảo anh tài xế chờ tôi hoặc có thể quay lại sau ba mươi phút. Tôi bước vào nghĩa trang khi lòng còn vương vấn một câu chuyện buồn. Tiếng chuông nhà thờ từ đâu vọng lại càng làm cho lòng tôi chùng xuống. Đi quanh co một lúc, chị Trang bảo tôi dừng lại và chỉ cho tôi ngôi mộ của anh Bá, nằm bên cạnh ngôi mộ của cô em gái. Cả hai ngôi mộ được xây bằng đá đơn giản, trên tấm bia có cả tấm ảnh. Tôi ngạc nhiên khi thấy trên mộ bia anh Bá có hình một thập tự giá, vì đây là nghĩa trang Phật giáo. Tôi đến trước mộ anh, thấp ba nén hương thầm khấn vái cho anh được sống an bình trong một thế giới chẳng còn thù hận, và nói lên lòng cảm mến của một người đồng đội cũ. Tôi nhìn kỹ tấm ảnh của anh trên mộ bia, tấm ảnh chụp lúc anh còn là sinh viên sĩ quan không quân, phong độ, hào hùng. Trông khuôn mặt quen quen. Có lẽ do bộ quân phục, làm tôi nhớ tới khuôn mặt của những bạn bè ngày trước.

Tôi bước sang mộ cô em gái, thấp ba nén hương cho một người không hề quen biết. Tôi tò mò bước lên xem tấm ảnh trên mộ bia. Bỗng đầu óc tôi choáng váng, mắt tôi mờ đi như chẳng còn trông thấy những gì trước mặt. Trời ơi, có điều gì lắm lần hay không ? Người trong tấm ảnh chính là An Bình, cô em gái yêu dấu của tôi.

Tôi cố gắng lấy lại bình tĩnh, mở đôi mắt thật to để nhìn kỹ lại tấm ảnh. Không thể nhầm lẫn được. Chính tấm ảnh của em tôi mà tôi vẫn treo trên bàn thờ cùng với ảnh của cha và mẹ của tôi. Tôi vẫn thường đứng hàng giờ trước những tấm ảnh này mỗi khi thấy mình quá đỗi cô đơn trên xứ lạ quê người. Làm sao tôi có thể nhầm lẫn được. Bỗng dưng tôi khóc sục sùi.

Trang nhìn tôi ngạc nhiên :

- Anh có quen biết em gái anh Bá ?

Tôi im lặng không trả lời, bảo chị cùng đi với tôi. Chiếc taxi vẫn còn đợi tôi tự nãy giờ. Tôi móc bóp tìm địa chỉ của cha cô bạn thân của em tôi, đã từ Hòa Lan về đây trước tôi hai ngày, và chúng tôi hẹn gặp nhau ngày mai. Bác trọ ở nhà một người em trong khu cầu Xóm Bống. Tôi đưa địa chỉ cho anh tài xế. Chỉ hơn năm phút sau là anh ta đã tìm được. May mắn là bác có ở nhà. Tôi xin lỗi bác là đã đến tìm bác sớm hơn ngày hẹn. Báo cho bác là tôi đã bắt gặp mộ của em tôi. Xin bác cùng đi với tôi ra nghĩa trang để xác định lại vị trí ngôi mộ của em tôi mà ngày trước bác đã có lòng chôn cất hộ.

Trở lại nghĩa trang, tôi đề nghị bác dẫn đường, như muốn để xác minh chắc chắn là bác biết rõ ngôi mộ ấy. Bác mò mẫm gần hai mươi phút, mới tìm được ngôi mộ của em tôi. Bác ngạc nhiên là ngày ấy bác chỉ kịp dựng một tấm bia, chứ không có xây mộ đá như bây giờ, và trên bia cũng chỉ có tên chứ không có hình ảnh của em tôi.

Tự nãy giờ Trang vẫn còn ngạc nhiên, không biết rõ việc gì. Tại sao cô gái này là em gái duy nhất của anh Bá mà cùng là em gái của tôi ? Tôi xin lỗi vì xúc động quá, tôi sẽ kể cho Trang nghe trên đường về nhà.

Tôi đưa cha cô bạn của em tôi về lại nhà trọ, cảm ơn bác và hẹn gặp lại bác vài hôm sau. Trên đường về, tôi kể lại cho Trang nghe về hoàn cảnh của gia đình tôi. Tôi đi lính xa nhà, mỗi năm chỉ về phép một đôi lần. An Bình, đứa em gái duy nhất của tôi ở Nha-Trang với cha tôi. Ông là một thầy giáo, ngày xưa dạy ở trường Pháp-Việt lúc tôi mới lên ba. Sau ngày về hưu ông được bà con mời làm chủ tịch hội đồng xã. Ông bị bắt vào trại cải tạo Đá Bàn sau ngày Nha-Trang “giải phóng”, rồi vì tuổi già sức yếu, không chịu nổi sự tra tấn, ông đã chết gần một năm sau đó. Em gái tôi nối nghiệp cha, sau khi tốt nghiệp ở trường sư phạm Qui Nhơn, vì gia cảnh, được về dạy ở Nha-Trang. Có lần tôi về phép, em kể cho tôi nghe về mối tình của em với một chàng sinh viên sĩ quan không quân. Em có đưa cả tấm ảnh cho tôi xem và hẹn sẽ giới thiệu với tôi khi chàng ta ở Mỹ trở về. Em lo lắng vì anh ta là người Bắc di cư, công giáo, không hiểu có khó khăn gì cho cuộc hôn nhân. Tôi bảo nó yên tâm, ba tôi theo tây học, nên ông quan niệm về tôn giáo rộng rãi lắm.

Sau khi cha tôi vào trại cải tạo, căn nhà của chúng tôi bị chính quyền mới tịch thu để làm hợp tác xã mua bán. Em tôi không được tiếp tục dạy học nữa nên ra Xóm Bống ở chung với cô bạn học nổi khổ tự ngày xưa, chắt chiu số tiền còn dành dụm được để thăm nuôi cha tôi. Ngay sau ngày Sài Gòn mất, em có vào tìm thăm tôi và người yêu của cô. Hơn hai tuần đi thăm hỏi khắp nơi, em tôi về nằm khóc cả mấy ngày liền, nói với tôi là người yêu của nó đã chết mất xác ở chiến trường Long Khánh. Tôi an ủi em tôi, bảo nó về Nha-Trang cố gắng thay

tôi lo lắng cho cha, chờ ngày cha và tôi trở về sum họp. Tôi vào tù hơn sáu tháng, hai lần được phép gởi thư về nhà, vẫn không thấy em gái hồi âm. Cho mãi trước khi được chuyển ra Bắc, tôi mới nhận được thư của cô bạn thân của nó, báo tin là nó không kiếm được việc gì làm, túng quẫn, buồn chán, nên đã uống nguyên một ống thuốc ngủ. Gia đình cô chở vào bệnh viện, nhưng không cứu được, vì bệnh viện không tìm ra thuốc giải.

Chị Trang suy nghĩ miên man và như chợt nhớ ra được điều gì. Chị bảo khi còn sống, anh Bá không đi làm vào ngày chủ nhật. Anh đi lễ nhà thờ rồi đi ra mộ suốt cả ngày. Chính anh đã dành dụm tiền bạc, thuê người xây lại ngôi mộ và mua phần đất dành cho mình. Khi chôn cất anh xong, chị tìm thấy một tập nhật ký dấu kỹ dưới đầu giường. Chị vẫn còn để trên bàn thờ, chờ ngày giáp năm thì đốt luôn. Chị bảo tôi cùng về nhà với chị, để chị trao lại cuốn nhật ký, kỷ vật duy nhất của một người cùng sống chung trong cảnh khốn cùng với cha con chị trong gần ba mươi năm, và bây giờ mới biết đó là người yêu của cô em gái thương quý của tôi.

Chị bảo taxi dừng lại trước một ngõ tắt phía sau ga xe lửa. Tôi trả tiền, theo chị băng qua hai con đường sắt, đi quanh co theo mấy con hẻm thì đến nhà. Tôi xin phép thắp hương trước bàn thờ của ba chị và Bá, trên một cái kệ nhỏ bằng gỗ treo trên vách. Tôi khấn khoản xin chị nhận một số tiền để chăm sóc ngôi mộ của ông cụ, em gái tôi và Bá, một ít làm vốn buôn bán để đỡ vất vả hơn xưa. Tôi xin nhận Trang là cô em kết nghĩa, và từ nay Trang là người thân quen duy nhất của tôi còn lại ở Nha-Trang. Tôi chia tay, đi bộ về khách sạn, cầm theo cuốn nhật ký trên tay, mà cứ tưởng như mình vừa nhận một món quà quý giá của người thân gởi về từ một cõi nào đó thật xa xăm.

Ngày 2/5

Vết thương còn đau đớn và máu còn thấm đỏ qua mấy lớp băng, vậy mà mình bị người ta đuổi ra khỏi Tổng Y Viện Cộng Hòa, trong hoàn cảnh tứ cố vô thân. May mắn nhờ một ân nhân nghèo nhưng lại giàu lòng bác ái, đùm bọc, nuôi nấng và chăm sóc vết thương.

Nhiều lần, trong vực sâu tuyệt vọng, mình không muốn sống thêm một ngày nào nữa, nhưng lòng mình lúc nào cũng hướng về chúa Kitô, và xin phó thác tất cả ở nơi Ngài.

...

Ngày 20.6

Cuối cùng, thì mình quyết định trở về Nha-Trang, bởi lẽ mình không còn có một chỗ nào khác để trở về. Mình về đây để tìm lại những kỷ niệm đẹp đẽ nhất của đời mình, của những ngày mình còn có An Bình. Từ ngày gặp An Bình, mình nghĩ là mình đã thuộc về Nha-Trang, miền thủy dương rạt rào thơ mộng này. Đau đớn thay, hôm nay mình chẳng phải là mình ngày trước, mình chỉ là một kẻ tạt nguyên thể thảm. Mình sẽ không bao giờ gặp lại An Bình, mà chỉ mong về đây để được sống với hình ảnh của nàng.

Ngày 08/7

Ngày hôm nay có lẽ là ngày đau đớn nhất trong đời mình. Đau đớn hơn cả cái ngày mình tỉnh dậy trong quân y viện và biết mình trở thành một người tàn phế. Mình lê lết khắp nơi hỏi thăm tin tức An-Bình, được biết là em đã quyền sinh.. An Bình ơi, xin em hãy tha thứ cho anh. Trong vận cùng của một đất nước mà anh chỉ là một thằng lính hèn mọn nhỏ nhoi, làm sao có thể giữ được bầu trời Nha-Trang này cho em, và cho những kỷ niệm của chúng mình..

Một hồi chuông nhà thờ làm tôi giật mình. Ngẩng đầu lên mới biết mình đang đứng trước nhà thờ đá. Tôi thần thờ bước lên những bậc "tam cấp", đến trước tượng Đức Mẹ. Tôi là người ngoại đạo, không biết phải cầu nguyện như thế nào. Tôi chắp hai tay trước ngực, kính cẩn xin Thiên Chúa Từ Bi và Đức Mẹ Maria cứu vớt linh hồn của hai người hoạn nạn và xin cho họ được cùng phục sinh với Chúa để tình yêu của họ mãi mãi vĩnh hằng trong một thế giới bình an, không còn có hận thù.

Tôi không còn ý định dời ngôi mộ em tôi về bên cạnh cha mẹ. Tôi về quê, quỳ trước mộ cha mẹ tôi để xin phép được xây lại hai ngôi mộ của em tôi và Bà chung trong một vòng thành. Không ai có quyền bắt họ chia lìa thêm một lần nữa, dù bây giờ chỉ còn là một thế giới vô hình.

Cũng như lần trước, ngày cuối cùng, tôi thuê xích lô đi một vòng dọc theo con đường Duy Tân cũ. Con đường đẹp nhất của Nha-Trang. Những cơ sở công quyền, những dinh thự của cán bộ bây giờ được dựng lên nguy nga đồ sộ. Nhìn lá cờ màu đỏ trên mấy nóc nhà, bỗng dưng tôi lạnh toát cả người. Chẳng lẽ những thay đổi "to lớn" ấy mà phải xây trên máu xương, trên những đớn đau, chia lìa thảm khốc của bao nhiêu thế hệ đã từng một thời góp sức tạo nên cái thành phố hiền hòa thơ mộng này. Bỗng chốc, tôi không còn nhìn thấy thành phố Nha-Trang đâu nữa. Trước mắt tôi bây giờ chỉ còn là một bãi tha ma, dài ra, vô tận. Tôi nghe trong gió vắng vắng tiếng đàn dạo bài Nha-Trang, mà ngày xưa đài phát thanh Nha-Trang dùng làm nhạc hiệu mở đầu. Tôi nhớ tới cái chết thảm khốc của nhạc sĩ Minh-Kỳ, tác giả bản nhạc quen thuộc một thời này, ông cũng đã bị giết vào tháng 8/75, khi cùng bị nhốt chung với tôi trong trại tù cải tạo An Dương, Biên Hòa.

phạmtinanninh

(Viết chung với Đoàn Mai Tâm)

CHUYỆN CÁI NÓN LÁ

THURSDAY, 25. SEPTEMBER 2008, 02:47:49



Lần “đáo xứ cổ hương” vừa rồi, tôi có theo bà vợ Ninh-Hòa đến thăm ngôi trường Trần Bình Trọng, để tìm lại chút kỷ niệm xưa, mà bà cho là dễ thương nhất trong đời một người con gái, cho dù đến bây giờ tất cả chỉ là như khói như sương mà sao cứ mãi còn đọng lại ở đâu đó trong hồn nàng. Ngôi trường đã thay tên từ cái thuở thiên hạ đổi đời, sau cái ngày hai miền thống nhất để “miền Nam thì nhận họ, còn miền Bắc thì nhận..hàng”, nên không còn cái cảm giác thân quen, mặc dù bây giờ chúng tôi vẫn đang trở lại bằng những con đường xưa lối cũ.

Chúng tôi đến vào đúng lúc tan trường. Nhìn các em học trò từng nhóm bước ra khỏi cổng mà lòng dạ cứ bồi hồi, nhớ da diết một thời xa xưa cũ. Những em học sinh bây giờ dường như có ít nhiều khác với bọn chúng tôi xưa. Đặc biệt trong đám nữ sinh, có thiếu đi cái điều gì đó. Mãi đến khi về nhà, ngồi bàn bạc lại chuyện xưa- nay, chúng tôi mới khám phá ra cái điều thiếu vắng ấy chính là: Cái Nón Lá.

Không hiểu từ lúc nào, Cái Nón Lá đã biến mất trong những cô học trò, những cô con gái dễ thương ở quê tôi. Cái Nón Lá với những chiếc quai hồng, quai đỏ, quai tím, quai xanh,... đã một thời làm khổ biết bao nhiêu thằng con trai và cũng đã từng làm giàu thêm cho kho tàng văn chương thi phú. Bây giờ làm sao tìm lại được cái cảnh “ngiêng nghiêng vành nón che làn tóc..”, “mùa hè Ninh Hòa nắng mờ con mắt, tôi đứng nhìn em đội nón qua cầu” và tôi không hiểu nếu “Ninh Hòa, những ngày trời trở gió” thì các nàng sẽ lấy cái gì để che...cái áo. Hèn gì ông nhà thơ Lê Hân ở tận bên Canada, đã biết dùng cái cặp tóc để thay cho Cái Nón Lá... trong bài thơ Nữ Sinh thật dễ thương:

Cặp ôm che.. ngực xuân thì
Em đi hoa cỏ thăm thì trông theo
Áo dài tay đỡ vòng eo
Hai bên hông hở thơ trèo vào thăm ...

Tôi dám chắc như đinh đóng cột là chàng trai Ninh Hòa đa tình nào trạc tuổi tôi ngày ấy, cũng đã từng có thời chạy theo hoặc chết lên chết xuống vì những cái quai nón hồng, đỏ, tím, xanh...bước ra từ các cổng trường Trần Bình Trọng, Bán Công, Đức Linh.. hay xa hơn nữa là Võ Tánh, Huyền Trân, Lê Quý Đôn, Tương Lai, Kim Yến.. ở Nha Trang. Nhưng đẹp và dễ thương hơn vẫn là những mối tình học trò trường huyện. Ngày đó, có nhiều chàng (và nàng) thuộc lòng bài thơ..khi không có nón.. của ông Nguyễn Bính. Nhiều cô cậu đã nắn nót chép bài thơ “Bướm Bướm Ngày Xưa” dấu kỹ trong ngăn cặp táp..và cả trong ngăn nào đó của trái tim mới bắt đầu đập..lạc nhịp của mình. Bây giờ, nếu có dịp trở lại Ninh Hòa, đứng trước cổng ngôi trường cũ, chắc chắn từ một nơi thật sâu trong ký ức, bài thơ xưa sẽ “đột xuất” trở về:

Học trò trường huyện ngày xưa ấy
Em tuổi bằng anh, lớp tuổi thơ
Những buổi học về không có nón
Đội đầu chung một lá sen tơ
Lá sen vương phần hương sen ngát
Áp ủ hai ta chút nhụy hờ
Lũ bướm tưởng hoa cài mái tóc
Theo về tận cổng mới tan mớ
Em đi phố huyện tiêu điều lắm
Trường huyện giờ xây kiểu khác rồi
Mà đến hôm nay anh mới nhớ
Tình anh như chuyện bướm xưa thôi ...

Cuộc đời vốn đã là những hố bờ ngăn cách. Vậy mà chiến tranh (và đau đớn thay cả đến lúc có hòa bình nữa) thì cái thế hệ của những “ngày xưa thân ái” đó lại chia lìa tứ tán. Kẻ chân mây người góc bể. Kẻ ở người đi ai cũng .. đoạn trường. Vậy mà trong trời đất bao la lại có những con đường chạy theo kiểu vòng tròn khép kín, để bao nhiêu năm sau, ở một thành phố có cái tên lạ hoắc nào đó trên xứ người, nhiều chàng bất ngờ “đụng đầu” tái ngộ với “cái quai nón” ngày xưa, hoặc đã từng đội chung “lá sen tơ” của một ngày nàng quên mang theo nón lá. Tôi đã từng nghe được khá nhiều tâm sự của các chàng Ninh Hòa, bây giờ tôi đã hoa tâm:

Nửa đời mới gặp lại nhau
Ngước nhìn mái tóc ngả màu thời gian
Cái ngày cùng học trường làng
Chép thơ Nguyễn Bính gửi sang cho mình
Đêm nằm nhớ nụ cười xinh
Lá sen tơ ấy chúng mình cầm tay
Thế mà nay.. đau lòng thay
Cái con bướm trắng đã bay xa rồi
Mỗi người ở một phương trời
Vẫn không quên được cái thời xưa xa
Cho dù nay đã ông bà
Lá sen tơ ấy vẫn là sen tơ
Ước gì trở lại tuổi thơ
Để... cùng đội lá sen tơ với mình ...

Riêng tôi, một thằng lính lang thang dọc đường số 1, vậy mà trời xui đất khiến thể nào cũng đã từng lỡ đại yêu một cái quai nón tím Ninh-Hòa. Ngày ấy mỗi lần lái xe qua trường Trần Bình Trọng mà không tìm ra cái quai nón tím là tôi buồn đến.. tím gan tím ruột. Mà cũng lạ, trường Trần Bình Trọng ngày ấy có biết bao quai nón đủ màu, đủ sắc, cứ sao tôi lại phải lòng cái quai màu tím. Hay tại tôi là lính chiến, nên cứ tưởng cái quai nón màu tím là.. “rừng tím hoa sim, tím những chiều hoang biền biệt”. May quá, có một nhà thơ gốc Khánh Hòa viết giùm tôi cái “thiên tình sử” đó:

O con gái tóc dài - quai nón tím
Chiều ni về - O có nhớ ai không
Guốc khua chi - cho đây nhói cả lòng
Áo trắng quá - khiến hồn đây khờ khạo
O cười duyên - khoe dăm ba hạt gạo
Cho đây vay một hạt - để no lòng
Sợ nửa khuya về bên ngọn đèn chong
O dấm lấm những tờ thư đây viết
Cứ nguyệt háy đi - cứ lờm cứ liếc...
Miễn O đừng biền biệt tháng năm xanh
Miễn sáng - trưa - chiều O cứ quần quanh
Sau cửa lớp - ngập ngừng như bụi phấn
Ngày hai buổi tan trường ngang mấy bận
Đứng bên đường đây cứ mãi ngó mong
Quai nón tím ơi - khói thuốc thả vòng
Không dám gọi - dù chỉ lời thăm hỏi
O cứ đi qua - chẳng chờ - chẳng đợi
Chẳng đoái hoài đến một gã khờ si
Những ngã đường cũng năm bảy lối đi
Sao lòng đây chỉ O quai nón tím...!
(Phan Thị Ngôn Ngữ)

Nhưng mà tội nghiệp cho cô nàng có quai nón tím, bởi “đời một người con gái - ước mơ rất nhiều song trời cho không được mấy - đến khi đi lấy chồng chỉ còn một mối tình mang theo“, mà khốn khổ thay thằng chồng ấy lại chính là tôi. Bởi vì sau đó nàng đành phải bỏ cái quai nón tím để khốn khổ mà làm vợ..lính. Và từ ngày thằng lính ấy chui vô cái “trại cải tạo khoan hồng” của người anh em, thì cho dù nàng có mở mắt hay nhắm mắt gì thì cũng chỉ thấy có một... chân trời tím ngắt. Câu ca dao quen thuộc ở cái xứ thơ Ninh Hòa “Trời mưa thì mặc trời mưa, tôi không có..nón trời chừa tôi ra” đã không còn linh ứng với riêng nàng. Trong những người vợ lính ở cái xứ Ninh-Hòa hiền khô, trời đã không chừa nàng ra, nên phải làm thân con cò lặn lội bờ sông.. với đủ thứ trăm cay nghìn đắng. Nhưng cuối cùng “người hại người, chứ ông Trời lại thương người vô tội”, nên bây giờ những cái quai nón.. ấy lại trở thành những “khúc ruột ngàn dặm của quê hương” nơi có “chùm khế ngọt, mà em... không được quyền trèo hái bao giờ” !!

Tưởng đâu chạy sang xứ người ta làm Việt kiều yêu...tự do, là thoát được bao điều hệ lụy bởi ông chồng gốc lính. Nào ngờ cái ông chồng ấy bây giờ cũng vẫn vô tích sự. Mấy lần nhớ con gái ở xa, nàng định khăn gói một mình sang thăm, nhưng thấy tội nghiệp ông chồng, nên đành phải trả vé máy bay. Nàng đã oán trách lắm Kách Mệnh. Nàng bảo là hơn tám năm cải tạo mà ông chồng vẫn không chịu tiến bộ. Kách Mệnh dạy: “Có sức người thì sỏi đá cũng thành cơm”, còn khổ thay ông chồng tôi thì “gạo đổ vô nồi (điện) rồi mà vẫn không chín nồi thành cơm”.

Nhưng có một Chiếc Nón Lá khác, quai không màu không sắc, lại làm tôi xúc động mỗi lần nhớ tới.

Năm 1976, tôi bị chuyển từ Nam ra Bắc, mà lại tới một nơi xa tít mịt nùng: Lào Cai. Ba năm sau, ông anh bá quyền Trung quốc quên lời hẹn ước “môi hở răng lạnh”, dở trò muốn dạy người đồng chí Việt Nam anh hùng một bài học, bèn xua quân tràn qua biên giới, đăm tù tội tôi bèn làm một cuộc “hành quân” thần tốc xuống Yên Bái, rồi sau đó chạy một mạch vào tận Nghệ Tĩnh. Trại tù nằm sát biên giới Lào. Vào mùa hè gió Lào thổi sang nóng đến cháy gan cháy ruột.

Một hôm bọn tù tôi được đi lao động để tìm “vinh quang”, nhưng trời nóng quá, nên cứ đi vài chục mét thì tất cả tự động chui vào mấy bụi cây ven đường. Đám tù có nhiệm vụ san mặt bằng trên một cái đồi trọc để chính quyền đưa dân dưới thấp lên, vừa “ổn định” đời sống vừa làm một cứ điểm chống quân “bành trướng Bắc Kinh”. Trời nóng hơn lửa đốt, mà cái đồi thì không còn một bóng cây, nên đám tù bọn tôi chỉ còn có “đầu đội trời, chân đạp đất” như ông Từ Hải của nàng Kiều.

May mắn là tôi vừa qua một cơn kiệt lý, nên được phân công nấu nước cho anh em. Phải xuống dưới chân đồi mới có nước. “Đồng chí” quản giáo “đe” trước là phía dưới có khu nông trường mà đa số là đàn bà con gái. Chớ có bèn mẫn tới để “quan hệ” với nhân dân chân chính là bị cùm trong hầm núi. Tôi vốn nhát gan nên rất sợ mấy cái hầm tối trong hốc núi. Một lần có nhiệm vụ mang xác người bạn tù bị chết trong hầm núi ra, tôi mới biết cái địa ngục có thật này. Là một cái hang được moi ra từ chân núi đá, vừa đủ chỗ cho một thân người nằm. Khi kéo xác anh bạn tù ra, bọn tôi lạnh toát cả người. Không phải vì sợ thầy ma, (vì chính những thằng tù còn sống cũng có khác cái thầy ma là bao), nhưng vì bọn tôi nhìn thấy mấy con rắn, không biết có tội tình gì với Kách Mệnh mà đã tự giác chui vào để cùng “học tập cải tạo” với mấy anh tù khốn khổ nhất trên hành tinh này!

Trong lúc nấu nước, vừa cái nóng của trời, cái nóng trong gió Lào thổi tới, cộng với cái nóng của lửa bốc lên, tôi bị choáng váng vì say nóng, bèn chui đại vào một lùm cây “cút chồn” nằm. Chợp mắt vài phút, nghe có tiếng sột soạt, tôi giật mình tỉnh giấc. Ngồi dậy định chui ra thì bất ngờ thấy phía trước mặt có cái Nón Lá. Tôi dụi mắt tưởng nằm mơ, chứ tôi đâu có cây đèn thần để đọc ra ba điều ước bao giờ. Lúc này mà có cái Nón Lá, còn hơn cả mấy vị “cứu tinh của dân tộc”, nhưng nghĩ đến mấy con rắn trong cái hầm núi là tôi đành “bỏ của chạy lấy người”. Nhìn Chiếc Nón Lá nằm trong gang tấc mà với tôi sao xa thật ngàn trùng. Vừa bước đi, tôi nghe từ một bụi cây trước mặt, tiếng thở thè như chim:

- “Anh gì ơi ! Anh gì ơi ! Tôi cho anh chiếc nón, trong đó có mấy củ khoai luộc, anh cứ khẩn trương cầm lấy. Tôi đã cảnh giác kỹ rồi, chẳng có ai phát hiện đâu!

Bỗng dưng tôi trở thành một thằng tù vừa được no lại vừa lảng mạn: Thằng tù có nón !

Sau này khi được chuyển vào Nam rồi ra trại, tôi bàn giao Chiếc Nón ân tình này cùng cả câu chuyện cô gái nông trường cho người bạn tù trẻ hơn tôi bốn tuổi mà hai thằng đã từng kết nghĩa anh em. Sau ngày vượt biên, tôi tìm cách liên lạc với gia đình anh. Tôi nghiệp người bạn trẻ dễ thương đã chết sau gần một năm tôi chuyển trại.

Ở miền Bắc, người ta xem thường con gái nông trường nên ví von “con gái nông trường như chiếc giường bệnh viện”. Sau này, mỗi lần nghe ai nhắc tới câu nói đó, tôi cảm thấy như chính mình bị xúc phạm. Tôi chỉ nghe tiếng nói, nhưng chưa thấy mặt người con gái ấy bao giờ. Nhưng Chiếc Nón Lá với cái quai chỉ bằng một sợi giây, có cái màu ướm đẫm mồ hôi, tôi không bao giờ quên. Cầu

mong cho người con gái nông trường Thanh Chương ngày đó, giờ đây được sống yên lành, không phải bán mình sang Đài Loan, Hàn Quốc để nuôi cả một gia đình khốn khó.

Hôm rời Việt Nam, khi bước vào phi trường Tân Sơn Nhất, bất ngờ tôi nhìn thấy một lô Nón Lá. Nhưng mà tôi còn buồn hơn là “những ngày không tìm thấy.. nón”. Vì những chiếc Nón Lá này đang lác lác trên đầu những bà đầm già đen, trắng. Có lẽ các công ty du lịch Việt Nam, “những mũi nhọn xung kích của thiên niên kỷ mới”, giới thiệu Cái Nón Lá với khách bốn phương như là một giá trị văn hoá quê nhà, nhưng họ có biết là cái giá trị đó đang ngày mai một ngay trên chính quê hương của Nón ??

Tôi nhớ tới cái cảnh mấy ông nghị viên, dân biểu bên Mỹ, bên Tây trong những mùa tranh cử ở những vùng có nhiều cử tri gốc Việt, thường mặc áo dài, có khi đội cả khăn đóng.. để vận động kiếm phiếu. Không biết bà con thì sao, có vui vì thấy thiên hạ “yêu” văn hóa ta hay không, chứ riêng một thằng có thói xấu bảo thủ như tôi thì không thấy đẹp chút nào mà còn hơi ngượng.. vì có cảm giác chiếc áo dài, khăn đóng của mình bị người ta.. lợi dụng.

Về tới Nauy, tôi đem câu chuyện Cái Nón Lá bây giờ tự dưng biến mất ở các cổng trường.. bên quê nhà, kể cho mấy ông bạn già như là “món quà của một kẻ đi xa về”, thì lại nghe thêm được một chuyện buồn cũng về cái Nón:

Có một ông già Việt kiều gốc nhà quê yêu nước, được con cháu bảo lãnh sang đoàn tụ. Sống trên cái xứ Bắc Âu nhỏ bé nhưng vốn có đời sống cao hàng nhất nhì trên trái đất, ông già được nuôi nấng kỹ quá, bơ sữa thừa mứa, mỗi năm lại được cấp tiền đi du lịch vòng vòng, nên đâm ra.. rửng mỡ nhờ thần dược Viagra. Ông về Việt Nam liên tục, hết nói cất nhà từ đường, rồi xây mộ gia tộc. Hết chuyện tư ông lại mở tấm lòng bác ái.. làm chuyện công: xây đình xây miếu chưa xong lại sửa sang trường học,, giúp viện mồ côi.. Kỳ thực thì ông đem tiền về xây nhà giữ trẻ, mà chỉ nuôi có mỗi một em. Đó chính là.. cô bồ nhí, tuổi đáng cháu nội của ông. Khốn thay cho những tên Việt kiều già mất nết. Cái tin này đến tai bà vợ già.. vốn mê đọc truyện Kiều nên có máu Hoạn Thư.. Bà huy động một đám con dâu, con gái đã từng có nhiều huy chương trong những cuộc chiến “đánh.. ghen cứu nước”, cùng về Việt Nam với bà chiến đấu. Ông già sợ quá, bèn đi tìm thầy bùa gốc Chàm còn sót lại từ lúc công chúa Huyền Trân về làm hoàng hậu cho vua Chế Mân của xứ Chiêm Thành. Theo lời dạy của ông thầy bùa, ông già Việt kiều đi tìm mua Cái Nón Lá có bài thơ tình.. xứ Huế, để ông thầy yểm bùa “khờ ” vào Cái Nón.

Không ngờ bà vợ lại có tài “tình báo” còn hơn cả đám CIA của Mỹ chống khủng bố al Qaeda, nên nhất cử nhất động gì của ông chồng già.. dịch bà đều “nắm bắt” kịp thời !

Bà kéo đám quân thiện chiến về đúng vào mùa hè đỏ lửa. Ông chồng biết bà vợ rất sợ ông Trịnh Công Sơn xúi người ta “Gọi Nắng...”, bèn mang Cái Nón Lá vào tận phi trường đón nữ tướng quân. Khi bà vợ vừa bước ra khỏi phi trường, ông chạy tới xum xoe, đưa Cái Nón lên âu yếm che đầu bà. Bà vung tay giật ngay Cái Nón vắt xuống đất đập tan tành. “Thừa thắng xông lên” bà cắt mái tóc mới nhuộm của ông già, rồi định cắt thêm...một cái gì nữa đó. Cả phi trường náo loạn, công an bảo vệ phải xông vào cứu ông già thoát nạn, trước sự hò reo của tất cả mọi người vừa chứng kiến một tấn tuồng hay..

Tôi nghĩ, nếu lỡ xui, hôm ấy có tôi, chắc tôi không thể nào mở miệng ra cười được, mà có khi tôi còn khóc. Không chỉ khóc vì trong đám Việt kiều, có những gã già mất nết, mà khóc vì đau lòng và tội nghiệp cho.. cái Nón Lá. Vì nó có tội tình gì ?

Trong lúc ở quê nhà, cùng “tiến nhanh tiến mạnh” lên một nền “kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa”, các em nữ sinh, các cô con gái dần dần bỏ rơi Cái Nón Lá, thì một ông già vừa mới xa quê mấy năm, vốn coi trọng truyền thống cha ông, lại sớm bán linh hồn cho quỷ, và dùng Cái Nón Lá vào một việc “cực kỳ” kém văn hóa. Thử hỏi một thằng gốc nhà quê như tôi làm sao mà không buồn cho được.

Viết tới đây tự dưng tôi liên tưởng tới một điều, mà cứ mỗi lần nghĩ tới là lòng thấy nhói đau. Nói theo kiểu mấy ông nhà văn thì “đường như đang có những nhát chém hư vô” nào đó ở trong lòng.

Cũng kể từ lúc những nữ sinh, những cô con gái Việt Nam dần dần bỏ rơi cái Nón Lá, thì cũng là lúc số phận của những người phụ nữ một thời “anh hùng bất khuất trung hậu đảm đang” vốn là con cháu của các “chị ba dũng sĩ quê ở Trà Vinh, chị hai năm tấn quê ở Thái Bình” đi đến chỗ cùng tận của nỗi...thê lương.

Trong lịch sử dân tộc ta, dường như chưa có thời kỳ nào mà số phận của nhiều người con gái, phụ nữ Việt Nam lại bị thương rẻ rúng như bây giờ.

Hơn một trăm ngàn (xin nhắc lại: một trăm ngàn) các cô gái, mà trong đó có hơn 60% các em ở tuổi vị thành niên đã phải sang Campuchia và Thái Lan làm gái điếm. Hơn sáu chục ngàn cô gái bị lừa (và bị bán) sang Đài Loan, Hàn Quốc, nói là để làm vợ, nhưng thực ra chỉ làm nô lệ và nô lệ tình dục cho bọn lưu manh. Một số đông bị hiếp tập thể hay hiếp luân phiên bởi những gã đàn ông bệnh hoạn trong một đại gia đình, vốn cũng chẳng khảm khá gì. Rồi sau khi tả tơi, bị bán rẻ lại cho những ổ mại dâm mạt hạng. Oái ăm và đau đớn thay, bọn đàn ông khốn kiếp này lại là đám con cháu của “bọn phản động Tưởng Giới Thạch và bọn Pác Chung Hy từng sang Việt Nam đánh thuê cho “đế quốc Mỹ” năm nào ! Hàng vạn cô gái vị thành niên sang hành nghề gái điếm bên Nga. Cái nôi của một chế độ mà đã có thời được đàn em cúc cung tung hô “vạn tuế”, nơi mà đã có một nhà thơ lớn viết một bài thơ để đời: “thương cha thì thương một mà thương ông (Stalin) thì thương đến mười”, để cho một ông nhà thơ đàn em hòa theo ca ngợi “đồng hồ Liên Xô đẹp hơn đồng hồ Thụy Sĩ”, “trăng nước Nga tròn hơn trăng nước Mỹ” ! Bây giờ thì cái thành quả “Kách Mệnh tháng 10” đó đang bày bán khắp các chợ trời ở biên giới các nước bắc Âu: từ huy chương, phù hiệu, cờ xí.. cho đến những cô con gái, mà cha mẹ ông bà vốn một thời là đồng chí của Stalin !)

Chưa bao giờ người con gái Việt nam lại đem bày hàng rao bán ở bên Singapore, Hàn Quốc, như là những cọng rau héo úa của buổi chợ chiều. Từng nhóm những cô gái quê, trần truồng như nhộng, sắp hàng đi tới đi lui, quay trước quay sau, để cho những gã Tàu già, nghiện hút, tàn tật tha hồ chọn lựa. Trong nước, thì từ thành phố, đến thôn quê, từ vùng xuôi đến “vùng sâu vùng xa”, nơi nào cũng đầy đầy gái điếm ! Điếm bây giờ có đủ hạng bậc, chẳng khác gì một đội quân gái với đầy đủ các cấp quân hàm: từ ca sĩ, diễn viên điện ảnh, người mẫu, hoa khôi, á hậu, đến những cô sinh viên, đang còn theo học hoặc vừa mới ra trường. Bi thảm và thương tâm nhất là các em gái học trò nghèo, tuổi mới mười ba, mười bốn cũng phải bán dâm. Mà khốn nạn thay những kẻ mua dâm lại là những ông thầy và đám quan lại quyền thế của triều đình.

Từ vụ ông tiến sĩ TCP/TCTDTT Lương quốc Dũng hiếp dâm một bé gái 13, đến ông TGD/PMU18 Bùi tiến Dũng, cứ mỗi lần cùng bọn tham quan đánh bạc là có các cô xinh đẹp trần truồng ngồi sẵn một bên để các ngài xả xui ngay tại chỗ. Rồi đến ngài thứ trưởng Nguyễn Việt Tiến rửa ghế với mấy cô người mẫu trần truồng ngồi trong những chậu sứ, rượu ngoại được thay nhau đổ từ trên đầu xuống khắp châu thân, chảy qua đủ ngõ ngách của các nàng kiều nữ, để đám nịnh thần tụng chúc mừng quan lớn ! Mới nghe, tôi cứ mơ hồ như chuyện chỉ có trong phim tàu của cái thời có nhiều bạo chúa.

Mới đây, hơn mười em học trò nghèo, tuổi mới 14, 15 ở cái huyện Hòa An hẻo lánh trên tận Cao Bằng heo hút gió mưa bị ép bán dâm cho một ông thầy đang làm quan trong Sở Giáo Dục và Đào Tạo tỉnh. Rồi một ngài Trung tá Phó Trưởng Công An Thị Xã Cao Bằng cưỡng bức mua dâm một em gái mồ côi tại Trung Tâm Bảo Trợ Xã Hội Tỉnh Cao Bằng chưa đến tuổi 15.

Hèn gì một cô nghệ sĩ ưu tú Hát Chèo, bộ môn văn hóa cổ truyền đang được cổ vũ hồi sinh, lại bỏ chèo để làm “má mì” chuyên cung cấp những cô gái loại “hàng xịn”. Một cô sinh viên của một trường đại học danh giá ngay giữa lòng thủ đô, “Hà Nội.. niềm tin yêu và hy vọng của núi sông hôm nay và mai sau”, lại trở thành tú bà, chuyên cung cấp nữ sinh viên cho các ngài đại gia mà phần lớn là đám hôn quan lớn bé của triều đình thời mở cửa. Trong khi ấy thì các quan lớn dùng tiền nhà nước đánh bạc, cá độ cả tiền tỷ, cả đến gần ba triệu đô la! Đã vậy các quý tử, công nương dốt nát của quý ngài còn được đi du học “ăn chơi” đó đây bằng tiền của E-Việt Nam Giao Chỉ !

(Tôi cũng xin nói rõ: tất cả những tin tức này đã được đăng tải công khai trên các báo Công An, Thanh Niên, Tuổi Trẻ của nhà nước, chứ không phải từ những tên phản động, hoặc những phần tử “diễn biến hòa bình” nào đâu nhé).

Trong một bài thơ khá dài và thật cảm động gởi cho một em bé nghèo phải sang bán mình cho các nhà chứa ở Bangkok, nhà thơ Trần Trung Đạo (một người trẻ có trọn tấm lòng với quê hương, đất nước, hiện tị nạn tại Hoa Kỳ) có một đoạn:

Lịch sử Việt Nam

Vinh nhục thăng trầm bao nhiêu bận
Nhưng chưa bao giờ đen tối như hôm nay
Ông cha ta có khi phải xuống biển tìm ngọc trai
Lên non tìm ngà voi trầm hương châu báu
Có những lúc cả dòng sông thấm máu
Có nhiều khi xương trắng gởi rừng sâu
Nhưng chưa một lần trong bốn ngàn năm
Có những cô gái Việt nam
Phải sang xứ người bán thân nuôi miệng
Tủi nhục này không bao giờ rửa
Nỗi đau này không phải của riêng em
Mà của mọi người còn một chút lương tâm
Và còn biết như thế nào là quốc nhục ...

Trách nhiệm này xin hỏi thuộc về ai ? Câu trả lời thuộc quyền “sở hữu trí tuệ” của các bạn. Tuy nhiên nếu có bạn nào bảo trách nhiệm này thuộc về Nhà Nước là tôi cực lực phản đối.

Bởi cái thẳng vốn “duy tâm biện chứng” tôi xin lý luận một cách rất “lô gíc” theo kiểu tam đoạn luận như sau:

Đây nhất định không phải là trách nhiệm của nhà nước (hay là chính quyền), mà đích thực là của nhân dân. Vì trong xã hội xhcn, nhà nước chỉ quản lý, chính quyền chỉ là “công bộc”, còn nhân dân mới làm chủ (chắc các bạn ai cũng cũng thấy ở Việt Nam ta, trừ duy nhất cái Kho Bạc Nhà Nước, còn tất tần tật cái gì cũng của nhân dân: Chính quyền Nhân Dân, Quân Đội Nhân Dân, Công An Nhân Dân, Tòa Án Nhân Dân,...) mà đã là làm chủ (nhất là làm chủ tập thể) là đích thị trách nhiệm phải thuộc về nhân dân rồi. Tôi xin đề nghị là: đưa nhân dân ra Tòa án Nhân Dân xét xử. Và nếu tôi vinh dự được làm bồi thẩm Nhân Dân (lại.. nhân dân), tôi xin các đồng chí nhân dân nhất trí:

- chiếu theo điều 1/HV của bộ luật dân sự thời vua Hùng dựng nước
- thi hành lời di chúc của cha Lạc Long Quân và mẹ Âu Cơ
- xét rằng, Chiếc Nón Lá là biểu tượng cho phụ nữ Việt Nam, anh hùng bất khuất trung hậu đảm đang
- xét rằng Chiếc Nón Lá là chứng tích của bao cuộc tình học trò dưới cành hoa phượng đỏ
- xét rằng Chiếc Nón Lá đã góp phần làm giàu cho thi ca và làm đẹp cho quê hương có bốn ngàn năm văn hiến
- xét rằng Chiếc Nón Lá đang có thành tích trong kế hoạch kinh tế vĩ mô: góp sức to lớn cho ngành Du Lịch nước nhà.
- Xét rằng chính các cô gái Việt nam đã phản bội, dần dần bỏ rơi Chiếc Nón Lá, nên đã đưa người con gái nước ta vào bao cảnh lầm than, khổ khổ, đoạn trường như hiện nay.
- Đề nghị hình thức kỷ luật:
- Em nữ sinh nào bỏ Nón Lá, khi vào phòng thi sẽ không được mua trước đề thi như ở Hà Tây và Cai Lậy (Tiền Giang), nơi có đến 536 bài thi giống nhau như đúc!
- Người đẹp nào bỏ Nón Lá sẽ không được mua chỗ vào học tiếp viên hàng không Giao Chỉ với giá rẻ 20.000 đô la Mỹ.
- Bà nào bỏ Nón Lá, sẽ không được làm bồi nhí cho các ông quan trong Pờ Mu 18.

Dù sao, tôi cũng xin cảm ơn Cái Nón Lá, đã cho thế hệ chúng tôi thật nhiều kỷ niệm, để mỗi lần hồi tưởng về một quá khứ xa xăm, lại thấy trong lòng lâng lâng nỗi nhớ. Không chỉ nhớ những Cái Nón Lá có quai hồng, quai tím... hay mấy mỗi tình học trò vụng dại, mà nhớ một thời mà cả...đất trời và ai nấy cũng dễ thương. Thôi thì, xin mượn đỡ mấy câu thơ của ông Khoa Hữu mà thay cho lời tạ từ cùng Cái Nón Lá ngàn đời yêu dấu:

Trăm năm hạt cát vô cùng
Trăm năm ta vẫn một lòng nhớ em ...

*Bắc Áu tháng 3/ 2005, một ngày không có mặt trời.
phạmtínanninh*

NỖI BUỒN MÙA THU

SATURDAY, 4. OCTOBER 2008, 23:27:29



Có lẽ những chiếc lá mùa thu đã nhuộm vàng phần lớn thi ca nhân loại. Và dường như nếu không có mùa thu thì những cuộc tình sẽ không còn lãng mạn, thế gian này sẽ không có mặt của thi nhân. Ông Văn Cao đã khởi đầu sự nghiệp của mình bằng “Buồn Tàn Thu” để rồi cuộc đời của người nghệ sĩ tài hoa này cũng tàn theo Giai Phẩm Mùa Thu (trong Nhân Văn Giai Phẩm). Ông mất đi trong cảnh khốn cùng để lại cho đời một kho tàng âm nhạc quý giá, cùng sự thương tiếc ngậm ngùi và bao điều suy ngẫm. “Cây đại thụ” Phạm Duy phồng theo một bài thơ Tây, phổ bản “Mùa Thu Chết”, để rồi tên tuổi cũng đã chết theo mùa thu ở cái “thị trấn giữa đàng” bên tận xứ Cali, bởi cái tính kênh kiệu và nói năng đôi điều phản trắc, chỉ để lại cho những người từng hâm mộ ông sự chua xót, bể bàng. Ở Việt nam ta, nếu “con nai vàng ngơ ngác đạp trên lá vàng khô” đã làm nên Lưu Trọng Lư, thì bên Tây “Les Feuilles Mortes” đã khắc sâu tên tuổi Jacques Prévert trong lòng những người mê thơ, yêu nhạc.

Riêng cái thằng vừa nhà quê vừa ít chữ như tôi dĩ nhiên không thể nào làm nổi một câu thơ và cũng chẳng mò ra được một nốt nhạc, vậy mà tâm hồn lại rất dễ bị đắm chìm trong những lời thơ tiếng nhạc - đặc biệt có Mùa Thu trong đó. Nhưng trong tất cả những tác phẩm có bóng dáng Mùa Thu trên thế gian này, cái bài làm tôi xúc động nhất, thuộc lòng từ thời tằm bé, không phải là thơ, là nhạc, của ta hay tây, mà lại là một bài văn xuôi rất ...học trò của ông Thanh Tịnh.

“Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường. Tôi quên thế nào được.....

Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp.....”

Không biết ngày ấy ông Thanh Tịnh ở tận nơi đâu, mà sao cái cảnh ngày đầu tiên ông đi học giống tôi như đúc. Tôi cũng được mẹ nắm tay dẫn đi trên con đường làng Phú Hội, cũng vào một buổi sáng có (một chút) sương thu và gió lạnh.

Một năm sau mẹ tôi qua đời, bỏ lại tôi một mình đi trên con đường dài và hẹp đó với bóng dáng yêu dấu của bà. Rồi cũng một năm sau nữa, cha tôi đang dạy học ở trường Pháp Việt thì được Việt Minh đưa ra Liên Khu Năm làm “công tác xóa nạn mù chữ”. Tôi trở thành thằng bé mồ côi, phải về ở với ông bà nội. Mỗi ngày tôi vẫn đi trên con đường làng ấy, nhưng bây giờ tôi đến trường cùng một đám anh em bà con trạc tuổi. Sau này, trong đám học trò dưới mái trường làng ngày ấy có vài thằng lên núi đi làm.. khách mệnh, có đứa sớm thành liệt sĩ; nhiều đứa làm quan làm lính Cộng Hòa, cũng có lắm thằng được Tổ Quốc Ghi Ơn; đám còn lại là nông dân năm tháng soi mặt với ruộng đồng, nhưng cũng có thằng trở thành giáo sư, bác sĩ, lấy vợ rồi đóng đô luôn ở chốn thị thành, lâu lâu dắt dúi nhau về thăm làng cũ.

Vậy mà cái tình đồng môn của thời thơ ấu đó lại keo sơn gắn bó đến không ngờ. Mấy ông nông dân có con cháu đi lính, được mấy ông bạn nhà binh nhận về đơn vị chở che, xuống thành phố đi học có mấy ông bạn thầy giáo hướng dẫn lo trường lo lớp, nơi ăn chốn ở; đau bệnh thì có mấy thằng bác sĩ chăm sóc thuốc men, xin vào nhà thương miễn phí. Mấy thằng làm quan lâu lâu về quê chở cả đám nông dân ra thành phố tập tễnh ăn chơi cho biết cái sự đời. Quân với dân còn hơn cả cá với nước.

Rồi dùng một cái, tháng 4/75, bão tố bất ngờ ập xuống, kéo theo cơn lốc đổi đời, cũng có niềm vui tương phùng nhưng cũng có nhiều bi thảm: Mấy ông bạn trên núi hồ hởi về nắm chính quyền, mấy ông nông dân vốn bao năm an nhàn với đồng áng bây giờ lại được mấy ông bạn chính quyền ưu ái khuyên nên làm gương mang hết ruộng đất sung vào hợp tác xã, giúp những thằng bạn cũ sớm trở thành vô sản, hầu cùng nhau “tiến nhanh tiến mạnh tiến vững chắc” lên thế giới đại đồng. Mấy ông lính, ông thầy, ông bác sĩ tự dưng trở thành “những con nai vàng ngơ ngác”, cuốn gói về quê nương náu để đợi chờ số phận, lại được mấy ông bạn nông dân ngày trước cho gạo cho tiền, chí ít cũng đãi đằng được một châu thịt gà rượu đế, tiễn đồng môn cũ đi vào “trường cái tạo”. Một ít vào trường sơ cấp, trung cấp trong nam, số còn lại được ưu ái ra trường cao cấp tận vùng núi rừng Việt Bắc.

Sau sáu, tám, rồi mười năm, thằng nào còn sống mang tấm thân tàn tạ ra tù, kẻ thì vượt biển, người thì đi diện HO, lưu lạc tha phương, bỏ lại sau lưng con đường quê, ngôi trường làng cũ với biết bao kỷ niệm êm đềm. Đắt khách gặp nhau, chỉ còn biết vỗ vai an ủi:

*Qua cơn mìn mìn binh đao
đưa còn đưa mất ba đào tang thương
Lạc loài trên chính quê hương
thôi thì gió cuốn mười phương cũng đành.*

Định cư xong, lo góp tiền gom bạc gửi về cứu đói mấy ông bạn nông dân, bây giờ đã bạc cả mái đầu mà còn trắng cả đôi tay. Còn mấy ông sớm chọn cho mình lý tưởng, bỏ trường lên núi hồi còn son trẻ, bây giờ một số phục viên về nằm nghỉ mát, mỗi ngày uống trà ngắm mấy cái “bằng khen”, mấy cái huy chương “dũng sĩ” treo tòn ten trên vách mà suy ngẫm cuộc đời, vui buồn lẫn lộn.

Rồi cũng vào một mùa thu, từ đất khách tôi về lại quê hương. “Mùa thu năm ấy tôi ra đi, mùa thu này nữa tôi.. trở về”. Khoảng cách giữa hai mùa thu.. vậy mà cũng đã hai mươi năm. Tôi về để tìm lại ngôi mộ của cha tôi được mấy người bạn tù chôn cất sơ sài trên núi bên ngoài trại cải tạo Đá Bàn. Ông đã chết sau hai năm bị giam trong trại tù này, cũng vào một ngày cuối thu ảm đạm. Tôi nhờ người cải táng, đưa ông về nằm bên cạnh mẹ tôi và ông bà nội trong nghĩa trang gia tộc.

Tôi đi một vòng thăm lại làng xưa. Đám bạn bè cũ bây giờ chẳng còn mấy đứa, thằng chết, kẻ ra đi, gởi thân khắp bốn phương trời. Hôm nay, tôi lại đi trên con đường làng cũ, vẫn con đường dài và hẹp mà ngày xưa mẹ tôi âu yếm dắt tay tôi tới lớp. Hôm nay cũng có nhiều sương thu và gió lạnh, tôi đi một mình trơ trọi, chỉ còn đầu đầy bóng dáng, tiếng nói tiếng cười của đám bạn ngày trước:

*Tôi về đứng trước ngôi trường cũ
nhìn xuống làng xưa chạnh nỗi niềm
nhấp nhô những mái nhà rêu phủ
thương hải tang điền mấy biến thiên
Tôi về xuôi một dòng sông chảy
con nước vô tình lặng lẽ trôi
hiểu nghĩa cuộc đời đành không thể
hai lần tắm ở một dòng trôi
... Tôi về - có phải sông về biển
sao nghe từng con sóng nào nề
như thể bây giờ là cổ tích
tôi về - chỉ gặp lại mình . . .tôi*

Nghe nói nhờ tiền tài trợ của Ngân Hàng Thế Giới, nên ngôi trường vừa được xây cất lại khang trang. Có lẽ học sinh cũng vừa mới tựu trường, nên còn xí khẩu hiệu còn đồ cả sân trường. Cái trường mang tên làng Phú Hội ngày xưa bây giờ đã được đổi tên thành “Trường PTCS Lê văn Tám”. Nhìn các em bé sắp hàng vào lớp mà lòng tôi cứ băng khuâng. Không phải vì vừa mới tìm lại được bóng dáng của mình ngày trước, mà vì thấy thương và tội nghiệp cho các cháu học trò.

Không biết mỗi ngày phải học thuộc lòng những bài thơ ngợi ca những lãnh tụ, anh hùng, những bài thơ kiểu “Khóc ông Lê Nin” của nhà thơ lớn Tố Hữu, có bao nhiêu em đã “từ ấy trong tôi bừng nắng hạ, mặt trời chân lý chói qua tim” (thơ T.H), và liệu các em có còn nhớ được cái bài văn xuôi “hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc..” hồn nhiên và dễ thương của ông Thanh Tịnh mà thế hệ cha ông ai cũng nằm lòng? Các em có xót xa khi biết trường của các em mang tên “anh hùng Lê văn Tám” mà các em được dạy như là một tấm gương, lại là một người không hề có

thật (mà chỉ là nhân vật trong phim truyện của đạo diễn Phan Vũ (Xem báo Thế Giới (Hà Nội) số 39 (154) ngày 27/9/04, trang 22-23, website Talawas ngày 11.10. 04 tác giả Quang Hùng, đài BBC chương trình ngày 15.10.04) Rồi mới đây bà hiệu trưởng Trần Thanh Vân đầy quyền uy (dưới những ô dù) kéo theo một nhóm thầy cô vây cánh của trường chuyên Lê Quý Đôn nào đó ở “thành phố mang tên Bác” thần nhiên lấy tiền đô la, làm hồ sơ ma nhận cả một đám học trò dốt nát, con cháu của những đại gia và các ngài quan lớn (trong đó có con trai của đồng chí chánh thanh tra sở giáo dục thành phố) vào ngôi trường chuyên một thời có tiếng.

Tôi nghiệp, chẳng lẽ mới lớn lên, các em đã phải học những điều gian dối, và tương lai các em sẽ ra sao với một nền giáo dục và văn hóa “phong bì”?

Cũng may mà các em còn bé và ở tận một vùng quê, nên không biết nhiều về đạo đức của các nhà “mô phạm”, những “nhất tự vi sư bán tự vi sư” một thời được dân chúng trải chiếu hoa mời ngồi dưới mái đình làng.

Ngoài Hà Nội, có lẽ vì thành phố thủ đô trừ tình với mùa thu và hương hoa sữa, nên ông thầy già trường khoa Đỗ Tư Đông “khả kính” ở trường Cao đẳng Truyền Thanh Truyền Hình nhà nước “lấy điểm gạ tình” một số nữ sinh viên . Thầy chỉ cho điểm cao khi nào trò hoàn thành nhiệm vụ “trả bài” cho thầy trong khách sạn! Dưới cái tỉnh Bình Phước mới toanh, nên thầy Lê Hoàng Sang, hiệu trưởng trường Lê văn Tám (lại Lê Văn Tám!) cũng vừa làm một điều vô cùng tân tiến: bắt các cô giáo chưa chồng phải uống rượu cùng các quan lớn địa phương, bắt kể trưa chiều hay trước giờ lên lớp. Nếu lỡ gọi các quan già bằng “chú” mà không phải bằng “anh” thì bị thầy hiệu trưởng nạt nộ đòi kỷ luật.

Mới đây trên đài BBC, ông Tạ Phong Tần, cán bộ sở thương Mại Du Lịch Bạc Liêu, sau một khóa được đào tạo tại chức, đã công khai tuyên bố: “Không ít tiến sĩ, thạc sĩ là những người biết diễn đạt những điều đơn giản trở thành khó hiểu hoặc không ai hiểu nổi” (nguyên văn).

Cầu mong cho các em học trò nhỏ ở quê tôi không nghe được mấy cái tin “vui” này đăng đầy trên các tờ báo trong nước, để còn thấy mùa thu trên quê nghèo vẫn còn một chút thơ mộng dễ thương.

Trước khi rời khỏi quê hương, tôi ghé lên thành phố thăm thẳng bạn học cũ, trước kia là một giáo sư toán-lý-hóa nổi tiếng của một trường trung học lớn. Bây giờ ngồi bán thuốc lá ở vỉa hè. Con cái nó cũng đã nghỉ học từ lâu để lặn vào cuộc sống, nên mấy cái bằng cử nhân toán nó chỉ còn dùng để.. gói thuốc lá. Bỗng dưng tôi nhớ tới bài thơ của một ông nhà thơ nào trong nước mà lòng thấy ngậm ngùi:

“Thầy có nhớ con không...?”

*Tôi giật mình nhận ra người đàn ông áo quần nhếch nhác
người đàn ông gầy gò ngồi sau tủ thuốc ven đường.*

“Thầy còn nhớ con không...?”

*Câu lặp lại rụt rè rơi vào im lặng
hoa phượng tháng Năm rơi đầy vỉa hè
rụng xuống trên vai người thầy học cũ
“không... xin lỗi.. ông lầm...”*

*Tôi chưa từng dạy học
Xin thối lại ông tiền thuốc... cảm ơn!”*

*Cuộc sống cho ta nhiều quên, nhớ, vui, buồn
Thầy học cũ mười năm không làm được
Thầy học cũ ngồi kia giấu mình sau tủ thuốc
giấu mình sau hoa phượng rụng buồn tênh.
Còn biết nói gì hơn, đứa học trò tôn sư
người Thầy cũ lại chối từ kỷ niệm,
chối từ những bài giảng dạy con người đứng thẳng,
biết yêu anh em - đất nước - xóm giềng.
Đứa học trò vào đời với trăm nghìn giông bão,
Bài học ngày xưa vẫn nhớ mãi không quên.
Bên hè phố im lìm,
vành nón sụp che mắt nhìn mỗi một.
Câu phủ nhận phải vì câu áo rách
trước đứa học trò quần áo bảnh bao?
Tôi ngẩn ngơ đi giữa phố xá ồn ào,
những đứa trẻ con tan trường đuổi nhau trên phố.
Mười năm nữa đứa nào trong số đó,
sẽ gặp thầy mình như tôi gặp hôm nay?*

Ngày rời khỏi quê hương, ngồi trên máy bay nhìn xuống, mùa thu Sài gòn không có lá vàng rơi, cũng không có con nai vàng nào ngơ ngác, mà sao tôi thấy như vàng cả không gian, ảm đạm cả đất trời. Tôi bỗng ngộ ra một điều ngộ nghĩnh: Đâu phải chỉ có mấy ông nhà thơ, mấy ông nhạc sĩ mới nhuộm buồn được mùa Thu, mà trên quê hương tôi, có những con người dù chẳng có một chút xiu tâm hồn nào, có khi không có cả quả tim, mà cũng có thể làm cho mùa thu quê tôi .. buồn chết được.

*Bắc Âu, mùa Thu 2006
phạmtinanninh*

TIỂU THƠ

MONDAY, 13. OCTOBER 2008, 02:25:14



Rằm!

Tôi và hai thằng bạn vừa rà thắng xe đạp trước rạp Tân Tân để vào xem phim “Ba Chàng Ngự Lâm Pháo Thủ” thì bị một chiếc Vélo Solex húc từ đằng sau tới. Cả ba thằng ngã xuống đất. Riêng tôi còn bị cái xe của thằng bạn đè lên bụng đau muốn nín thở. Mới lo ngại bỏ dậy, chưa kịp phủi bụi trên áo quần thì nghe tiếng quát tháo:

- Ê! bộ ba “chàng ngự lâm pháo thủ” mù cả hà. Dừng ngựa mà chẳng coi chừng phía đằng sau! Đáng đời!

Vừa ngượng vừa tức giận bởi tự dưng bị húc té nhào giữa thanh thiên bạch nhật và trước bao nhiêu người đẹp, chưa kịp nắm cổ áo cho một trận, thì bị thủ phạm tiếp tục tấn công phủ đầu. Đúng là cà chớn. Nhưng nhìn lên thì.. à.. cả ba thằng khựng lại: đối phương là một cô gái, tuổi ô mai, tóc còn thắt bím, ngồi trên Vélo, vòng tay trước ngực, trề môi, rồi trợn đôi mắt to như hai cái đèn “ô tô”:

- Số còn hên đó. Cái vélo không bị hư gì. Tiểu thơ tha cho đó. Lăn sau liệu hồn! Nói xong cô bé nguyền một cái rồi rồ ga chạy mất tiêu.

Dù chưa bao giờ bị thầy Bửu Căn phán cho cái tội “con nhà không có lư hương”, bọn tôi cũng phải chửi thề một tiếng cho hả giận. Thằng Cường, đưa hiên lành ít nói nhất trong bọn tôi, xắn tay áo, xỏ nhe trước:

- Đ.m. con gái nhà ai trông đẹp thế mà đánh đá như bà chằn. Phải mà con trai thì biết tay tao.

Đúng là cô bé khá xinh, nhất là đôi mắt thật to và đôi môi mộng đỏ, dù có trề lên ngạo nghễ, cũng vẫn đáng yêu ghê lắm. Tôi nghĩ vẫn vợ như thế khi theo người soát vé dẫn tới chỗ ngồi. Trong rạp tối mò. Ba thằng chúng tôi vào trễ. Trên màn ảnh đang chiếu phim thời sự: Tổng thống Ngô Đình Diệm đang kinh lý Ban Mê Thuột (nhưng không thấy cảnh ông bị ám sát hụt).

Suốt buổi hôm ấy, mắt nhìn lên màn ảnh, mà tâm trí tôi thì chỉ thấy có đôi mắt cô bé, trừ khi nào có tiếng súng nổ của ba chàng ngự lâm, tôi mới giật mình trở lại với truyện phim đôi ba phút.

Cha tôi nói đúng, hồi mới ba tuổi, tôi đã khóc đến cả tháng trời khi mẹ tôi mất, ông bảo rồi sau này tôi sẽ là một thằng đa sầu đa cảm. Và hôm nay, dường như tôi bắt đầu biết tương tự đây.

Nha Trang cũng chẳng lớn hơn cái thành phố núi Pleiku là bao nhiêu, để ông nhà thơ nào đó “đi dăm phút trở về chốn cũ”, vậy mà cả mấy tháng rồi, tôi chưa gặp lại cô bé, mặc dù thời ấy Nha Trang đã có khá nhiều vélo solex, đủ làm tôi nhìn theo muốn ngoẹo cổ. Tôi nghĩ, chắc là cô bé từ đâu đến chơi. Trông nước da trắng hồng, có thể là từ Đà Lạt xuống thăm ai đó rồi lại biến mất như một nàng tiên trong cỏ tích.

Quê tôi ở ngoài Vạn Giã. Vào Nha Trang học, ở nhà ông chú, trước ở gần rạp ciné Moderne của ông Bác Ái, sau này dọn lên gần Ty Thông Tin. Chú tôi, ngoài làm chủ tiệm bán mọi vật dụng về điện, còn thầu các công trình điện. Ông bà chỉ có một cô con gái rượu, cứng như trứng mỏng, nên mọi thứ ngược xuôi giao dịch ông cần tới tôi. Để tôi lên tinh thần, bỏ bớt cái tật ham chơi và lười biếng có lẽ từ khi còn trong bụng mẹ, ông thường bảo: "cháu còn nhỏ mà coi bộ có khả năng thương mại. Cố gắng theo chú học hỏi, sau này dám qua mặt tao nữa đó". (Cái này thì ông nói trật lất. Vì sau này tôi trở thành lính đánh giặc, nên cả đời có buồn bán được cái gì đâu).

Cả năm cứ mong tới mùa hè là tôi dọt về quê thăm cha tôi và chơi với mấy thằng bạn nổi khố, rủ nhau ra con sông quê, ngày bơi lội, tối cắm câu, ngủ ngoài trời mà đua nhau đếm thử có bao nhiêu vì sao, tìm đâu là dải Ngân Hà có cái Cầu Ô Thước của Ngưu Lang Chức Nữ. Coi bộ vui và lãng mạn hơn ở trong cái thành phố Nha Trang này nhiều. Vậy mà mùa hè này tôi bị ông chú tôi giữ lại, sau khi thuyết phục được ông già tôi, bảo là để cho tôi tập làm quen với thương trường(!). Tôi nghe mà phát sợ, cứ như là sắp sửa bị ông đẩy tôi ra giữa chốn sa trường!

Bài học đầu tay là tôi xách cặp theo ông, đi dự một cuộc họp với mấy ông thầu khoán khác, trong một công trình “hợp tác mỗi bên cùng có lợi”. Nơi họp là một ngôi biệt thự khá đẹp nằm trên con đường Duy Tân có gió reo sóng vỗ.. Tôi rụt rè theo sau ông chú, bước vào phòng khách. Nhiều người đã có mặt. Ông nào trông cũng bệ vệ, đặc biệt có một ông mặc quân phục, oai phong cao lớn, mà coi bộ mọi người ai cũng nể trọng. Nghe nói chuyện một hồi tôi mới biết đó là ông đại tá Đỗ Cao Trí, chỉ huy quân trường Đồng Đế. Lúc ấy tôi còn nhỏ, đâu có biết gì nhiều về lính tráng, nhưng tôi có nghe nhiều người kể chuyện tình ông đại tá này với một bà dược sĩ nào đó có tiệm thuốc tây trên đường Độc Lập. Bà này mới vừa ly thân ông chồng dược sĩ, có ông bồ là đại úy phi công trẻ tuổi đẹp trai thường đeo bà trên chiếc vespa chạy vòng vòng ngoài bờ biển, mặc dù bà có chiếc xe hơi thể thao trục mui duy nhất ở thành phố này. Tội nghiệp ông phi công, vừa mới bị ông đại tá này nói nhỏ bạn bè làm lớn bên Không Quân cho bay ra tận ngoài vùng 1 xa tít mịt mù. (Sau này ông phi công hào hoa lấy một cô ca sĩ có giọng hát buồn... vào hôn không tên nào đó). Nghe mấy ông bàn bạc, tôi mới biết buổi họp này là để bàn việc xây cất và chỉnh trang lại toàn bộ doanh trại của quân trường Đồng Đế, mà chú tôi và mấy ông bạn thầu khoán vừa mới trúng thầu.

Tôi ngồi sau lưng ông chú, ghi ghi chép chép cứ như là... phóng viên tập sự. Nửa buổi thì ngưng họp ăn cơm. Một bữa ăn thịnh soạn từ nhà hàng mang tới. Vì thuộc hàng con nít, nên tôi được ưu tiên ra sân sau ngồi chung với mấy anh tài xế và con cháu ông chủ nhà. Vừa bước ra, chưa kịp tìm chỗ ngồi, thì tôi giật mình, sững sờ đến mấy phút. Cô bé, cô tiểu thơ.. vélo solex, tông bọn tôi trước rạp Tân Tân gần ba tháng trước, đang ngồi chễm chệ tự lúc nào trong cái ghế bành duy nhất bên bàn ăn.

Lấy lại bình tĩnh, tôi đến kéo chiếc ghế bên cạnh cô bé:

- Chào tiểu thơ, chàng ngự lâm pháo thủ bị xe tông.. ngã ngựa có được phép ngồi đây không ạ?

Cô bé nhìn tôi tròn xoe đôi mắt. Đôi mắt mà tôi đã tìm kiếm hơn ba tháng nay, cứ tưởng đã biến mất khỏi Nha Trang, bỗng dưng bây giờ đang mở lớn hết cỡ trước mắt tôi. Tôi ngồi yên như bị thôi miên.

Dường như vừa mới nhớ ra tôi, cô bé nhoẻn miệng cười:

- À, hữu duyên thiên lý năng tương ngộ! Vous cứ tự nhiên.

Tôi ngạc nhiên, cô bé coi bộ tây này còn xỏ cả tiếng nôm tiếng hán. Tôi nhủ lòng: Không phải vừa đầu nghe. Vậy mà cái cuộc trùng phùng khá bất ngờ này lại đưa đẩy tôi đến một nấc thang danh vọng: làm gia sư cho cô bé. Nói gia sư cho oai phong, chứ hồi đó chỉ có mỗi chữ “dạy kèm” thôi chứ sư với siếc gì.

Số là sau này, khi thực hiện công trình, tôi thường theo chú tôi đến đây, cũng có nhiều lúc tôi đến một mình để trao giấy tờ và tham khảo ý kiến của ông chủ thầu, papa của nàng. Dần dà tôi quen thân với cả nhà. Gia đình trước sống ở Đà Lạt, làm chủ mấy cái hotel. Bà vợ bị chết bởi một tai nạn giao thông ngay trên đèo Ngoan Mục, ông già buồn quá không muốn mỗi ngày nhìn thấy bóng dáng bà vợ trong thành phố sương mù, nên dọn xuống Nha Trang, trở lại nghề thầu khoán gia truyền từ mấy đời trước. Ông bà chỉ có mỗi một cô con gái, nhưng trong nhà ông nuôi nhiều cháu và gia nhân. Gặp tôi nhiều lần, và qua chú tôi, ông già cô bé nghe nói tôi cũng gốc nhà quê, hiền lành chăm chỉ, nên nhờ tôi, cứ ba tối mỗi tuần ghé lại nhà kèm cô con gái cưng của ông về môn toán và Việt văn. Cô bé vừa từ trường Domaine de Marie ở Đà Lạt chuyển xuống lớp đệ ngũ trường Nữ trung Học Nha Trang, đọc thơ Chinh Phụ Ngâm và Cung Oán Ngâm Khúc mà không hiểu bà Đoàn thị Điểm và ông Ôn Như Hầu nói cái gì trong đó..

Môn toán thì tôi không biết vẽ rồng vẽ rắn, chứ cái môn Việt văn này coi bộ bao la trời biển quá, vẽ cái gì chẳng được.

Hôm đầu tiên, tiểu thơ vẫn còn cao điệu, gọi tôi là Thầy. Không biết là do lệnh của ông già, vì đề phòng tôi “tán bậy” con gái, nên phong cho tôi cái chức “bán tự vi sư nhất tự vi sư” để tôi biết phận mà giữ mình, hay là cô bé chọc quê tôi không biết.

Thấy “diễn nôm diễn tích” mấy câu thơ trong Cung Oán Ngâm Khúc coi bộ không ăn khách, chẳng hấp dẫn nổi cô bé, tôi quay sang đọc thơ cho cô bé nghe. Hồi đó ở Võ Tánh có hai nhà thơ rất sớm nổi tiếng, mà dù là tên thật hay bút hiệu gì nghe cũng đẹp làm sao: Thanh Nhung và Cao Hoành Nhân, Tôn Nữ Nha Trang và Bùi Cao Hoành gì đó. Không biết có đúng hay không, nhưng tôi nghe bạn bè thêu dệt về cuộc tình lãng mạn của hai nhà thơ học trò vang bóng một thời này. Tôi chọn mấy bài thơ ướm át nhất của hai người đọc cho cô bé nghe. Và cũng lạ, không cần diễn nôm diễn nghĩa gì cả, cô bé không những hiểu rất nhanh mà còn cảm nhận đến độ lim dim đôi mắt.. nhìn xa xăm.

Có một điều tôi quên nói: cô bé cũng thuộc dòng Tôn Nữ, cũng có một cái tên hay lắm: Tôn Nữ Giáng Vân. Nhưng tôi vẫn thích gọi cô bé là Tiểu Thơ, cái tên mà nàng đã tự xưng khi đứng tôi trước rạp Tân Tân. Hơn nữa tôi thấy cái tên này cũng hợp với cô bé lắm. Tôi nghĩ thầm, có lẽ nàng Tôn Nữ xứ Huế nào cũng đẹp và.. lãng mạn đa tình.

Các tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn, cô bé mê nhất là Hồn Bướm Mơ Tiên, nên thường bắt tôi kể lại cho nàng nghe. Mẹ nàng vốn là một Phật tử ngoan đạo. Sau ngày bà chết, ba nàng cúng dường khá nhiều tiền để chỉnh trang hai ngôi chùa Tỉnh Hội, Hải Đức và cung thỉnh thêm nhiều tượng Phật. Cô bé thường theo cha lên chùa Hải Đức. Nàng bảo mỗi lần lễ Phật, nàng cứ tưởng tượng mình là “chú tiểu” Lan, nhưng lại rất sợ và bịt kín tai khi nghe có tiếng đại hồng chung, nên chắc không thể nào giả trai lên chùa tu được.

Một hôm cô bé nhất quyết bắt ông thầy phải làm cho cô bé một bài thơ. Nếu không thì không chịu học. Cái này thì đúng là tiểu thơ muốn hại “đời tư” của tôi đây. Mang tiếng là học ban C nhưng hồi giờ tôi có thơ với thần gì đâu, chỉ lâu lâu cùng với mấy thằng bạn trong lớp nghịch ngợm bày ra trò chơi nổi vắn một bài lục bát con cóc để ghẹo cô bạn nào đánh đá trong lớp. Vậy mà hôm ấy, không biết con tim nó ướm át đến cỡ nào, tôi phóng bút làm xong một bài thơ chưa đầy mười phút. Đọc qua nghe có mùi cải lương không chịu nổi, nhưng tôi cũng tự phục mình. Tôi đưa bài thơ cho nàng đọc:

*N gày tháng trôi dần theo nhớ thương
I như duyên nợ đã vắn vương
N ên tình mây nước cùng trăng gió
H ẹn ở ngày mai một nẻo đường
YÊU vầng trăng sáng in cành lá
V à khúc nhạc lòng dâng đến hương
Â n ái giờ đây là mơ ước
N gỡ một tâm tình một vắn vương.*

Cô bé đọc xong không biết có hiểu gì không, (mà thực ra bài thơ cũng có nghĩa gì đâu mà hiểu với không), gật gù khen và hỏi:

- Sao bài thơ không có tên ?
- Có tên rồi đó mà tiểu thơ không thấy à?

Cô bé lật qua lật lại mảnh giấy:

- Tên với tựa gì đâu, không thấy, trả lại thầy, không thêm.

Tôi cười, vuốt ve cô học trò:

- Thì Vân cứ ghép tất cả các mẫu tự đầu ở mỗi câu lại, sẽ thấy cái tựa liền.

Khổ thật, tôi còn phải giải nghĩa thêm mẫu tự là cái gì, thì cô ta mới tìm được cái tựa bài thơ. Cô bé đỏ mặt, vát mảnh giấy có bài thơ xuống đất:

- Không thêm chơi với Thầy nữa.

Nói là không thêm chơi, nhưng cũng kể từ hôm ấy cô bé thân thiết và gần gũi với tôi hơn. Ba nàng cũng thấy tin và quý ông gia sư nhóc tí này, vì thấy con gái cưng của mình chăm học, vui vẻ yêu đời hơn.

Mùa hè năm đó, cô bé theo tôi về nhà quê chơi, nhân tiện có cô con gái của ông chú tôi cùng về thăm quê nội. Dường như đó là lần đầu tiên cô bé ra một vùng quê. Không biết là gió nội hương đồng hấp dẫn cô bé, hay là suốt ngày dung dăng dung dẻ làm nũng làm nịu với “ông Thầy”, cô bé ca hát líu lo và bảo là yêu... đồng quê ghê lắm. Và đó cũng là một mùa hè đẹp nhất, có ý nghĩa nhất trong đời học trò của tôi, dù ở quê tôi chẳng có cây phượng vĩ và cũng chẳng nghe có tiếng con ve sầu nào rên rỉ.

Hai năm sau, tôi rời Nha Trang vào Sài Gòn học tiếp. Tôi buồn và tiếc nuối vì phải chia tay cái nghề gia sư với cô học trò nhỏ nhưng có đôi mắt thật to.. của mình. Cô bé được ông già chở lên ga Nha Trang tiễn tôi đi. Tôi cũng cố làm ra vẻ “đi là chết ở trong lòng một ít”, làm cô bé mỉm cười muốn khóc. Ông già cứ tưởng là nhờ ơn tôi mà cô bé vừa đậu cái bằng trung học kỳ rồi, nên cũng nắm chặt tay tôi, lì xì một mớ tiền và cảm ơn rối rít..

Vậy mà cái tình yêu ấy (không biết có đúng là tình yêu hay không, nhưng cứ nói như thế cho nó lãng mạn và người lớn một chút) cũng làm cho lòng tôi xoắn xang một dạo.

Sau đó chỉ có vài lần tôi nhận được thư cô bé, kể chuyện những bạn bè thân quen của cô bên trường Nữ, và chuyện chiếc máy bay phản lực rơi xuống bên cạnh rạp Tân Tân, nơi mà lần đầu tiên tôi biết cô bé nhờ chiếc vélo của cô tông tôi ngã xuống bên lề đường. Nhưng lần nào cũng kèm theo một bài thơ tình.. con cóc.

Năm năm sau, khi cô bé đã trở thành người lớn và quên “ông Thầy” thích đọc thơ tình cho cô học trò.. lim dim đôi mắt, thì cũng là lúc tôi hát khúc Biệt Kinh Kỳ, xếp bút nghiên theo việc kiếm cung.

Ra trường, tôi được bổ sung về một đơn vị lưu động trên vùng Cao nguyên gió lạnh mưa mùa. Năm 1972, tôi bị thương trong trận Mùa Hè Đỏ Lửa ở Kontum, được đưa về QYV Pleiku điều trị. Khi vết thương vừa lành, tôi nhận Sự Vụ Lệnh của đơn vị đề cử về Sài Gòn trong đoàn “chiến sĩ xuất sắc” được Tổng Thống tiếp đón tại khu vườn Dinh Độc Lập. Thực ra là tôi có xuất với sắc cái gì đâu. Khi còn độc thân thì hăng máu lắm, chứ đã có vợ rồi thì cũng hơi lạnh ngắt, ngại cái cảnh “anh trở về dang dở đời em”. Nhưng chiến tranh đang hồi ác liệt, nếu cử chiến sĩ xuất sắc thứ thiệt đi thì thiếu người đánh giặc giỏi, mà lại hao hụt quân số tác chiến, tôi đang trong tình trạng bất khả dụng, nên cho tôi đi là nhất cử lưỡng tiện. “Chiến sĩ xuất sắc” được ưu ái đi bằng máy bay dân sự. Tại phi trường Pleiku bụi đỏ, tôi bất ngờ gặp lại Tiểu Thơ khi tôi vừa ngơ ngác bước lên máy bay Air Vietnam và khựng lại trước đôi mắt thật to của côhôtesse de l’air đang mỉm cười chào khách. Trong chiếc áo dài màu thiên thanh, có thêm hai con rồng trên cổ áo, nàng đẹp như một nàng tiên. Khi chiếc máy bay DC 4 đã lấy lại thăng bằng trên cao độ, nàng đến ngồi chiếc ghế trống trước mặt tôi, quay ra sau trò chuyện. Trong chớp nhoáng, tôi biết là nàng đã có chồng. Anh ta là một phi công phản lực F5, thuộc đơn vị Biên Hòa. Hai người làm đám cưới hơn một năm. Tôi nghĩ, con gái đẹp thường chọn mấy ông không quân, vừa được tiếng có ông xã hào hoa, đi mây về gió, vừa khó trở thành góa phụ. Anh phi công nào phải vừa bô trai vừa tốt số lắm mới lọt được vào đôi mắt của Tiểu Thơ này. Tôi nghĩ như thế mà lòng thì cũng thấy một chút băng khuâng.

Chỉ nói chuyện được vài câu, nàng ghi địa chỉ của tôi ở Sài Gòn, rồi hẹn sẽ cùng đức lang quân ghé đón đi Maxim nghe Lệ Thu hát bài Kỷ Vật Cho Em. Tôi cười, bảo là rất sợ bài hát này, cái bài hát mà thằng lính nào nhát gan nghe xong là không còn muốn “đáo nhậm” đơn vị nữa. Cuối cùng nàng đến có một mình, “ông xã” vừa mới biệt phái ra Vùng 1. Tối đó thay vì đến nhà hàng Maxim, nàng đưa tôi ra Quán Cái Chua cho có vẻ nghệ sĩ một chút, mời “ông Thầy” uống cà phê có hương vị Tùng Đà Lạt - mà chủ nhân thường pha chế đặc biệt cho riêng nàng - để nhớ những ngày cô còn ở đó.. Dường như khi đã lớn rồi, người ta lại muốn tìm về cái thời đi học. Hai đứa chỉ ngồi nhắc lại chuyện Nha Trang, chuyện mấy bài thơ con cóc, rồi chia tay không hẹn ngày tái ngộ. Thời chiến tranh mà, “cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi “ biết đâu mà hẹn.

Tháng 3 /1975, Nhatrang rời cả Vùng 2 mất. Bao nhiêu năm sống chết với núi rừng Hoàng Triều Cương Thổ, tôi theo đơn vị chỉ còn một phần tư quân số “di tản” vào Vũng Tàu để tái bổ sung, rồi kéo xuống tham dự những trận đánh cuối cùng cô đơn và buồn tẻ ở những địa danh xa lạ: Bến Lức, Cần Giuộc thuộc tỉnh Long An, nhằm ngăn chặn địch quân đang tràn về vây hãm và pháo kích Sài Gòn.

Cũng như nhiều đơn vị khác, vào giờ thứ 25, chúng tôi đánh giặc không có “đại bàng”. Lần cuối cùng tập hợp anh em lại hô “tan hàng” mà không còn nghe “cố gắng” nữa, thì tôi mới biết là ông tướng tư lệnh đã có mặt trên đê thất hạm đội Mỹ trước đó hai ngày rồi! Thôi thì, xưa nay người ta đã nói “nhất tướng công thành vạn cốt khô” mà. Cuối cùng thì miền Nam cũng thất thủ. Đám tội tôi được người “anh em” chiến thắng mời vô trại cải tạo để được hưởng “chính sách khoan hồng của khách mệnh” !

Tám năm lưu đầy từ nam ra bắc, cuộc đời trôi dạt cứ như gởi theo những đám mây bay. Cái hạnh phúc bây giờ chỉ còn là những phút giây hồi tưởng. Mà hồi tưởng cũng phải “cảnh giác”, chứ không khéo cũng bị cùm vì cái tội “luyến tiếc quá khứ”. Bạn bè cùng cảnh luyến tiếc điều gì thì tôi không biết, nhưng riêng tôi lại tiếc nhớ cái tuổi học trò, và cái thời con tim mới biết yêu. Tôi lại nhớ đến Tiểu Thơ, đến đôi mắt tròn xoe của cô bé, và nhớ tới cái hạnh phúc làm “gia sư” của tôi còn hơn là nhớ tới mười mấy năm làm bạn với ông Nguyễn Bắc Sơn “*ta vốn hiền khô - ta là lính cẩu, đi hành quân rượu để vẫn mang theo, mang trong đầu những ý nghĩ trong veo, xem chiến cuộc như tai trời ách nước*”. Tôi hình dung bây giờ chắc nàng đang hạnh phúc ở một chốn thiên đường nào bên nước Mỹ. Ông xã là không quân mà, lại đóng ở Biên Hòa nữa. Chỉ cần một lần cất cánh nhẹ nhàng là thay đổi cả cuộc đời.

Ra tù, trở lại thành phố xưa, tôi có cảm giác Nha Trang sao bây giờ xa lạ quá, không còn là “hang động tuổi thơ” của bọn tôi ngày trước nữa. Nhưng rồi tôi cũng đâu có được phép ở lại cái thành phố này, mà phải về tạm trú ở quê tôi ngoài Vạn Giã. Ở đó tôi chỉ còn một bà cô già sống quạnh hiu trong ngôi nhà từ đường có mái ngói âm dương của ông bà nội. Cha tôi thì cũng đã chết cách đây sáu năm trong trại cải tạo Đá Bàn. Mồ mả còn chưa biết ở đâu. Nhưng rồi tôi còn có cái may, là gần như mỗi ngày tôi đều ghé lại Nha Trang một lần, bởi tôi được ông anh bà con cho tôi làm tài xế phụ kiêm lơ xe cho chiếc xe đồ nhỏ của ông chạy đường Nha Trang - Tuy Hòa. Xe chạy bằng than và khách hầu hết là mấy bà đi buôn chuyến.

Một hôm tôi đang lui cui đứng trên mui, thì một bà khách kêu tôi nhấc hộ đội thúng của bà lên. Bà lấy hết sức đưa từng chiếc thúng lên, nhưng rồi lại bị sà xuống. Trong đôi thúng là những thỏi đường màu đen khá nặng. Tôi phải dùng một cây móc sắt đưa xuống, bảo bà móc vào để tôi kéo lên. Khi lấy sức kéo đôi thúng lên tôi bất ngờ gặp đôi mắt thật to và tròn xoe. Đôi mắt nhìn tôi tựa hồ như xoáy vào lòng tôi nhát dao đau buốt. Tôi nhảy xuống xe, nắm chặt đôi vai gầy còm của bà khách:

- Là em, là Tiểu Thơ đây à?

Nàng nhìn tôi, rồi nước mắt đầm đìa.

- Tiểu Thơ, à quên... Vân, làm sao mà em lại ra đến nỗi này.

Nàng cúi xuống im lặng, không nói một lời nào.

Ra đến Tuy Hòa, tôi gánh hộ nằng gánh đường giao cho một cái quán trong chợ, rồi mời nằng đi ăn cơm trưa. Tôi đang nóng lòng được biết về hoàn cảnh của nằng:

- Ông xã em bị kẹt ngoài Vùng 1 rồi mất tích luôn từ đó tới bây giờ. Em có đi hỏi một vài người bạn cùng phi đoàn, thì họ cho biết là anh ấy bị bắn rơi khi yểm trợ cho anh em Thủy Quân Lục Chiến rút về Đà Nẵng. Em chờ đợi xem anh có bị bắt cầm tù ở đâu không, nhưng đến bây giờ thì chắc chắn là anh đã chết thật rồi.
- Còn ba em đâu?
- Nhà cửa ba em bị tịch thu hết. Ông bị bắt đi cải tạo với lý do từng thầu xây cất doanh trại cho Mỹ trong phi trường. Chỉ một năm là ông chết.
- Vậy bây giờ Vân ở với ai?
- Em ở với con gái em. Nó gần mười tuổi rồi. Khi gặp anh ở Sài Gòn là em vừa mang thai nó mà chưa biết. Mẹ con em được đền bù một căn nhà tôn nhỏ của thương phế binh hồi trước, nằm sau ga xe lửa.

Tôi nhét vào tay Vân tất cả số tiền mà tôi kiếm được hôm ấy, bảo nằng mua hộ tôi quà cho cháu gái.

Sau đó tôi gặp lại nằng chỉ thêm hai lần nữa, vì ông anh họ tôi đã phải bán rẻ cái xe hơi cho người khác, bởi không đủ tiền sửa chữa mà còn cứ bị chính quyền trưng dụng đi chở lúa cho hợp tác xã, không trả một đồng nào. Cũng đúng vào lúc này, tôi tính chuyện vượt biên.

Tôi kể chuyện Tiểu Thơ cho vợ tôi nghe. Bây giờ tôi thương cô như một người em gái. Vợ tôi tốt bụng, thương mẹ con cô cũng như hoàn cảnh của chính mình, sẵn sàng cùng tôi giúp mẹ con nằng đi cùng chuyến vượt biên, do chính tôi tổ chức.

Một tuần trước khi ra đi, tôi vào Nha Trang tìm đến nhà nằng. Căn nhà khóa kín cửa. Tôi chờ đến tối mà chẳng thấy mẹ con cô trở về. Tôi gõ cửa căn nhà bên cạnh. Chủ nhà lại là một anh thương phế binh, nhờ mất cả hai chân nên không bị đuổi khỏi nhà.. Anh cho biết là mẹ con nằng đã dọn đi đâu cả mấy tuần rồi, không thấy về nhà.

Trời thương, chuyến vượt biên cũng đến được bến bờ, nhờ một chiếc tàu chở dầu của Vương Quốc Na-uy vớt trên biển, trước khi cơn bão ập đến. Với ân tình này, vợ chồng tôi chọn Na-uy là nơi để gởi gắm phần đời còn lại của mình và vun đắp tương lai cho mấy đứa con nhỏ dại.

Mùa hè năm 1989, vợ chồng tôi đưa hai cô con gái sang Mỹ học, nhân tiện ghé thăm và chia buồn gia đình ông anh họ, đi từ năm 78, định cư ở thành phố Sacramento, bắc Cali. Anh chị vừa có thằng con trai bị chết đuối khi theo cha đi câu ngoài biển.

Bao nhiêu năm gặp lại nhau, anh chị tiếp đón chúng tôi thật ân cần, nhưng không vui vì cái bàn thờ đứa con trai còn nghi ngút khói hương.

Sáng hôm sau, anh chị đưa tôi đến nghĩa trang thăm mộ cháu rồi chở chúng tôi đến một ngôi chùa Sư Nữ ở gần đó, để bàn việc làm lễ cầu siêu cho cháu. Anh cho biết anh chị rất thân quen với Sư Bà trụ trì, Bà rất quý anh chị không chỉ vì biết nhau từ lúc còn ở Nha Trang mà vì anh làm nghề thầu sửa chữa nhà cửa, nên cả ngôi chùa này phần lớn là do công sức của anh cúng dường.

Ngôi chùa không lớn lắm, khu chánh điện còn đang dang dở, nhưng vườn khá rộng và trồng nhiều loại hoa. Trong chùa tiếng tụng kinh, gõ mõ càng được không khí trang nghiêm. Chúng tôi được một cô Phật tử mời ngồi uống trà và xin chờ chừng nửa tiếng, vì Sư Bà đang cúng rước.

Khi ông anh bà chị đứng bật dậy, chúng tôi chợt nhìn thấy Sư Bà vừa bước ra. Tôi ngạc nhiên vì Sư Bà còn trẻ và trông rất phương phi, nhất là hai tai thật to và dài xuống như tai các tượng Phật tôi thường nhìn thấy trong các ngôi chùa. Điều làm chúng tôi thú vị là bà rất vui vẻ cởi mở. Bà bảo bà cũng là dân Nha Trang nên rất mừng khi tiếp được người đồng hương từ tận bắc Âu đến viếng.

Sau một lúc hàn huyên, tôi biết được Sư Bà là người có trình độ học vấn cao. Bà có cử nhân Văn Khoa và đang học năm cuối cao học văn chương tại đại học Vạn Hạnh thì miền Nam thất thủ.

Điều ngạc nhiên hơn là Sư Bà cho biết có khá nhiều ni cô gốc Nha Trang đang tu ở chùa này, trong đó có con gái của ông chủ tiệm ảnh nổi tiếng một thời ở đường Phan Bội Châu mà ngày xưa tôi cùng đám bạn bè thường đến để chụp ảnh, con gái một bà chủ tiệm vàng trước Grande Pharmacie, và một vài ni cô nữa. Bà còn bảo thật là tội nghiệp, có vài cô đã gặp bao nhiêu nghịch cảnh thương tâm trên biển Đông, chồng chết con chết, chỉ còn lại một mình. Ban đầu Bà đưa về chùa cư mang, rồi sau đó các cô xin được xuống tóc quy y luôn. Sư Bà mời chúng tôi ở lại dùng cơm chay cùng với Bà, nhân tiện bà giới thiệu với mấy ni cô gốc Nha Trang cho biết, bởi tôi cũng là một Phật tử thuần thành.

Tôi theo ông anh bà chị xuống bếp phụ dọn cơm. Nhưng ông anh ngăn lại:

- Chú là người lạ, không nên vào bếp. Hôm nay chú thím là khách của Sư Bà mà.

Ngồi dọc theo chiếc bàn dài, gồm các ni cô và một vài Phật tử, chỉ có chúng tôi là “dân sự”. Sư Bà giới thiệu chúng tôi là đồng hương, những Phật tử đến từ tận Bắc Âu. Tôi vừa đứng lên chấp hai tay trước ngực, bỗng bất ngờ bắt gặp đôi mắt thật to, tròn xoe của một ni cô ngồi ở phía cuối bàn. Ni cô cũng vừa nhìn tôi rồi cúi xuống. Đôi mắt đó với tôi có một cái gì thần giao cách cảm. Đúng. Trên thế gian này chỉ có Tiểu Thơ mới có đôi mắt ấy mà thôi.

Dùng cơm xong, là đến giờ nghỉ trưa của Sư Bà. Chúng tôi cảm ơn Sư Bà và xin được cúng dường một số hiện kim để trùng tu chánh điện.

Tôi từ giã Sư Bà, trong lúc mắt nhìn quanh như muốn tìm kiếm một điều gì. Nhưng tất cả chỉ có im lặng, ngoài tiếng chuông chùa ngân nga như chẳng bao giờ muốn tan đi trong không gian bao la vô tận.

Tôi bước ra khỏi cổng chùa. Chùa nằm trên một khu đất bằng phẳng, nhưng sao tôi có cảm giác như mình đang lững thững bước xuống chân đồi. Tôi hình dung đến Ngọc vừa chia tay “chú tiểu” Lan lần cuối cùng ở chùa Long Giác trong Hồn Bướm Mơ Tiên của nhà văn Khái Hưng, mà ngày xưa Tiểu Thơ đã bắt tôi phải kể đi kể lại bao nhiêu lần.

phạm tín an ninh

(Viết lại nhân Ngày Hội-Ngộ trường Võ-Tánh & Nữ Trung Học Nha Trang
ở Orlando/Florida 2007)

CHUYỆN CON ĐẾ

WEDNESDAY, 29. OCTOBER 2008, 05:52:18



Nhờ có bạn bè lưu lạc khắp năm châu nên tôi được đi đây đi đó hơi nhiều, "tham quan" một số danh lam thắng cảnh của nhân gian. Nhưng tôi phải thành thật mà khoe rằng, có lẽ không có mùa hè ở nơi nào đẹp và khí hậu dễ thương cho bằng mùa hè ở mấy xứ Bắc Âu này. Khi tuyết vừa tan, mùa đông chưa kịp hện lời tái ngộ, thì ngàn cây nội cỏ đã đua nhau đâm chồi nảy lộc để chào đón ánh mặt trời. Trong núi rừng, dưới thung lũng, trên những cánh đồng lúa mì, hai bên đường, các bãi cỏ trong công viên, khắp mọi nơi, những cánh hoa looetann vàng (trông như hoa cúc quê mình) nở rộ. Ở đâu cũng bát ngát một màu vàng. Cái nắng đầu hè lại dịu mát như mùa thu trên những cao nguyên bên quê nhà mà ngày xưa tôi đã có dịp đi qua trong những lần hành quân. Mùa hè ở đây gợi nhớ da diết đến quê hương và kỷ niệm. Đặc biệt tôi nhớ đến cha tôi và cả một thời thơ ấu mà tôi lớn lên không có mẹ. Tôi thường đứng yên lặng một mình trên bao lơn trong sở làm hoặc trước hiên nhà, nhìn ra những cánh đồng cỏ và rừng núi xa xa phía trước để trải hết lòng mình. Nhưng rồi dường như cũng không tránh khỏi định luật bù trừ của trời đất, mùa hè ở đây cũng như một cô con gái đẹp, lúc nào cũng muốn làm khốn khổ những chàng trai mê muội, mà người ta đã ví von là "cánh hoa hồng nào mà lại không có gai"

Chính cái phấn hoa từ rừng hoa bát ngát một màu làm vàng cả không gian kia, lại là mầm mống gây nên chứng bệnh dị ứng (allergi) để cho những thằng lười biếng chích ngừa kinh niên như tôi khổ sở không ít, khi cả ngày cứ ngứa ngáy mắt mũi. Mà cũng nhờ vậy nên tôi phải nằm nhà để có dư thì giờ vào đọc mấy tờ báo điện tử bên quê nhà xem thế sự ra sao. Tôi cũng "hồ hởi" thấy báo chí bên nhà, thời kinh tế thị trường, đã "có vẻ" như trăm hoa đua nở trên mạng, trình bày cũng khá hấp dẫn, nên tôi lần lượt đọc qua một loạt các tin tức từ chính trị, kinh tế, văn hóa, đến pháp luật:

-Mừng 30 năm đánh thắng giặc Mỹ, đất nước thống nhất, thắng lợi vĩ đại của Đảng và nhân dân ta-/ Có thực sự chống được quốc nạn tham nhũng, khi mà tình trạng tham nhũng đã lên đến cấp Bộ: Bộ Nông Nghiệp, Bộ Dầu Khí rồi đến Bộ Thương Mại ? /- Thủ Tướng Phan văn Khải chính thức sang thăm Hoa Kỳ vào tháng 6, mở ra một kỷ nguyên mới cho nền bang giao của hai nước /- Một loạt các cô ca sĩ và người mẫu bị bắt tại trận khi đang bán cái trời cho trong một đường giây sex / -. Diễn viên nổi tiếng Yến Vi chưa hết xô xao vì những đoạn phim quay cảnh cô làm tình, lại vừa bị bắt vào trại phục hồi nhân phẩm vì tội bán dâm-/ . Sau vụ Phó CT/UBTDTT Lương Quốc Dũng vào tù vì tội hiếp dâm một em gái 13 tuổi có một thống kê cho biết có thể tới 80% cán bộ, viên chức nhà nước đã mua dâm- /-. Em Nguyễn Phi Thanh, học sinh lớp 11 A18 trường THPT Việt Đức Hà Nội, thí sinh giỏi môn văn, từ chối trả lời đề thi và viết ngay trong bài thi để phản đối hệ thống và cách giảng dạy lỗi thời "cứng ngắt", "không cho phép tư duy" của cơ quan giáo dục nhà nước /-. Ông Trịnh Vĩnh Bình, một Việt kiều ở Hà Lan kiện chính phủ Việt nam trước toà án quốc tế, đòi bồi thường 100 triệu đô la vì bị oan sai khi cho rằng chính quyền tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tìm cách bỏ tù ông để tịch thu toàn bộ tài sản mà ông đem về Việt nam đầu tư từ năm 1990 -/. Hạm phóng chiến hạm USS Gary của Hoa Kỳ vừa được mời ghé tham quan cảng Sài Gòn là một người Mỹ gốc Việt: Hải quân trung tá Trần Quốc Bảo, rời khỏi Việt nam khi mới lên 7 tuổi -/ Truy tố nguyên chủ tịch và phó chủ tịch UBND Huyện Phú Quốc, tội ăn cắp đất của nhà nước để làm giàu phi pháp /-. Bắt một cán bộ tòa án liên quan đến vụ vận chuyển ma túy với quy mô lớn /. HLV Đoàn Đình Lân, cựu tuyển thủ karate cấp quốc gia bị bắt khi đang cướp giật/ Hai TGD công ty PJICO bị bắt về tội hối lộ 1, 9 tỷ đồng./ Thu hồi danh hiệu giải Nhất và Cúp vàng Trí Tuệ Việt Nam 2003 của nhóm ICMS vì đã ăn cắp bản quyền của một tác giả người Mỹ /-.Ngân Hàng Thế Giới vừa viện trợ không hoàn lại cho VN 35 triệu USD cho chương trình phòng chống bệnh AIDS /. Cà Mau phát hiện 111 trường hợp xử dụng bằng cấp giả mà đối tượng hầu hết là cán bộ, quan chức nhà nước / Tình trạng khốn cùng của những cô dâu Việt nam tại Đài Loan và Singapore/...

Thú thật, tôi rất "bức xúc" và thấy buồn hơn là vui sau khi đọc qua một loạt tin tức trên báo chí quê nhà. Tôi đành tìm sang trang quảng cáo hy vọng thay đổi không khí, biết đâu lại tìm được đôi điều thú vị. Nhưng tôi bỗng giật mình, khi bất ngờ đọc tới cái đoạn quảng cáo nhỏ sau đây trên đầu một tờ báo: "Thịt Dế. Món ăn của người sành điệu nhất hiện nay" và phía dưới mô tả thêm: Dân nhậu sành điệu rất khoái món dế, bởi thịt dế béo như tôm sú, ngọt như thịt cua, vừa thơm ngon bổ dưỡng lại vừa chữa được nhiều thứ bệnh như đau nhức, tê thấp, béo phì. Giá một con dế trong nhà hàng là 10.000 đồng. Dế có thể chế biến được nhiều món như chiên xù, xào lăn, kho tiêu, ram mặn, nướng kẹp bánh mì, lẩu, gỏi...Hiện ở thành phố Hồ chí Minh, 1 kg dế có thể bán tới 250.000đồng. Ở một số nước, dế được coi là món ăn "cao lương mỹ vị" và chỉ dùng để đãi khách quý, nên ở Thái Lan, giá 1kg dế lên tới 40 đôla, ở Mỹ là 60 đôla. Vốn là một loại thức ăn bổ dưỡng, dế rất hấp dẫn các du khách Việt kiều, Nhật Bản, Đài Loan, Australia... đến Việt nam.. Cũng như bất cứ loại động vật hoang dã nào, dế đã trở thành món đặc sản trong các nhà hàng hay các quán nhậu, nhất là ở TP/HCM. "Một cậu bé chăn bò ở miền đồng bằng Nam Bộ, nhờ kinh nghiệm đá dế và bắt dế, vừa trở thành nhà tỷ phú vì lập ra một công ty nuôi và xuất cảng Dế mà cậu ta đang làm giám đốc, với sự trợ giúp của gia đình và chính quyền địa phương...".

Tôi rất "phấn nộ" với cái đoạn quảng cáo này. Và đây là chuyện chẳng liên quan gì tới "chính chị chính em", nên tôi xin được bày tỏ lập trường:

Trước hết trong mẫu tin quảng cáo trên có hai sự kiện cần xét lại: thứ nhất, ông nhà báo trong nước nói thịt dế bổ dưỡng và chữa được nhiều thứ bệnh. Chẳng hiểu ông đã dựa theo tài liệu y học nào, hay chỉ phịa ra để cổ vũ một việc không lương thiện (ít nhất là đối với tôi): ăn thịt dế ? Thứ hai là dựa theo nguồn tin nào mà "cha nội" dám nói bữa là ở Mỹ giá 1kg thịt dế 60 đôla ? Tôi có một đám con ở Cali và vài trăm ông bạn HO ở khắp các tiểu bang bên Mỹ, kể cả Alaska, một nơi đèo heo hút gió, không ai từng thấy hay nghe nói có nơi nào ở Mỹ ăn và bán thịt dế ?

Nhưng chuyện nói láo là nghề của mấy ông nhà báo rồi. "Nhà báo nói láo ăn tiền" mà. Thắc mắc làm chi. Điều đã làm tôi đau đớn và phẫn uất nhất là tại sao thiên hạ đã bày ra cái cảnh đoạn trường này để cướp mất phần tuổi thơ đẹp đẽ, thơ mộng nhất của tôi và đám bạn bè tôi. Trời ơi, bộ mấy cha tư bản mới bên Việt Nam hết cái gì nhậu nhẹt rồi sao, mà bây giờ để ra cái phong trào nhậu thịt Dế. Những con Dế thân thương của bất cứ một thằng con trai nào trong thời thơ ấu. Tiếng gáy của Dế và tiếng hát của Ve Sầu nó gắn liền với suốt một thời cắp sách tới trường, mà dư âm của nó vẫn theo đuổi mọi người cho tới giờ xuôi tay nhắm mắt. Chắc các bạn đã từng say mê cuốn "Dế mèn Phiêu Lưu Ký" của nhà văn Tô Hoài ? Lớn lên một chút, chắc các bạn cũng đã từng nghe hay thuộc lòng bài hát "Thằng Cuội" của Lê Thương: "Có con dế mèn suốt trong đêm khuya hát xẩm không tiền nên nghèo xơ xác...". Như vậy trong tuổi thơ của mỗi người đều có hình ảnh con Dế. Không chỉ ở Việt nam ta mà những xứ châu Á gió mùa, và cả ở châu Âu, châu Mỹ cũng vậy thôi. Hồi còn học trung học tôi đã đọc được ở đâu đó một đoạn văn của Charles Dickens, viết rất hay về những chú dế crickets bu lại dưới ánh đèn khuya. Mới đây một bà mẹ Mỹ, khi nhắc tới tuổi thơ của con trai mình cũng nói thật nhiều tới con Dế. Như vậy, Dế đã có mặt khắp nơi, tham dự vào những tuổi thơ diễm phúc cũng như tủi cực. Hơn thế nữa, Dế còn có mặt trong văn chương, không những nói về tuổi thơ, mà còn biểu tượng cho quê hương, cho bè bạn và cho cả những niềm đau, nỗi nhớ. Lúc nhỏ tôi say mê Dế. Lớn lên và ngay cả lúc sắp già như bây giờ, tôi lại càng say mê những bài thơ có bóng hình và tiếng Dế. Vì vậy với riêng tôi, con Dế phải được viết hoa. Cho dù tôi biết viết như thế là sai chính tả.

Như bao đứa bé khác, tuổi thơ của tôi cũng gắn liền với con Dế. Tôi đã từng say mê bắt Dế, nuôi Dế, đá Dế, và thức cả đêm để nghe Dế hát. Con Dế cũng đã cho tôi nhiều cơ hội làm quen khi xin mấy sợi tóc của mấy cô bạn gái cùng lớp, cột vào đầu con Dế quay quay cho nó "hứng" lên trước khi vào trận đấu. Con Dế cũng đã cho tôi và đám bạn bè tuổi nhỏ có đủ niềm vui trong những mùa hè ở một vùng quê nghèo nhưng rất dễ thương. Một con Dế, sau một trận đấu, chỉ cần mất một sợi râu là tôi muốn khóc. Quê tôi ở tận ngoài Vạn Giã. Tôi mồ côi mẹ từ lúc mới lên hai, ba tôi bận dạy học ở trường Pháp-Việt, nên hai anh em tôi được ở với ông bà nội. Tôi có bà cô út, rất thương yêu lo lắng cho anh em tôi, Mỗi lần tôi làm nũng, là bà nội tôi sai cô tôi dắt tôi ra ao sen trước nhà tìm bắt mấy con Dế "mun". Tôi còn nhớ một đoạn thơ của ai đó có tâm sự giống tôi:

*"Bao giờ cho đến ngày xưa
Để nghe tiếng võng đong đưa của bà
Để nằm nắng dưới đầm hoa
Rình con dế cựa thò ra thụt vào.."*

Con Dế, còn để lại trong tôi một kỷ niệm xót xa, mà cứ mỗi lần nhớ tới, tôi không làm sao ngăn được dòng nước mắt. Ba tôi rất cưng tôi, một phần tôi không có mẹ. Có những ngày đi dạy học, ông chở tôi theo trên chiếc xe đạp. Đến trường ông giao tôi cho mấy chú học trò lớn của ông vừa chơi vừa dạy tôi học. Lúc ba tuổi, tôi đã biết được con ngựa cheval nhảy qua hòn núi montagne, ăn cỏ herbe, uống nước de l'eau. Một buổi trưa trời nắng gay gắt, trên đường về nhà nội tôi, khi qua một khu nghĩa địa, nghe tiếng mấy con Dế gáy trong mấy bụi cây bàn chải (loại cây mọc thành lùm và có đầy gai), tôi lấy tay đập sau lưng ông và bảo ông dừng xe lại bắt cho tôi mấy con Dế. Tội nghiệp, ông cũng chịu thằng con ngu ngốc, xuống lục lọi trong mấy bụi bàn chải gai góc cả nửa giờ, mà vẫn không thấy tăm hơi con Dế nào. Dế thuộc loại tinh khôn, khi nghe có tiếng động, nó im bất. Nhưng khi Ba tôi vừa leo lên xe thì chúng lại tiếp tục chơi màn hòa tấu. Màn hòa tấu này lúc ấy còn hấp dẫn tôi hơn là một dàn nhạc hòa tấu mà tôi vừa được may mắn tham dự tại một nhạc viện nổi tiếng của thành phố Paris. Tôi nhất định không chịu lên xe, khóc lóc đòi Ba tôi phải xuống bắt cho được Dế. Ba tôi năn nỉ một chặp, ngồi xuống kề vai cho tôi trèo lên, nhưng tôi càng khóc lớn hơn. Gần cả giờ ngoài nắng, mà chỉ sau đó hai tiếng đồng hồ nữa thì ông phải đi dạy tiếp buổi chiều. Giận quá, ông bứt một cây "bông giếng" quất tôi mấy cái rồi lôi tôi lên xe. Về nhà, tôi hờn, nhất định không ăn cơm và tịnh khẩu không nói một lời nào. Ông năn nỉ bao nhiêu lần, tôi cũng nhất định nằm quay mặt vô vách. Lúc ấy tôi giận Ba tôi thật, vì từ trước tới nay ông cưng chiều tôi biết chừng nào. Ông chưa hề nói một lời nặng với tôi. Tôi càng làm ra vẻ tủi thân hơn, ra ôm chân cái bàn thờ của má tôi ngồi thút thít. Cả bà nội và cô út tôi dỗ dành, cho tôi mấy cái bánh rán (loại bánh mà lúc nhỏ tôi thích nhất), tôi cũng làm lơ, mặc dù đang đói và thèm ghê lắm. Buổi chiều hôm đó, Ba tôi về sớm hơn thường lệ, ông đem về cho tôi hai con dế thật oai vệ, và một cái hộp giấy làm chuồng, có chia từng ngăn rất đẹp. Trong đó cả một mớ cỏ non mơn mơn. Đó là lần duy nhất Ba tôi đánh tôi, và cũng là lần duy nhất tôi giận Ba tôi.

Tháng 6 năm 1976 ông chết trong trại tù cải tạo Đá Bàn, khi tôi đang bị tù ở vùng Việt Bắc. Hơn hai năm sau tôi mới nhận được tin buồn. Tôi đã khóc đến không còn nước mắt. Từ hôm ấy, đêm nào ngủ tôi cũng mơ màng tưởng mình đang nghe tiếng Dế.

Sau hơn 15 năm phải bỏ quê lưu lạc xứ người, lần đầu tiên tôi về thăm quê hương và ngôi mộ của ba tôi. Cũng vào một buổi trưa hè, gay gắt nắng, khi đang quỳ trước mộ ông, tôi lại nghe tiếng một con Dế gáy vang trong lùm cây trước mộ. Kỷ niệm ngày xưa bỗng dưng òa tới, tôi xót xa ngồi khóc sục sùi.

Ông anh tôi, lớn hơn tôi hai tuổi, hiền như cục đất. Lúc nhỏ hai thằng chơi với nhau, tôi thường ăn hiếp anh tôi. Tội nghiệp, anh theo tôi bắt Dế suốt ngày, Có lần một con Dế chết, hai đứa bày ra chuyện tổ chức đám ma cho Dế. Cái này ông anh rành hơn tôi. Chúng tôi dùng một cái hộp dầu nhĩ thiên đường tô màu đỏ làm chiếc quan tài rồi làm lễ "tiễn đưa con Dế đến nơi an nghỉ cuối cùng", dưới một gốc cây xoài. Bây giờ hai anh em cũng đã sắp già, có cuộc sống riêng. Nhưng mỗi lần nhớ tới anh là tôi nhớ tới con Dế và trong lòng cứ thấy rưng rưng.

Lớn lên, trải qua bao nhiêu thăng trầm, con Dế vẫn không rời xa tôi. Tôi say mê và dễ bị xúc cảm khi đọc những bài thơ về Dế. Đến nỗi tôi nghĩ đại rằng, đáng làm thơ nào mà chưa hề viết về con Dế thì chưa phải là thi sĩ. Ôn Như Hầu tiên sinh viết: "Đâu ngờ tiếng dế than rì rĩ / Giọng bi thu gọi kẻ cô phòng." Nguyễn Khuyến tả cảnh

đêm hè cũng có tiếng Dế kêu tha thiết. Nhiều thi sĩ thời nay viết về Dế như một lời tự tình bi thảm. Du Tử Lê viết: "Con dế mèn tự tử giữa đêm khuya..". Nhà thơ Tô Thùy Yên, người bạn cùng tù với tôi đã viết: "Đây rồi chú dế giang hồ ấy / vẫn hát say sưa dưới cỏ buồn..". Đặc biệt anh đã trút hết nỗi lòng của một người tù trở về sau 17 năm cải tạo trong "Ta Về" Bài thơ khá dài và thật cảm động, được phổ biến rộng rãi ở hải ngoại. Một đoạn trong bài thơ có bóng dáng tội nghiệp của con Dế:

*"...Ta về như giấc mơ thần bí
Tuổi nhỏ đi tìm những tối vui
Trắng sáng lưu hồn ta vết phỏng
Trọn đời, nỗi nhớ sáng không nguôi
Bé ơi, này những vui buồn cũ
Hãy sống đương đầu với lãng quên
Con dế, vẫn là con dế ấy
Hát rong bờ cỏ giọng thân quen..."*

Lưu lạc xứ người bao nhiêu năm, lần đầu tiên trở về thăm làng cũ, chạnh lòng khi nghe tiếng Dế, tôi cứ tưởng như nó nói lên giùm tâm sự của chính mình:

*... Hỡi thăm bụi chuối bên đường đó
Chú dế nào kêu giọng xót xa
Bao nhiêu oan khổ trăm năm cũ
Vẫn cứ ngân đều điệu xót xa..*

Nhà thơ Trần Hoài Thư, cùng học với tôi ở Võ Tánh. Thời đi học ở cùng một nơi với tôi: Rộc Rau Muống, Nhatrang. Sang Mỹ sớm và công thành danh toại, đã viết về con Dế ngày xưa của anh. Bài thơ đã làm tôi xúc động nên thuộc lòng:

"Con dế nào của tuổi dại u mê / Cứ than vãn giữa trưa hè xứ Mỹ/ Hay chú dế của một thời ủy mị/ Đang gọi những mùa hè đã mất trong ta/ Đang gọi những cánh đồng xưa bao la/ Những cánh đồng ngập tràn rau muống/ Ôi những ruộng đường, Những bước chân luống cuống / Giữa một vùng đầy nhạc dế xênh xang/ Biết chú nào núp ẩn giữa rộc non/ Nở giởn cùng cộng rau tươi mát / Gặm nhấm những chồi non xanh ngát/ Đôi cánh thổi kèn thả nhạc đêm xanh
Đưa nhỏ nào của xứ Nhatrang / Cửa thời Sinh Trung chưa bồi chưa lở / Cửa mỗi năm, những trái xoài trái ổi/ Rủ nhau xum xuê dưới bóng mát thiên đường / Cửa những ngày loạn lạc nhiều nhưong/ Cửa những đêm trắng, Sân nhà Sầm trắng như bánh trắng/ Chú dế của ta cũng theo mùa trắng để lớn/ Gọi cô nàng bạn gái trong hang /Thằng bé cũng lớn lên theo những mùa trắng/ Nhớ Sầm đi tìm cho Sầm chú dế / Chú dế có đôi càng vương để /Râu vút lên trời, đầu bóng như mun / Chú dế giữa đồng xanh thăm chơi rong / Cứ khuyến dụ ai một thời dại nhỏ
Một thời ai tắm trường không mắc cỡ/ Hái trộm xoài vẫn nhớ tới Sầm/ Nhớ chú dế nào to nhỏ trong đêm/ Khiến ta cứ xôn xao hoài phải thức/ Chú dế của ta, cánh màu hung đất/ Trước bạn trước thù râu cũng vênh vang/ Chú cũng như ta- tóc hạ Nhatrang/ Hồn xanh mượt mây Hà Ra Xóm Bóng/ Da đồng đen của mặt trời dưới Chệt /Tóc hung hung của nắng lửa Hòn Chồng/ Chú theo ta, lên Rù Rì mênh mông/Du thủ cùng ta xóm trên xóm dưới/ Ta thương chú hơn trái xoài trái khế/ Trên đầu giường, bên cạnh chú, hồn ta.

"Đêm tôi nằm
dụi vào người chồng
hy vọng trốn chạy chính mình
gắn chặt thân thể chàng
như thể khi mơ
chàng có thể nghĩ rằng tôi
như con dế
trên lá cỏ
của mảng lưng chàng.
Dế và cỏ cùng
đu đưa
trong gió,
nhẹ như hơi thở
chúng tìm ra một vùng đất
Tôi bỗng thấy mình cô độc
Trên cánh đồng này".

Mặc dù đây lại là một con Dế khác, hoàn toàn khác. Nhưng mà con Dế cũng dễ thương và chắc chắn trong đám đàn ông chúng ta, ai lại không muốn có một con Dế như vậy. Phải không ? thưa các bạn ?

Đọc tới đây, chắc bà con thiên hạ không nỡ nào còn nhẫn tâm bắt con Dế của tôi mà làm thịt nhậu chơi. Oan hồn của nó sẽ theo kẻ nào giết nó mà rên rỉ than khóc suốt đời. Vậy thì không một ai được phép phạm tới con Dế, để bắt nó trở thành một thứ gì đó rất tầm thường, đến phạm phụ tục tử: thịt dế. Nếu tôi có quyền, tôi sẽ thêm một điều khoản đặc biệt trong hiến pháp nước CHXHCNVN: Tuyệt đối cấm mọi hành vi làm bách hại tới con Dế. Hình phạt tử hình cho những ai ăn thịt Dế và buôn bán Dế để làm thịt.

Từ ngày rời khỏi quê hương đến nay, đã hơn 20 năm, tôi rất xa lạ và chưa hề được hô khẩu hiệu. Trước khi chấm dứt mấy dòng cà kê nhưng đầy tâm huyết này, tôi xin khóa cửa lại để hô to khẩu hiệu:

- Con Dế muôn năm. Con Dế sẽ sống mãi trong lòng và trong sự nghiệp văn chương của chúng ta.

Phạm Tín An Ninh
Vương Quốc Nauy
Vào hè 2005

Nhà thơ Quan Dương, gốc Ninh Hòa chính hiệu, người bạn trẻ dễ thương của tôi, đã từng gửi hồn mình qua Tiếng Dế xót xa. Bài thơ thật hay đã làm tôi vô cùng cảm động:

"Gió xô chiều ngã xuống hướng Tây, vài chiếc lá khô đang ấp vòm cỏ dại / Sợ lạnh nên lá vàng trước tuổi / Mùa thu đang khoát lá màu chàm, phủ trùm lên giọt nắng chưa tan / Chiều đang bước dần vào bóng tối / Con dế ru thều thào yếu đuối / Lâu lắm rồi mới nghe lại tiếng dế than / Đây là xứ Mỹ chứ đâu phải Việt Nam / Sao lại có tiếng dế buồn thảm thiết ?

Tiếng dế diu hồn tôi về thuở trước / Thuở nằm rừng với thằng bạn lính tuổi thơ sinh / Trung đội hai thằng bố trí hình mũi tên / Bờ ruộng, sinh lầy ngập lên tới bụng / Phía sau lưng đêm lắm lủi rưng, trước mặt là tiếng dế như sấm chiều nay / Trong đầu mỗi thằng dẹt sẵn vài câu thơ / Để dành lại nếu ngày mai còn sống, sẽ xót chia từng ly thơ để uống / Để gọi là mừng sau một đêm qua trường.

Tuổi trẻ của bọn tôi giữa thời buổi chiến tranh, tàn thuốc hút chung nặng đầy tình nghĩa / Ngụm rượu để sau lần tiếp tế, nồng say hơn rượu X.O nhiều / Thời khổ nạn dám chết cho nhau, những thằng bạn khác gì Lương Sơn Bạc ?

Chiều nay xứ người nghe con dế khóc / Thấy đất cựa mình theo bước quân đi / chinh chiến lụi tàn trên đất nước từ lâu / Con dế khóc ? Hà có gì cháy lại? / Hay là lửa dẫu trong lòng âm ỉ? / Chỉ đợi hơi xăng là bốc khói ra ngoài?

Thằng bạn tôi ở lại chiến trường xưa, thân xác giờ này cũng đã tan theo gió bụi / Lâu lắm rồi tôi giả đồ không còn nhớ / Có phải bạn trách tôi theo tiếng dế đến nơi này ? / Nơi tôi sống bây giờ toàn xa lộ freeway / Hỏi bạn ? Tôi tìm đâu ra vùng sinh lầy ngập nước / Để hai đứa ngâm mình hút chung điếu thuốc, để bạn dạy tôi hai tiếng đồng bào / Để bạn giải thích cho tôi hiểu tại sao, tuổi trẻ bỏ quên mà không hề hối hận.

Thu khoác lên vai chiếc áo lạnh / Tôi mở cửa vào nhà có máy sưởi vặn lên / Nhìn qua khung cửa kiếng ngoài hiên / Con dế núp nơi nào trong đám cỏ? / Chú dế bé con ơi, thôi đừng khóc nữa / Tôi đã ươn hèn từ lúc bỏ nước ra đi /

Đó là con Dế ngày xưa của những người bây giờ đã già, qua bao nhiêu thăng trầm, vẫn mãi mang theo, vẫn còn da diết nặng tình với Dế. Bây giờ ta hãy nghe con Dế trong thơ của những người rất trẻ, sinh ra và lớn lên ở hải ngoại. Bài thơ của Barbara Trần là một điển hình. Cô sinh và lớn lên ở New York, tốt nghiệp cao học nghệ thuật tại đại học Columbia, cùng với ba người bạn đồng lứa, chủ biên tuyển tập Ngán Nước, gồm toàn văn thơ của những người Mỹ trẻ gốc Việt. Con Dế của cô không còn là biểu tượng của tuổi thơ hay nỗi niềm da diết, tình tự ở quê nhà, mà chỉ còn là một cuộc ái ân.

TRÊN CHIẾN TRƯỜNG XƯA

SUNDAY, 30. NOVEMBER 2008, 01:32:15



AUDIO BOOK: Kính mời quý vị bấm vào **TRÊN CHIẾN TRƯỜNG XƯA** để thưởng thức giọng đọc của Thu Sương (Pháp Quốc) diễn đạt bài viết qua audio file.

Hơn ba mươi năm sau, cùng với bốn anh em trong đơn vị xưa, chúng tôi trở lại Kontum tìm thăm nơi an nghỉ của những đồng đội cũ. Trong những năm 72 và 73, đơn vị chúng tôi đã có hơn hai trăm anh em vĩnh viễn nằm lại nơi này để giữ vững miền địa đầu, cửa ngõ quan trọng nhất vào Tây Nguyên, nơi có bản doanh Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn nằm không xa phía dưới - thành phố Pleiku. Dừng chân dưới chân núi ChuPao, nhớ tới những trận đánh khó khăn ác liệt với những toán địch quân bị xích chân trong những hầm núi đá, cố bám trụ những cái “chốt”, nhằm cắt đứt QL 14, con đường huyết mạch nối liền Kontum với Pleiku, và hình dung tới từng khuôn mặt của những anh em đã không bao giờ còn trở lại, một số đã gởi xác thân lại cho rừng núi nơi này, tôi xót xa khi nghĩ là mình còn mắc nợ họ. Món nợ máu xương không bao giờ trả được. Ngày ấy chiến trường ác liệt, có nhiều người lính phải hy sinh ngay khi vừa mới bổ sung cho đơn vị, mà ban quân số chưa kịp nhận hồ sơ lý lịch. Đa số rất trẻ, độc thân, và gia đình ở tận những miền xa, nên mồ mả không có ai chăm sóc. Hơn ba mươi năm rồi, qua bao nhiêu thăng trầm biến đổi, có lẽ hầu hết các nghĩa trang trong thành phố đã bị giải tỏa từ lâu, và nếu có được cải táng ở một nơi nào đó, chắc trên mộ bia không còn ghi đơn vị cũ. Chúng tôi đến đây như để tìm lại chút kỷ niệm và mong được vơi đi chút nào lòng trắc ẩn, chứ chuyện tìm lại được mồ mả của anh em - hy vọng rất mong manh.

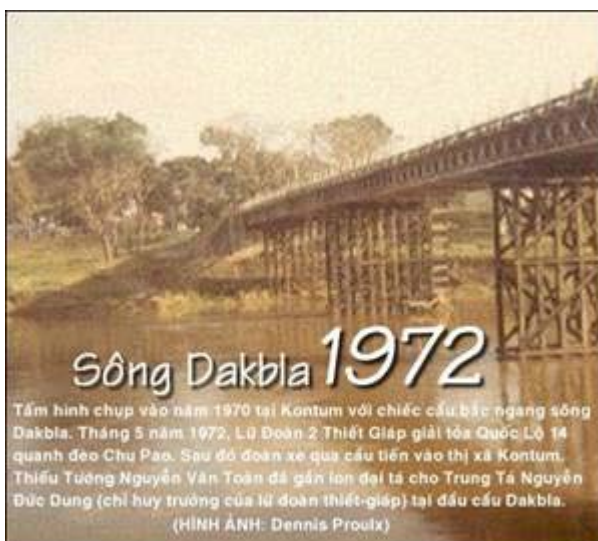
Cả thành phố Kontum bây giờ đã đổi khác. Khó khăn lắm chúng tôi mới tìm được các địa danh ngày trước. Những B12, B15, Thành DakPha, Đồi Sao Mai, Bệnh Viện Dã Chiến. Nơi có những bản doanh, căn cứ từng mang tên những người anh, người bạn anh hùng của tôi đã nằm xuống để bảo vệ Kontum: Võ Anh Tài, Đặng Trung Đức, Trần Công Lâm...Chúng tôi tìm đến một số nhà quen lúc trước. Tất cả không còn. Những người chúng tôi gặp đa số mới vào từ miền Bắc. Người Kontum xưa giờ chắc cũng đã tứ tán bốn phương trời. Tội nghiệp cho người dân Kontum bất

hạnh. Bao nhiêu năm tháng hứng chịu chiến tranh, có lúc thành phố bị mỗi ngày hàng ngàn quả đạn pháo, vậy mà họ vẫn ở lại, vẫn cùng với những người lính chúng tôi giữ vững thành phố này trong suốt những thời kỳ ác liệt nhất. Nhưng rồi cuối cùng, giữa tháng 3/75, Kontum bị bỏ rơi tức tưởi khi không còn bóng dáng quân thù. Những người lính ở đây được lệnh tử thủ, ngăn chặn miền địa đầu tam biên cho Pleiku di tản. Tôi từng được nghe người Kontum kể lại chuyện những người lính hào hùng, tự sát vào giờ thứ 25, khi Kontum bị lọt vào tay giặc. Nghĩ tới đó, lòng tôi thấy nghẹn ngào, nước mắt cứ trào ra.

Đúng như chúng tôi dự đoán, tất cả mọi nghĩa trang trong thành phố, nơi bạn bè tôi được chôn cất, không còn nữa, người ta đã giải tỏa để xây lên một số cơ sở công quyền và những khu giải trí.

Chúng tôi tìm đến Tòa Giám Mục, cũng là nơi mà đơn vị chúng tôi đã phải đổ khá nhiều máu xương để tái chiếm trong Mùa Hè Đỏ Lửa. Một vị linh mục đứng tuổi, tiếp chúng tôi niềm nở. Ông cho biết là, mồ mả trong các nghĩa trang lúc xưa đã được cải táng và chuyển đến địa điểm mới, nằm trên cây số 9, đường lên Tân Cảnh. Tuy nhiên chỉ có những ngôi mộ có thân nhân nhận lãnh và tự cải táng thì mới có mộ bia, còn những ngôi mộ khác thì không biết ra sao. Ngài còn tốt bụng, sẵn sàng hướng dẫn chúng tôi đến đó. Cây số 9, gần căn cứ Non Nước, nơi ngày xưa đơn vị tôi đã bao lần cùng với các chiến sĩ thiết giáp hào hùng của Chi Đoàn 1/8 KB đẩy lui những đợt tấn công biển người của địch, giữ vững cửa ngõ vào thành phố Kontum.

Mất gần hai tiếng đồng hồ, đi khắp nghĩa trang, chúng tôi vẫn không tìm ra bia mộ nào có cái tên quen. Nhiều ngôi mộ không có bia. Đưa vị linh mục trở lại Tòa Giám Mục, cảm ơn và chia tay ngài. Đã hơn 12 giờ trưa, chúng tôi tìm một nơi nào đó để ăn cơm. Nhớ tới quán ăn Bạch Đằng và Thiên Nam Phúc ngày xưa, nơi có mấy cô chủ quán dễ thương, mà đám lính tráng chúng tôi thường ghé lại đây ăn uống sau những tháng ngày dài hành quân trong núi, một anh bạn hỏi thăm đường đến đó. Nhưng quán bây giờ đã đóng cửa và những người xưa cũng đã trôi dạt về những nơi nào đó. Bọn tôi rủ nhau ra bờ sông Dakbla, dọc theo con đường về làng Tân Hương, nơi lúc xưa có mấy cái quán nhỏ để những ngày tương đối bình yên, bọn tôi ra ngồi uống cà phê, ngắm dòng sông chảy ngược, tạo huyền thoại một thời này, mà nhớ tới vợ con hay người tình đang ở đâu đó, để rồi sau lúc chia tay chẳng biết ngày mai ai còn ai mất. Dọc theo bờ sông bây giờ là những hotel, nhà hàng, nhà trọ và biệt thự của các ông quan lớn. Cuối cùng chúng tôi cũng tìm ra được một cái quán ăn bình dân, nhưng khá sạch sẽ, nằm dưới tàng của một cây trứng cá.



- Buổi trưa nên vắng khách. Bà chủ vui vẻ vừa đón chúng tôi vừa giải thích. Chúng tôi chọn một cái bàn nhỏ gần bờ sông. Xa xa phía bên kia là làng Phương Hòa thật dễ thương ẩn mình dưới những vườn cây. Nhìn mấy bờ đê bên bìa làng, tôi nhớ tới cái chết của người phi công anh hùng Phạm văn Thặng. Tôi đã chứng kiến phi vụ thật can trường này. Anh là trưởng phi tuần gồm hai chiến đấu cơ AD-6, đánh bom vào một mục tiêu có nhiều ổ súng phòng không của địch. Anh lao phi cơ xuống thật thấp bắn chính xác, tiêu hủy mục tiêu, tạo một đám cháy và nhiều tiếng nổ phụ, rồi bay lên từ trong đám lửa ấy. Đang trên đường bay về, anh phát hiện có nhiều đạn phòng không bắn lên từ một khu vực khác. Anh quay trở lại, lao phi cơ xuống trút hết những quả bom còn lại, rồi bay vút lên không trung. Đúng lúc ấy, máy bay anh bị trúng đạn. Cánh bên phải phát hỏa. Anh phi tuần phó bay kèm theo, bảo vệ và hối thúc anh nhảy dù ra. Bộ binh chúng tôi cũng sẵn sàng tiếp cứu. Nhưng anh từ chối, bảo là nếu anh nhảy dù ra, phi cơ sẽ rớt xuống khu dân cư trong thành phố. Anh cố gắng bay qua bên kia bờ sông, đáp khẩn cấp (crash) xuống khu ruộng trống phía dưới. Anh điều khiển thật tài tình, nhưng vì phi cơ đã hư hỏng, không còn theo ý muốn, đâm vào một bờ đê và phát nổ. Anh Phạm văn Thặng đã anh dũng hy sinh. Điều cảm động hơn, khi người đại diện của Sư Đoàn đến nhà anh để chia buồn cùng gia đình và đưa anh đến nơi an nghỉ cuối cùng, đã kể lại cảnh nghèo nàn của gia đình anh, một trung tá phi công của QLVNCH.

- Mấy ông anh từ xa tới. Chắc tính làm ăn gì chứ cái thành phố này thì có cái gì mà tham quan. Phải không?

Câu hỏi của chị chủ quán làm tôi giật mình. Mấy anh em khác im lặng, nhìn tôi như thầm nhắc cho tôi cái nhiệm vụ trả lời.

- Không, bọn tôi tìm thăm người quen, nhưng không gặp.

- Ở khu vực nào, có nhớ địa chỉ không ? Tôi sẽ tìm giúp các anh. Tôi là dân ở đây mà.

Tôi mỉm cười :

- Cám ơn chị. Ở trong nghĩa trang thành phố, nhưng đã bị dọn đi nơi khác rồi, biết đâu mà tìm.

Chị chủ quán khựng lại chưa kịp để thức ăn xuống bàn, nhìn tôi ngạc nhiên :

- Sao lại phải ở trong nghĩa trang ?

- Vì họ đã chết rồi. Chết từ năm 1972 lận. Tôi buồn bã trả lời.

- Vậy chắc các anh đây là lính Cộng hòa mình ? thuộc đơn vị nào ?

Nghe mấy chữ "lính Cộng hòa mình" tự dưng tôi cảm thấy gần gũi với người đàn bà xa lạ này. Tôi thân thiện :

- Anh em bọn tôi thuộc sư đoàn 23, trung đoàn 44 chị ạ.

- À, vậy có anh nào ở đại đội trinh sát ?

- Không, bọn tôi ở trung đoàn và tiểu đoàn. Một người trong chúng tôi trả lời.

Sau một khắc yên lặng, chị lên tiếng:

- Em có mấy người bạn ở trinh sát. Lúc trước cũng nằm trong nghĩa trang thành phố, nhưng khi có lệnh giải tỏa, em đã chuyển các anh ấy lên cây số 9 rồi. Chị chủ quán tỏ ra thân thiện và thay đổi cách xưng hô.

Chúng tôi vừa bất ngờ vừa xúc động. Sau khi dọn bàn xong, mang nước trà ra mời chúng tôi, chị kéo ghế ngồi xuống rồi tâm sự.

Thì ra chị là bạn gái của anh Bình, trung sĩ Bình, ở đại đội trinh sát của đại úy Minh, sau này là đại úy Mạnh. Anh tử trận hồi mùa hè 1972.. Ngày đó chị còn đang đi học, nhưng chiến tranh ác liệt quá, trường phải tạm đóng cửa. Chị ở nhà phụ bán cà phê cùng với người chị ruột. Bà chị này quen khá thân với Mạnh. Khi ấy Mạnh còn là trung úy đại đội phó. Anh Bình thường theo Mạnh tới đây, rồi dần dà quen nhau. Từ khi Bình chết, chị thường đến thắp hương và chăm sóc mộ phần Bình và những đồng đội của anh nằm trong nghĩa trang thành phố.

Năm 1978, chính quyền Cộng sản ra lệnh giải tỏa nghĩa trang, chọi chạy khắp nơi kêu gọi bà con cùng góp tiền góp sức với chọi, nhưng cũng chỉ kịp cải táng hơn 20 ngôi mộ của những anh em Trinh Sát về địa điểm mới. Hầu hết mồ mả của những anh em chiến sĩ còn lại, đã bị san bằng. Chúng tôi cảm động. Không ngờ trong thời buổi nhảm nhem tình nghĩa, có lắm kẻ sớm vong ơn, phản suy phù thịnh, vẫn còn có nhiều người Kontum nặng tình với lính.

Theo yêu cầu của bọn tôi, chọi cùng chúng tôi đi thăm mộ anh Bình và các anh em trinh sát. Hơn hai mươi ngôi mộ được xây bằng đá đơn giản, nằm bên nhau ở khu phía đông nghĩa trang. Điều đặc biệt trên các tấm bia, trước mỗi cái tên đều có kẻ hai chữ TS. Chúng tôi thắp hương cho từng ngôi mộ xong, quay lại thì thấy chọi đang ngồi sụt sùi trước mộ anh Bình. Khi thấy bọn tôi, chọi lau nước mắt đứng dậy và nói một mình:

- Thật tội nghiệp, anh ấy hy sinh khi tìm cách chui qua hàng rào để bắn hạ chiếc xe tăng của VC vừa đột nhập vào chiếm bệnh viện

Tôi nhớ lại trận chiến ác liệt này. Khi VC mở đợt tấn công thứ nhì vào thành phố Kontum nhằm rửa hận lần thảm bại ở tuyến tây bắc: Hơn một trung đoàn bộ và nguyên một tiểu đoàn xe tăng của sư đoàn 320 bị chúng tôi xóa sổ. Lần này chúng dùng mấy chiếc M113 đã cướp được của Sư Đoàn 22 BB từ khi Tân Cảnh thất thủ, dẫn đầu một đơn vị gồm những chiến xa T54 + T59 có bộ binh yểm trợ, nhằm lừa phi cơ quan sát của ta, xâm nhập vào Bệnh Viện 2 Dã Chiến, nằm cạnh thành DakPha, cách vòng đai phi trường chừng 800 mét, với thủ đoạn lợi dụng vào những thường dân và binh lính bị thương nằm trong bệnh viện, để uy hiếp lực lượng của ta. Tiểu Đoàn 4/44 do Thiếu Tá Võ Anh Tài chỉ huy đã đánh một trận chiến vô cùng gay go ác liệt với một lực lượng địch đông gấp ba lần, dùng chiến xa T54 làm nỗ lực chính. Xe tăng địch nép theo những vách nhà bệnh viện. Muốn diệt chúng phải tiếp cận để có thể dùng những khẩu M 72 hiệu quả, anh Tài cùng toán quân báo đã dẫn đầu đơn vị, tìm cách chui qua hàng rào bệnh viện, và anh đã hy sinh bởi bị chính mìn của ta phát nổ. Người anh cả của Tiểu Đoàn, một sĩ quan xuất thân từ khóa 16 VBĐL lừng danh, đã nằm xuống dọn đường cho đơn vị mình cứu nguy bệnh viện, nơi có đồng bào và cả đồng đội của anh bị địch quân dùng làm bàn đạp trong ý đồ bắt nhân của chúng. Đại Đội Trinh Sát đang bảo vệ Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn được điều động tiếp ứng, đột nhập đánh vào sườn địch. Trinh Sát 44, một đại đội với bao chiến công hiển hách từ thời đại úy Trần Công Lâm, Phan công Minh và sau này là Đoàn quang Mạnh, đã đánh một trận thật tuyệt vời, bắn cháy nhiều chiến xa địch, đuổi đám tàn quân Cộng sản chạy thoát thân ra khỏi bệnh viện và giữ vững một lần nữa vòng đai thành phố. Đại đội Trinh sát này dưới sự chỉ huy tài ba và gan dạ của trung úy Phan Công Minh, đã từng đánh một trận thần tốc, chỉ bằng lựu đạn và cận chiến, giải cứu cho một Tiểu Đoàn BĐQ /BP bị vây trên đỉnh núi ChuPao. Minh bị thương nhưng vẫn tiếp tục điều quân, vừa phá vòng vây cứu nguy cho đơn vị bạn, vừa diệt những cái chốt cuối cùng, khai thông QL 14, để lực lượng chiến xa của Lữ Đoàn II KB lên tăng cường cho mặt trận và hộ tống đoàn xe tiếp tế, lần đầu đến Kontum kể từ khi cuộc chiến khởi đầu. Tướng Trần văn Hai, nguyên Chỉ huy trưởng BĐQ, lúc ấy là TLP/ QĐII đã cùng đại tá TMT/QĐ, đến QYV Pleiku ôm lấy người đại đội trưởng trẻ tuổi tài ba gan dạ Phan Công Minh ngay khi vừa mới được tản thương về, và gắn lon đại úy cùng anh dũng bội tinh với nhành dương liễu cho Minh tại đây. Lúc ấy Minh vừa tròn 25 tuổi.

- Đại úy Mạnh bây giờ ở đâu, các anh có gặp anh ấy không ?

Câu hỏi của chọi đã cắt mất dòng hồi tưởng của tôi. Tôi lên tiếng trả lời chọi :

- Anh Mạnh đã chết trong tù cải tạo từ năm 1978 chọi ạ.

Im lặng một lúc, tôi lại nghe tiếng chọi khóc.

- Chọi Hà em, bạn gái của anh Mạnh lúc xưa cũng bị chết năm 75 khi VC vào chiếm Kontum. Mộ chọi nằm ở ngay phía trước đây.

Vừa nói, chị vừa dẫn chúng tôi đến đó. Nhìn bức ảnh trên mộ bia tôi mang máng nhớ lại người con gái tên Hà ở một quán cà phê nhỏ nằm trong vườn cây sau nhà, hơn ba mươi năm về trước.

Nghĩa địa mới này nằm không xa làng Trung Nghĩa. Tôi rủ chị cùng với chúng tôi ghé lại thăm làng và khu nhà thờ. Nơi mà ngày xưa ông cha chánh xứ đã cùng chúng tôi chiến đấu bảo vệ những giáo dân ngoan đạo. Nghe nói ngài đã bị tra tấn đến chết trong trại tù cải tạo.

Ra khỏi nghĩa trang, nhìn về phía bắc, rừng núi ngày xưa, dù không tránh được dấu vết của đạn bom, nhưng vẫn còn xanh tốt, giờ sao lại xơ xác điêu tàn. Tôi hỏi chị bạn gái anh Bình, nghe tiếng chị thở dài :

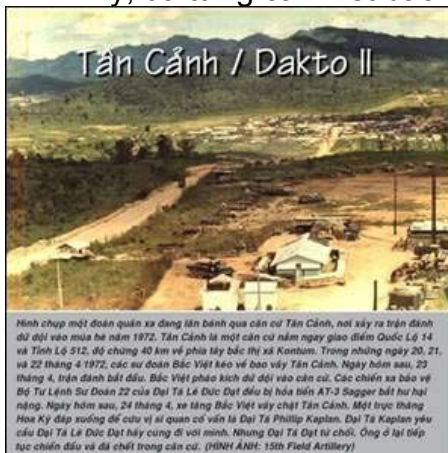
- Tham những bây giờ còn tàn phá nhiều hơn cả chiến tranh ngày trước.

Tôi nhớ lại những vụ án ở đây, có liên quan đến nhiều ông lớn. Mới đây bà Thao Y Bình, Bí Thư Tỉnh Đoàn Kontum đã ăn cướp đến gần 140 tỷ đồng của dân nghèo, và ông Trần Văn Thiên, chủ tịch huyện Dak Glei đã thông đồng bán bao nhiêu gỗ quý.

Trên đường vào làng Trung Nghĩa, tôi hồi tưởng tới trận chiến trên tuyến Tây Bắc Kontum. Nơi đơn vị tôi đã thắng một trận thật lẫy lừng, làm tiêu hao cả sư đoàn 320 mà địch quân thường hãnh diện là Sư Đoàn Thép, mở đầu cho bao nhiêu chiến thắng sau đó để Kontum, Tây Nguyên không lọt vào tay giặc.

Đúng vào sáng 30 tết năm 1972, khi chuẩn bị buổi tiệc tất niên cho các đơn vị hậu cứ Sông Mao sau một năm đối mặt với chiến trường, Trung Đoàn 44 chúng tôi nhận khẩu lệnh của Tướng Ngô Dzu, Tư Lệnh QĐ II, di chuyển khẩn cấp lên An Khê để thay thế vị trí Sư Đoàn 101 Không Kỵ Hoa Kỳ vừa rút quân về nước. Vừa đến An Khê vào chiều mùng một tết, chúng tôi đã cùng với Thiết Đoàn 3 KB tham chiến, giải tỏa áp lực địch đang bao vây một số căn cứ phòng thủ của các đơn vị thuộc Sư Đoàn Mạnh Hổ Đại Hàn dọc theo đèo An Khê nằm trên QL 19. Tình hình tương đối yên tĩnh, các căn cứ Đại Hàn được giải tỏa, QL 19 đã khai thông, chúng tôi vừa đảm trách giữ an ninh cho QL19 từ Pleiku đến Bình Khê, vừa thiết lập lại các căn cứ pháo binh, phòng thủ. An Khê là một địa danh làm người ta nhớ tới hai đoạn đèo Mang Yang và An Khê cùng những khúc quanh “tử thần”, mà ngày xưa cả một tiểu đoàn thiện chiến của đội quân viễn chinh Pháp bị lọt vào ổ phục kích, để gần như phải xóa sổ.

Ngày 24/4/72, Tân Cảnh thất thủ khi BTLTiền Phương của SĐ22 bị tràn ngập. Đại tá Lê Đức Đạt, vị tư lệnh không được sự ủng hộ của tay phù thủy John Paul Vann, cố vấn Mỹ QĐII&QK2, đã từ chối lời mời lên máy bay của người cố vấn SĐ khi phòng tuyến bị chọc thủng bởi nhiều chiến xa T 54 của địch. Ông ở lại chiến đấu và vùi thân nơi chiến địa. Căn cứ Tân Cảnh thất thủ, quận Dakto mất, một BTL/Sư Đoàn bị rơi vào tay giặc mà không hề có bất cứ sự yểm trợ nào của lực lượng đồng minh, cùng cái chết của vị tư lệnh liêm sỉ, khí phách hào hùng thời ấy đã là một trang chiến sử nói lên cái bi phẫn của QLVNCH, báo trước sự bỏ rơi của người bạn đồng minh Mỹ, đã từng cam kết bảo vệ miền Nam, tiền đồn của Thế Giới Tự Do.



Căn cứ địa đầu thất thủ, kéo theo sự xáo trộn của một Sư Đoàn bao nhiêu năm trấn thủ tam biên, tạo thuận lợi để địch quân tràn xuống uy hiếp Kontum.

Trung Đoàn 44 nhận lệnh di chuyển khẩn cấp lên phi trường Pleiku để được không vận lên Kontum. Lúc này thành phố Kontum đang bất ổn, VC đã có mặt một số nơi trong thành phố và pháo kích thường xuyên vào phi trường, một vài phi cơ bị trúng đạn phải nằm ụ tại chỗ. Chúng tôi được lần lượt không vận vào ban đêm bằng C 130. Khi sắp vào không phận, máy bay tắt hết đèn, đảo mấy vòng, đáp thật nhanh, trút chúng tôi xuống cuối phi đạo rồi vội vàng bay lên trong đêm tối mịt mùng.

Tiểu Đoàn 1 và 2/44 được chở thẳng tới phòng tuyến tây bắc, thay thế cho một liên đoàn BĐQ vừa bị tiêu hao quân số. Hai vị tiểu đoàn trưởng lại là hai người bạn cùng tốt nghiệp khóa 19 VBĐL thao lược, can trường: Đại úy Đặng Trung Đức và Nguyễn Xuân Phán. Ngay sau khi nhận khu vực trách nhiệm, từ vị tiểu đoàn trưởng đến binh sĩ cùng nhau lập phòng tuyến chiến đấu, đặc biệt là đào những hầm hố chống chiến xa phía trước.

Vào khoảng 5 giờ sáng, ánh trăng hạ tuần còn mờ ảo dưới màn sương, các toán tiền đồn phát hiện có nhiều chiến xa địch đang tiến về hướng nam. Các đơn vị được lệnh xuống giao thông hào, và dỡ bỏ tất cả các lều poncho để tránh sự phát hiện của địch. Trên hệ thống vô tuyến, tất cả báo cáo đã sẵn sàng. Địch quân tập trung đánh vào phòng tuyến TĐ 2 của Đại úy Nguyễn Xuân Phán. Chúng không ngờ có một đơn vị thiện chiến mới toanh vừa mới có mặt trên chiến trường này, nên sau một loạt tiền pháo, chúng xua những chiếc T 54 dàn hàng ngang, lực lượng bộ binh ồ ạt theo sau. Mặc dù đây là lần đầu tiên trực chiến với xe tăng địch nhưng không hề nao núng, mặc cho những xích sắt tha hồ rú gào đe dọa, Đại úy Phán bình tĩnh vừa gọi pháo binh tác xạ ngăn chặn, phân tán và tiêu diệt bộ binh địch, vừa ra lệnh cho đơn vị chỉ khai hỏa khi những chiếc T 54 tới gần trước mặt, trong tầm bắn chính xác hữu hiệu của những khẩu M 72, loại vũ khí chống tăng duy nhất mà đơn vị được cấp, và một số B40, B41 của địch thu được từ chiến trường An Khê. Đó là một quyết định táo bạo và sáng suốt. Chiếc T 54 đầu tiên bị bắn hạ do chính anh Tiểu Đoàn Phó, đại úy Nguyễn Xuân Hướng. Ngay sau đó, hàng loạt xe tăng địch bị bắn cháy. Cả một tiểu đoàn ồ ạt hô xung phong. Cộng quân bị đánh bất ngờ, khiếp sợ, quay đầu chạy. Một chiếc T 54 ủi thẳng vào hầm BCH/TĐ, bị ta bắt sống cả xe lẫn địch, trong đó có tên đại đội trưởng. Tiểu Đoàn 1/44 của Đại úy Đức trở thành lực lượng ngăn chặn hữu hiệu, đánh bất ngờ bên hông địch, đám tàn quân chỉ còn kịp buông súng đầu hàng. Chiến thắng ấy tất nhiên là công trạng của tất cả mọi người, nhưng sẽ là thiếu sót lớn lao, nếu không nhắc tới thiếu tá Ngô Văn Xuân, vị trung đoàn phó tốt nghiệp khóa 17 VBĐL hiền lành mà tài năng đảm lược. Lúc nào tiếng nói thật bình tĩnh, trấn an, dặn dò, đốc thúc của Bá Hòa (danh hiệu của anh) cũng vang trên hệ thống vô tuyến làm nức lòng chiến sĩ. Ngay sáng hôm ấy, khi khói lửa chưa tan, Thiếu Tướng Nguyễn Văn Toàn vừa nhận chức vụ Tư lệnh QĐII thay thế Tướng Ngô Dzu, bay lên thị sát mặt trận. Ông vẫn đội bê rê đen, đứng trên xe M113 và đi bộ ngay trên phòng tuyến, bắt tay từng anh em binh sĩ, vui mừng với chiến tích đầu tiên của ông và gắn lon thăng cấp cho vị trung đoàn trưởng. Người ta đã nói nhiều về cá nhân ông, nhưng ít ai biết được ông là một dũng tướng ngoài chiến trường.

Chiến công hiển hách này đã mở đầu cho hàng loạt chiến thắng khác của tất cả những đơn vị tham chiến để bảo vệ Kontum và giữ vững vùng địa đầu Tây Nguyên trong suốt Mùa Hè Đỏ Lửa 1972. Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu lên thăm Kontum, mừng chiến thắng. Khi trực thăng ông đáp xuống căn cứ B 12, bản doanh của BTL/SĐ23BB, đạn pháo của VC thi nhau rót xuống, nhưng vị Tổng Tư lệnh đã xua tay từ chối nhận chiếc áo giáp từ vị đại tá Tham Mưu Trưởng Sư Đoàn. Ít nhất ông

cũng đã chứng tỏ được cái uy dũng của một người xuất thân từ lính. Nhân dịp này Tổng Thống đã gắn lon Tướng cho đại tá Lý Tông Bá, Tư lệnh Sư Đoàn. Các anh Tiểu Đoàn Trưởng đều được vinh thăng một cấp. Riêng vị trung đoàn phó thâm lặng Ngô văn Xuân được thăng cấp bằng một quyết định riêng sau đó. Anh được điều về làm Trưởng Phòng 3 Sư Đoàn và sau này là một trong những vị trung đoàn trưởng thao lược của QLVNCH.

Kontum bây giờ chẳng còn một chút gì dấu tích chiến tranh, nhưng nhìn ở đâu tôi cũng thấy bóng dáng anh em đồng đội cũ, những người bạn trẻ tuổi can trường của chúng tôi ngày trước. Đặng Trung Đức đã hy sinh vào mùa hè 1973 khi vừa được trực thăng vận xuống phía bắc căn cứ Non Nước. Tên anh được đặt cho bản doanh BTL/SĐ. Vợ con anh đã sang Pháp, nhưng chị Đức đã mất từ năm 1982, hai đứa con nhỏ phải nhờ ông bà ngoại nuôi nấng. Bà mẹ già góa bụa, mà Đức là con một, cũng đau buồn mà đi theo Đức chưa đầy một năm sau ngày Đức hy sinh. Trần Công Lâm, người bạn cùng khóa thân thiết nhất của tôi - người sĩ quan chưa hề biết mùi chiến bại, đi hành quân mà chưa gặp địch là không chịu quay về -, trước khi nắm Tiểu Đoàn 3/44, đã từng là một đại đội trưởng Trinh Sát lưng danh với bao chiến công hiển hách, vang dội khắp Quân Đoàn, cũng đã nằm xuống cuối năm 1973 trên đỉnh Ngok Wang đèo heo gió hú. Nguyễn xuân Phán sau những năm tháng tù đầy, hiện lưu lạc ở một thị trấn nhỏ thuộc tiểu bang Washington bên Mỹ và vẫn hằng say trong các tổ chức xã hội, cộng đồng. Thịnh thoảng anh xuống San Jose gặp gỡ bù khú với anh em, vẫn cạn ly một trăm phần trăm, dễ thương, vui vẻ như ngày nào. Anh bảo chỉ có những lúc vui với anh em và say mèm mới có thể quên được nỗi đau. Phan Công Minh thì đang sống âm thầm ở một thành phố biển ngoại ô New York. Hơn 10 năm đi cày 2, 3 “job”, để đủ lo cho các con ăn học, thời gian còn lại chỉ đủ để uống rượu tiêu sầu. Bây giờ tương đối rảnh rang, truyền nghề đánh giặc lại cho thằng con trai lớn vừa tình nguyện vào Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ, đang hành quân trên chiến trường Irak. Riêng anh Ngô văn Xuân, mòn mỏi, bệnh hoạn sau hơn 13 năm tù. Nhưng dường như những vết thương chiến trường, tù ngục còn trên thân xác không làm cho anh đau đớn bằng vết thương trong lòng. Nỗi đau của một người đã hiến đời cho binh nghiệp mà giữa đường phải đành vất cung bẻ kiếm. Bây giờ anh sống lặng lẽ ở một nơi gần thành phố San Jose, làm thợ Hoa Tâm, nghiên cứu về Thiền và Phật học. Còn lại, những đồng đội khác, hoặc đang sống lê lết khốn cùng ở đâu đó bên quê nhà với thương tích trên người, hoặc lưu lạc muôn phương, một số đã hy sinh, xác thân nằm ở một nơi nào đó, giữa núi rừng Kontum này, hay hoang lạnh trong các nghĩa trang, đã dờ đi hoặc bị san bằng, nhưng có lẽ hồn thiêng vẫn còn phảng phất đâu đây. Tôi đốt hết bó nhang còn lại chia cho anh em. Chị bạn gái của anh Bình cũng xin được chia phần. Chúng tôi đứng nghiêm khấn vái bốn phương trời. Cầu nguyện hồn thiêng của những đồng đội cũ được sớm siêu thoát trên chốn vĩnh hằng, và xin tất cả tha lỗi cho chúng tôi, những người còn sống nhưng đã không trả được - dù chỉ một phần nhỏ nào - món nợ máu xương cho họ.

Suốt đêm hôm ấy không ngủ được, chúng tôi nằm kể lại bao nhiêu chuyện vui buồn trên chiến trường xưa, nhắc lại từng tên, từng khuôn mặt bạn bè. Chúng tôi cũng tranh luận thật nhiều về cuộc chiến đã qua và những cái chết của đồng đội mà thấy lòng nặng trĩu những đau buồn với bao điều tức tưởi.

Sáng hôm sau, chị chủ quán, bạn gái anh Bình, mời chúng tôi ăn sáng rồi tiễn chúng tôi ra đầu cầu Dakbla. Chị đứng yên lặng không nói một lời gì. Nhìn những giọt nước mắt chảy dài trên má chị, trong lòng chúng tôi có lẽ ai nấy cũng đang giữ riêng một nỗi ngậm ngùi. Nhìn dòng sông Dakbla chảy ngược qua cầu, tôi có cảm giác như lòng mình cũng đang chảy ngược về những nơi nào đó, những chiến trường xưa, mà mãi mãi vẫn còn in bóng dáng hào hùng của bao nhiêu bè bạn, anh em - những người đồng đội cũ. Tất cả đã từng có một thời sống rất đáng sống.

(33 năm sau ngày gây súng)

NHỮNG ĐÀN CHIM DI

SATURDAY, 20. DECEMBER 2008, 03:55:05



Cả hai tuần nay, mấy quan chức sở “bảo vệ súc vật” thành phố thường xuyên đến thăm gia đình tôi, để tìm hiểu lý do vì sao, trước mùa đông năm nay những đàn chim trane không còn trở về vùng này nữa. Họ đã cho người dọn dẹp lại khu bờ sông, chăm sóc cánh đồng cỏ và trồng thêm mấy hàng thông phía bên kia để đón những đàn chim, nhưng chờ mãi mà chẳng thấy bóng dáng một con trane nào trở lại.

Trane là một loài chim sống thành đàn, màu nâu đen, có dáng như con hạc ở quê nhà. Là một giống chim không chịu lạnh, nên hàng năm, cứ trời sắp sang đông là tụ tập từng đàn ở một nơi nào đó rồi chia nhau bay tìm những xứ nóng phương nam. Ở Bắc Âu có nhiều loài chim trốn lạnh, nhưng loại trane này nhiều nhất, có tổ chức khá qui củ, và khi bay đi chúng bay thành từng nhóm theo hình những mũi tên, có khoảng cách đều nhau, rất đẹp.

Định cư ở Na Uy hơn ba năm. Lúc kinh tế gia đình và việc học hành của mấy đứa con tạm ổn định, cũng là lúc vợ chồng tôi bắt đầu có thời gian để hồi tưởng về quá khứ, và nhớ quê hương. Chúng tôi quyết định mua một ngôi nhà dưới thung lũng nhỏ, bên bờ sông Nitelva yên tĩnh, bên kia là cánh đồng cỏ mênh mông tiếp giáp với núi rừng. Cái khung cảnh có mang một chút hình dáng và màu sắc quê nhà giúp tâm hồn tôi yên ả hơn mỗi khi thấy lòng trần trở, nhưng nhớ một điều gì.

Những lúc buồn, tôi ngồi hăng giờ trong bao lơn nhìn ra phía cánh đồng và rừng núi phía xa xa, để ngỡ là quê hương mình như đang ở phía bên kia triền núi đó. Không những vợ chồng tôi mà mấy đứa con đều thích thú ngôi nhà này, vì nó khá rộng rãi đủ để mỗi đứa có một phòng riêng, trang trí, sắp xếp theo sở thích của mình. Trong thung lũng nhỏ này, ngoài chúng tôi, chỉ có ba gia đình láng giềng, một đến từ Thụy Điển, một đến từ Tây Đức, chỉ có một gia đình là dân bản xứ chính tông. Có lẽ sống trong một khu “hợp chủng quốc” bé nhỏ nhất trên lục địa này, nên chúng tôi sớm gần gũi, thân tình.

Dọn đến cuối mùa xuân, nên suốt hè năm ấy, chúng tôi lần lượt là khách mời của mấy người bạn láng giềng. Ông bà người Thụy Điển có chiếc du thuyền lớn với đầy đủ tiện nghi. Cả nhà chúng tôi được cùng họ xuôi ngược cả một tuần trên con sông Nitelva chảy dài qua những rừng thông, đồng cỏ và một vài vùng quê êm ả, lãng mạn. Những ngày còn lại, cùng với gia đình ông bà người Đức vào rừng cắm trại, đi săn, rồi cùng với gia đình ông bà Na Uy đi cắm lều bên kia bờ sông, vừa câu cá vừa ngắm những cặp thiên nga tung tăng bơi lội.

Khi những chiếc lá vàng cuối cùng rơi xuống, trời đột nhiên trở lạnh, báo hiệu sắp chấm dứt mùa thu bắc âu thơ mộng, cũng là lúc chúng tôi bắt đầu chuẩn bị mọi thứ cho một mùa đông băng giá kéo dài cả năm, sáu tháng.

Một buổi tối, khi ngồi ở phòng khách đọc mấy tờ báo, tôi nghe tiếng chim kêu, mỗi lúc một nhiều, vang động cả một vùng xưa nay tĩnh mịch. Tiếng chim có cái âm sắc như đang tìm nhau, gọi nhau, mừng rỡ. Hôm sau, hỏi ông láng giềng người Đức, tôi mới biết là chính ngã ba sông ngay trước nhà tôi, từ bao nhiêu năm nay, là nơi nhiều đàn chim trane di xứ chọn làm địa điểm tập trung để bay về phương nam trước khi mùa đông đến.

Cả mấy đêm liền sau đó, cứ vào khoảng chín giờ tối, những đàn chim từ mọi nơi bắt đầu kéo về tụ tập ở bờ sông và cánh đồng cỏ bên kia, kêu gọi nhau cả đêm. Đến mờ sáng, chia nhau từng nhóm chừng hai mươi con, nối tiếp bay đi, theo hình những mũi tên, vẽ lên nền trời mờ hơi sương một bức tranh tuyệt đẹp.

Nhiều đêm, tôi lặng lẽ ra bờ sông, ngồi cả mấy tiếng đồng hồ, nhìn chim từng đàn bay tới, cả trăm, rồi hàng vạn con. Chúng đón nhau gọi nhau líu lo mừng rỡ. Tiếc là loài người đã không hiểu được ngôn ngữ của loài chim, để nghe nó chào nhau, nói với nhau những lời tình tự, và bàn nhau phân công, tổ chức, sắp xếp từng đàn lần lượt bay đi trong trật tự. Tôi miên man hồi tưởng thời gian hơn mười năm trong lính. Rồi bất ngờ nảy ra một ý tưởng so sánh lạ kỳ: Những “đội quân” chim trane này có tinh thần kỷ luật và tinh đồng đội. Các “vị chỉ huy” của nó còn tài giỏi hơn nhiều ông quan chỉ huy của bọn tôi ngày trước. Con chim dẫn đầu trong một đội hình mũi tên chắc chắn phải là con chim chỉ huy cấp nhỏ nhất, nhóm trưởng. Con chim “tổng tư lệnh” phải là con chim bay lên ở những nhóm cuối cùng. Phải như thế mới có được một cuộc “hành quân triệt thoái” diễn ra trong trật tự và đẹp đẽ như tôi vừa chứng kiến. Cái may mắn, là chúng có cả một không gian yên bình để sắp xếp những chuyển ra đi, khác với những người lính chúng tôi vào những ngày cuối tháng tư, với bom đạn xe pháo dày đặc của cả một khối liên minh đối phương kéo từ phương Bắc. Trong lúc chúng tôi bị người bạn đồng minh bội phản, và điều đáng buồn hơn, đã có nhiều cấp chỉ huy hèn mạt, xa chạy cao bay trong khi chúng tôi vẫn còn kiên cường chiến đấu.

Những năm sau đó, năm nào cũng thế, khi trời chỉ mới vào thu là tôi đã bắt đầu ngóng chờ những con chim trane trở lại. Tôi chờ chúng như đã từng chờ những chiến hữu của mình. Tôi thấy như mình trẻ lại, lòng rộn rã niềm vui. Cho dù cứ mỗi lần đàn chim tụ tập về đây là tôi có nhiều đêm mất ngủ, trăn trở nghĩ suy về quê hương và thân phận của mình cùng những bạn bè xưa.

Hầu hết bạn bè tôi, nếu còn sống sót sau cuộc chiến tang thương đó, kẻ đã phải ra đi trong loạn lạc, ly tan, người thì được ông bạn đồng minh phản bội năm xưa, can thiệp với kẻ cựu thù cho “ra đi trong vòng trật tự” sau nhiều năm bị đày đọa ngục tù, vợ con nheo nhóc, để giờ này mỗi người trôi dạt một phương, mang theo những vết thương không lành được ở trong lòng. Biết đến khi nào chúng tôi mới được như những con chim trane đang tụ tập ca hát líu lo ngoài kia, trước giờ bay xuống phương nam?

Có một lần, dường như vào mùa đông thứ năm, khác với mọi năm, khi trời đã sáng hẳn rồi mà đàn chim cuối cùng vẫn chưa rời khỏi địa điểm tập trung, kêu lên những tiếng kêu lạ, buồn và khắc khoải. Tôi tò mò chạy ra xem. Lúc ấy những con chim vội vàng tung cánh bay lên rồi lần lượt xếp lại thành đội hình mũi tên, nhưng vẫn bay vòng lại mấy lần và tiếp tục những tiếng kêu buồn không dứt. Tôi đứng nhìn theo, lòng lắng xuống như muốn nhấn gỏi theo từng cánh chim một ít nỗi niềm. Nghe có tiếng sột soạt trong một hốc đá, tôi chạy lại tìm. Một chú chim, chẳng hiểu vì sao bị gãy đôi chân, nằm sâu trong đó, bên cạnh có khá nhiều hạt lúa mì, thức ăn dành cho nó. Tôi bế con chim vào nhà. Nó nhìn tôi như van lơn, đôi mắt ướt nhè. Tôi có cảm tưởng là nó đang khóc. Tôi lại chợt nhớ tới những đồng đội bất hạnh, bị trọng thương trong những ngày cuối cuộc chiến, đau đớn, cô đơn, rồi lang thang sau khi bị đuổi ra khỏi các quân y viện. Mắt tôi bỗng nhòe đi khi nghĩ đến mấy vị tướng oai hùng, cùng ở lại sống chết với anh em rồi tuần tiết trước giờ thứ hai mươi lăm. Từ ngày có con chim trane thương tích, nhà tôi lại vui hơn, nhất là hai cô con gái nhỏ của tôi, tha hồ nâng niu, chăm sóc và kể cả tâm tình với nó. Cô bé thích sau này làm nghề y tá, thì mang nó ra phòng bác sĩ thú y khám, mua thuốc băng bó cho nó. Riêng tôi, mỗi lần chăm lo cho nó, tôi có cảm giác như đang lo cho một đồng đội bị thương tích của mình. Hơn hai tháng sau, khi đôi chân của nó lành hẳn, cũng là lúc tuyết đang rơi trắng cả khung trời. Được thả ra khỏi lồng, nhưng nó chỉ quanh quẩn trong nhà. Suốt gần một năm nó là một thành viên đặc biệt trong gia đình tôi và là bạn thân của hai cô con gái nhỏ.

Khi mùa thu trở lại, tôi bàn bạc, khuyên mấy đứa con chuẩn bị trả nó lại với đàn, khi những con chim thiên di đầu tiên trở lại. Giải thích và năn nỉ mãi mấy cô mới chịu. Hôm trả nó lại sum họp với đàn, hai cô con gái nâng niu, âu yếm tâm tình rồi chia tay nó. Không khí cảm động không thua gì những cuộc chia ly trên thế gian này. Một điều làm cả nhà tôi ngạc nhiên và xúc động. Cuối mùa thu năm sau, khi những đàn chim bắt đầu trở lại, một buổi tối khi sửa soạn đi ngủ, mấy cô con gái của tôi bất ngờ thấy con chim trane đậu ngoài cửa sổ. Khi cửa sổ vừa mở, nó bay vào trong phòng, kêu lên rộn rã. Nhờ vết thương cũ còn in dấu trên đôi chân của nó, mấy cô con gái mới biết chắc, nó chính là con chim năm trước. Từ đó, có thể tôi còn biết về loài chim trane này nhiều hơn những nhà nghiên cứu chim muông: trung thành và có trí nhớ.

Không ngờ, những con chim trane lại là những niềm vui, nỗi nhớ cho gia đình tôi trong những ngày lưu lạc ở một vùng bắc âu xa lạ..

Bây giờ mấy cô con gái của tôi đã thành người lớn. Tất cả đã đi học bên Mỹ, bên Anh rồi ở lại làm việc luôn bên ấy, nhưng cứ gần tới cuối mùa thu đều gọi về nhà hỏi thăm đàn chim trane có còn tụ tập trước nhà, và con chim bị thương ngày trước có còn bay về đậu trên khung cửa sổ.

Suốt mùa thu vừa rồi, tôi trông chờ nhưng đàn chim không trở lại. Tôi thấy nhớ tiếc những đêm nghe tiếng chim kêu, và những buổi sáng tinh mơ nhìn từng nhóm lặng lẽ bay theo hình những mũi tên hướng về phương nam, hùng vĩ như một binh đoàn vượt tuyến xuất phát, bắt đầu một cuộc hành quân qui mô dài hạn. Nhiều lúc tôi đã từng ước mơ có thêm đôi cánh, để cùng được bay lên với chúng.

Cơ quan bảo vệ súc vật và sở y tế & vệ sinh thành phố, cũng đã đến đây từ đầu mùa thu, xịt thuốc sát trùng và dọn dẹp bờ sông, đồng cỏ, để đón những đàn chim trane trở lại. Năm nay, họ làm việc nhiều hơn, chuẩn bị mọi điều chu đáo hơn, vì có tin bệnh “cúm gia cầm” ở một vài xứ nóng phía nam. Họ lo lắng những con chim trane bị lây nhiễm vi khuẩn H5N1. Loại vi khuẩn mà cả thế giới đang bàn tán về nguy cơ một cơn đại dịch. Hội Đồng thành phố họp liên miên, bàn bạc về khả năng

những con chim trane, có thể sẽ bị giết chết trên một xứ nóng nào đó, để ngăn ngừa mang bệnh vào. Họ liên lạc với cơ quan y tế Liên Hiệp Quốc, gửi thư cho chính phủ của một số nước nhiệt đới phía nam, nhằm bảo vệ cho những đàn chim trane bay sang trốn lạnh. Họ chuẩn bị, lo lắng để đón những đàn chim của họ quay về. Trời đã vào đông, ngoài kia, bầu trời đã đổi sang màu trắng đục, trên dòng sông Nitelva dày đặc sương mù, báo hiệu những hạt tuyết đầu mùa sắp rơi. Bà Anne-Mari, trưởng Sở bảo vệ súc vật thành phố, cùng một số nhân viên đến nhà tôi từ chiều nay. Họ kiên nhẫn ngồi chờ để hy vọng được đón những đàn chim trane có thể trở lại muôn màng. Họ cùng vợ chồng tôi uống hết mấy bình trà, rồi chia tay lúc nửa đêm. Tuyết bắt đầu rơi. Chắc chắn giờ này những con chim trane không còn đến nữa. Khi đứng lên chia tay, nhìn họ thoáng buồn nhưng không tuyệt vọng. Mỗi người đều nắm chặt tay tôi và nói lời cầu nguyện bằng an cho những con chim trane di xứ, dù nó đang trôi dạt ở nơi đâu cũng mong cuối mùa thu năm sau sẽ kéo nhau trở lại nơi này.

Suốt cả đêm tôi không hề chợp mắt. Không phải tôi nghĩ đến những con chim trane, mà nghĩ đến thân phận của chính mình cùng những người đồng hương đang lưu lạc khắp năm châu. Ngược lại với loài chim trane thiên di, bay về nam tìm nắng ấm, chúng tôi đã phải bỏ quê hương bốn mùa nắng ấm để đi tìm tự do và tình người ở những vùng băng tuyết xa xăm. Những mùa đông kéo dài, trong cái lạnh lẽo mới thấy thấm thía tận cùng nỗi cô đơn xa xứ.

Tự dưng, tôi nghĩ đến một điều: Biết đến khi nào chính quyền ở quê nhà thật lòng xem những người ra đi là “khúc ruột ngàn dặm”, là “một bộ phận không thể tách rời”, để biết yêu thương lo lắng và mong ước đón tiếp họ trở về, như chính quyền của cái thành phố nhỏ ở xứ Bắc Âu xa xôi này - nơi từng cư mang gia đình tôi - đã lo lắng mong chờ những con chim trane di xứ? Điều đặc biệt hơn, là những người Việt tha phương sẽ mang về cho quê hương biết bao nhiêu tài năng, trí tuệ, và bạc tiền, còn những con chim trane kia có thể sẽ mang về cho họ những con vi khuẩn chết người.

Tôi đắp kín chăn nhưng vẫn thấy lạnh toát, mơ hồ như tuyết đang phủ đầy người, và vết thương cũ trong lòng vừa mới nhói đau trở lại.

Phạm Tín An Ninh

ĐƯỜNG XƯA LỐI CŨ

TUESDAY, 30. DECEMBER 2008, 02:22:07



Ảnh: Đường Duy Tân và bãi biển Nha Trang xưa

*Đường xưa lối cũ ta về
Từng con sóng vỗ não nề xa xa.*

Tôi xin mượn tên một bài hát của cố nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ làm tựa cho bài viết có lẽ không đâu vào đâu này, để cảm ơn chị bạn Ninh-Hòa có cái họ vừa đẹp vừa buồn - Lương Lệ - đã hát tặng trong đêm đầu tiên chúng tôi vừa trở lại quê nhà, ở cái quán cà phê mang tên khá lạ; Hòn Kiến, nằm trong một khu vắng vẻ trên con đường Bạch Đằng quen thuộc của một thời tôi còn lang thang đi học ở Nha Trang. Bài hát dù hay nhưng xưa cũ lắm, tôi đã nghe rất nhiều lần, đến gần như không còn cảm xúc. Nhưng hôm nay ngồi nghe chị hát mà lòng chợt ngậm ngùi. Bởi vì chính bây giờ đây, tôi đã trở về và đang đi trên những con đường xưa lối cũ ấy.

Không ngờ chị hát thật hay, thật truyền cảm. Tôi nghe tên chị từ lâu lắm, nhưng hôm nay lần đầu tôi gặp chị. Tôi mới chợt nghĩ ra rằng, ở Ninh Hòa, cái họ Lương này, dù ở Phú Hòa hay là ở Xóm Rượu gì cũng đã từng vang bóng một thời, đã từng làm khổ biết bao chàng, từ thư sinh đến anh hùng hào kiệt. Bà xã tôi thường nhắc tên một cô bạn thân, cùng lớp, cùng đội múa Trăng Mờng Luông ngày xưa, đẹp và hiền hơn ma soeur, nhưng bất cứ lúc nào cũng có thể khóc được. Hỏi ra thì cô nàng có cái tên Lương-Lệ Bích-San. Tôi bảo, cô ấy dễ khóc là phải, vì trong cái tên lúc nào cũng đã có sẵn cả một dòng nước mắt. Đêm nay cũng có Bích San và ông xã. Anh ngồi bên tôi, rất hiền lành, chỉ mỉm cười, ít nói, thì thầm đọc cho tôi mấy câu thơ về một chuyện tình buồn. Anh làm thơ hay lắm nhưng cho tôi cái cảm giác là cuộc tình của hai người ngày xưa cũng có cả một trời sóng gió. Trước năm 75, anh là giáo sư của vài trường trung học ở Ninh Hòa, nhưng bây giờ anh làm một việc giống như “cai trường”, sống âm thầm lặng lẽ ở Nha Trang. Chị bạn hát tặng chúng tôi bài hát mừng hội ngộ tôi nay, chắc lúc xưa cũng đã từng làm đại khờ bao nhiêu trái tim của đám học trò lẫn các ông thầy Trần Bình Trọng, Võ Tánh.

Được tin bà già vợ đau rất nặng, phải vào nhà thương trong tình trạng rất nguy ngập mà không ai chăm sóc, nể tình bà vợ Ninh Hòa, tôi tháp tùng một chuyến cổ hương. Lần đầu tiên sau hơn ba mươi năm, bất ngờ được ăn một cái Tết quê nhà. Đêm giao thừa, nằm ở Ninh-Hòa mà thấy lòng buồn bát ngát một mùa thu. Có lẽ, tuổi đã già nên không còn cái nao nức của thời xưa, hay là còn cái cảm giác quê hương mình sao vẫn còn xa lạ quá. Ngay trước nhà là một chợ hoa, nhiều nhất là hoa cúc với hoa mai. Dường như hai loại hoa này đang mang mùa xuân đến cho Ninh-Hòa. Sắp đến giờ giao thừa mà hoa vẫn còn đầy ngoài đường, trước ngõ. Người ta phải bán với cái giá chỉ để khỏi phải trả tiền chuyên chở lại về nhà trên các vùng như Quang Đông, Cháp Lễ. Tội nghiệp, những người trồng hoa có lẽ đã phải vất vả suốt cả năm, để mang mùa Xuân đến cho mọi nhà, nhưng rồi không biết mùa Xuân có đến được nhà của chính họ hay không ?

Sáng mùng một Tết, dự định ghé lại thăm một vài người quen, nhưng ngại có người kiêng cử. Một kẻ lưu lạc tha phương xông đất biết đâu lại là cái điềm chia lìa nào đó. Nên cuối cùng đón xe lửa trở lại Nha Trang để tìm một chút yên bình. Đi xe lửa bây giờ là điều thú vị, vừa được ngắm cảnh núi non đồng ruộng, vừa được nghe toàn những bản nhạc “vàng” tình ca của miền nam thuở trước và nhớ lại cái thời vào trọ học Nha Trang, cuối tuần chỉ toàn đi xe lửa “cọc”.

Nha Trang, dù có cái gì xa lạ nhưng lúc nào cũng đẹp. Đẹp để đủ cho lòng người ta nuối tiếc mong lung. Bởi ngồi trước biển Nha Trang mà tâm tư cứ mơ hồ giữa cái còn và cái mất, giữa ngày xưa với bây giờ. Cái nhớ nhất, sâu lắng nhất còn lại trong lòng là kỷ niệm của một thời đi học, của những mối tình học trò vụng dại dễ thương. Niềm vui là tìm gặp được những bạn bè cùng lớp ngày xưa để còn thấy mình trẻ lại. Nhưng vui đó rồi buồn đó. Bởi bây giờ ai cũng đã già và mỗi người một số kiếp long đong.

Một thằng bạn cùng học ba năm cuối cùng ở trường Võ Tánh, to con, đẹp trai và học giỏi. Sau này cũng là bạn lính. Ở tù hơn bảy năm nên bạn bè ai cũng nghĩ là nó đã đi diện HO và đang nổi trôi nơi nào trên nước Mỹ, không ngờ còn gặp lại nó ở Nha Trang.

Sau sáu tháng nó vào tù, cô vợ “Bắc Kỳ nho nhỏ” mang ba đứa con (mà đứa lớn nhất mới vừa năm tuổi) giao cho bà nội ở trên Thành, Diên Khánh, rồi sang sông..... về đâu đó, không bao giờ trở lại thăm con. Bà nội thì già, mấy đứa nhỏ bầu vịu vào ông chú, vừa tốt nghiệp kỹ sư Nông Lâm Súc, nhưng bởi có ông anh là “ngụy đang cải tạo”, nên được chức phụ hồ cho một ông thợ nề là bác họ. Trong lúc phụ hồ xây dựng một bệnh viện, anh làm quen được một chị đầu bếp của bệnh viện, Không biết tài ăn nói thế nào mà anh làm cô đầu bếp động lòng trắc ẩn, thương cảm hoàn cảnh mấy đứa cháu dại không mẹ không cha. Cô sẵn sàng làm mẹ nuôi. Với tất cả tiền bạc và tấm lòng, cô đã cưu mang ba đứa bé còn hơn cả một người mẹ. Ba đứa nhỏ lớn lên cứ tưởng cô là mẹ. Cái tình mẫu tử này sao mà hiếm hoi và bi tráng quá. Thì ra trong cái thời nhá nhem tình nghĩa ấy vẫn còn có những tấm lòng hơn cả chữ từ bi viết trong mấy ngôi chùa.

Bảy năm sau, thằng bạn tôi được thả về, cúi mình trước người con gái lần đầu tiên gặp mặt để xin lấy một lấy tạ ơn. Cô nắm tay ngăn lại. Đúng giây phút ấy, bốn mắt nhìn nhau và cùng rơi lệ. Họ ôm nhau và yêu nhau rồi lấy nhau... Hôm gặp chị, tôi tò mò hỏi lý do nào chị yêu và lấy thằng bạn khốn cùng của tôi trong lúc chị còn con gái. Chị cho biết vì không thể rời xa ba đứa nhỏ mà chị cứ tưởng là con ruột của

chính mình. Chính cái tình thương gắn bó mấy đứa nhỏ mà chị trở thành vợ của ba nó. Còn tôi thì lại mơ màng suy ngẫm đến hai chữ duyên nợ của đất trời. Sau này chị làm đầu bếp cho một nhà hàng ở bờ biển Nha Trang. Thăng bạn tôi và mấy đứa con vẫn sống trên Thành, vì với cái lý lịch đen, không thể xin được cái hộ khẩu về thành phố. Còn chị vợ thì tiếc cái hộ khẩu ở thành phố, mà không muốn chuyển lên Diên Khánh. Mặc dù ban ngày làm ở Nha Trang nhưng tối tối là chị chạy xe Honda về với chồng con.

Cũng chính vì cái “hộ khẩu” mỗi người một nơi ấy, mà khi thăng bạn của tôi nộp đơn xin đi theo diện HO, bị phái đoàn Mỹ từ chối, trả lại hồ sơ và sỉ vả một trận, vì nghĩ chị vợ tốt bụng này chỉ là vợ giả, trả tiền cho nó để được bỏ nước ra đi. Chuyện tình ngay mà lý gian ấy cũng đã làm vợ chồng tổn kém và khốn khổ một thời. Sau mấy lần khiếu nại, cái ân sủng cuối cùng là: chỉ có người cha và ba đứa con được ra đi vào đợt cuối HO. Còn chị vợ sẽ vĩnh viễn không bao giờ được bước chân đến Mỹ. Bạn tôi quyết định ở lại với người vợ ân tình, mà anh coi như ông trời đã sai xuống dương trần này để gánh vác cho mấy cha con.

Bây giờ ba đứa con đã là người lớn. Thăng bạn tôi ở nhà chăm sóc ngôi từ đường, nuôi mấy con heo và nấu cơm cho con cho vợ. Chị ấy vẫn làm ở khách sạn dưới Nha Trang.

Hôm đưa con gái lớn lấy chồng, chị khuyên mãi thăng bạn tôi mới báo tin cho bà mẹ ruột bạc tình, bây giờ đang lấy một ông chồng người Thụy Sĩ. Bà ấy cũng vác bộ mặt đầy son phấn trở về. Nhưng đứa con gái chỉ cho bà đến nhà hàng dự tiệc mà từ chối sự hiện diện của bà trong hôn lễ. Con bé bảo rằng, bà chỉ là một cái máy để ra tôi, nhưng mẹ tôi chính là vợ của ba tôi bây giờ.

Tôi rót một ly rượu mừng cho cả cái vô phúc lẫn cái diễm phúc của thăng bạn cũ, nhưng rót đến hai ly để mời vợ nó. Một ly mừng và một ly để nói hộ giùm tôi lòng biết ơn và ngưỡng mộ.

Tội quay sang bảo thăng bạn:

- Dường như chính phủ Mỹ vừa cho mở lại diện HO, mày thử nộp đơn lại xem sao. Nó xua tay:

- Tao chẳng cần đi đâu nữa, vì ở đâu có bà vợ tao đây là ở đó có thiên đường.

Tôi đùa:

- Mày nói còn hay hơn mấy ông linh mục trong nhà thờ.

Tôi choàng tay ôm vợ chồng nó mà nước mắt trào ra. Tôi nghĩ, nó vẫn còn tác phong của một thằng lính.

Một cô bạn học từ năm đệ tứ. Mùa hè năm rồi sang Mỹ thăm cô con gái là ni cô tu ở một ngôi chùa nữ dưới Los Angeles, bất ngờ đọc được bài viết của tôi trong Đặc San Hội Ngộ Võ Tánh & Nữ Trung Học Nha Trang, trong đó tôi có nhắc đến tên nàng, rồi lần mò tìm ra tông tích của tôi. Ngày xưa là một cô bé khá xinh và học giỏi. Sau này có thời làm phóng viên chiến trường cho QĐ II. Ông chồng gốc Võ Bị Đà Lạt, chết một tháng trước ngày có chuyến bay theo diện HO. Nàng dắt hai đứa con gái lưu lạc khắp nơi, với một số vốn liếng của mẹ cha để lại. Cuối cùng, khi kinh tế ổn định, mẹ con về mua một ngôi nhà bên cạnh Quan Âm Tự ở Sài Gòn. Cô con gái út vừa học đại học vừa tu học trong chùa. Còn nàng thì tu tại gia và cũng là một nhà thơ. Ngồi trên máy bay trở lại Na Uy, tôi đọc hết hai tập thơ của nàng ký tặng lúc chia tay. Nàng làm thơ Đường thật hay và cảm động. Tôi nghĩ, nếu Đức Phật mà đọc được thơ nàng thì cũng phải rơi nước mắt xuống tòa sen.

Mấy ngày ở Sài Gòn, tôi ghé thăm chị Hà, một người con gái gốc gác “quan họ” nhưng lúc nào cũng nặng lòng với Ninh Hòa. Ông bố ngày xưa là một niên trưởng của tôi, nên ngôi nhà nhỏ, dù là của gia đình đã bao đời, bây giờ vẫn chưa có “sổ đỏ”, trông cũ kỹ nhất trên con đường Minh Mạng xưa, vì không được phép sửa sang lại. Vẫn với nụ cười, từ tốn và lịch thiệp đủ để cho người lạ dễ làm quen và có cảm giác gần gũi thân thiện. Tôi hiểu lý do tại sao, giữa Sài Gòn với những bề bộn trong mấy ngày giáp Tết, bao nhiêu người phải đi ngược về xuôi, vậy mà cuộc họp mặt tất niên của Hội Đồng Hương Dục Mỹ & Ninh Hòa của chị có đến hơn một trăm người hiện diện. Nghe tôi ghé thăm, có một anh bạn trẻ Ninh-Hòa cũng đến chờ tôi. Chính cái cách biệt tuổi tác, cái khoảng cách không gian giữa ngoài và trong nước, lại là một sự gắn bó đến không ngờ. Chúng tôi có biết bao nhiêu điều để nói, từ hoài cảm về một thời xa xưa, đến những buồn vui trần trở bây giờ.

Tội nghiệp người bạn trẻ có lòng. Hôm sau, anh xin nghỉ làm nguyên cả buổi sáng... ghé lại khách sạn rủ tôi ra quán cà phê tâm sự. Tôi có cả xót xa và hạnh phúc, khi thấy mình đã già, trí óc có thể đã cần cỗi, lỗi thời nhưng lại có rất nhiều ưu tư, suy nghĩ rất gần với người bạn trẻ, vừa có lòng vừa có kiến thức này. Những nhận định, từ cái tư cách của ông nhạc sĩ Phạm Duy, những điều đáng buồn của quê hương đất nước: đạo đức xã hội ngày càng bị xói mòn, người ta làm giàu không từ nan bất cứ một thủ đoạn nào, ngay cả bán phụ nữ đi làm nô lệ -kể cả nô lệ tình dục- và bán cả một phần giang sơn đất nước.

Nói chuyện với anh, tôi chợt nhớ tới cái kết luận của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, khi đọc *Le Fils de La Baleine* (Kẻ Thừa Tự của Ông Nam Hải), tác phẩm nổi tiếng trên thế giới vào những năm giữa thập niên 50-60, của ông Thầy, nhà văn Cung Giũ Nguyên (nguyên tác bằng tiếng Pháp, xuất bản lần đầu ở Pháp năm 1956. Sau đó được dịch ra nhiều thứ tiếng và tái bản ở Đức và Canada):

“Người ta tôn vinh, thờ phụng một con Cá Voi chết, nhưng tại sao người ta lại tàn nhẫn với cuộc sống của một con người. ? - Xin đừng choàng vòng hoa cho một người đã chết và hãy yêu một người đang sống”.

Chiều hôm qua, trong khi bà vợ Ninh Hòa đi mua sắm, làm tóc làm tai, tôi nằm dài trong hotel đọc hai cuốn sách. Cả hai cuốn sách này tôi đã đọc qua trên mạng, cùng với bao ý kiến khen chê từ trong ra ngoài nước: Nhật Ký ĐặngThủyTrâm và tiểu thuyết Bóng Đè. Một cuốn đề cao một nữ bác sĩ hy sinh trong cuộc chiến, mà cuốn nhật ký của cô được kẻ cựu thù là một ông Mỹ vô danh nào đó gìn giữ và trao lại cho gia đình. Tôi nghiệp, lại thêm một cái chết nữa bị người ta lợi dụng. Còn cuốn kia nói về hiện tượng một cô gái bị bóng ma của mấy đời nhà chồng: ông, cha, từ trên bàn thờ trong nhà họ, đêm nào cũng xuống đè cô hãm hiếp. Tôi thích cuốn tiểu thuyết này, tác giả là một cô luật sư trẻ ngoài Hà Nội. Dường như báo chí trong nước phê phán gắt gao về những từ ngữ tả chân tình dục. Riêng tôi, tôi thích thú cái ý đằng sau những từ ngữ ấy. Đúng như vậy, có biết bao nhiêu người tuổi trẻ mà tôi biết hay đã gặp, như người bạn trẻ đang ngồi trước mặt tôi đây, với tấm lòng, kiến thức và nhiệt huyết, họ thừa khả năng để đưa đất nước vươn lên. Những cái bóng ma của quá khứ chỉ làm cho họ thêm nặng nề, ngộp thở. Chia tay anh, suốt trên đường về lại hotel... lòng tôi miên man với bao suy tư và hy vọng.

Ở Nha Trang, bất ngờ gặp vợ chồng cô bạn ở bên con sông Dinh và cây cầu Sắt, học cùng lớp và cũng cùng đội múa với bà vợ Ninh Hòa của tôi ở Trần Bình Trọng, cũng trở về từ một nơi nào đó. Ông bà cứ như là đám mây trên trời. Chợt đến rồi chợt đi. Không biết những nơi hai người đi qua có còn để lại vết tích của một đôi tình nhân sáu mươi khi “con tim đã vui trở lại” ?

Gặp cô bạn thân thiết một thời này, bà xã tôi bèn làm ngay một cuộc họp bạn bỏ túi. Bốn người bạn cùng lớp, trôi nổi mỗi người một cảnh, bây giờ gặp lại nhau, thôi thì tha hồ mây tao mi tớ, và kể đủ thứ chuyện dưới đất trên trời, làm tôi nhớ đến mấy câu thơ “làm chơi” của một ông bạn vong niên:

*Một đám con nít sáu mươi
Gặp nhau bỗng thấy nhớ trời đất xưa
Nhớ ngôi trường cũ dưới mưa
Nhớ thầy nhớ bạn nhớ giờ ra chơi*

...
*Một đám con nít sáu mươi
Tìm nhau kể chuyện trên trời dưới sông
Trên trời mây nổi mênh mông
Dưới sông bèo dạt bênh bồng nổi trôi...*

Một người nhắc tới anh bạn “ôm tong teo” cùng lớp, nhà thơ Quan Dương, đang lưu lạc ở New Orleans, vừa bị cơn bão Katrina rượt chạy sang tận Houston-Texas, và cho biết là dường như có một tờ báo trong nước luận (tội) về thơ Quan Dương. Tôi bảo là thơ Quan Dương chỉ kể lại những cái đau của người miền Nam trong những ngày tháng cũ. Có luận thì cũng chỉ thấy tội... nghiệp mà thôi. Đã là con người, lại là một nhà thơ..., xin hãy để cho họ nói lên những nỗi niềm tận đáy lòng của họ. Làm thơ cũng chỉ là một sự giải tỏa những niềm đau, những ẩn ức còn ở trong lòng. Chính những ông Văn Cao, Phùng Quán, hai nhà thơ nổi tiếng nhưng đã bị tù đầy, tàn tạ gần cả một đời chỉ vì “...muốn làm nhà văn chân thật / Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã / Bút giấy tôi ai cướp giật đi / Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá” cũng đã từng nhờ thơ mà sống còn, bởi “có những lúc ngã lòng,.. nhờ vịn câu thơ mà đứng dậy”. Bây giờ nhà nước đã phải chấp nhận ngợi ca giá trị thơ văn của hai ông, như là một đóng góp quý giá, lớn lao vào sự nghiệp văn hóa chung của dân tộc. Đặc biệt tên Văn Cao đã được dùng đặt tên cho một con đường ngay giữa lòng Hà Nội. Tiếc là mọi thứ chỉ xảy ra khi ông sắp chết !

Một anh bạn trong nước cho biết thêm một điều thú vị: “ông chủ tịch tỉnh” bây giờ là bạn học cùng lớp cùng trường Trần Bình Trọng với Quan Dương. Không biết ông ta có chút xót xa nào khi đọc được tập thơ Ruột Đau Chín Khúc của Quan Dương , và nếu bây giờ gặp nhau, liệu “ông chủ tịch” có tay bắt mặt mừng, hay lại bắt thằng bạn xưa nhốt vào trại tù cải tạo thêm vài ba năm nữa ? Ôi ! cuộc chiến tranh Việt nam sao mà bi thảm quá !

Tôi từ giã Ninh-Hòa vài ngày sau Tết, nhưng không biết Quê hương mình có thực sự bước vào một mùa Xuân ? Tôi nhìn thấy người ta bắt đầu phóng những con lộ lớn từ quốc lộ “đại hàn” nổi về khu thị trấn. Tôi cũng mừng về những đổi thay muộn màng đó của quê hương, nhưng thầm mong những con lộ mới làm này cũng sẽ nối lại được cái tình tự của con người Ninh Hòa, người Việt Nam với nhau, cho dù trước kia, trong cuộc chiến, kẻ ở bên này người ở bên kia và bây giờ kẻ ở quê nhà còn người thì lưu lạc khắp muôn phương. Bất giác tôi lại nhớ tới những đồng đội bất hạnh nhất của tôi còn nằm lại trong Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa, mồ mã của họ đã bị đập phá, san bằng, người nhà không được tự do đến thăm viếng, sửa sang. Vết thương cũ trong lòng tôi nhói đau trở lại, tựa hồ như vừa có trăm ngàn vết chém.

*Mùng bảy Tết năm Bính Tuất
phạmtínanninh*

CHUYỆN MỘT NGƯỜI BẠN HỌC

THURSDAY, 8. JANUARY 2009, 02:03:54



AUDIO BOOK: Kính mời quý vị bấm vào **CHUYỆN MỘT NGƯỜI BẠN HỌC** để thưởng thức giọng đọc của Thu Sương (Pháp Quốc) diễn đạt bài viết qua audio file.

Trước khi vào đệ tam Võ Tánh, hai thằng cùng học một lớp bên trường Văn Hóa. Năm đệ ngũ, niên học khai giảng hơn hai tuần thì cô Hương, giám thị, dẫn một người vào lớp. Mới đầu, từ cô Tùng Linh, giáo sư hướng dẫn, đến học trò, không ai nghĩ anh ta sẽ là học sinh vào lớp đệ ngũ này. Người cao lớn, vạm vỡ, đẹp trai, mái tóc bông bông, mặc một cái áo sơ mi sọc đậm, ngắn tay, xắn cao, quần sans-pi bó ống với cái nịt to bản và đôi giày da bóng đi kêu lộp cộp. Lại còn cái kính đen dắt trên dây nịt nữa chứ. Một cuốn tập cuốn tròn trong túi sau.

Cả lớp tròn mắt ngạc nhiên khi nghe cô Hương giới thiệu anh ta là học trò mới, từ xa đến.

Cái tên nghe cũng lạ : Lâm Ni.

(Sau này mới biết anh ta gốc tàu Chợ Lớn, cha Tàu mẹ Việt. Gia đình giàu có. Cha anh làm chủ một công ty xuất nhập cảng. Vì không kiểm soát được anh, nên gởi anh ra Nha Trang ở với ông cậu, là chỉ huy phó quân trường Đồng Đế. Ba má anh tin tưởng ông cậu nhà binh này sẽ đưa thằng con cưng của mình đi vào nề nếp. Cùng với không khí mát mẻ, hiền hòa của thành phố biển sẽ làm nó hiền lành ngoan ngoãn hơn).

Cô Tùng Linh chỉ cho Lâm Ni vào ngồi chung bàn với tôi ở phía sau. Anh chào tôi bằng cái rờ đầu rất kẻ cả. Tuần đầu anh im lặng, ít nói chuyện với ai. Mà có lẽ cũng chẳng có ai muốn làm quen với anh ta, ngoại trừ Trần Bá Hòa, người vui tính mà nghịch ngợm nhất lớp. Nhưng chỉ một tuần lễ sau là không khí cả lớp thay đổi hẳn.

Mấy nàng nữ sinh ngồi phía trước liên tục bị bắn giầy thun từ phía sau lưng, thì nhau quay ra phía bàn tôi chửi rửa. Có lần cô Linh đang viết trên bảng đen bị lạc đạn, cả lớp phải nín thở. Một lần khi thầy Nguyễn Đức Nhơn đang gọi điểm danh, thỉnh linh cả lớp như chợ vỡ, khi mấy người đẹp phát hiện một đám chuột con đỏ hỏn nằm dưới học bàn. Ai cũng biết tôi là thằng gốc nhà quê, hiền lành. Nhưng vì ngồi chung bàn với Lâm Ni nên “có chửi cùng chia, có cười cùng hưởng”. Nói vậy chứ chưa có bà chị nào quay xuống bàn tôi để nở nụ cười, mà chỉ toàn là những cái liếc sắc như dao, và tiếng rửa lưng búng trong miệng chưa kịp phát ra thành tiếng. Tôi bực mình anh ta nhưng không dám phản ứng.

Có lần tôi nhìn anh ta tỏ ra bực dọc, liền bị một cái cú đầu. Dưới mắt anh, lúc nào tôi cũng là thằng nhóc con. Nghĩ thân phận nhược tiểu nên tôi đành im lặng chịu đựng bên cạnh một đại cường. Nhưng tới một ngày, chiến tranh cũng phải bùng nổ, khi anh ta mượn rồi làm mất luôn cuốn vở “kiểu mẫu” (mà sau khi ở trường về tôi phải ngồi hàng giờ cặm cụi viết lại, uốn nắn từng chữ bằng nhiều thứ màu mực), tôi đã ném vào người anh tất cả mấy cuốn sách mà tôi có trong tay, giữa đám học trò trong lớp. Kỳ lạ, lần này anh lại cười hiền khô, ôm tôi và bảo “xin lỗi toa nghe!”. Đã thế ngày hôm sau anh còn mang cho tôi một bịch mấy trái thanh long. Từ hôm đó hai thằng xích lại gần nhau hơn một chút.

Cả trường biết anh, và có lẽ chẳng có ai ưa anh - tôi đoán thế - vì anh chạy một chiếc xe gắn máy hiệu Gobel màu đen mới toanh, trên bình xăng có vẽ hình con ó xòe đôi cánh, cái ghi-đông thật dài, ống pô được tháo bỏ phần hãm thanh nên nổ inh ỏi. Nghe nói tới nào anh cũng đi học võ ở võ đường của thầy Trọng Đãi. Có lần chính anh kể với đám tụi tôi, anh vào Judo Club để học lấy đai đen thì lại gặp thầy Trần Thanh Lý, dạy toán, cũng đang học trong đó, anh bèn rút lui. Khi ấy thầy Lý còn trẻ, nhưng anh nể thầy lắm. Mặc dù thầy Lý chưa hề phạt anh, bởi trong tất cả các môn học, môn toán và anh vẫn là anh giỏi nhất. Có lần thầy Lý còn gọi đùa anh là Lâm Bưu. Lúc ấy nhiều thằng trong đám tụi tôi chưa biết Lâm Bưu là gã trời đất nào, cũng cười theo. Nghe Lâm Ni kể là ông già của anh ta có cái mũi rất thánh trong trường. Ông tin chắc là Mỹ thế nào cũng đổ quân vào Việt nam, nên mượn thầy dạy kèm Anh văn cho con mình từ năm Lâm Ni mới vào đệ thất. Còn toán là nhờ cái thông minh và lanh lợi mà trời đã ban cho anh ta để bù vào mấy cái tật khác.

Lâu lâu, bọn tôi nghe Trần Bá Hòa thông báo là Lâm Ni hẹn đấu “pạc-co” với băng Lò Heo, băng thằng Điền, hay băng thằng Liên nào đó ở Xóm Mới. Mấy lần đám tụi tôi cũng tò mò theo Trần Bá Hòa đi xem, mới biết Lâm Ni võ nghệ cao cường mà còn có tinh thần võ sĩ đạo kiểu Nhật Bản nữa. Lúc nào cũng nhường cho đối thủ tấn công trước, và khi đối thủ ngã xuống, anh không thêm tấn công, mà còn đỡ đứng dậy. Trong khi những tay này đã từng chơi xấu anh sát ván bao lần trước.

Anh ở nhà ông cậu ruột, một biệt thự trên đường Yersin, nhưng bạn bè thường thấy anh chở đào chạy vòng vòng ngoài đường Duy Tân, bờ biển. Có khi còn thấy chiếc xe Gobel của anh dựng cả ngày trước Bar Thu Thủy ở đường Hoàng Tử Cảnh. Sang năm đệ tứ, không hiểu là vì mọi người đã quá quen cảnh cũ người xưa, hay là chính anh ta thay đổi, bỗng dưng “lòng chột từ bi bất ngờ”, không thêm phá phách nữa, nên một số bắt đầu làm thân với anh. Mấy bà chằn lúc trước bây giờ cũng có nàng đã cười nửa miệng với anh ta. Tôi bây giờ lại là thằng thân nhất với Lâm Ni. Những ngày nghỉ cuối tuần hay ngày lễ, anh đến nhà trọ chở tôi lên Phú Vinh, thăm khu vườn nuôi gà của anh Khanh, trưởng lớp. Khi ấy anh Khanh đã có vợ hai con. Có lần anh ta còn dám lấy xe jeep của ông cậu tới chở bọn tôi đi lên Thành thăm cô bạn Tuyết Phượng ở bên kia cầu Phú Lộc, nhưng mới đến Mã Vòng

bị quân cảnh chặn lại hỏi giấy. Cả đám phải vào ngồi trong đồn để chờ ông cậu của Lâm Ni cho người đến nhận xe và nhận người luôn.

Có lẽ tôi có duyên nợ gì với Lâm Ni. Ngày thi trung học đệ nhất cấp, vì tên cùng vần N, nên tôi lại bị xếp ngồi bên cạnh anh ta. Tí nữa thì tôi khốn khổ. Môn toán và Anh văn, không cần nháp nhiệt, anh ta làm một cái vèo, nộp bài ra trước nhất. Nhưng mấy môn khác, tôi làm chưa xong, thì anh thò tay qua chép. Chút nữa là ông giám thị bắt được, tôi hú vía. Kỳ thi ấy cả hai thằng đều đậu.

Từ hôm ấy, anh ta càng thân với tôi hơn. Cứ vài ngày là chạy xe lại nhà tôi, chở tôi đi xuống quán số 1 dưới bờ biển ăn bò bầy món, đi Cầu Đá ăn phở gà trước khi tôi về quê nghỉ hè.

Quê tôi ở ngoài Vạn Giã, vào Nha-Trang tôi ở trọ nhà ông chú, một hiệu buôn, trước ở đường Độc Lập, bên rạp xi-nê Moderne của ông Bác Ái, sau chuyển về đầu đường QL 1 trước Ty Thông Tin. Chú thích tôi hơi nghiêm khắc, nên không muốn bạn bè tôi lui tới nhiều. Hơn nữa ông bà chỉ có một đứa con gái rệu, xinh gái, gọi tôi bằng anh nhưng lớn hơn tôi hai tuổi và học trên tôi một lớp, bên trường Lê Quý Đôn, nên ông bà cũng muốn “kín cổng cao tường” một chút. Lần đầu tiên Lâm Ni tới tìm tôi, ông bà nhìn anh ta từ trên xuống dưới, rồi bảo là tôi không có ở nhà. Thực ra lúc ấy tôi đang ngồi phía trong phòng khách. Thấy Lâm Ni tới tôi định chạy ra, nhưng nghe ông bà bảo vậy tôi im luôn. Sau này tôi dặn Lâm Ni cứ dựng cái xe gần máy phía trước ngồi chờ, thấy chiếc xe là tôi chạy ra.

Về quê nghỉ hè chưa tròn một tháng, thì chú tôi nhắn ba tôi đưa tôi vào Nha Trang gặp ông có chuyện gấp. Vào đến nơi, vừa bước vào nhà tôi mới tá hỏa. Ông chú hò hét chửi tôi một trận xối xả, rồi bảo ba tôi tìm một chỗ khác cho tôi ở học sau mùa hè.

Không biết tài tán gái thế nào mà chưa đầy một tháng Lâm Ni đã cua được cô con gái cưng của ông chú tôi mà tôi chẳng hề hay biết. Tôi bực anh ta nhưng cũng phục anh ta sát đất. Mà cũng xui cho anh - phải nói xui cho chính tôi mới đúng- Ông chú tôi là dân Nha Trang chính hiệu nhưng chưa hề biết nước biển Nha Trang ngọt mặn ra sao. Tôi nghĩ có lẽ cái lý do chính là ông không muốn cho bất cứ ai nhìn thấy cái bụng phê hơi quá khổ của ông. Vậy mà hôm đó, có mấy người bạn từ Sài-gòn ra bàn chuyện làm ăn. Nể tình, ông mới chiều khách đưa họ đi biển tắm. Bất ngờ khi bước vào Quán số 3 bên bờ biển thì ông thấy một cặp tình nhân đang ôm nhau say đắm. Ông giận đến không biết mình đang ăn món gì trong miệng khi khám phá đôi tình nhân kia là cô con gái cưng của ông và thằng bạn trời đánh của tôi.

Tôi mất mẹ từ nhỏ, nên Ba tôi cưng lắm, chưa hề la tôi một tiếng. Vậy mà hôm đó ông la tôi một trận. Câu cách ngôn “gần mực thì đen gần đèn thì sáng” hồi xưa hồi xưa, cũ như trái đất, được ông đem ra giảng tới giảng lui mấy lần, mặc dù tôi cố gắng hết sức để bào chữa cho Lâm Ni: nào anh ta là con nhà giàu và tử tế, bên ngoài như thế chứ học hành giỏi, nào là hiền lành và tốt bụng lắm. Nhưng tôi đành đứng chịu trận khi ông chú tôi lờ nóng dạn mồm dăm xác nhận ngay trước mặt bà thím là chính ông ta gặp Lâm Ni mấy lần trong Bar Thu Thủy, và dưới Grand Hôtel. Tôi nghĩ tối hôm đó chắc ông cũng mệt với bà. Nói thì nói vậy, chứ gì thì ông chú cũng nể ông già tôi, và cũng cần tôi để làm cho ông mấy bài toán cộng trừ, tính lời lỗ mỗi ngày, nên sau khi ông hết giận, rồi đâu cũng vào đó.

Bị chửi quá nên tôi cũng giận Lâm Ni, định bụng sau hè vào phải dũa cho chàng ta một trận và nhất định nghỉ chơi với anh ta để vào Võ Tánh yên ổn mà lo học hành. Ngày nhập học, khi đang ngơ ngác tìm lớp, thì có người vỗ vai. Quay lại, thì đúng là Lâm Ni. Anh ta vào Tam B còn tôi vào Tam C. Gặp lại trong giờ ra chơi, tôi kéo Lâm Ni ra ngoài, thúi vào bụng mấy cái, kể lại chuyện tôi bị ông chú đui. Anh ta không

thèm an ủi tôi một tiếng mà còn bảo tôi lên nhà ông cậu ở với anh ta. Thực ra chàng ta cũng là một thằng tốt bụng, nhưng tôi nghĩ thầm nếu tiếp tục quen với Lâm Ni sẽ còn gặp phiền phức nữa, nên kể từ hôm ấy tôi lánh mặt anh ta.

Vào Võ Tánh, dường như Lâm Ni cũng thay đổi nhiều. Mặc đồng phục và cắt tóc tai đang hoàng. Nhưng bây giờ đi học bằng chiếc Vespa mới toanh. Chắc là phần thưởng thi đậu của ông già. Lâu lâu tôi thấy anh đứng ngoài cửa sổ lớp Tam C của tôi trêu ghẹo mấy người đẹp ngồi trong lớp.

Cái lớp Tam C của tôi sao hiền lành quá. Chắc là thiên hạ chuẩn bị để làm người lớn, hay là các bà chị trong lớp vừa đẹp vừa hiền như ma soeur nên không còn tên nào muốn làm ma quỷ nữa. Ba năm ở Võ Tánh trôi qua rất êm đềm, như mặt nước hồ thu, không còn lại trong tôi điều đặc biệt nào đáng nhớ.

Ngày nhập học lớp Đệ Nhất, tôi có ý tìm nhưng không thấy bóng dáng của Lâm Ni. Tôi nghĩ chắc chàng ta rớt tú tài 1, nên sang trường khác học lại. Nhưng sau đó, tôi nghe mấy người học cùng lớp với Lâm Ni bảo là anh ta đậu kỳ hai, nhưng đã theo ông cậu chuyển đi nơi khác. Tôi thoáng một chút buồn, khi nghĩ là chẳng bao giờ còn gặp lại anh ta.

Ba năm sau tôi vào quân trường Thủ Đức. Ra trường được chuyển ra một đơn vị tác chiến lưu động ở Ban Mê Thuột, (mà lính tại tôi thường gọi là xứ Buồn Muôn Thuở, hay là Bụi Mù Trời) làm trung đội trưởng.

Trong một cuộc hành quân phối hợp, tiếp viện cho một chi đoàn thiết quân vận bị phục kích tại Quảng Nhiêu, sau khi giải tỏa tình hình, tiểu đoàn rút về, chỉ có trung đội tôi được lệnh ở lại tăng phái cho một đại đội Biệt Động Quân. Thấy tôi có vẻ lo âu khi trung đội phải ở lại một mình giữa chiến trường khói lửa chưa tan, ông tiểu đoàn trưởng bảo:

- Chú mày yên chí, đại đội BĐQ này khá lắm, thằng đại đội trưởng này đánh đám có tiếng trong binh chủng mũ nâu đó.

Khi dắt trung đội hơn hai chục thằng lính, nửa kinh nửa thượng, đến trình diện đại đội BĐQ, tôi sửng sốt khi nhận ra ông đại đội trưởng chính là Lâm Ni. Tôi đứng nghiêm đưa tay chào

- Tôi đem trung đội tới trình diện trung úy.

Lâm Ni nhận ra tôi ngay. Anh ta hét lên:

- Có phải mày là thằng Ninh không? Đ.m. trung úy cái con c. , tao là Lâm Ni đây, mày không nhận ra sao? Rồi anh ta ôm tôi quay mấy vòng.

Giải tỏa tình hình xong, trung đội của tôi tiếp tục được đặt dưới quyền của Lâm Ni, nhận lệnh ở lại tìm kiếm một số chiến binh thất lạc và giữ an ninh cho quân cụ lên kéo mấy chiếc M 113 bị bắn cháy và hư hại về Ban Mê Thuột. Tối hôm ấy Lâm Ni giữ trung đội tôi đóng quân chung với ban chỉ huy đại đội của anh. Một điều chưa từng xảy ra cho một đơn vị tăng phái. Hai đũa uống hết bi đông rượu đế, nhắc lại bao nhiêu kỷ niệm vui buồn thời còn đi học. Anh nhớ từng tên thầy cô giáo và bạn bè lúc trước. Anh ân hận đã phá phách nghịch ngợm làm buồn lòng thầy, bạn. Anh bảo tôi, ngay sau khi rời Võ Tánh là anh đi lính ngay. Anh thích đời quân ngũ và hy vọng nó sẽ làm thay đổi cuộc sống của một thằng nhà giàu vô tích sự như anh. Khi biết anh chọn BĐQ, cha mẹ anh giận và buồn lắm, nhờ ông cậu, bây giờ làm lớn trong Bộ TTM, rút anh về, nhưng anh nhất quyết chối từ. Trước khi đi ngủ, anh ta còn hỏi tôi:

- Con nhỏ em mày, con gái ông chú của mày ở Nha Trang đó, bây giờ theo thằng còt đột nào rồi? - rồi cười ha hả.

Hai hôm sau chúng tôi có lệnh di chuyển vị trí, và phải bung rộng ra phòng thủ. Lâm Ni cho trung đội tôi xuống đóng trong một cái đồn bên chân cây cầu sắt (của một đơn vị địa phương quân bỏ lại) để giữ cây cầu khỏi bị phá hoại trước khi quân cụ lên kéo hết mấy chiếc thiết giáp bị hư. Cây cầu cách ngọn đồi, nơi đặt ban chỉ huy của Lâm Ni khoảng hai cây số.

Gần hai giờ sáng, trung đội tôi bất ngờ bị tấn công. Địch áp dụng chiến thuật cổ điển tiên pháo hậu xung. Sau mấy loạt 82 ly, chúng ào ạt tấn công. Trung đội tôi có vài người bị thương sau đợt pháo kích đầu tiên, nhưng tất cả đều chống trả mãnh liệt. Tôi chỉ kịp cầm ống liên hợp máy PRC 10 báo cáo với Lâm Ni là đơn vị tôi bị tấn công mạnh, cần ngay pháo binh và một lực lượng tiếp ứng, đánh từ phía sau lưng địch. Lâm Ni bảo tôi cứ bình tĩnh yên tâm chiến đấu, anh ta sẽ gọi pháo binh và gửi ngay một bộ phận tiếp ứng. Không ngờ lực lượng địch khá đông. Chúng tôi bắn ngã tên này thì tên khác lại xông lên. Chúng đã dùng beta phá mấy lớp rào bên ngoài rồi hô xung phong. Pháo binh ta cũng bắt đầu rút xuống bên ngoài. Lúc này tôi chiến đấu hoàn toàn như một khinh binh, Quả lựu đạn cuối cùng tôi vừa mới ném ra, cũng là lúc một vài tên địch đã xâm nhập vào phía bên trong hàng rào phòng thủ. Khi đạn đã cạn, chúng tôi chuẩn bị đánh cận chiến, thì nghe được tiếng súng bắn khắp nơi bên ngoài và tiếng hò hét : Biệt Động sát ! Địch vội vàng tháo chạy, hai tên đặc công vào bên trong bị chúng tôi bắt sống. Tạm thời kiểm tra đơn vị : 3 chết , 7 bị thương. Chưa kịp gọi máy báo cáo, thì toán biệt động quân đầu tiên vào bên trong, vồng theo một thương binh. Nghe một sĩ quan BĐQ gọi máy xin trực thăng tản thương khẩn cấp vì “đại bàng bị thương nặng”, tôi giật mình chạy đến chiếc vồng: Lâm Ni mặt đầy máu và thở rất nhẹ. Tôi lay anh ta :

- Lâm Ni ơi, có làm sao không ? Ninh đây.

Dưới ánh đèn pin yếu ớt, gương mặt anh ta xanh xao, mở hé mắt nhìn tôi. Đôi môi rung động như muốn nói với tôi điều gì. Tôi đưa tay sờ lên môi anh, như là tôi đã hiểu những gì anh muốn nói.

Vị thiếu úy BĐQ vỗ vai tôi :

- Đúng ra đâu có phải nhiệm vụ của trung úy, tôi bảo ông nên ở lại, vì chúng tôi chỉ đi có một trung đội và toán thám báo, nhưng ông đã lệnh cho ông đại đội phó ở lại và ông trực tiếp dẫn đầu toán thám báo chạy bay tới đây, xông ngay vào sau lưng địch mà đánh. Tội nghiệp, chỉ có ông bị thương.

Trực thăng tản thương tới, tôi bế Lâm Ni lên, nắm chặt tay anh trước khi máy bay cất cánh. Tôi bù ngùi lo lắng khi biết là anh đã vì tôi mà bị thương, cầu nguyện cho anh qua khỏi hiểm nghèo

Lần ấy anh còn sống, nhưng phải nằm điều trị ở QYV hết bốn tháng, còn để lại mấy vết sẹo trên cổ, và vì bị thương ở thanh quản, nên giọng nói của anh bị khàn đi. Sau đó đơn vị của anh có lệnh chuyển lên Pleime, Pleiku. Tôi có liên lạc thăm anh vài lần trên hệ thống vô tuyến.

Bẵng đi một thời gian, đầu mùa hè 72 , đơn vị tôi đang hành quân ở mật khu Lê hồng Phong, PhanThiết, thì có lệnh về phi trường Sông Mao để được không vận toàn bộ lên Kontum. Chiến trường đang tới hồi quyết liệt. Trong một lần chuyển quân hoán đổi vị trí phía bắc Kontum tôi bất ngờ gặp lại Lâm Ni. Lúc này anh đã mang lon Thiếu tá và nắm một tiểu đoàn BĐQ. Hai thằng chỉ kịp ôm nhau chửi thề vài câu. Chưa kịp nói lời chia tay, thì mỗi thằng đã mỗi ngả.

Cuối năm 1972, khi hiệp định Paris vừa ký xong, địch quân chưa trở cờ. Hai bên tạm thời hưu chiến kiểu da beo. Các đơn vị tham chiến được chuyển về các vị trí dưỡng quân. Tiểu Đoàn của Lâm Ni được về Hàm Rồng. Đơn vị tôi thì về Đồi Đức Mẹ , Pleiku.

Đêm tiểu đoàn Lâm Ni làm lễ tái xuất quân tại Hàm Rồng được tổ chức rất hùng tráng. Lâm Ni có mời tôi đến dự. Buổi tiệc ra quân kết thúc bằng một chương trình văn nghệ khá đặc sắc, do biệt đoàn văn nghệ trung ương từ Sài Gòn ra, phối hợp với các toán văn nghệ tâm lý chiến QĐ II đảm trách. Tôi ngồi hàng ghế đầu với Lâm Ni. Khi có một nữ ca sĩ từ Pleiku lên hát bài Chiều Trên Phá Tam Giang, Lâm Ni rất cảm động. Cô tên Giáng Vân, có khuôn mặt khá xinh, phảng phất buồn, và giọng hát trầm ấm thiết tha. Bài hát vừa chấm dứt, Lâm Ni bước lên nắm tay cô cảm ơn và bất ngờ cởi tặng cô chiếc đồng hồ Longine mới toanh mà anh vừa mới mua từ Sài Gòn, khi được bảy ngày phép về thăm cha mẹ.

Đêm đó tôi ở lại với Lâm Ni. Anh kể là cha mẹ anh cứ năn nỉ anh đổi về Saigon. Ông bà sẽ lo cho anh về BTL Cảnh Sát hoặc bất cứ nơi nào ở Saigon anh muốn. Ông bà cũng đưa anh đến thăm gia đình một người Tàu, có cô con gái làm chủ một nhà hàng, mà ông bà định hỏi cưới cho anh. Ông bà nôn nóng có đứa cháu đích tôn nối dõi. Nhưng anh chỉ im lặng. Rồi khi bị hỏi quá, anh hứa cho Anh ba năm nữa. Anh bảo tôi, đời lính sống nay chết mai, vợ con làm gì cho vương chân vương cẳng. Đầu năm 73, tôi bị thương nặng, phải nằm điều trị hơn hai tháng ở QYV Pleiku.. Lâm Ni có ghé lại thăm tôi một lần vội vã, khi có dịp về Pleiku họp hành quân. Khi chia tay, anh rút từ túi quần sau ra một xấp tiền đưa cho tôi :

- Tiền ba tháng lương của tao, mày cầm lấy mà gởi cho vợ con mày. Mày đông con. Tao độc thân , suốt cả năm sống ở trong rừng, lỡ có chết tiền không ai xài uống lắm.

- Tôi từ chối, nhưng anh nhét xấp tiền vào dưới chiếc gối tôi nằm .

Sau đó tôi được theo học một khóa tham mưu tại Long Bình. Mãn khóa, được điều về Trung Tâm Hành Quân. Lâm Ni thì vẫn nay đây mai đó, nhưng chúng tôi thường liên lạc hỏi thăm tin tức nhau trên hệ thống vô tuyến. Một lần khi bay bao vùng, biết anh vừa lên trung tá, tôi đáp xuống thăm, và mang mừng anh ta chai Hennessy, loại rượu anh thích nhất. Anh bảo, BCH/BĐQ dự định đưa anh ra nắm một Liên Đoàn ngoài vùng 1 thay cho anh Liên Đoàn trưởng vừa tử trận, nhưng tình hình ở đây đang nguy ngập, nên anh chưa rời đơn vị được

Tháng 3/75, ngay sau khi Ban Mê Thuột mất, tôi may mắn được theo BTL Tiền Phương. Nói là Tiền Phương nhưng lại đóng ở Nha Trang và một đôi khi ở Khánh Dương.

Có lệnh bỏ Kontum và Pleiku. Tiểu Đoàn BĐQ của Lâm Ni là một trong những đơn vị được chỉ định đi đầu, mở đường cho đoàn quân di tản từ Pleiku xuống Tuy Hòa theo tỉnh lộ 7. Một kế hoạch triệt thoái tồi tệ nhất trong lịch sử chiến tranh Việt nam, kéo theo sự sụp đổ cả miền Nam.

Tôi được chỉ định làm trưởng toán, dùng một hợp đoàn trực thăng bay đi liên lạc và hướng dẫn những toán quân thất lạc trong rừng. Ngày N+3, trong lúc chiến trường ác liệt và tồi tệ nhất, tôi may mắn liên lạc được Lâm Ni trên tần số không lực. Tôi tìm mấy bãi đáp tương đối an toàn, giục Lâm Ni đến đó để tôi bốc. Nhưng anh ta từ chối, bảo là mặc dù tiểu đoàn của anh bị tan tác, quân số chỉ còn gần một trung đội, nhưng anh không thể bỏ anh em vào lúc này.

Không ngờ đó cũng là lần cuối cùng tôi nghe giọng nói của Lâm Ni. Năm 1977, trong một trại tù cải tạo ở Sơn La, tôi gặp lại một sĩ quan của Lâm Ni lúc trước. Anh ta là sĩ quan duy nhất trong đơn vị còn sống sót . Anh cho biết là khi bị địch vây và kêu buông súng đầu hàng, Lâm Ni đã bắn tới viên đạn cuối cùng. Anh tự sát bằng một quả lựu đạn loại tấn công, và đã chết chung với một đám địch quân định vây bắt anh.

Mùa hè năm ngoái, tôi có cô con gái út lấy chồng bên London. Cả nhà tôi sang đó dự tiệc cưới do nhà trai khoản đãi. Sau đám cưới, vợ chồng cô con gái đi Thái Lan hưởng tuần trăng mật. Chúng tôi muốn ở lại London ít hôm để xem vài thắng cảnh và đến thăm gia đình một người bạn học cũ của bà xã tôi ở thành phố Birmingham, cách London chừng ba giờ lái xe. Cậu rể nhờ một người bạn chí thân, một bác sĩ trẻ khá bảnh trai, và cũng là phụ rể trong đám cưới, làm tài xế và hướng dẫn viên cho chúng tôi. Hơn nữa nhà cậu ta cũng ở Birmingham.

Ngày cuối cùng, trước khi rời khỏi Birmingham, cậu ta mời chúng tôi ghé lại nhà để dùng một bữa cơm với gia đình. Nói là gia đình, nhưng thực ra chỉ có hai mẹ con thôi. Cậu bảo thế.

Trời nóng như lửa đốt, lại biết chúng tôi đang đói, cậu ta gọi cell- phone về nhà bảo bà mẹ chuẩn bị thức ăn sẵn. Về đến nhà, cậu ta vội vã đi lấy khăn, hướng dẫn chúng tôi vào phòng tắm rửa mặt, rồi chạy vào bếp phụ mẹ. Vào phòng ăn, khi chúng tôi kéo ghế ra chưa kịp ngồi thì bà mẹ bưng thức ăn ra vui vẻ chào, và xin lỗi vì bận tay nên không ra cổng đón được. Thấy người đàn bà này có nét giống một người nào đó mà tôi đã gặp, tôi cố gắng lục lại ký ức, nhưng vẫn không nhớ ra.

Khi cơm nước xong, bà mời chúng tôi lên phòng khách uống nước và ăn tráng miệng. Nhìn một tấm ảnh phóng lớn treo trên vách. Lại là một người lính. Tôi tò mò bước lại xem và sững sờ khi người trong ảnh chính là Lâm Ni.

Sau một lúc hàn huyên, tôi mới nhận ra người đàn bà này chính là cô ca sĩ tâm lý chiến có tên Giáng Vân, trong đêm làm lễ tái xuất quân của đơn vị Lâm-Ni trên Hàm Rồng lúc trước. Một cô ca sĩ tâm lý chiến, mà ngày xưa nhiều kẻ đánh giá chẳng ra gì, chết chồng từ thuở mới 20, có nhan sắc, trải qua bao nhiêu khốn khổ, vậy mà không hề bước thêm một bước nào, ở vậy nuôi con học hành thành đạt, đức hạnh nên người. Điều bất ngờ hơn, cậu thanh niên dễ thương, tốt bụng, đón đưa chúng tôi mấy ngày hôm nay, cũng là người bạn chí thân của thằng rể chúng tôi, lại là giọt máu duy nhất của Lâm Ni còn lại trên thế gian này.

Tôi có hỏi về ông bà nội cháu, Giáng Vân cho biết là sau khi chạy từ Pleiku về, cô phải nằm bệnh viện cho đến mấy tháng sau ngày miền Nam thất thủ, nên đã phải sinh non, may mà mẹ tròn con vuông. Khi sanh cháu xong, chị có đi hỏi thăm cha mẹ Lâm Ni, nhưng được mấy người láng giềng cho biết là ông bà đã đi về Trung quốc.

Tôi bùi ngùi nghĩ tới Lâm Ni, người bạn học có nhiều duyên nợ với tôi, đã gây cho tôi một vài phiền muộn, nhưng cũng đã để lại trong tôi biết bao điều xúc động.

Không hiểu, ở một nơi xa xăm nào đó, anh có biết là tôi đã bất ngờ gặp lại vợ con anh. Cũng có thể chính anh đã linh thiêng đưa tôi đến đây. Một nơi xa lạ, ngàn trùng cách biệt với quê hương, với Nha Trang. Nơi mà một thời, anh đã có biết bao kỷ niệm với thầy với bạn và nhất là với tôi, thằng bạn nhóc tí của anh ngày trước. Ông bà già của Lâm Ni chắc không ngờ là mình đang có một đứa cháu đích tôn trên thế gian này, mà trước đây ông bà đã từng mơ ước.

Trước khi từ biệt vợ con Lâm Ni, tôi đứng lặng lẽ một mình trước tấm ảnh của anh, ôn lại bao nhiêu chuyện cũ rồi buột miệng thì thào hai câu thơ quen thuộc :

*Những người muôn năm cũ,
Hồn ở đâu bây giờ ?*

Từ trong tấm ảnh, dường như Lâm Ni đang nhìn tôi mỉm cười.

*phạmtínanninh
(xin gửi đến chị Lâm Ni và cháu Lâm Bình như món quà muộn màng)*

GÓI QUÀ ĐẦU NĂM

SATURDAY, 24. JANUARY 2009, 02:51:05



Tôi phải ngồi lại trên các bậc đá nghỉ chân đến ba lần trước khi bước vào cổng chùa. Ngôi chùa nhỏ nằm trên một triền núi, được phủ mát bởi những tàng cây. Ngôi nhà khách bằng gỗ, khá xinh xắn, nằm trong một khu vườn toàn hoa vạn thọ. Phía trước là một tượng Phật ngồi dưới gốc cây bồ đề, cành lá được cắt tỉa công phu. Chung quanh là cả một vùng núi trời tĩnh mịch. Tôi không phải là Phật tử, nhưng ngồi nghe tiếng mõ và lời cầu kinh trong chùa vọng ra, cũng thấy lòng nhẹ hẫng đi trước bao nhiêu điều phiền não.

Hôm nay là mùng một tết, nhưng cảnh chùa khá im vắng, bởi chùa nằm khá xa khu dân chúng. Ngày hôm qua tôi có đến đây, nhưng thầy trụ trì đi vắng. Tôi đã để lại tấm danh thiếp của chồng tôi, viết vài dòng phía sau xin hẹn thầy hôm nay trở lại.

Chú tiểu còn rất trẻ, mang trà ra mời và xin tôi chờ thêm mười phút nữa, vì thầy trụ trì đang khai kinh cho buổi lễ tân niên. Tôi nôn nao muốn sớm được nhìn mặt vị ân nhân của mình, nhưng cũng dặn lòng phải kiên nhẫn và cẩn trọng ý tứ trước một nhà sư.

Hơn ba mươi năm trước. Lúc ấy tôi còn là cô bé học trò trường trung học An Túc, nằm giữa thị trấn An Khê, bên QL 19 nối liền Qui Nhơn với Pleiku. Chiến tranh đang thời kỳ ác liệt. Tuổi còn nhỏ, nhưng ngày nào tôi cũng nghe cha mẹ và các thầy cô bàn chuyện chiến trường: đánh lớn ở Pleime, Dakto, Tân Cảnh. Mấy năm nay, An Khê tương đối bình yên, nhờ Sư Đoàn 101 Không Kỵ Hoa Kỳ có căn cứ ở đây, và dọc theo đèo An Khê có đồn bót của các đơn vị thuộc Sư Đoàn Mãnh Hổ Đại Hàn. Giữa lúc chiến tranh ngày khốc liệt, bất ngờ lực lượng đồng minh rút quân về nước, làm dân chúng ở đây hoang mang, lo lắng. Xứ họ đạo của tôi cũng được cha chánh xứ tổ chức những toán tự vệ, phối hợp với quận, lo canh gác khu vực của mình.

Chiều ba mươi Tết, được thông báo của tỉnh, các cơ quan trên quận phối hợp với các thầy cô giáo và cả Hội Đồng giáo xứ đi mọi nhà kêu gọi đóng góp những gói quà tượng trưng dành tặng cho anh em chiến sĩ của một đơn vị từ xa tới, thay thế lực lượng đồng minh, đồn trú ở đây.

- Tôi nghiệp, nghe nói anh em đã phải rời căn cứ từ sáng sớm 30 để chiều mừng một Tết có mặt ở đây. Họ có biết Tết nhất gì đâu! Ông cha xứ nói với chúng tôi như thế.

Cả quận vui mừng, nô nức trước tin vui. Riêng tôi còn vui hơn khi tưởng tượng sẽ có nhiều anh lính đến cái thị trấn nhỏ xíu buồn tênh này, nên rất sốt sắng trong việc gói quà. Tôi tự tay thực hiện được hai gói quà, gồm một số bánh mứt, chiếc khăn tay do tôi thêu lấy, kèm theo lá thư chúc mừng năm mới tới hai anh chiến sĩ vô danh nào đó. Tôi nắn nót viết thật đẹp rồi đề tên, lớp và trường học phía dưới. Vì “sao y bản chánh” từ một bài luận văn tháng trước, nên hai lá thư giống nhau như đúc. Nhìn hai gói quà tôi mỉm cười, khi nghĩ sẽ có hai “người tình không chân dung” nào đó nhận được lá thư nồng nàn của một cô “em gái hậu phương”. Ban đầu, các thầy cô cho biết, đám học trò chúng tôi được hướng dẫn vào căn cứ để tận tay tặng quà cho các anh chiến sĩ. Bọn tôi đưa nào cũng hớn hờ, lằng xằng giặt ủi lại chiếc áo dài trắng ưng ý nhất. Nhưng sau đó dưới tỉnh cho biết là trước khi vào An Khê, các đơn vị này còn phải hành quân mở đường, giải tỏa một số đồn bót của lực lượng Đại Hàn nằm dọc theo đèo An Khê, bị địch quân bao vây đã ba hôm nay. Cuối cùng tất cả quà đều được nộp cho trường, và thầy hiệu trưởng cùng các thầy cô giáo sẽ mang vào cho đơn vị để trao lại cho anh em chiến sĩ khi tình hình an ninh cho phép. Bọn học trò chúng tôi tiếc hùi hụi vì mất một dịp được vào xem căn cứ và ủy lạo các anh chiến sĩ.

Năm ấy, khi chồng tôi vừa mới trốn về từ trại tù cải tạo Gia Trung (anh chỉ là thầy giáo, dạy một trường trong khu người Thượng, bị bắt năm 1979 vì bị kết tội hợp tác với lực lượng Fulro chống lại chính quyền Cộng sản), được một người bạn thân cho đi theo một chuyến vượt biển do gia đình anh ta tổ chức. Lúc ấy ai cũng nghĩ ra đi là không bao giờ gặp lại vợ con, mà có ở lại cũng sống không yên, chỉ làm khổ cho gia đình. Hơn nữa lúc ấy tôi vừa mới sanh đứa con đầu lòng, nên không thể đi cùng. Chúng tôi đành gạt lệ chia tay mà không dám nghĩ sẽ có ngày tái ngộ.

Tàu vừa ra khơi hơn một ngày thì bị hỏng máy, trong lúc gió mưa tầm tã. Tất cả mọi người phải đem sinh mạng chống chọi với phong ba. Cuối cùng, sau gần ba ngày bồng bềnh trên biển, nhờ những cơn gió nhiệm màu đã đẩy chiếc tàu với hơn một nửa số người sống sót, giạt vào một ghềnh đá lúc trời nhá nhem tối. Tưởng đã thoát chết, nào ngờ khi vừa leo lên bờ thì bị một toán công an biên phòng vây bắt. Một số người yếu sức thì đành đưa tay cho họ trói. Chồng tôi cùng một vài thanh niên khác dùng hết tàn lực chạy trốn trong các hốc đá bên triền núi. Mấy lần thoát chết dưới những tràng đạn. Nhờ trời tối anh chạy thoát vào khu rừng trước khi kiệt sức. Khi tỉnh lại, anh thấy mình nằm trong ngôi chùa nhỏ nằm bên triền núi. Anh được vị trụ trì săn sóc và che dấu chu đáo, mặc dù biết anh là người công giáo, bởi trên cổ có đeo thánh giá. Sau hơn một tuần, nhờ thầy giúp cạo đầu, cho áo quần để cải dạng một thầy tu, và gởi theo một chiếc xe đồ của một Phật tử thân quen, chồng tôi mới trốn được vào nhà bà cô ruột ở Cam Ranh. Sau đó nhờ chính bà cô này tìm đường để vượt biển tiếp. Và lần này anh đã được tàu Pháp vớt, nên được sang định cư bên Pháp. Ba năm sau, tôi và đứa con được anh bảo lãnh với diện đoàn tụ gia đình.

- Mô Phật! Tôi nghiệp, ông ấy đã về tìm thăm tôi hai lần, và giúp cho tôi khá nhiều tiền để lập lại ngôi chùa này và một nhà từ thiện nuôi các em bé tật nguyền dưới xóm. Công đức của ông bà thật lớn lắm.

Tôi nhớ lại tấm ảnh mà chồng tôi chụp chung với thầy trong lần thứ nhì về thăm thầy. Bao nhiêu lần tôi đã nhìn kỹ tấm ảnh, lại nghe chồng tôi bảo, ngày xưa thầy cũng là lính, nên tôi đã ngồi hàng giờ hình dung, nhớ lại một người quen lúc trước.

- Thực ra anh ấy ngại không muốn về, nhưng vì nhớ ơn thầy mà anh ấy mới về gặp thầy. Lần này chính tôi đề nghị được thay anh về thăm thầy, nhân dịp thăm mẹ của tôi đang ốm nặng.

- Mô Phật ! Tôi hiểu nỗi khổ tâm của ông ấy.

Tôi nghe tiếng thở dài của vị trụ trì, và thấy thầy đưa mắt nhìn về một nơi xa xăm nào đó. Từ lúc mới gặp nhau trong ngôi nhà khách, tôi nghĩ là thầy đã nhận ra tôi. Tôi chờ thầy hỏi, nhưng có thể thầy đã quên hay bây giờ là kẻ tu hành, nên thầy không muốn nhắc lại chuyện thế tục ngày xưa. Không để lỡ mất cơ hội, tôi lên tiếng :

- Tôi về đây, gặp thầy cũng để muốn xin được hỏi thầy một điều, mà bấy lâu nay cứ băn khoăn mãi trong lòng, nhưng ngại thầy là bậc tu hành, nên tôi không dám.

Thầy nhìn tôi, im lặng giây lát rồi lên tiếng :

- Mô Phật! Kẻ tu hành lúc nào cũng muốn đem ánh sáng cho chúng sinh hầu giải tỏa những lo âu phiền não. Xin bà cứ tự nhiên.

- Xin thầy tha lỗi, nếu có điều gì không phải. Có phải thế danh của thầy là Quế, Lê Phương Quế ?

Thầy ngạc nhiên nhìn tôi, rồi nhìn lên khoảng không, nhíu mày.

- Mô Phật! Làm sao mà bà biết được tên của tôi ?

- Thầy còn nhớ anh Lân, trung sĩ Đỗ Lân, ở Sư Đoàn 23 BB, có đóng quân ở An Khê vào những ngày tết năm 1972 ?

- Bà còn biết cả bạn tôi? Anh Lân đã tử trận ở Kontum từ mùa hè 72. Bà có biết không?

Tôi có một thoáng giận thầy, vì nghĩ là đến bây giờ ông vẫn chưa nhận ra mình. Chẳng lẽ thầy vô tình đến thế. Nhưng ngay sau đó tôi hối hận về ý nghĩ của mình. Sao lại đem chuyện đời để mà trách một vị chân tu, một người đã xa lánh chuyện hồng trần, thế sự. Thầy đã cho mình hỏi và sẵn sàng tâm sự đã là một điều hỉ xả rồi.

- Dạ, tôi có biết, và tôi cũng có đến Kontum thăm mộ anh mấy lần. Sau này tôi về tìm để xây lại ngôi mộ cho anh, thì nghĩa trang không còn nữa, và không ai biết mộ anh đã chuyển đi đâu.

Đôi mắt của vị trụ trì sáng hẳn lên. Thầy mở đôi mắt thật to nhìn tôi, đưa tay lên định nắm vai tôi, nhưng rồi kịp khựng lại.

- Vậy là Xuân ? Bà là cô Xuân ngày xưa? Mô Phật! Sao lại có chuyện kỳ ngộ lạ lùng này.

Vâng, tôi chính là Xuân, cô bé học trò trường trung học An Túc ngày xưa. Người đã gói hai gói quà Xuân ủy lạo cho những chiến sĩ đến giữ an ninh cho quê tôi vào đúng chiều ngày mùng một tết. Hai gói quà được nộp cho trường để chuyển tới cho các anh, vì lúc ấy đơn vị đang hành quân mở đường để đến nơi trú đóng.

Sau một cái tết an bình, cả thị trấn nhỏ của tôi nhộn nhịp hẳn lên bởi sự có mặt của một trung đoàn lính chiến, ngày mùng tám tết, đám học trò chúng tôi trở lại trường, nhưng các thầy cô biết là trong lòng đám học trò ai cũng còn dư âm ngày tết, nên cho chúng tôi tập hợp lại hát hò và kể chuyện vui. Trong lúc thầy hướng dẫn đệm đàn cho cả đám học trò ca hát, thầy giám thị đến tìm tôi, bảo tôi lên văn phòng có người nhà muốn gặp. Bước theo thầy giám thị mà lòng tôi lo lắng không biết ở nhà có chuyện gì, thì ông đưa tay chỉ hai anh lính đang ngồi chờ trên chiếc ghế đá trong sân trường.

Hai anh lính thật trẻ đứng lên chào tôi, nhoẻn miệng cười :

- Hai đưa tôi đến để cảm ơn Xuân và chúc mừng Xuân năm mới.

Tôi thoáng một chút ngạc nhiên và bẽn lễn :

- Em có làm gì đâu mà hai anh cảm ơn ? Mà sao hai anh biết được tên em ?

Hai anh cùng mở túi áo lấy ra bức thư. Vừa kịp nhận ra đó là hai bức thư mà tôi đã “sao y bản chính” bỏ trong hai gói quà ủy lạo, thì một anh lên tiếng :

- Tôi là Đỗ Lân, và người bạn thân của tôi đây là Lê Phương Quế. Trông anh hiền như con gái, nhưng Xuân đừng nhầm với nữ ca sĩ Phương Hồng Quế nghe, mặc dù anh Quế bạn tôi cũng có giọng hát rất hay, không thua gì Phương Hồng Quế. Hai đứa tôi nhận hai gói quà của Xuân. Quà cáp như nhau và lời lẽ trong cả hai bức thư cũng giống nhau như đúc. Cô Xuân thật công bình. Cảm ơn nghe!

Tôi hơi quê, nhưng cố làm ra vẻ tự nhiên:

- Hai anh tới trường tìm Xuân, không sợ thầy giám thị la Xuân hà ?

Anh lính thứ nhì, tên Quế, lên tiếng :

- Bọn tôi bảo là anh em bà con với Xuân, đi lính xa nhà bây giờ mới gặp. Thầy giám thị coi bộ cũng thương lính lắm, nên chắc không nỡ la rầy người yêu, à xin lỗi, người em của lính đâu!

Mặc dù thấy hai anh chàng có vẻ thư sinh, vui tính, nhưng nhớ lời bà chị thường bảo mấy ông lính bạo dạn và tán gái hay lắm. Phải coi chừng. Tôi nhủ thầm như thế. Và để xem hai anh chàng này có thực sự bạo dạn hay không tôi khoanh tay:

- Nghe nói anh Quế hát hay không thua gì Phương Hồng Quế, em xin mời hai anh vào lớp em chơi. Bọn em cũng đang ca hát trong đó, chứ không có học hành gì đâu. Đám bạn em sẽ mừng lắm đó.

Hai anh nhìn nhau cười, rồi gật đầu, theo tôi vào lớp.

Cả đám bạn học trò im bật, tò mò nhìn ra khi thấy tôi dắt theo hai anh lính trẻ. Tôi nói với vị giáo sư hướng dẫn :

- Thưa thầy, có hai anh lính nhận được quà Tết của lớp mình, đến cảm ơn và xin hát cho cả lớp mình nghe.

Thầy hướng dẫn lớp gật đầu, đến bắt tay hai anh, tươi cười :

- Hồi nãy tới giờ mấy cô chỉ hát những bài tình yêu lính chiến, bây giờ đích thân lính chiến hát tặng mấy cô thì còn gì hay bằng, phải không ?

Cả lớp vỗ tay.

Anh lính tên Lân bước lên bục giảng, hai tay mân mê chiếc nón bê-rê :

- Kính thưa thầy, thưa các bạn. Tôi không biết hát, nên xin dành phần nói trước. Chúng tôi xin cảm ơn những gói quà Tết của nhà trường, của các bạn. Trong không khí Tết, vì nhiệm vụ phải xa nhà, được những món quà của các bạn chúng tôi thấy ấm áp nhiều lắm. Đặc biệt hai đứa tôi đây đã nhận được quà của cô Xuân. Chỉ cần cái tên của cô là hai đứa chúng tôi cũng đã có cả một mùa xuân rồi. Xin cảm ơn và kính chúc thầy, chúc các bạn một năm mới vạn điều như ý.

Cả lớp lại rộn lên tiếng cười và những tràng vỗ tay không dứt. Một con bạn có tiếng nghịch nhất lớp quay về hướng tôi ngồi :

- Xuân ơi, mày chỉ được chọn một trong hai thôi. Còn để dành cho đứa khác nữa chứ!

Đúng là nhất quỷ nhì ba, còn thứ ba là bọn này. Tôi đoán hai anh chàng lính sữa đang nghĩ như thế. Anh lính tên Lân bẽn lẽn, ngừng lại đôi phút rồi đưa tay về hướng người bạn, tiếp tục :

- Bây giờ, xin giới thiệu anh bạn thân nhất của tôi, Lê Phương Quế, mà chúng tôi thường gọi là Phương Hồng Quế, tiếng hát hàng đầu của trường Thiếu Sinh Quân Vũng Tàu, sẽ lên hát một vài bài tặng thầy và các bạn.

Tôi cũng phục tài ăn nói khá “tâm lý chiến” của anh chàng Lân này. Cái giọng Huế nghe cũng êm ái, cứ như rót mật vào tai người ta. Bây giờ nhìn kỹ thấy anh ta cũng đẹp trai, nụ cười cũng có duyên ghê lắm. Lính cỡ này chắc sẽ làm khổ vài cô em gái hậu phương đây. Tôi mỉm cười với ý nghĩ vừa thoáng trong đầu.

Anh Quế bước lại chỗ thầy hướng dẫn để xin nhờ thầy đệm đàn. Anh hát bài Xuân Này Con Không Về của nhạc sĩ Trịnh Lâm Ngân. Trông anh có dáng dấp thư sinh và khuôn mặt hiền lành như một thầy tu.

Tiếng hát cất lên làm cả lớp im bật. Đúng là giọng hát của anh rất hay, điều luyện, lúc réo rất lúc trầm buồn không thua một ca sĩ chuyên nghiệp. Dường như có cùng tâm trạng với nội dung bài hát, nên anh đã hát với tất cả cảm xúc, làm dao động trái tim mọi người. Bài hát chấm dứt, mà cả lớp dường như còn thần thờ, yên lặng. Sau đó bùng vỡ bởi những tràng vỗ tay và nhiều tiếng la: bis, bis...

Anh cúi xuống một lúc, hình như để dấu sự cảm xúc, rồi ngược lên nói nhỏ hai tiếng cảm ơn và xin hát tiếp bài Chiều Trên Phá Tam Giang, thơ của Tô Thùy Yên phổ nhạc. Lần này, chính tôi không cầm được nước mắt. Không chỉ vì anh hát hay, nhưng tôi thấy xúc động, thấm thía hơn cuộc đời của những người lính chiến.

- Thưa thầy. Bây giờ đã đi tu rồi, thầy có còn hát những bản nhạc tình lính ngày xưa? Tôi vẫn còn nhớ cái cảm xúc khi thầy hát cho cả lớp tôi nghe, sau cái tết năm nào ở trường An Túc. Thầy hát thật hay và truyền cảm. Hôm ấy là lần đầu tiên tôi được gặp thầy và anh Lân.

- Mô Phật ! Bây giờ tôi chỉ còn biết tụng kinh gõ mõ, cầu cho thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc. Nhưng những gì bà vừa nhắc lại, cũng là con người, làm sao tôi có thể quên.

- Xin thầy thứ lỗi, nếu tôi đã nhắc thầy nhớ lại chuyện đời để làm bận lòng một bậc chân tu.

- Mô Phật! Đạo ở trong Đời, cũng như hai kẻ đồng hành. Hành đạo là để giúp đời. Kẻ tu hành như chúng tôi cũng chỉ là “cư trần lạc đạo” mà thôi, thưa bà.

- Cư trần lạc đạo là sao, thưa thầy?

- Có nghĩa là hiện diện nơi trần thế mà hành đạo, vui đạo. Chứ không phải xa lánh trần thế đầy khổ nhục để tìm sự thanh thản riêng cho bản thân mình.

- Cám ơn thầy. Thầy giảng hay quá. Ngày đầu tiên gặp thầy, và nhất là lúc nhìn thầy đứng hát trên bục lớp, tôi đã thấy thầy giống một nhà tu. Có lẽ thầy đã có căn duyên từ trước, phải không thầy ?

- Mô Phật! Ai cũng có thể tu hành, và bất cứ ai cũng có thể thành Phật được, thưa bà .

Không ngờ lần gặp gỡ đầu tiên năm ấy lại mang đến cho tôi mối tình đầu. Sau vài lần gặp nhau, tôi biết Lân và Quế là hai người bạn thân thiết từ lúc còn học trong trường Thiếu Sinh Quân Vũng Tàu. Ra trường về cùng đơn vị, nên sống với nhau như anh em, mặc dù tôn giáo khác nhau. Quế đạo Phật còn Lân là tín đồ Công giáo. Những ngày chủ nhật không bận hành quân, Lân đều đi lễ nhà thờ, nên chúng tôi thường gặp nhau hơn. Và lần nào tôi cũng mời Lân về nhà. Cha mẹ tôi cũng rất thương quý Lân, nhất là sau khi biết cha mẹ Lân đã chết trong biến cố Tết Mậu Thân. Tính tình Lân lại hiền lành chân chất và hiếu học. Dù bận hành quân liên miên, nhưng anh vẫn cố gắng tự học để thi tú tài vào mùa hè này. Cũng có đôi lần Quế theo Lân đến nhà tôi chơi. Càng lúc chúng tôi càng thân nhau hơn.

Tôi biết là Lân cũng thích tôi. Trong túi áo của anh lúc nào cũng có chiếc khăn tay tôi đã tặng anh trong gói quà Xuân. Mỗi lần chia tay, anh bịn rịn lưu luyến không muốn rời tôi. Còn tôi, cũng thấy nhớ anh da diết và mong chờ anh từng ngày trong các lần anh đi hành quân. Tối nào tôi cũng đọc kinh cầu nguyện cho anh được bình yên trở về.

Bây giờ tôi mới biết tình yêu là gì. Tôi bắt đầu biết tương tư, mơ mộng, nhớ nhung và man mác buồn khi thiếu vắng anh. Những bản nhạc tình lính, người yêu của lính, dường như càng lúc tôi càng thấy hay hơn, và tôi hát nhiều hơn. Sau mỗi lần hành quân, Lân đều mang về tặng tôi những cánh hoa lan rừng. Tôi nghe nói vùng núi rừng An Khê này có nhiều hoa lan. Có những loại hoa lạ, thật đẹp mà tôi chưa bao giờ nhìn thấy hoặc biết tên. Chỉ sau hai tháng, trong phòng tôi treo đầy hoa lan rừng. Tôi thích nhất là những cánh hoa màu tím. Có lẽ tôi nhớ tới màu tím hoa sim trong một bản nhạc mà tôi thường hay hát..

Chiến tranh lại ngày càng ác liệt. Ngồi trong lớp học, bọn tôi vẫn thường nghe tiếng súng, tiếng máy bay vùn vụt trên bầu trời. Ban đêm, nhìn qua cửa sổ, những trái hỏa châu lơ lửng giữa trời, soi sáng cả một vùng núi non nào đó. Rồi tôi nghe tin Dakto mất, Tân Cảnh thất thủ, thành phố Kontum bị pháo kích..Một số người đã phải bỏ nhà chạy xuống Pleiku, sống trong các trường học, được chính quyền dùng làm trại tiếp cư.

Hơn một tuần, tôi chưa gặp Lân bởi đơn vị anh có lệnh cấm trại, ứng chiến. Bất ngờ gặp lại anh trong lễ sáng chủ nhật ở nhà thờ. Khi tôi đang quỳ gối cầu kinh, Lân đến sau, quỳ xuống bên cạnh. Tan lễ, vừa bước ra khỏi nhà thờ thì chúng tôi gặp anh Quế đứng đợi từ lúc nào. Tôi mời hai anh về nhà. Trên đường đi, cả hai anh im lặng, không nói một lời gì. Nhìn nét mặt thật buồn, tôi nghĩ là họ đang ưu tư điều gì. Tôi hỏi, nhưng hai anh chỉ nhìn nhau rồi lắc đầu, không nói.

Suốt ngày hôm ấy hai anh ở lại nhà tôi. Mẹ tôi đãi hai anh một con gà tơ. Trong lúc Lân và Quế rượt bắt gà trong vườn, tôi tìm hái mấy trái cà, trái mướp và rau thơm. Cả ba chúng tôi cùng làm bếp, đùa giỡn, ca hát líu lo, không còn chút ưu tư nào trên khuôn mặt của mọi người. Ăn cơm xong, chúng tôi rủ nhau ra ngồi dưới những cây dừa rợp bóng, nghe Quế hát, rồi chúng tôi cùng hát theo những bài tình ca quen thuộc. Buổi chiều, Quế cáo từ tôi, chào ba mẹ tôi xin về trước. Trong phòng tôi chỉ còn có tôi và Lân. Lần đầu tiên tôi nghe Lân rụt rè tỏ tình. Anh bảo, đời chiến binh rày đây mai đó, rồi có một ngày, anh sẽ phải đi xa, nhưng lúc nào cũng mang theo bóng hình của tôi vào những nơi gió cát. Những lời anh nói làm tôi nhớ tới những câu thơ Chinh Phụ Ngâm thật hay của bà Đoàn thị Điểm dịch mà tôi đã học. Những câu thơ thật buồn bây giờ lại càng buồn hơn. Tôi khóc. Lần đầu tiên tôi khóc, không biết là vì hạnh phúc đến bất chợt của mối tình đầu hay là vì nghĩ tới nỗi cô đơn của người Chinh Phụ. Tôi giật mình, khi Lân ôm tôi vào lòng. Tôi đứng im, bất động, đón nhận nụ hôn tình yêu đầu đời trong hai hàng nước mắt. Tôi tiễn Lân ra đầu làng, hai đứa ôm lấy nhau khi bóng chiều vừa tắt.

Sáng hôm sau, ngồi trong lớp học, khi thấy từng đoàn xe nhà binh chở đầy lính chạy về hướng Pleiku, lòng tôi thần thờ khi nghĩ là Lân đã đi xa. Tôi vội lên xin phép cô giáo ra ngoài. Nhưng khi tôi vừa chạy đến hàng thông phía trước, thì đoàn xe cuối cùng đã chạy qua bên kia cầu.



Không ngờ lá thư này là lá thư cuối cùng tôi nhận được của Lân. Chỉ ba tuần sau, Lân hy sinh. Người báo tin buồn này chính là Lê Phương Quế, người bạn chí thân của Lân và sau này cũng là bạn của tôi. Lá thư có kèm theo vài di vật, Quế đã nhờ một anh phi công gởi cho tôi từ Pleiku, sau một chuyến đổ quân cho đơn vị của Quế ở Kontum. Lân đã bị thương rất nặng khi cùng với vị tiểu đoàn trưởng chui qua hàng rào phòng thủ, mở đường vào giải cứu Bệnh Viện 2 Dã Chiến, đang bị địch quân xua xe tăng đánh chiếm, với ý đồ lợi dụng những thương binh nằm trong bệnh viện, làm bàn đạp tấn công vào khu phi trường nằm sát thị xã Kontum. Lân chết lúc chờ máy bay tản thương. Chính Quế là người đã vuốt mắt cho Lân và nghe những lời trần trối cuối cùng. Anh nhờ Quế giữ để trao lại cho tôi cái dây chuyền có mang thánh giá cùng mấy tấm ảnh có hình của cha mẹ anh và của anh mặc lễ phục trắng đội bê rê đỏ khi còn là thiếu sinh quân. Những tấm ảnh ấy bây giờ vẫn còn trong nhà thờ An Túc, và sợi dây chuyền tôi vẫn còn cất giữ đến hôm nay. Anh Quế còn cho biết thêm, trước khi trút hơi thở cuối cùng, Lân còn thì thào gọi tên tôi, và khi lục trong túi áo, anh Quế còn thấy cái khăn tay và lá thư của tôi tặng Lân trong gói quà tết hôm nào.

- Thừa thầy, cuối năm 1973 tôi có nhận được thư của thầy. Lúc ấy thầy bị thương nặng, nằm ở quân y viện Pleiku. Tôi có tìm đến thăm, nhưng người ta bảo là thầy đã được chuyển về quân y viện Nguyễn Huệ ở Nha Trang, để được gần nhà. Lúc ấy đoạn đèo An Khê lại bị địch chiếm, nên xe đồ không chạy được. Mấy tháng sau, khi đi được xuống Nha Trang tìm thăm thầy, thì thầy đã xuất viện. Tôi có hỏi nhưng bệnh viện không biết thầy ở đâu.

- Mô Phật! Đúng như bà nói. Tôi được Hội Đồng Giám Định Y Khoa cho xuất ngũ, vì thương tích. Tôi về sống với mẹ già. Lúc ấy bà cũng đang tu tại gia, ăn chay trường. Suốt một đời bà đã lo lắng cầu nguyện cho cha tôi, rồi đến tôi. Cha tôi cũng đã tử trận năm 1965, trong trận Đồng Xoài, khi ấy tôi chỉ vừa 11 tuổi.

- Nhờ vậy mà thầy đã đi tu.

- Lý do đó chỉ một phần. Cái chính là do tôi đã sống trong chiến tranh, chứng kiến bao nhiêu cái chết quá đau lòng, như cái chết của những người còn quá trẻ như Lân. Họ đâu có tội tình gì. Tôi nghĩ tới cuộc chiến phi nghĩa, khi mà anh em cùng một nhà lại chém giết thù hận lẫn nhau. Nhất là những người lính miền bắc, chỉ vì một số người cầm quyền nhân danh các thứ chủ nghĩa này nọ, để xua họ vào miền nam chém giết chính đồng bào mình. Trước khi nhắm mắt, có lẽ họ chẳng biết họ chết trong núi rừng, trong đói khổ, để cho ai và được điều gì ? Gia đình, cha mẹ hay vợ con họ ra sao ? Tôi nghĩ tới cái Vô Thường, Vô Minh mà Đức Phật đã dạy, nên tôi đã tìm tới cửa Thiền để mong trút bỏ mọi ám ảnh, oan khiên.

Như vừa nhớ ra một điều gì, thầy chỉ tay về hướng sau chùa :

- Mời bà đi theo tôi. Mong bà sẽ tìm thấy một điều kỳ diệu.

Tôi theo thầy đi dọc theo triền đồi, đến một nơi tương đối bằng phẳng. Lại một khu vườn nhỏ toàn hoa sim. Tuyệt diệu hơn, bên trên các khung cây được treo đầy những cánh lan rừng. Tôi nhớ tới những cánh lan mà Lân thường mang về tặng tôi sau các cuộc hành quân. Ngày xuân, tất cả đang nở rộ một mùa hoa.

Điều làm tôi ngạc nhiên hơn là giữa khu vườn là một ngôi mộ, trên tấm bia lại có cây thánh giá. Tôi thắc mắc hỏi thầy.

Thầy im lặng, không trả lời, ra dấu bảo tôi cùng thầy đến gần ngôi mộ. Tôi bàng



hoàng khi đọc mấy dòng chữ trên mộ bia :

Tôi quỳ trước ngôi mộ, đưa tay lên ngực làm dấu thánh giá rồi khóc sục sùi. Một cơn gió xào xạc làm chao động cả rừng cây. Dường như tôi đã ngồi ở đây lâu lắm. Khi lau nước mắt đứng lên tôi không còn thấy thầy trụ trì. Có lẽ thầy muốn để tôi ngồi khóc một mình mà thổn thức với người xưa, hay là muốn tránh xa chuyện vui buồn của thế tục.

Khi trở lại chùa, tôi có cảm giác như chân mình đang bước vào khoảng không, hụt hẫng. Chú tiểu chờ tôi trong căn nhà khách, chuyển lại lời xin lỗi của thầy trụ trì và trao lại cho tôi một tờ giấy học trò được xếp làm đôi. Thầy trụ trì đang cúng nọ. Tôi mở tờ giấy ra đọc, trong lúc tiếng chuông chùa ngân nga như muốn làm dịu đi phần nào những cơn sóng đang bành bồng trong lòng tôi. Trên tờ giấy chỉ có mấy dòng chữ : Xin chào bà và cảm ơn bà. Chính tôi đã mang hài cốt của anh Lân về cải táng trong vườn chùa, khi được tin nghĩa trang trong thành phố Kontum bị giải tỏa. Anh Lân mồ côi, không còn ai thân thích. Từ nay, xin bà hãy cầu nguyện cho anh Lân, theo nghi thức tôn giáo của bà. Nam Mô A Di Đà Phật.

Phạm Tín An Ninh

(Tác giả viết lại phỏng theo lời kể của một nữ độc giả. Độc giả này sau khi đọc bài "Trên Chiến Trường Xưa" (Kontum) của tác giả, được phổ biến trên nhiều số báo nhân ngày 30.4.2008, đã tìm cách liên lạc với tác giả để tìm hiểu về cái chết của người tình cũ. Anh đã tử thương trong trận tái chiếm Bệnh Viện 2 Dã Chiến, Kontum ngày 11.5.1972)

CÔ CON GÁI QUẢ GIANG

TRONG ĐÊM MÔNG MỘT TẾT

SATURDAY, 31. JANUARY 2009, 04:18:39



Chiếc thuyền nhỏ mang theo hơn năm mươi người, một nửa là đàn bà và con nít, ra khơi hai ngày thì gặp bão. Chúng tôi may mắn được một chiếc tàu chuyên chở dầu hỏa của Naury trên đường từ Nhật sang Singapore cứu vớt. Hai ngày sống trên tàu chúng tôi có cảm giác như đang ở trên một thiên đàng. Tất cả đều được tận tình hỏi han chăm sóc. Chúng tôi cảm thấy vừa mừng vừa xót xa khi nhận ra thế gian này vẫn còn có đầy áp tình người. Họ là những kẻ xa lạ, không cùng màu da, màu tóc, không cùng ngôn ngữ, mà lòng thông cảm yêu thương họ đã dành cho chúng tôi lớn lao biết đến dường nào. Trong lúc những “người anh em” cùng một nhà thì lại hành hạ đuổi xô chúng tôi đến bước đường cùng để phải đành lòng bỏ nước mà đi. Với ân tình đó chúng tôi chọn Vương quốc Naury là quê hương thứ hai để gởi gắm phần đời còn lại của mình và vun đắp tương lai cho mấy đứa con nhỏ dại.

Sau gần một năm ở trại tị nạn, gia đình chúng tôi được đi định cư. Khi bầu đoàn thể từ như một bầy nai vàng ngơ ngác bước xuống phi trường Oslo, được nhiều người đón tiếp, trong đó lại có cả mấy ông nhà báo và đài truyền hình nhà nước phỏng vấn, quay phim. Gốc nhà quê, nên tôi cũng chẳng biết họ quay phim để làm cái gì. Trước khi về nhà, chúng tôi còn được mời vào một nhà hàng Tàu, và tha hồ gọi bất cứ thức ăn nào mình thích.

Đến khi bước vào ngôi nhà, được bà trưởng phòng xã hội trao cho một chùm chìa khóa, dẫn đi một vòng xem phòng ốc đã được trang trí xong nội thất, cái bếp và cả cái tủ lạnh có sẵn đầy đủ thức ăn nước uống, một cái TV màu. Mọi thứ đều mới tinh. Sáu đứa con và hai đứa cháu họ của tôi thì ngồi mân mê mấy cái bàn học, và mấy cái ba lô có đầy đủ sách vở trong đó. Trước khi ra về bà giới thiệu chúng tôi một cô nhân viên của bà, và một cô giáo ở lại hướng dẫn chúng tôi xử dụng mọi thứ tiện nghi trong nhà, và mỗi ngày sẽ đến đưa gia đình chúng tôi đi mua sắm, khám bệnh, làm răng, còn cô giáo thì đặc trách lo việc học hành cho mấy đứa nhỏ. Khi tất cả ra về, tôi nằm dài dưới sàn nhà và chợt khám phá ra rằng mình quả là may mắn được đến định cư ở một nước Bắc Âu xa lạ nhưng thơ mộng và có quá rộng tấm lòng này, mà lúc xuống biển ra đi chắc chẳng có ai bao giờ nghĩ tới.

Buổi tối, cơm nước xong, cả nhà quây quần trước cái TV. Thằng con trai lớn ra điều mới học được văn minh, bấm tới bấm lui tìm đài. Cả đám bất ngờ nhìn thấy dung nhan của mình trên màn ảnh. Thì ra chương trình phóng sự. Họ đang kể về gia đình chúng tôi: “những công dân mới của Na Uy, mà ông bố đã từng ở tù nhiều năm, giống nhiều người Na Uy bị nhốt trong các trại cải tạo của Đức quốc xã, cái thời Hitler làm mưa làm gió ở Âu châu, và đã can đảm dấn theo sáu đứa con và hai đứa cháu nhỏ vượt đại dương trên một chiếc thuyền đánh cá mong manh”. Nghe họ ca ngợi mình mà tôi xấu hổ. Dù gì tôi cũng là kẻ bỏ nước tha phương, với họ, ít nhiều gì cũng là một cảnh tầm gỏi. Còn chuyện vượt biển, vượt biên, đến bước đường cùng thì ai cũng phải liều mạng thế thôi, chứ có hàng triệu người còn can đảm gắp vạ lần tôi. Nhiều người đi bằng đường bộ, trèo núi, băng rừng, lội suối, bơi sông, qua Cam Bốt, Thái Lan, để vài năm sau mới đến được Singapore. Và dĩ nhiên đã có biết bao nhiêu người chẳng bao giờ tới bến.

Cũng vì cái chương trình phóng sự bất ngờ này, mà sau đó, mỗi ngày gia đình chúng tôi phải tiếp nhiều người khách không mời, và nhận đủ thứ quà. Trong số đó, đặc biệt có một người đàn bà Việt Nam, mà lúc bà mới bước vào nhà, chúng tôi cứ tưởng là người Nhật, hay là người Tàu gì đó, khi nhìn thấy cái vẻ quý phái đặc biệt của bà. Tôi nghĩ có lẽ không có người Việt Nam nào sống ở cái xứ Bắc Âu xa lạ này từ lâu để có được nét đẹp của một người con gái đông phương pha lẫn âu tây ở cái tuổi còn trẻ như bà. Sau đó tôi bất ngờ thú vị khi bà tự giới thiệu tên là Huyền-Trần Thomassen, hiện là giảng sư môn nhân chủng xã hội học tại trường đại học Oslo, chồng bà là người Na Uy, hiện đang làm đại sứ tại Mexico. Bà không muốn bỏ nghề bà yêu thích, hơn nữa bà vẫn còn tiếp tục nghiên cứu về ngành này, nên không theo chồng mà ở lại Na Uy với hai đứa con. Lúc nhỏ bà theo cha sang sống ở Thụy Sĩ, khi cha bà là đại sứ của VNCH tại đó. Người chồng của bà, cũng thuộc một gia đình có truyền thống ngoại giao. Cha của ông cũng một thời là đại sứ của Na Uy tại Thụy Sĩ. Hai người con của hai ông đại sứ quen nhau từ khi học chung một trường trung học và làm đám cưới sau khi tốt nghiệp đại học tại thủ đô Bern, một năm trước khi miền Nam Việt Nam thất thủ.

Tôi rất ngưỡng mộ người đàn bà trẻ này. Rồi Việt nam từ lúc 12 tuổi, nhưng bà nói tiếng Việt rất lưu loát, hiểu biết rất nhiều về văn học Việt nam, từ truyện Kiều của Nguyễn Du, đến bài thơ Hai Sắc Hoa TyGôn của TTKH. Điều đặc biệt hơn hết là bà rất quý mến và giúp đỡ tận tình người đồng hương. Gia đình tôi cũng mang nặng khá nhiều ơn nghĩa của bà.

Những ngày sống hạnh phúc ở quê người, nhìn con cái ngày một lớn lên và đang có cả một bầu trời xanh bao la trước mặt, lúc nào tôi cũng chạnh lòng nhớ lại cái thời mình khốn khó và những bạn bè xưa. Tôi thấy mình nợ nần nhiều người mà không biết làm sao trả được. Trong số này, người mà tôi thường nghĩ tới nhiều nhất và ân hận chẳng giúp được điều gì là Nguyễn Thượng Tâm, người đồng đội và cũng là đứa em kết nghĩa của tôi.

* * *

Tâm ra trường sau tết Mậu Thân. Về trình diện đơn vị tôi khi vừa tròn 18 tuổi. Mặc dù còn rất trẻ, nhưng được đào tạo từ lúc còn nhỏ tại trường Thiếu Sinh Quân nổi tiếng ở Vũng Tàu nên Tâm là một hạ sĩ quan gương mẫu trong kỷ luật và gan dạ trong chiến trường. Tâm hiền lành và rất ít nói. Nhưng không phải vì vậy mà tôi trở thành thân thiết với Tâm và hai thằng kết nghĩa anh em, nếu không có buổi sáng mùng một Tết năm 1969, khi đơn vị chúng tôi tạm dừng quân trong một ngôi làng hoang đổ nát nằm sâu giữa những động cát nơi giáp ranh hai tỉnh Bình Thuận và Bình Tuy lúc trước.

Dù đang hành quân, nhưng biết hôm đó là mùng một Tết, tôi thức dậy thật sớm, thay bộ đồ trận mới, đi một vòng chúc tết anh em. Ngày đầu năm, nằm giữa một khu hoang tàn không một bóng người, chắc ai cũng chạnh lòng nhớ tới gia đình. Chiếc radio từ một căn lều poncho nào đó đang phát ra tiếng hát nỉ non của ca sĩ Duy Khánh, trong bản nhạc Xuân Này Con Không Về của Trịnh Lâm Ngân, làm lòng tôi càng thêm lắng xuống. Đến cuối ngôi làng, tôi bỗng giật mình khi nghe tiếng sục sùi. Lại gần tôi mới nhận ra Tâm. Anh ta đang quỳ lạy trước một cái bàn thờ được kê bằng cánh cửa sổ của căn nhà nào sập xuống. Trên bàn thờ đã chiến, tôi thấy có mấy cái hoa rừng cắm trong cái bi đồng nước, hai bát cơm bằng gạo sảy và một lon guigoz có lẽ chứa nước trà hay canh nấu bằng lá giang hay lá tàu bay gì đó. Tâm khấn vái một lúc, quay lại bất ngờ nhận ra tôi. Tâm đưa tay chào và cũng như mọi khi, không nói một lời nào. Có lẽ Tâm biết là tôi đã đứng im lặng ở đây từ lâu lắm. Tôi bước tới nắm chặt tay Tâm, kéo anh đứng lên. Tâm vội rút tay ra lau nước mắt. Tôi đến trước bàn thờ vái một vái, rồi vỗ vai Tâm:

- Em cúng bố mẹ à. Sao đầu năm mà buồn quá vậy em.
 - Không, bố em còn ở ngoài Bắc, em không biết là còn sống hay đã chết. Mẹ em thì đã qua đời lúc em còn bé lắm. Nhà em ở tận Ý Yên, nhưng bố em đi làm xa, nên phải gởi hai anh em em xuống nhà ông chú ở Hà Nội học, rồi theo gia đình chú ấy xuống tàu há mồm vào Nam luôn.
 - Còn anh của em bây giờ ở đâu? Tôi hỏi
 - Anh ấy chết rồi. Anh là sĩ quan thủy quân lục chiến, tử trận đúng ngày mùng một tết Mậu Thân ở ngay Sài Gòn. Hôm nay là giỗ đầu của anh ấy.
 - Anh em tên gì?
 - Nguyễn thượng Minh, khi chết anh vừa mới lên trung úy.
- Tôi giật mình. Cái tên Nguyễn thượng Minh làm tôi nhớ ngay đến một thằng bạn cùng tên hồi còn tiểu học. Tôi hỏi Tâm:
- Vậy có phải em là cháu của thầy giáo Nguyễn Thượng Cầu?
 - Dạ phải, nhưng chú Cầu đã chết lâu rồi. Tâm trả lời rồi nhìn tôi ngạc nhiên.

Năm 1954, tôi đang học lớp nhì trường huyện Vạn Ninh. Nhập học được vài tháng, thì thầy hiệu trưởng Nguyễn công Tố dắt ba đứa học trò lạ vào lớp giới thiệu với cô giáo Kiệt rồi dặn dò đám học trò chúng tôi:

- Hôm nay trường nhận thêm những em học trò mới, trong đó có ba em vào lớp này.

Tất cả các em phải biết yêu thương và giúp đỡ những người bạn này, vì họ đã vừa phải bỏ quê hương, gia đình ngoài miền Bắc, di cư vào đây. Đó cũng là lời kêu gọi của Ngô Thủ Tướng.

Hai thằng con trai và một đứa con gái cúi đầu chào cô giáo rồi quay xuống chào chúng tôi bằng thứ tiếng lạ hoắc khó nghe. Thằng lớn con nhất được cô Kiệt chỉ cho ngồi dãy bàn cuối lớp, ngay phía sau tôi.

Đến giờ ra chơi, bọn tôi bu quanh “phổng vắn” nó đủ điều. Tên nó là Nguyễn Thượng Minh. Nó và thằng em nhỏ hơn bốn tuổi, nhà ở quê, mẹ chết sớm, ông bố đi làm xa, nên phải gởi anh em nó xuống Hà Nội ở nhà ông chú để học hành, hơn nữa ông lại là thầy giáo. Khi có lệnh di cư, ông chú không liên lạc được bố nó, nên dắt hai anh em nó xuống tàu há mồm vào Nam luôn, rồi được chính quyền phân phối đến định cư ở quê tôi, Vạn Giã, cùng với hơn mười gia đình khác. Nó bảo vài hôm nữa ông chú nó cũng sẽ được sắp xếp cho vào dạy lớp ba trường này, thay cho một ông thầy thuyền chèo đến nơi khác.

Nó làm lì ít nói, chắc ngại cái tiếng Bắc Kỳ xa lạ của nó. Nhưng không phải vì điều đó mà làm cho tôi ghét nó, và đã có nhiều lần đánh lộn với nó nữa. Lý do chính là nó đánh bi rất giỏi, giành mất giải quán quân của tôi trong lớp. Nó đánh bi khác với chúng tôi. Chúng tôi để viên bi lên đầu ngón tay giữa rồi bắn đi, còn nó đặt viên bi trong lòng bàn tay và bắn đi bằng ngón tay cái. Vậy mà nó ăn tôi sạch túi. Bọn tôi bảo là nó ăn gian, không được chơi kiểu bắc kỳ của nó mà phải chơi theo kiểu trung kỳ của bọn tôi. Nhập gia phải tùy tục. Nó cô đơn một mình nên chịu thua, phải trả lại cho tôi tất cả viên bi nó thắng ngày hôm đó. Vậy mà hai hôm sau nó chơi trở lại, dĩ nhiên với cái kiểu hoàn toàn mới lạ với nó, nhưng nó vẫn thắng tôi oanh liệt. Cuộc đấu bi này bây giờ không phải chỉ giữa cá nhân hai thằng: tôi với nó, mà giữa hai miền nam-bắc, cho nên học trò trai gái cả trường bu quanh làm khán giả. Tôi thua trắng tay, mất luôn chức vô địch từ lớp năm đến bây giờ. Dĩ nhiên là tôi ức lắm. Điều ghê gớm hơn nữa, là chỉ có cuối tháng đầu tiên nó đứng hạng ba trong lớp, lên nhận bằng danh dự sau tôi, nhưng kể từ tháng thứ nhì trở đi nó đều chiếm hạng nhất. Tôi đâm ra hận nó, có nó là tôi mất tất cả. Mấy lần tôi nhại tiếng Bắc chọc quê nó, nó cũng chỉ cười, tôi nghe lời xúi của lũ bạn, bảo nó rờ sau “đít” coi có còn tồn ten cọng rau muống nào không, nó chỉ im lặng. Có lần bọn tôi xô nó ngã, nó chỉ cười, đứng dậy rồi phủi bụi trên áo quần. Tôi thua nó, nhưng cố làm ra vẻ tự mãn: “nó vẫn chỉ là một anh hùng cô đơn, không có ai chơi với nó”.

Đùng một cái nó nghỉ học. Chẳng có ai biết lý do. Nhưng rồi vài ngày sau nó tới trường, nhưng không phải để học mà để bán bánh mì và cà rem. Cô giáo và bạn bè hỏi, nó khóc và bảo là bà thím, sau khi cãi vã với chú nó một trận, không nuôi hai anh em nó nữa, nó phải tự “khắc phục” để còn nuôi một thằng em nhỏ. Hôm đó bọn tôi nhiều thằng cũng khóc theo với nó. Chờ cho tất cả vào lớp, tôi ở nán lại chỉ để ôm nó và nói một lời xin lỗi về những điều đã qua. Nó nhìn tôi thân thiện, và bảo là nó chưa hề để tâm tới điều ấy. Tôi “tâm phục khẩu phục” nó. Nó còn nhỏ mà thông minh và thánh thiện hơn tôi nhiều.

Tôi bèn làm ngay một cuộc “quảng cáo” cho bánh mì và cà rem của nó, vì vậy hôm nào nó mang mọi thứ tới trường là bán sạch ngay trong giờ ra chơi buổi sáng. Sau đó tôi còn kêu gọi một cuộc lạc quyền giúp nó: gạo, tiền xu, tiền cắc, áo quần, có thằng còn mang tới cho nó cả buồng chuối và một trái mít nữa.

Rồi nó cũng được chính quyền giúp đỡ, tôi nghĩ như thế, nên vài tuần sau nó trở lại lớp học, và chỉ bán bánh mì trong giờ ra chơi. Nó vẫn học giỏi, vẫn đứng đầu lớp, nhưng lần này nó không còn là anh hùng cô đơn nữa mà nó có đồng đảng bạn bè, mà thằng thân nhất chính là tôi.

Ông chú nó, thầy giáo Nguyễn thượng Cầu, cũng đã vào trường dạy lớp ba, nhưng bây giờ anh em nó không còn ở chung với ông chú nữa, mà chỉ đến thăm ông vào những cuối tuần. Có khi nó dắt tôi đi theo. Vì vậy tôi mới biết ông thầy, chú nó sợ bà vợ Bắc kỳ còn hơn sợ tử, nên chẳng dám bênh vực nhiều anh em nó, mặc dù ông rất đau lòng xót xa khi bọn nó phải dọn ra ở ké nhà một gia đình người di cư khác.

Tôi mất mẹ, cha tôi cũng đi làm xa, nên tôi thông cảm hoàn cảnh của Minh, nên thường đưa anh em nó về nhà ông bà nội tôi và chơi với đám anh em họ hàng của tôi.

Khi xong tiểu học, tôi vào Nha Trang học trung học, cũng là lúc phải chia tay nó. Bởi Minh cũng vừa theo một số người di cư vào tận khu định cư Phước Tỉnh nào đó ở trong nam, người ta bảo trong ấy làm ăn khá hơn ở quê tôi nhiều lắm. Từ đó, tôi không gặp lại nó, mặc dù trong ký ức tuổi ấu thơ của tôi, lúc nào hình ảnh nó cũng in lên đậm nét.

Không ngờ hôm nay, giữa chiến trường xa xôi này tôi lại bất ngờ gặp lại thằng em duy nhất của Minh, và lòng tôi lắng xuống khi biết nó cũng từng là lính đánh giặc và đã hy sinh đúng ngày này năm trước: ngày mùng một Tết. Cái ngày mà lời chúc Tết của ông Hồ Chí Minh trên đài phát thanh Hà Nội chính là cái mật lệnh “Tổng Công Kích Tết Mậu Thân” để giết hại bao nhiêu người vô tội, đặc biệt hàng vạn người ở Huế bị chôn sống. Cũng là cái ngày người ta nhận diện được bọn trí thức, sinh viên phản trắc, đã giết hại bao nhiêu thầy, bạn của chính mình.

Sau đó, tôi rút Tâm về làm việc bên cạnh tôi, phụ trách toán quân báo gồm toàn những người lính trẻ. Chúng tôi yêu thương nhau như anh em. Rồi vào một đêm trăng sáng, dưới sự chứng giám của đất trời, tôi đã nhận Tâm là đứa em kết nghĩa, sau lần Tâm liều mình cứu tôi thoát chết trong một cuộc phục kích ở Thiện Giáo. Đổi lấy sự an toàn cho tôi, Tâm phải mất hai ngón tay của bàn tay trái và nằm bệnh viện hơn một tháng để được giải phẫu lấy một mảnh đạn nằm trong sâu trong thanh quản. Sau khi xuất viện, Tâm phát âm tương đối khó khăn. Được hội đồng giám định y khoa xếp vào loại không còn khả năng chiến đấu, Tâm có thể chọn về một đơn vị hành chánh hay tiếp vận nào mà Tâm thích, nhưng Tâm một mực chối từ và nằng nặc đòi trở lại đơn vị cũ. Tâm xác nhận là mình vẫn còn khả năng chiến đấu, hai ngón tay của bàn tay trái và giọng nói khó khăn một chút không gây trở ngại nhiều cho một người lính chiến trường. Cuối cùng Tâm được toại nguyện.

Tôi vừa vui mừng vừa cảm động khi Tâm trở về trình diện. Tâm bảo sống chết gì em cũng muốn ở bên anh. Vì gia đình em có còn ai nữa đâu. Đơn vị này là gia đình của em. Tôi sắp xếp cho Tâm một công việc tạm thời ở hậu cứ để tiếp tục chữa bệnh. Chỉ sau vài tháng giọng nói của Tâm gần trở lại bình thường. Tâm nghe lời tôi xin vào khóa Sĩ Quan Đặc Biệt ở Thủ Đức. Tâm được ưu tiên thu nhận vì gốc TSQ.

Ra trường đúng vào mùa hè đỏ lửa 1972, Tâm lại xin trở về đơn vị cũ, lúc này đang ngày đêm nằm trong lửa đạn ở mặt trận Kontum. Năm tháng sau, tôi bị thương, được tản thương về Quân y viện Pleiku nằm điều trị gần một tháng. Xuất viện, được điều về Phòng Hành Quân. Cả tháng tôi không gặp lại Tâm, nhưng ngày nào chúng tôi cũng liên lạc trên hệ thống vô tuyến.

Cuối năm 1973, chiến trường lắng dịu. Tâm xin phép về Sài Gòn cưới vợ. Vợ Tâm là cô bạn nhỏ ngày xưa trong cùng một viện mồ côi. Bây giờ là cô giáo. Hai người gặp lại và tình yêu nẩy nở trong thời gian Tâm học ở trường Thủ Đức. Cả vợ chồng tôi đều có mặt trong ngày cưới, và làm chủ hôn bên họ nhà trai. Đám cưới xong, tôi vận động xin cho vợ Tâm được chuyển lên dạy tại một trường tiểu học nằm trong thành phố Pleiku, để vợ chồng được gần gũi nhau hơn.

Đầu tháng 3/1975 Ban Mê Thuột thất thủ, bản doanh Bộ Tư lệnh SĐ 23 BB bị tràn ngập sau một phi vụ bắn nhảm. Ông Tư Lệnh Phó cùng ông tỉnh trưởng Đắc Lắc bị bắt. Hai tiểu đoàn của Trung Đoàn 44 được trực thăng vận nhảy xuống đầu tiên ở Phước An, quận duy nhất còn lại của tỉnh Đắc Lắc, nhằm vừa ngăn chặn địch quân tràn xuống Khánh Dương theo Quốc lộ 21, vừa tái chiếm thị xã Ban Mê Thuột khi tình hình cho phép. Tâm có mặt trong toán quân đầu tiên này. Tôi không gặp được Tâm nhưng có liên lạc nói chuyện vài lần trong máy vô tuyến. Tâm rất đau lòng khi phải bỏ vợ và đưa con gái ba tuổi trên Pleiku, trước khi gửi gắm cho anh trung sĩ tiếp liệu đại đội cố dất theo cùng đoàn quân triệt thoái về tỉnh lộ 7, bây giờ không biết ra sao. Tâm khẩn khoản nhờ tôi tìm mọi cách liên lạc và giúp vợ con mình. Tôi lấy cái tình anh em kết nghĩa mà thề với Tâm là tôi sẽ cố gắng hết sức mình. Không ngờ, đó là một kế hoạch triệt thoái tồi tệ nhất trong lịch sử chiến tranh Việt Nam, đã làm mất biết bao nhiêu sinh mạng, kéo theo sự sụp đổ cả miền Nam. Ra tận Tuy Hòa, đứng đón dòng người tã tơi, nét mặt còn đậm nỗi kinh hoàng, họ vừa trải qua và chứng kiến biết bao nhiêu cái chết thê thảm để được đến bên này bờ con sông Ba nhuộm máu, tôi nghĩ là tôi chẳng còn có cơ hội nào gặp lại vợ con Tâm. Trở lại Khánh Dương, đúng lúc Phước An thất thủ và đơn vị của Tâm đã phải tan hàng, tôi gặp lại vị chỉ huy của Tâm ở Dục Mỹ, ông xác nhận là trung úy Nguyễn Thượng Tâm đã nằm lại trên đỉnh đồi Chu Cúc, khi chiến đấu tới viên đạn cuối cùng rồi tự sát trước một biển người của địch quân tràn lên chiếm giữ.

* * *

Hơn sáu tháng định cư ở Na Uy, cả nhà tôi lúc nào cũng miệt mài để sớm hội nhập vào quê hương mới. Thời gian qua nhanh quá. Mới đây mà chúng tôi cũng đã tập tành tổ chức ngày lễ Giáng Sinh và ăn cái tết Tây đầu tiên theo truyền thống của Na Uy. Sau đó bận bịu đi học đi làm, và cũng chẳng có cuốn lịch Âm lịch nào để biết ngày nào là Tết Ta, Nguyên Đán. Một buổi tối vợ chồng tôi đang ngồi cãi nhau về thời điểm giao thừa để thắp một nén hương tưởng nhớ ông bà, thì điện thoại reo. Bà Huyền-Trần Thomassen gọi, mời cả nhà chúng tôi tối mai lên ăn tết với gia đình, chồng bà từ Mexixo cũng mới trở về. Bà cho biết bây giờ đã là sáng mùng một Tết bên Việt Nam. Thì ra, chúng tôi tệ quá, mới rời khỏi Việt Nam hai năm mà không còn nhớ ngày tết và tổ chức mừng Tết như bà. Tôi cảm ơn và nhận lời bà xong, vội vàng thắp mấy nén hương tạ tội ông bà. May mắn ngày mai là thứ bảy. Bà biết gia đình chúng tôi có tới mười người mà chỉ có một cái xe Ford vừa nhỏ vừa cũ, nên bà đặt một chiếc taxi tám chỗ ngồi lại đón chúng tôi. Bà xã tôi chỉ huy bày con gái trên chiếc taxi, còn tôi lái xe chở đám con trai chạy theo sau. Trời thật lạnh, tuyết rơi trắng cả bầu trời. Chúng tôi phải chạy gần một tiếng đồng hồ mới tới nhà bà. Bà ở trong một ngôi biệt thự khá xinh, cách trường đại học Oslo, nơi bà dạy, chừng năm phút lái xe. Trong phòng khách bà trang trí giống như tết ở Việt Nam, đặc biệt có cả một cành mai thật to (một loài hoa Bắc Âu nở hoa vào mùa đông, nhìn giống như hoa mai) trong một cái bình sứ lớn, nằm ở giữa nhà. Chồng bà rất phúc hậu, và nói được một ít tiếng Việt. Khi giới thiệu ông với chúng tôi bà đùa:

- Hoàng đế Chế Mân của tôi đây.
- Không, tôi là Trần Khắc Chung. Ông vừa đưa tay bắt tay tôi vừa đùa.

Ông ta khá am tường về lịch sử Việt nam. Ông cũng biết khá nhiều và có những nhận định khá công bình về cuộc chiến Việt nam. Ông cho biết là lúc cuộc chiến Việt Nam đang ác liệt, khi ấy ông là trưởng ban ngoại giao của Quốc Hội Nauy, đã phản đối kịch liệt những nhóm tả khuynh và đặc biệt là những nhận định và việc làm của ông Olaf Palma, thủ tướng Thụy Điển, người đã hô hào ủng hộ Bắc Việt và tuyên bố sẵn sàng chấp nhận cho binh lính Mỹ đào ngũ đến dung thân ở nước ông. Khi chiến tranh Việt Nam kết thúc, nhìn hàng triệu người phải bỏ nước ra đi, ông vừa kịp phản tỉnh thì cũng bị ám sát chết.

Bữa ăn còn có cả dưa hành, thịt kho và bánh chưng. Tôi phục bà và thấy xốn xang nhớ những ngày tết lúc tôi còn nhỏ ở quê nhà.

Ăn uống xong, bà còn lì xì bì thơ màu đỏ cho mấy đứa con và mấy đứa cháu của tôi. Tôi đành phải ngượng ngùng xin lỗi vì không chuẩn bị kịp quà cáp cho hai đứa con của bà. Nhưng bà rất khéo léo, khi bảo sự có mặt của gia đình chúng tôi trong thời khắc đặc biệt này đã là một món quà vô giá, rất có ý nghĩa cho mẹ con bà. Tôi thay mặt gia đình cảm ơn, chúc tết ông bà và gia đình. Tôi cũng nói lên lòng ngưỡng mộ của chúng tôi đối với một người đã xa quê hương lâu ngày và lập gia đình với một người ngoại quốc mà vẫn còn giữ được truyền thống và bản sắc văn hóa Việt Nam, trong lúc một số người mới chân ướt chân ráo sang đây đã vội tập tành thành người bản xứ, muốn quên hết nguồn cội của mình.

Chia tay bà lúc gần mười hai giờ đêm. Đường sá vắng tanh. Tuyết vẫn rơi kín bầu trời. Không quen lái xe trên tuyết, tôi chạy thật chậm. Khi đến trước khu đại học Blindern, tôi thấy có một người đứng dưới tàng cây thông, đưa tay đón. Tôi dừng xe lại. Một cô gái chạy tới xin quá giang về nhà, vì cô dự tiệc tối ra, đã gọi taxi khá lâu mà không thấy tới. Tôi bảo đưa con trai lớn của tôi ra ngồi ở băng sau, nhường ghế trước cho cô gái. Khi cô lễ phép chào tôi, và bắt tay mấy cậu con và cháu của tôi ngồi ở băng sau, tự giới thiệu tên Anita rồi ngồi lên ghế, tôi mới nhận ra cô gái gốc Á đông, nhưng phát âm tiếng Nauy và điệu bộ hoàn toàn như người bản xứ. Tôi ngạc nhiên khi thấy cô đang run vì lạnh. Cô chỉ mặc một cái áo khoác mỏng. Tôi dừng xe, cởi cái áo choàng bằng lông cừu choàng qua vai cô. Gương mặt cô bé xinh xắn dễ thương, nhưng phảng phất buồn. Tôi hỏi cô bé đến từ nước nào. Cô cho biết cô được cha mẹ nuôi người Nauy nhận mang về đây lúc chưa tròn ba tuổi, nên cô chẳng biết gì. Sau này lớn lên, cô mới được cha mẹ nuôi kể lại là cô được Cơ quan Bảo Trợ Nhi Đồng LHQ nhận từ một viện mồ côi ở Việt Nam vào năm 1975. Ông bà xin nhận cô làm con nuôi từ Cơ quan này. Cô bé rất mong muốn được trở lại Việt nam một lần, để biết nơi mình sinh ra và nhờ người tìm lại tông tích, mồ mả của cha mẹ ruột. Cô sẽ xây mộ cho ông bà. Cha mẹ nuôi có hứa sẽ đưa cô về sau khi cô học xong trung học, và khi nào việc xin visa vào Việt Nam dễ dàng hơn. Nhà cô không xa nơi tôi ở, có lẽ không quá hai mươi phút lái xe. Khi qua hết mấy khu rừng thông thanh vắng, cô chỉ ngôi nhà lớn nằm lưng chừng trên một ngọn đồi, bảo tôi dừng lại phía dưới. Cô sẽ đi lên bằng con đường tắt. Cô cảm ơn tôi, cởi trả lại tôi cái áo choàng. Cô hỏi xin tôi một mảnh giấy, viết địa chỉ xong rồi đưa lại cho tôi. Cô mời tôi đến Lễ Phục Sinh ghé lại nhà cô chơi. Vì chỉ còn một ngày nữa cô phải đi London tiếp tục theo học một năm chương trình trao đổi học sinh. Cha mẹ nuôi của cô rất thích nói chuyện với người Việt Nam, nhất là những người đã từng tham gia cuộc chiến. Tôi hứa với cô là thế nào tôi cũng đến thăm cô cùng ông bà cha mẹ nuôi tốt bụng.

Về nhà, khi kể lại chuyện cô bé quá giang cho vợ và mấy cô con gái nghe, tôi mới nhận ra một điều: sao tôi lại có duyên với những người mồ côi đến thế. Suốt cả đêm hôm ấy tôi nằm trằn trọc nghĩ đến thân phận mình và nhớ thật nhiều đến Nguyễn Thượng Tâm, người mà tôi đã từng nhận làm đứa em kết nghĩa, nhưng mãi đến bây giờ vẫn chưa làm tròn được lời thề ước của mình.

Đến Lễ Phục Sinh, nhớ lời hẹn, tôi rủ bà xã và hai cô con gái lớn đến thăm cô Anita. Bây giờ là đầu tháng tư mà tuyết vẫn còn rơi trắng cả bầu trời. Nhờ ban ngày nên tôi thấy rõ nhà cô hơn. Ngôi nhà có dáng của một lâu đài, cổ kính, sang trọng. Chung quanh là một hàng thông. Chủ ngôi nhà chắc đã trọng tuổi và giàu có. Ngần ngừ một lúc, tôi bấm chuông. Đúng như tôi nghĩ, người mở cửa là một bà già khoảng trên bảy mươi, nhưng còn khỏe mạnh và nói năng vui vẻ lịch thiệp. Bà ngạc nhiên nhìn tôi, và hỏi tôi đến có việc gì bất ngờ mà bà không được báo trước. Tôi xin lỗi, giới thiệu tên mình và cho bà biết là tôi có hẹn với cô Anita, con gái của bà, đến thăm cô ấy và vợ chồng bà. Có lẽ cô Anita quên, không kể chuyện lại với bà. Bà tròn mắt ngạc nhiên:

- Anita nào ? vì đứa con gái duy nhất của chúng tôi đã chết rồi mà.

Bây giờ đến lượt tôi ngạc nhiên. Tôi kể cho bà nghe chuyện tôi gặp cô Anita trước cổng trường đại học hồi tháng hai, và cho cô quá giang về đây lúc nửa đêm. Bà mời tôi vào nhà, chỉ cho tôi tấm ảnh treo trên vách.

- Đây chính là cô Anita mà tôi đã gặp, trước khi cô trở lại London để tiếp tục học. Tôi nói to như để xác nhận với bà.

Bà nhìn tôi sụt sùi hai dòng nước mắt.

- Đúng rồi, sau lần về thăm nhà và cũng để khám bệnh ấy, thay vì trở lại trường, con tôi phải vào bệnh viện, do một mảnh đạn nằm sâu trong tim từ lúc cháu ba tuổi, và cháu qua đời sau đó một tuần. Trước đây, bác sĩ có khám và chụp hình, nhưng bảo mảnh đạn nằm ở một vị trí khá an toàn, và rất nguy hiểm nếu phải giải phẫu. Không ngờ cháu lại chết vì chính mảnh đạn từ thời chiến tranh này.

Bà ra nhà sau lên tiếng gọi ông chồng, kể cho ông nghe câu chuyện tự nãy giờ. Ông đến chào tôi, và bảo tôi chờ ông bà mặc áo lạnh rồi sẽ dẫn tôi ra nghĩa trang, nằm không xa ở phía sau nhà, thăm ngôi mộ cô con gái.

Ngôi mộ phủ đầy tuyết trắng. Bà đưa tay phủi lớp tuyết trên tấm bia, hàng chữ khắc sâu trên bia: ANITA NGUYEN HILDE. Nhìn tấm ảnh trên mộ bia, tôi có cảm giác dường như cô cũng đang nhìn tôi mỉm cười. Tôi đứng trước mộ, chắp hai tay khấn nguyện một đôi điều. Ông bà chủ nhà sụt sùi, bảo với tôi đó là cô con gái duy nhất mà ông bà hết lòng thương quý. Từ khi cô ta qua đời, ông bà chẳng còn thiết tha bất cứ thứ gì trên cõi đời này nữa. Đưa tôi trở lại nhà, ông chăm củi thêm vào lò sưởi, rót mời tôi một tách cà phê nóng. Ông bảo nếu cô không chết thì mùa hè này ông bà sẽ đưa cô về thăm quê hương nguồn cội ở Việt Nam. Riêng cha mẹ ruột của cô thật sự đã chết trong chiến tranh rồi.

Dường như vừa nhớ lại một điều gì, ông đứng lên bước tới kệ sách, quay lại nói với tôi:

- Trong hồ sơ của con tôi, người ta có ghi chú: Khi hấp hối, mẹ cháu có trần trối nhờ người mang nó về một viện mồ côi mà bà quen. Bà có để trong túi áo quần của đứa con một tấm hình khi vợ chồng bà làm đám cưới. Sau tấm hình có ghi tên và đơn vị của ba cháu. Đó cũng là dấu tích duy nhất về gốc gác của cô con gái nuôi yêu dấu của chúng tôi.

Tôi chưa kịp hỏi, ông đã đưa cho tôi tập album, và chỉ cho tôi một tấm ảnh đen trắng ngả màu vàng sậm, được dán ngay ở trang đầu. Nhìn tấm ảnh, tôi giật thót cả người, như đang bị mòng du vào một cõi xa xăm nào đó: hai người trong tấm ảnh chính là vợ chồng Nguyễn Thượng Tâm, người em mồ côi kết nghĩa mà chúng tôi đã lạc mất nhau trong những ngày cuối của một cuộc chiến huynh đệ tương tàn.

NỢ ĐỜI CHƯA TRẢ

SATURDAY, 14. FEBRUARY 2009, 07:42:26



(Viết cho em và những người vợ lính trung hậu)

Thời còn đi học, lang thang từ Nha Trang đến Sài Gòn, dù con nhà nghèo, học tạm tạm, và nhan sắc dưới trung bình, tôi cũng đã mang tiếng đào hoa. Cho nên có muốn kéo dài thêm cái đời học trò để được mơ mộng đủ thứ chuyện dưới biển trên trời thiên hạ cũng đâu có cho. Rồi có phải thuộc dòng hào kiệt gì đâu, tôi cũng xếp bút nghiên theo việc kiếm cung. Nói kiếm cung cho nó vẻ văn chương và lãng mạn, chứ thực ra tôi vào lính, mà lại là thứ lính hạng bét thì làm gì có kiếm với cung. Có phải lính tàu bay tàu thủy gì đâu, mà là lính đi bộ. Lúc băng rừng lội suối, mặc bộ đồ trận hồi hám cả tuần không tắm, tôi ghét cay ghét đắng cái ông nào là tác giả cái câu "Bộ Binh là nữ hoàng của chiến trường" mà tôi đã đọc được ngay từ khi mới vào quân trường, đếm bước một hai để hát bài "đường trường xa".

Khổ thì khổ vậy, chứ mấy cô gái bé bỏng hậu phương lại mê lính trong mấy bản nhạc của ông Nhật Trường. Vì "nếu em không là người yêu của lính, ai thương nhớ em chiều rùng hành quân, ai băng gió sương cho em đợi chờ, và giữa chốn muôn trùng ai viết tên em lên tay súng? ..". Nhờ vậy trong mấy năm đóng quân dọc đường số 1, nơi nào tôi cũng để lại vài mối tình con. Tôi nghĩ đời lính như vậy mà vui, thì thôi chớ tính chuyện vợ con làm gì cho nó vướng chân vướng cẳng. Hơn nữa, tôi cũng hiền ngang với đám con gái lắm, nên làm gì có chuyện "chết trong mắt em". Vậy rồi trời xuôi đất khiến thế nào, sau mấy năm đánh đám ở Quảng Đức, Ban Mê Thuột rồi Bình định, Phú Yên, đơn vị tôi được mấy cái tàu há mồm chở vào bờ xuống bãi biển Nha Trang vào lúc đường phố mới lên đèn. Tôi thấy lòng lâng lâng sung sướng vì không khí yên bình của thành phố biển, mà cũng vì tưởng mình đã được trở về với những "hang động tuổi thơ" của ông Nguyễn Xuân Hoàng.

Nào ngờ, khi còn mãi mê với mộng mị, tôi bị đánh thức lúc nửa đêm cùng đơn vị leo lên một đoàn xe máy chục chiếc để tiếp tục “hát khúc quân hành”. Đoàn xe ra khỏi thành phố, qua Ty Thông Tin, ra quốc lộ 1, trực chỉ hướng bắc. Tôi lại mừng thầm, nghĩ là sẽ được về dưỡng quân ở Dục Mỹ. Nhưng tôi đã “ước tính tình hình” sai bét. Đoàn xe dừng lại tại bùng binh, ngã ba Ninh Hòa. Một tiểu đoàn lính đổ xuống cái thị trấn còn đang say ngủ. Đại đội tôi nhận lệnh vào đóng quân trong sân vận động. Sáng hôm sau tôi rủ mấy thằng bạn, quần áo chỉnh tề, ra phía trước “thăm dân cho biết sự tình”.



Thấy một ngôi nhà mở cửa, bọn tôi bước vào làm quen. Chủ nhà là một cô gái nho nhỏ dễ thương, mời đón mấy thằng lính trời ơi đất hỡi mà miệng vui cười, e thẹn nhìn tôi bằng cặp mắt nai tơ. Vậy mà thằng lính ngang tàng như tôi lại chết trong đôi mắt ấy. Bắt đầu từ một chuyện tình cờ như vậy đó, mà tôi trở thành chú rể của Ninh Hòa hơn một năm sau. Trường Trần Bình Trọng cũng vừa có một cô học trò bỏ trường, bỏ lớp, bỏ bạn bè và bỏ cả đội múa “Trăng Mường Luông”.

Bây giờ cứ mỗi lần đọc bài thơ của ông nhà thơ Quan Dương, người Ninh Hòa, là tôi nhìn thấy có tôi trong đó :

*Hồi nhỏ tôi rất anh hùng
Một mình dám nhảy cái đùng xuống sông
Bơi nghiêng, bơi ngửa giữa dòng
Hiên ngang trấn giữ một vùng tuổi thơ*

.....

*Lớn lên trở chứng ngu khờ
Mắt em nào phải bến bờ sông sâu ?
Cớ sao chưa kịp lộn nhào
Đành chịu chết đuối, thiệt đau đúng là..*



Nàng làm vợ lính đúng tám năm. Tám năm khốn khổ lo âu. Vì lúc nào cũng có thể trở thành góa phụ. Đã vậy đứng ở Ninh Hòa lúc nào nàng cũng nhìn thấy hòn núi vọng phu sừng sững cuối chân trời! Nhưng rồi nàng không trở thành góa phụ mà lại trở thành tù phụ. Cơn sóng bất ngờ phủ xuống miền Nam, cuốn nàng theo cùng những người có chung số phận. Thân phận bọt bèo với một đàn con dại, cô học trò Trần Bình Trọng bé nhỏ ngày nào bây giờ phải một mình chống chọi với phong ba.

Riêng tôi, một thằng lính bất ngờ thua trận thì chuyện tù đầy nào có than chi. Chỉ tội nghiệp cho “người tình bé nhỏ” ngày xưa. Tôi tự trách mình, giá mà ngày đó tôi đứng ra khỏi cái sân vận động, không gặp nàng, thì biết đâu nàng chẳng tìm lại một cố nhân nào đó - mà tôi thường nghe nàng nhắc đến với lòng ngưỡng mộ - bây giờ đã là một ông quan hải quân, sẽ đưa nàng xuống tàu ra khơi đi tìm vùng đất hứa.

Rồi nàng bỗng dưng trở thành con cò lặn lội bờ sông của ông Trần Tế Xương, để nuôi đủ sáu con với một chồng - ông chồng gần tám năm biệt ở các trại tù Lào Cai, Yên Bái.

Tôi còn nhớ lúc ở trong tù, tôi may mắn nằm bên cạnh nhà thơ lớn Tô Thùy Yên. Tôi rất quý Anh vì Anh là một người tù có tư cách. Thấy tôi dốt nát mà cũng thích thơ văn, Anh làm tặng tôi một bài thơ khá dài và hay lắm. Nhưng lúc bị cai tù kiểm tra, tôi nhát gan nên bỏ cả bài thơ vào miệng nhai nát rồi nuốt vào cái dạ dày đang đói. Vì vậy tôi không còn nhớ hết mà chỉ thuộc lòng mấy câu viết về nàng:

*Tám năm áo rách bao nhiêu lượt
Em vá chồng lên những nỗi niềm.
Từ thuở anh đi nhà tróc nóc
Con thơ đâu còn biết vui cười*
.....

*Cô gái Ninh Hòa, thương quá đời
Một mình chèo chống giữa phong ba*

Ra khỏi trại tù, dường như tôi chỉ đem về cho nàng thêm những đắng cay. Với một người chồng còn mang đầy những vết thương cả trên thể xác lẫn tâm hồn, một đàn con thơ dại, giữa một xã hội chất chồng thù hận, nàng biết xoay sở làm sao? Cuối cùng, nàng phải cùng chồng con, đem sanh mạng đánh một canh bạc cuối cùng. Có lẽ ông trời không phụ lòng nàng. Chuyển đi vội vã, chuẩn bị chưa xong, rồi cũng đến được bến bờ. Trong lúc bao nhiêu người tìm cách tận hưởng hạnh phúc của một điều tưởng chừng may mắn nhất của con người, hoặc ít ra cũng ngơi nghỉ để hoàn hồn từ cõi chết, nàng lại tiếp tục làm kiếp con cò trong một vùng tuyết lạnh mênh mông, lo lắng cho con, để cho chồng học thêm vài chữ và vác ngà voi chạy đủ thứ chuyện bao đồng..

Bây giờ những đứa con đã trưởng thành. Nàng chiều chồng để cho mỗi đứa tự chọn quốc gia nào nó thích mà dung thân. Mỗi đứa một phương trời. Nàng lại là một hậu phương cho các con đi vào trận mới. Ngôi nhà trở nên trống vắng. Cuối cùng nàng cũng chỉ còn có tôi, người lính thất trận năm nào đã mang đến cho nàng biết bao là hệ lụy. Dư âm cuồng nộ của những cơn giông bão năm nào dường như vẫn còn đâu đó trong giấc ngủ của riêng nàng.

Tuổi sắp già, mà tôi còn mang nhiều món nợ. Biết làm sao trả cho xong. Nợ núi sông, nợ máu xương bè bạn. Mà tôi thì cứ mãi là thằng lính hèn mọn, bạc tình. Và tôi còn nợ nàng, nợ Ninh Hòa. Mảnh đất hiền hòa đã cho tôi một người vợ chung tình, cùng tôi qua bao nhiêu cuộc biến dâu.

TRỜI ĐẤT BAO LA

MONDAY, 23. FEBRUARY 2009, 02:03:53



Định cư ở Nauy hơn ba năm, sau khi ổn định công việc làm ăn và việc học hành cho mấy đứa con, tôi tổ chức một chuyến Âu du bằng xe hơi. Chiếc xe Ford của tôi vừa cũ kỹ vừa nhỏ, không thể nào vượt qua một chặng đường trên dưới bảy ngàn cây số, và dĩ nhiên cũng không đủ chỗ cho một gia đình lớn nhỏ tám người. Lại nghe mấy người bạn tới trước “hù”, bảo là trên xa lộ Âu châu vào mùa hè, chạy một cái xe cũ có thể bị giữ lại giữa đường và nộp tiền phạt vì cái tội làm trở ngại giao thông. Tôi muốn một cái xe mới toanh mười hai chỗ ngồi, có máy lạnh và kính mát đẳng hoàng. Tôi không muốn bất cứ điều gì làm mất cái hứng thú cho cuộc hành trình đầu tiên của chúng tôi trên những đất nước mà trước đây tôi đã từng một thời mơ ước nhưng chẳng bao giờ nghĩ là có một ngày được đi qua. Tôi và đứa con trai lớn vừa mới đủ tuổi lấy bằng lái xe thay nhau làm tài xế. Bà xã và cô con gái lớn chịu trách nhiệm xem bản đồ và theo dõi lộ trình.

Tuần lễ đầu tiên, chúng tôi rất thích thú khi đi qua những vùng đất xa lạ, mà ngày trước tôi chỉ biết mơ hồ qua sách vở. Sau một ngày, băng qua hai đất nước hiền hòa Thụy Điển, rồi Đan Mạch, chúng tôi sang Hamburg, thành phố lớn cực bắc của Tây Đức. Thời gian này nước Đức còn chia đôi, nên vừa mới đến ranh giới là không khí đã căng thẳng. Cảnh sát với súng ống đầy người, trông mặt người nào cũng đặng đặng sát khí làm tôi nhớ tới hình ảnh của Hitler trong bộ phim dài chiếu mỗi tuần trên truyền hình Nauy. Vừa mới thoát ra cảnh chiến tranh tù đầy ở quê nhà, lại được định cư tại một quốc gia ban phát giải Nobel Hòa Bình, tôi không muốn phải ngộp thở trên quê hương của ông Hitler, nên sau khi qua khỏi Frankfurt, tôi rẽ sang Hòa Lan. Một đất nước nghe như huyền thoại: nằm dưới mặt nước biển trung bình, có một con đập dài nhất thế giới, cũng là một xa lộ băng qua biển. Chạy xe trên con đập này, tôi cứ ngỡ mình đang lái tàu chạy giữa biển khơi. Xứ sở của hoa tulip, với những chiếc quạt gió cùng những con kênh đào thơ mộng. Ở thủ đô Amsterdam, có một nơi dành cho những người nghiện đến nhận thuốc phiện miễn phí của chính phủ; nguyên cả một khu phố lớn dọc theo bờ sông thơ mộng lại là một khu dành cho

mấy cô gái điểm đủ sắc dân. Đây là một cơ sở kinh doanh, có đóng thuế cho nhà nước, nên được cảnh sát bảo vệ. Trước mỗi nhà là một cái tủ kiếng, bày hàng thật cho khách bốn phương chiêm ngưỡng. Hàng thật là một hay hai cô gái thoát y, dĩ nhiên phải là đẹp, đứng như những pho tượng nữ thần Hy Lạp. Chúng tôi ghé thăm gia đình mấy người bạn cùng quê, sống rải rác khắp nơi. May mà đất nước Hòa Lan này không rộng lắm, lái xe từ bắc xuống nam chỉ mất khoảng bốn tiếng đồng hồ. Dừng lại nhà một người bạn ở Bergen op Zoom, thành phố biển phía nam chúng tôi tha hồ ăn sò huyết và những con “hàu”. Mấy loại này ở đây chỉ cần lội xuống biển mười phút là mang lên cả thùng nướng ngay tại chỗ. Hôm sau, chúng tôi sang Bỉ, Lục Xâm Bảo, và cuối cùng đến Pháp.

Điểm đến cuối cùng cũng là nơi quan trọng nhất mà chúng tôi muốn đến. Tôi dành một nửa thời gian, hai tuần lễ còn lại, cho cái xứ sở mà lúc còn nhỏ, khi học lịch sử thì tôi thù ghét, nhưng khi học văn chương thì tôi lại mê thích nó. Nào là tháp Eiffel bên dòng sông Seine tình tự, nào là nhà thờ Notre Dame cổ kính mà tôi mơ hồ thấy trong phim Thăng Gù ở nhà thờ Đức Bà, nào là vườn Luxembourg, nơi hẹn hò của bao cặp tình nhân. Chúng tôi ở trong khách sạn của một người Hà Nội, sang Pháp lập nghiệp từ hơn năm mươi năm trước. Khách sạn nằm trên con phố chính trong quận 13, nơi có đông người Việt Nam sinh sống.

Hơn một tuần ở Paris, chúng tôi xuôi về miền Nam nước Pháp. Thành phố Nice nằm bên bờ Địa Trung Hải, gần thành phố Cannes, nơi qui tụ những tài tử điện ảnh hàng năm, và không xa đất nước Monaco với những sông bài và những chuyện tình nóng bỏng của mấy nàng công chúa. Mười ngày nằm trên thành phố biển này, tôi tạm quên những bất hạnh trong quá khứ và những gì đang xảy ra trên quả đất có quá nhiều phiền muộn này.

Rời Nice, chúng tôi trở lại Paris trước khi về Naury. Trời mùa hè đang nóng, bà xã và mấy cô con gái của tôi đề nghị chạy ban đêm, vừa cho mát vừa được ngắm những thành phố rực rỡ trong ánh đèn. Nhìn trên bản đồ, tôi thấy trên đường đến thành phố Lyon, mình có thể dừng lại Grenoble rồi rẽ sang Genève của Thụy Sĩ, xem thử nơi đã cho ra đời cái hiệp định làm khốn khổ quê hương mình ra sao. Như được trở lại thời trận mạc xa xưa, tôi gọi cả bầu đoàn thể tử lại để ban bố ” lệnh hành quân”. Chúng tôi không đi theo xa lộ 85 mà chọn con tỉnh lộ nhỏ trực chỉ Grenoble. Tôi đích thân xem bản đồ hướng dẫn cho cậu con trai làm tài xế.

Rời Nice lúc 7 giờ tối. Sau hơn ba giờ từ “tuyến xuất phát”, tôi mới biết là mình đã sai lầm khi sử dụng con đường tắt này. Bởi chúng tôi bắt đầu chạy qua một khoảng rừng và những đồng lúa mì mênh mông, không thấy một bóng người. Đang mơ màng thì nhìn thấy phía đầu xe bốc khói. Tôi ra dấu cho đứa con trai dừng lại, bảo cả nhà xuống xe gấp. Khói trước xe vẫn còn bốc lên mờ mịt. Tôi tái mặt, vì bao nhiêu năm nay, từ lúc còn ở Việt Nam cũng như sang đây, ngoài việc cầm vô-lăng và đồ xăng ra tôi có biết gì về xe cộ nữa đâu. Chờ cho khói tan hết và rờ vào nắp xe thấy không còn nóng, tôi mở nắp xe lên bảo cậu con trai rọi đèn pin vào máy nhìn thử. Đến đường cùng thì làm như phản xạ tự nhiên vậy thôi, chứ tôi có biết cái gì trong máy đâu mà xem. Nhìn quanh một chập, tôi cảm giác có điều gì lạ lạ. Cuối cùng tôi mới phát hiện là sợi dây cu-roa không còn nữa. Nước trong bình đã bốc hơi không còn một giọt. Thấy tôi xách đèn pin trở lại, bà vợ và đám con gái đang nằm trên bờ ruộng lúa mì, ngồi bật dậy. Nghe tôi ra lệnh “đóng quân tại vị trí” vì xe hư không biết khi nào mới chạy được, bà vợ xỉ vả cho tôi một trận, bảo hèn chi ngày xưa ông đánh giặc thua là phải, đừng có đổ thừa tại tụi Mỹ nó phản bội bỏ miền Nam.

Tôi bảo đám đàn bà con gái lên xe nằm và khóa cửa lại cẩn thận, vì biết đâu khu này có thú dữ. Đàn bà coi dữ vậy chứ nhát gan, riu rít tuân lệnh. Tôi và thằng con trai đi vòng vòng xem có nhà cửa gì không. Nhưng tất cả đều tối om, tĩnh mịch. Đến gần một giờ sáng, khi tôi đang nằm mơ màng trên ruộng lúa thì nghe có tiếng động. Dường như là tiếng của một loại động cơ nào đó, càng lúc càng gần hơn. Một lúc sau, tôi thấy có ánh đèn từ khu ruộng lúa chạy ra. Một chiếc máy cày. Ai đi cày ruộng vào giờ này ? Chưa kịp tìm câu trả lời cho thắc mắc của mình, chiếc máy cày đã dừng lại trước mặt tôi. Qua ánh đèn xe, tôi thấy một người đàn ông trẻ, có lẽ là người Pháp, bước xuống tiến lại phía chúng tôi. Cử chỉ anh ta không phải là một người gian. Tôi yên tâm. Anh hỏi chúng tôi bằng tiếng Pháp, anh nói từng chữ vì sợ chúng tôi không hiểu :

- Chắc là xe các anh bị hư ? Có cần tôi giúp điều gì không ?

Lúc còn đi học, Pháp vẫn là sinh ngữ chính của tôi. Vậy mà lâu quá không xử dụng, tôi hiểu tiếng được tiếng mất, vừa trả lời vừa ra dấu :

- Xe tôi bị đứt dây cu-roa, khô hết nước, không chạy được nữa.

- Các anh ở tỉnh nào tới ?

- Chúng tôi từ Naury sang, chứ không phải ở Pháp. Trên đường từ Nice về, thì xe bị hỏng.

Anh bảo bây giờ đã khuya rồi, nhà anh cũng ở gần đây, anh sẽ giúp chúng tôi kéo xe về nghỉ tạm, rồi ngày mai sẽ tính. Tôi mừng rỡ gật đầu. Anh ra dấu cho tất cả chúng tôi lên xe.

Chiếc máy cày kéo xe và chúng tôi chạy lòng vòng chỉ khoảng mười phút thì về đến nhà. Trời tối, tôi không thấy gì ngoài mấy cái nhà khá lớn nằm dưới những tàng cây. Anh đưa chúng tôi vào một gian phòng rộng, mang thêm vài tấm nệm và mấy cái mền mỏng. Một chập sau anh lại mang vào bánh mì, phô- mát, và một ấm cà phê nóng, rồi chúc mọi người ngủ ngon.

Lạ nhà, nhưng có lẽ vì mệt quá, nên khi chúng tôi thức dậy thì trời đã sáng tự lúc nào. Kim của chiếc đồng hồ lớn treo trên tường chỉ 8 giờ 10 phút. Mở cửa sổ nhìn ra ngoài, tôi mới biết đây là một nông trại khá lớn. Chưa kịp gọi bà vợ và mấy đứa con dậy xem, thì có tiếng gõ cửa. Anh bạn trẻ tốt bụng tối hôm qua đến dắt tôi chỉ khu nhà tắm, nhà vệ sinh, rồi dẫn tôi khoảng 45 phút nữa, anh sẽ trở lại đón chúng tôi ăn sáng.

Ngồi vào bàn ăn, anh giới thiệu vợ và hai đứa con nhỏ. Cô vợ khá xinh, vui vẻ, lúc nào miệng cũng cười, vừa nói vừa làm dấu với mấy đứa con gái của tôi.

- Các anh là người Việt nam ? anh ta vừa bưng tách cà phê vừa hỏi.

- Nhưng làm sao anh biết được vì ở Bắc Âu cũng có nhiều người Tàu, người Đại Hàn, người Thái Lan và cả người Nhật nữa? Tôi không trả lời mà hỏi ngược lại anh.

- Tôi không nói được nhưng hiểu một ít tiếng Việt. Bà ngoại tôi là người Việt Nam mà. Mẹ tôi cũng sinh ra và lớn lên ở Việt Nam. Lúc còn sống bà nhớ Việt Nam lắm và thường kể cho chúng tôi nghe những thắng cảnh bên ấy. Đặc biệt, bà thường nhắc đến một thành phố có tên là Đà Lạt. Bà bảo nơi đó thật thơ mộng và có những nơi hò hẹn thật dễ thương cho những cặp tình nhân. Tội nghiệp, bà mới mất hơn hai năm nay, trong một tai nạn xe hơi cùng cô em gái duy nhất của tôi.

Ăn điểm tâm xong, anh đưa chúng tôi vào thăm phòng đọc sách. Một tấm bản đồ Việt Nam thật to treo trên vách. Anh chỉ cho chúng tôi thành phố Đà Lạt mà mẹ anh thường kể cho anh và cô em gái nghe mỗi lần bà nhớ về quê mẹ.

Càng lúc chúng tôi càng thấy gần gũi và thân thiết với gia đình anh bạn trẻ có một chút gốc gác Việt Nam này. Anh bảo vợ anh đưa chúng tôi đi thăm khu nuôi bò sữa và vắt đem về vài lít sữa tươi để chúng tôi dùng thử, trong khi anh lấy xe chạy ra phố tìm mua sợi giây cu-roa để thay cho xe chúng tôi. Mấy cô con gái của tôi rất thích thú khi được cô chủ nhà chỉ cho cách vắt sữa bò. Sau đó chúng tôi vào thăm một vườn nho.

Khi trở về, thì anh ta đã sửa xong cái xe và đang cho máy nổ thử. Thấy chúng tôi, anh cười đưa ngón tay cái lên báo hiệu là xe đã tốt. Anh tắt máy xe và giao chìa khóa lại cho tôi. Tôi chưa kịp trả tiền sợi giây cu-roa và nói lời cảm ơn thì anh đã vỗ vai mời chúng tôi ở lại chơi với gia đình anh vài hôm. Anh bảo là lâu lắm anh mới gặp được những người đến từ quê ngoại. Thấy ông bà chủ hiếu khách, phong cảnh ở đây hữu tình, lại có sẵn sữa tươi và rượu nho, bà xã và mấy cô con gái cười nheo mắt nhìn tôi. Tôi hiểu ý và nói với anh là chúng tôi chỉ có thể ở lại một đêm. Trưa ngày mai chúng tôi phải lên đường.

Ăn cơm chiều xong, trời dịu mát, anh đề nghị chúng tôi đi thăm khu vườn cam nằm trên ngọn đồi. Vào vườn cam, chúng tôi có cảm giác như lạc vào một chốn thiên thai nào đó. Những hàng cam thẳng tắp, trĩu vàng những quả, mùi hoa cam toả ra thơm cả một góc trời. Giữa vườn cam là một công viên nhỏ, trồng đủ các loại hoa. Bên kia công viên, ngay giữa đỉnh đồi là khu nghĩa trang nhỏ của gia đình. Vợ chồng anh mời chúng tôi đến thăm mộ của ba má anh và cô em gái. Ba ngôi mộ xây đơn giản, nhưng lại có nét đẹp cổ kính. Trên mỗi mộ bia đều có một tấm ảnh lồng trong khung kiến. Đến trước từng ngôi mộ, tôi cung kính cúi đầu, chắp hai tay trước ngực và đọc thăm từng tên khắc đậm trên bia. Khi đọc đến tên người mẹ: JACQUELINE CUVÉRO GAULTIER - tôi bỗng giật mình. Cái tên này tôi thấy quen quen. Bà mất lúc tròn 50 tuổi. Nhìn tấm ảnh thật lâu, tôi nghĩ đến một người.

Khi về nhà, tôi ngỏ ý muốn xem những tấm ảnh lúc cha mẹ anh còn trẻ. Anh bạn chủ nhà mang đến cho chúng tôi mấy quyển album. Bà xã và mấy cô con gái thì tranh nhau xem quyển album lúc ông bà làm đám cưới và nức nở khen mấy cái áo của cô dâu. Riêng tôi dành lấy tập album cũ với những tấm ảnh đen trắng mà nhiều cái đã ngả màu vàng. Bỗng tôi lạnh người khi xem những tấm ảnh của mẹ anh thời con gái, đặc biệt là tấm ảnh có mái tóc cắt ngắn giống ca sĩ Sylvie Vartan thời cô ta đang nổi tiếng. Chẳng lẽ lại là nàng ? - Không thể nào ! Tôi lắc đầu nói thầm trong miệng.

Năm học lớp đệ nhất trường Võ Tánh, Nha Trang, dù học không giỏi nhưng tôi cũng cố gắng để được trở thành một thành sinh viên, dù chỉ là loại sinh viên hạng bét, và cũng để khỏi phụ lòng thương yêu, lo lắng của cha tôi, suốt một đời làm gà trống nuôi con. Vậy mà tôi bị một lúc hai cái tai ương. Tự dưng có một nàng con gái, mà lại là con gái đẹp, yêu tôi. Đang ngập lặn trong tình yêu thì ông Trời phạt tôi : phận nhà nghèo mà lại đeo bông yêu người đẹp, nên giáng cho tôi một cơn bệnh thập tử nhất sinh. Vì vậy khi bạn bè vác lều chõng đi thi, thì tôi đang nằm bất động ở nhà thương tư của bác sĩ Thạch ở đường Trần Quý Cáp. Ba tháng sau, khi vừa xuất viện về tiếp tục điều trị tại nhà, tôi nhận được bức thư tạ từ. Người đẹp đi lấy chồng. Tôi bỏ thành phố Nha Trang, bây giờ với tôi là thành phố buồn, vào Sài Gòn lang thang kiếm việc làm thuê để có tiền đi học tiếp. Học được ba năm thì tôi vào lính.

Khi chân ướt chân ráo vào Sài Gòn, tôi chẳng có ai quen, ngoài một bà cô họ xa, trước lấy chồng Tây. Chồng chết, bà ở với mấy đứa con mang hai dòng máu ở sau khu tiệm phở Tàu Bay, Tàu Thủy, trên đường Lý Thái Tổ. Tôi không ngờ trong khu này đa số là những gia đình có con lai Pháp, trắng có đen có, được toà đại sứ Pháp cứu mang lo lắng từ việc sinh sống tới việc học hành. Hầu hết đều mang quốc tịch Pháp và được theo học ở các trường Tây Sài Gòn, Đà Lạt. Những ngày cuối tuần tôi thường ghé lại đây chơi. Đang cô đơn ngơ ngác thì được mấy người con của bà cô họ giới thiệu cho tôi nhập bầy với đám Tây lai này. Họ cũng dễ thương và dĩ nhiên là có phong cách tây lắm. Chiều cuối tuần họ thường tụ tập để ăn uống và nhảy đầm. Anh con cả của bà cô họ tôi là trưởng nhóm, chỉ định một cô bé tóc vàng, có mái tóc ngắn và đôi mắt thật dễ thương dạy tôi nhảy đầm và cũng làm partner cho tôi khi có tiệc tùng. Nghe mọi người trong nhóm gọi cô là Sylvie Vartan, tôi cũng gọi theo, nhưng biết vì khuôn mặt và mái tóc của cô giống người ca sĩ Pháp đang được ái mộ này nên bè bạn gọi đùa, chứ đó không phải là tên thật của cô.

Chỉ đi chơi với nhóm một vài lần gì đó, thì tôi vào quân trường Thủ Đức. Hôm lễ gắn alpha, thấy anh em mời thân nhân bạn bè nhiều quá, tôi cũng tủi thân. Gia đình tôi và một số bạn bè thân ở tận Nha Trang, còn ở Sài Gòn này thì tôi tứ cố vô thân. Cuối cùng tôi nghĩ đến ba người con lai Tây của bà cô họ và mời họ đến dự lễ gắn alpha, rồi sau đó cùng đi dự tiệc với tôi. Hôm ấy cả ba người đều đến và còn dẫn theo nàng con gái Sylvie Vartan. Họ rất thích thú với khung cảnh quân trường và sinh hoạt của lính. Ai cũng chụp chung với tôi một tấm ảnh có mang cầu đai alpha.

Sau đó, trong những lần về phép ngắn ngủi, tôi cũng có ghé thăm họ một đôi lần. Đêm ra trường, họ cũng đến dự. Sau đó đưa tôi về Sài Gòn, họ làm một buổi tiệc chia tay tôi, và lần này tổ chức tại nhà cô gái có tên Sylvie Vartan. Gia đình cô không ở trong khu Lý Thái Tổ mà có một biệt thự riêng, khá xinh, nằm trên một con hẻm lớn trên Tân Định.

Tôi không gặp ai trong gia đình của cô hôm ấy, chỉ xem tấm ảnh người cha ruột của cô chụp với mẹ cô khi còn rất trẻ, và cả tấm ảnh chụp gia đình cô bây giờ, với ông cha Việt Nam, một người em gái cũng lai Tây như cô và hai người em nhỏ cùng mẹ khác cha. Mẹ cô có nhan sắc, nên ông chồng mới sau này thuộc loại nhà giàu. Tôi nghĩ như thế.

Tới hơn hai giờ sáng tiệc mới tàn. Khi nói lời chia tay, không hiểu vì xa họ không biết khi nào gặp lại hay vì nghĩ đến đời lính chiến nay mai trên rừng núi cao nguyên mà tôi chạnh lòng, muốn khóc. Nàng cũng nhìn tôi nghẹn ngào. Khi mọi người đi tìm áo khoác và mang giày, nàng kéo tôi ra phía sau, tặng tôi một tấm ảnh, rồi bắt ngờ hôn tôi trên má.

Ngồi trên máy bay ra trình diện đơn vị, bất chợt nhớ đến nàng, tôi mở xách tay ra tìm tấm ảnh. Nàng có mái tóc thật dễ thương, nhìn kỹ đúng là giống cô ca sĩ Sylvie Vartan. Sau tấm ảnh nàng viết một câu ngắn ngủi : À toi, avec tout mon coeur. Phía dưới cô chỉ ghi là người có mái tóc Sylvie Vartan. Nhớ tới nụ hôn bắt ngờ tối hôm qua, tôi đưa tay lên sờ má, thấy vẫn còn thoang thoang một mùi hương. Tôi mỉm cười và nói thầm một mình : Đúng là lãng mạn như Tây.

Tôi ra đơn vị đúng vào lúc chiến trường cao nguyên bắt đầu sôi động, cùng lúc nhóm người Thượng Fulro nổi loạn, giết một số sĩ quan, viên chức hành chánh người Kinh, chiếm một vài nơi, đặc biệt là tỉnh Quảng Đức và một vài quận lỵ. Đơn vị tôi đang tiếp viện cho chiến trường Quảng Nhiêu còn mịt mờ lửa đạn ở bắc Ban Mê Thuột thì được lệnh di chuyển về phi trường Phụng Dực, xử dụng máy bay dân sự của hàng không Việt Nam để đáp xuống Nhơn Cơ, một phi trường bỏ hoang nằm cách tỉnh lỵ Quảng Đức khoảng ba mươi cây số, do một đơn vị Lực Lượng Đặc Biệt mũ xanh của ta kiểm soát. Thằng trung đội trưởng mới ra trường như tôi làm sao có khả năng để ứng phó với một chiến trường nửa ta nửa địch, mà trong sách vở quân trường không hề nói tới. Lòng tôi thật bồn chồn. Nhưng cuối cùng thì mục tiêu cuộc hành quân Dân Thắng này cũng đạt được. Đơn vị tôi không hề tổn một viên đạn. Mấy lãnh tụ người Thượng thấy quân chủ lực bao vây bốn hướng, cộng với lời thuyết phục tài ba của vị chỉ huy nào đó, đã ra lệnh cho những lực lượng người Thượng buông súng.

Nằm trong cái tỉnh khỉ ho cò gáy mà dân chúng sống rải rác trong các buôn làng hầu hết là người Thượng, mấy thằng lính trẻ như tôi chỉ có buồn muốn khóc. Ai cũng mong sớm chuyển đi tỉnh khác. Vậy mà riêng tiểu đoàn của tôi được lệnh nằm lại đây để giữ an ninh cho dinh điền Đạo Nghĩa nằm trong một thung lũng gần biên giới Cam Bốt. Một trong những dinh điền do tổng thống Ngô đình Diệm sáng lập vừa để thu hút di dân sau 1954, vừa là một trọng điểm chiến lược.

Ra trường đã hơn hai năm. Đời lính cao nguyên thật là vất vả và buồn. Nhiều lúc nằm giữa rừng già, nghe tiếng chim kêu vượn hú, tôi thường chạnh lòng nhớ tới thời còn đi học, và khuôn mặt những người quen. Đôi khi tôi cũng chợt nhớ tới cô con gái lai Tây và lấy tấm ảnh ra xem. Đến bây giờ tôi cũng không biết tên thật của nàng. Mà biết để làm gì. Vì giữa nàng với tôi là cả một thế giới cách biệt. Tôi, một thằng lính trận, gốc gác nhà nghèo, không biết sống chết ra sao. Còn nàng lại là một cô con gái lai Tây, xinh đẹp và quý phái. Nàng quen với tôi, thích tôi một chút, cũng là cái thích lãng mạn của một tiểu thư sống trong thành phố lâu ngày được bắt ngờ ra thăm một vùng dân giả, thế thôi.

Ở Quảng Đức gần hai năm, đánh nhau một vài trận, tôi được mấy cái huy chương rồi lên làm đại đội trưởng. Trong mấy thằng đại đội trưởng, tôi là thằng trẻ nhất, và cũng nghèo kinh nghiệm chiến trường nhất. “Ra trường gần hai năm rồi mà trông mày vẫn cứ như thư sinh”. Ông tiểu đoàn trưởng bảo tôi như thế trước khi cho tôi dẫn đại đội “solo” xuống núi biệt phái cho Tiểu khu Lâm Đồng.

Đoàn xe chở đại đội tôi vừa vào ranh giới Lâm Đồng, tôi nhận lệnh ông tiểu khu trưởng, trực chỉ đến khu cầu Đại Ngà để giữ an ninh cho công binh làm lại mấy cây cầu trên quốc lộ 20, từ Sài Gòn chạy lên Đà Lạt, vừa bị VC giật sập hai đêm trước.

Đến vị trí, tôi phối hợp với một đại đội địa phương quân đã có mặt tại chỗ và một đơn vị công binh mới từ Đà Lạt xuống, bố trí quân theo nhu cầu. Riêng ban chỉ huy đại đội cùng trung đội vũ khí nặng nằm trên một đồn điền trà có cao độ tốt cho việc phòng thủ và yểm trợ hỏa lực. Phía dưới khu đồn điền này là cầu Đại Ngà, cây cầu dài nhất vừa bị phá hoại.

Sau khi công binh làm xong mấy cái cầu tạm, lưu thông hoạt động trở lại. Do ứ đọng mấy hôm trước, nên ngày đầu tiên có khá nhiều xe đồ từ Sài Gòn chạy lên Đà Lạt.

Hơn nữa bây giờ đang là mùa hè, người Sài Gòn rủ nhau lên Đà Lạt nghỉ mát. Để bảo đảm an ninh, trước khi xe chạy vào khu quân sự, đều phải dừng lại, tất cả hành khách xuống xe để được kiểm soát giấy tờ. Trạm kiểm soát là một căn nhà bằng ván do công binh vừa mới dựng lên, toán quân báo của đại đội tôi phối hợp cùng với ba nhân viên cảnh sát đảm trách. Mỗi ngày tôi lái xe đi kiểm tra các cây cầu và thường ghé lại ngồi nghỉ trong trạm kiểm soát này.

Buổi chiều, trời vừa tắt nắng, tôi định trở về vị trí đóng quân, thì một đoàn xe đồ chạy tới. “Có lẽ đây là mấy cái xe cuối cùng từ Sài Gòn lên”. Anh cảnh sát bảo với tôi như thế. Trong số những hành khách xuống xe bước qua cái cổng chắn làm bằng kẽm gai đã chiến, tôi để ý tới một cô gái tóc vàng, mặc một cái jupe màu vàng sậm. Khi cô móc ví lấy giấy tờ, ngược mặt lên nhìn anh cảnh sát, tôi thấy thật quen và vội chạy ra

- À, cô Sylvie Vartan, cô lên đây làm gì ?

Tôi hỏi bất ngờ, rồi quay sang bảo anh cảnh sát : cô này là người nhà của tôi. Anh cảnh sát trao lại cho tôi tấm thẻ căn cước bằng tiếng tây mà anh chưa kịp hiểu.

Cô nhìn tôi cười rạng rỡ :

- Anh là anh Ninh, phải không ? Mấy năm rồi tụi mình không gặp. Em lên Đà Lạt đón cô em về Sài Gòn nghỉ hè. Nó học trên Lycée Domaine de Marie

- Tôi đóng quân trong đồn điền trà nằm trên đồi cao kia. -Tôi vừa nói vừa chỉ tay về hướng đồn điền -. Đẹp lắm, và ông chủ hình như cũng là người Pháp. Mời cô ghé lại chỗ tôi chơi. Tôi sẽ đón chuyển xe sau gởi cô về Đà Lạt.

Cô ngần ngừ một chút rồi gật đầu. Tôi đưa cô lại xe lấy túi hành lý và nói với anh tài xế:

- Cô này là người nhà của tôi, cô ở lại đây chơi với tôi rồi lên Đà Lạt sau.

Anh tài xế trẻ, nhìn tôi nhoeo miệng cười.

Tối hôm ấy nàng ở lại với tôi. Có lẽ nàng cũng biết là chuyển xe của nàng là chuyển cuối cùng. Chẳng còn có chuyến sau nào để tôi gởi nàng lên Đà Lạt, như lúc tôi hăm hở nói với nàng, mà không biết là mình đang nói dối.

Giữa cảnh núi rừng, nàng đẹp rực rỡ như một bông hoa. Không biết nàng đã nói gì với ông chủ người tây, ông dành riêng cho cô một phòng ngủ và mời chúng tôi dùng bữa cơm chiều với ông. Bữa cơm đầy đủ hương vị tây, mà chai rượu chất ông khoe đã gởi mua từ bên Pháp. Sau bữa cơm, tôi đưa nàng đi dạo trong đồn điền trà.

Bây giờ đang là mùa hè, bầu trời trong vắt, ánh trăng tỏa vàng xuống cả một đồi trà. Đêm cao nguyên trời bắt đầu lạnh lạnh, thơ mộng như một mùa thu. Chúng tôi nắm tay nhau bước tung tăng dưới ánh trăng, nghe từng nhịp đập của trái tim giữa một vùng đất trời tĩnh mịch. Nàng kể cho tôi nghe về một ước mơ của nàng : muốn có lần trở về quê cha, thăm ngôi mộ của người và bà nội già còn đang sống ở đó với mấy người cô. Quê nội nàng đẹp lắm lại là một đất nước với nhiều thi ca lãng mạn. Chúng tôi đã xuống cuối chân đồi, nghe tiếng nước chảy từ một con suối nhỏ. Nàng bảo tôi dừng lại và dìu tôi đến ngồi xuống một bãi cỏ. Bên kia con suối là một cánh đồng cỏ rộng mênh mông

- Anh có thấy gì lạ không ?

Tôi đang ngơ ngác, thì nàng chỉ cho tôi mấy hàng cây bên kia bờ suối

- Bây giờ là mùa hè, mà sao có nhiều lá vàng đang rơi. Anh không thấy sao?

Nàng âu yếm dựa sát vào tôi và hỏi tôi có biết bài thơ Les feuilles mortes của Jacques Prevert không ?

- Lúc học Littérature Française, anh có học, nhưng lâu quá, anh chỉ còn nhớ một đôi câu. Bài thơ thật hay và cảm động.

Tôi đã đổi cách xưng hô tự lúc nào không biết.

Nàng cất tiếng khe khẽ hát bài thơ Les Feuilles Mortes được phổ nhạc. Hát xong bài hát nàng chậm rãi đọc lại mấy câu :

*Mais la vie sépare ceux qui s'aiment
Tout doucement, sans faire de bruit
Et "le vent" efface sur la "plaine"
Les pas des amants désunis.*

Tôi hỏi sao nàng dám đổi lời một bài thơ hay của tác giả. Nàng không trả lời mà ôm tôi hôn thật lâu. Trong say mê tôi cảm thấy có cái gì lạnh lạnh trên gò má. Tôi sờ tay lên mân mê: nước mắt.

Nàng ôm tôi ngồi khóc, nàng bảo là nàng có nhiều bạn bè, nhưng nàng có cảm tình thật nhiều với tôi từ khi nhìn tôi mặc áo lính. Nàng thấy ở tôi có cái gì khác lạ so với mọi chàng trai lai Pháp mà nàng quen. Và cũng ở nơi tôi nàng được thấy lại hình ảnh của cha nàng. Cũng làm lính cả một thời trai trẻ, rồi quê hương, rồi chết sớm ở xứ người bỏ lại mẹ và hai chị em nàng."Những người con gái mang hai dòng máu. Buồn lắm phải không anh ?" mấy lần nàng hỏi tôi như thế.

Đêm hôm ấy nàng không ngủ trong căn phòng sang trọng mà ông chủ đồn điền đã dành sẵn cho nàng. Nàng ra ngồi trong căn lều phủ poncho của tôi cùng uống trà tươi mà tâm sự thâu đêm. Nàng rủ tôi ngày mai cùng nàng lên Đà Lạt vài ngày để nàng làm thủ tục đón cô em gái về và đưa nàng đi thăm các thắng cảnh thơ mộng ở đây.

Sáng hôm sau, tôi lên máy gọi về trung tâm hành quân tiểu khu Lâm Đồng gặp ông tiểu khu trưởng, xin ông cho ba ngày phép và được sử dụng chiếc xe jeep của TK biệt phái, đón người vợ sắp cưới vừa mới lên Đà Lạt. Tôi tả oán thêm là cả một năm nay, phải tham dự nhiều cuộc hành quân, nên hai đứa chưa được gặp nhau. Ông tiểu khu trưởng tốt bụng, vui vẻ chấp thuận, và dặn dò tôi phải bàn giao công việc thật kỹ càng cho anh đại đội phó.

Ba ngày ở Đà Lạt là ba ngày thần tiên nhất trong đời lính của tôi. Sau khi đưa nàng đến trường thăm cô em gái và làm một số thủ tục cần thiết, chúng tôi lấy phòng ở khách sạn Palace nằm trên một ngọn đồi cao gần hồ Xuân Hương và cách khu phố Hòa Bình không xa lắm. Ban ngày chúng tôi đi tắm ở thác Cam Ly, thăm hồ Than Thở, cưỡi ngựa ở sân Cù, bơi thuyền trên hồ Xuân Hương.



Buổi tối đi ăn bê thui, uống rượu vang, rồi ra nhà Thủy Tạ ngồi tâm tình đến khuya. Ngày hôm sau, chúng tôi rời thành phố. Sau khi thưởng thức cà phê Tùng, chúng tôi chạy về hướng thác Prenn. Nàng chỉ đường cho tôi tìm đến một hotel nằm trên núi, ông chủ cũng là một người Tây. Lấy phòng và gửi hành lý xong, chúng tôi đi bộ xuống thác Prenn, nằm không xa phía dưới. Nàng kéo tôi xuống tắm dưới dòng thác.

Hai đứa ôm nhau trong cái lạnh của nước từ trên núi cao đổ xuống. Nàng dắt tôi chạy vào khu rừng phía sau để đùa với mấy con khỉ, con gấu và cả một con cọp nữa trong vườn bách thú. Rồi nàng đi trốn, giả vờ làm nàng Jane mắc nạn để bắt tôi làm Tarzan đi cứu. Nàng hò la và ôm tôi cười vang cả một khu rừng. Trong ba ngày, nàng đã cho tôi tất cả những gì hạnh phúc nhất mà không đòi hỏi ở tôi bất cứ một điều gì. Hôm cuối cùng, tôi đưa nàng trở lại trường Domaine De Marie để gặp lại em nàng. Ngồi trên xe, nàng trầm ngâm không nói một lời. Đến cổng trường, nàng bảo tôi dừng lại. Nàng hôn tôi thật lâu. Tôi nghe tiếng nàng khóc. Tôi định nói một lời gì đó, nhưng nàng lấy một ngón tay để trên miệng tôi, không cho tôi nói, rồi bảo tôi ngồi yên trên xe chờ nàng. Hơn hai mươi phút sau nàng chạy ra, cầm tay tôi và trao cho tôi một tờ giấy nhỏ, rồi vụt chạy vào phía sau trường. Trên mảnh giấy nàng viết vội vàng bằng tiếng Việt.: Xin cảm ơn và tạm biệt anh ở đây. Em và đứa em của em sẽ về Sài Gòn vào sáng sớm ngày mai. Anh hãy trở lại đơn vị, đừng chờ và cũng đừng tìm em nữa. Hôn anh.

Tôi vội vàng bước xuống xe, chưa biết gọi nàng bằng tên gì, thì nàng đã mất hút phía sau trường. Tôi ngồi trên xe nhìn thần thờ vào khu trường. Tất cả đều vắng lặng, chỉ nghe một vài tiếng lá rơi từ những hàng cây đứng chờ vợ im lìm trước cổng.

Tôi trở lại nhà Thủy Tạ, tìm lại bóng dáng và mùi hương của nàng. Buổi trưa, bốn bề yên lặng. Một con chim lạ, có dáng của một con hải âu, đậu xuống con thuyền bơi phía trước, kêu vài tiếng, vụt cánh bay sà xuống mặt hồ, rồi biến mất trong rừng thông. Cả một khung trời Đà Lạt nhạt nhòa trong nước mắt. Tôi không biết mình đã khóc tự bao giờ.

Tôi lái xe trở về đơn vị mang theo một nỗi buồn kỳ lạ, dường như trong lòng chỉ còn là một khoảng trống bao la.

Suốt đêm hôm ấy, tôi lang thang trong đồi trà, ngồi một mình bên bờ con suối nhỏ, nhìn mấy chiếc lá vàng rơi xuống và trôi theo dòng nước, bàng bạc dưới ánh trăng. Nửa đêm tôi trở về căn lều cũ, đun đầy một ấm trà tươi mà không uống.

Tôi ngủ vùi từ lúc nào không biết. Thức giấc, mặt trời đã lên cao. Tôi vội vã xách xe chạy xuống trạm kiểm soát. Ngồi suốt cả ngày hôm ấy, tôi vẫn không tìm thấy bóng dáng của nàng.

Hai ngày sau, khi thay bộ đồ trần ra giặt, thò tay vào túi áo lấy mọi thứ ra, bất ngờ tôi thấy tấm thẻ căn cước của nàng, viết bằng tiếng Pháp do tòa đại sứ cấp. Tôi nhớ anh cảnh sát đã giao tấm thẻ này cho tôi hôm ở trạm kiểm soát và tôi đã quên trả lại cho nàng. Đến bây giờ tôi mới biết được tên thật của nàng : Jacqueline Cuvéro.

May mắn trong tấm căn cước có cả địa chỉ. Tôi gọi trả lại nàng tấm thẻ căn cước, viết kèm theo bốn câu thơ trong bài thơ Les feuilles mortes mà nàng yêu thích.

*Les feuilles mortes se ramassent à la pelle
Les souvenirs et les regrets aussi
Mais mon amour silencieux et fidèle
Sourit toujours et remercie la vie*

Tôi phập phồng chờ thư hồi âm, nhưng không thấy. Tôi viết thêm vài cái thư nữa cho nàng nhưng tất cả đều biệt vô âm tín. Ba tháng sau tôi xin bảy ngày phép thường niên về Sài Gòn. Trước khi tìm đến nhà nàng, tôi trở lại khu đường Lý Thái Tổ thăm gia đình bà cô và rủ người anh họ cùng đi. Anh bảo là nàng cùng cô em gái đã về định cư bên Pháp hơn hai tháng nay. Không biết khi nào mới trở lại Việt nam. Tôi lang thang ở Sài Gòn hai ngày thì lấy xe đò về Nha Trang để thăm cha tôi. Nhưng ngày nào tôi cũng đi lang thang trên bờ biển, nhìn sóng đổ vào bờ cuốn theo tất cả mọi dấu chân mình trên cát, và nhớ đến nàng. Tôi trở lại đơn vị, đúng vào lúc đại đội tôi nhận lệnh rời khỏi Lâm Đồng để di chuyển về Phan Thiết, tăng phái cho Tiểu khu Bình Thuận, hành quân phối hợp với một đơn vị thiết kỵ của Hoa Kỳ vừa mới đến Việt Nam, giải toả mật khu Lê Hồng Phong.

Kể từ ngày ấy, trên bảng tên may trên nắp áo lính, ngay phía dưới tên tôi, có thêm một chữ nhỏ : Jacqueline, màu vàng. Mấy chú lính bảo sao tôi lại có tên con gái. Tôi giả vờ : tại vì tao ái mộ bà vợ của tổng thống Kennedy.

Sáng ngày mai gia đình chúng tôi phải rời nông trại GAULTIER thơ mộng này để trở về Nauy. Vợ chồng anh chủ nhà cùng mấy cô con gái của tôi đang rượt bắt mấy con gà Tây. Anh muốn đãi chúng tôi một bữa ăn Tây truyền thống. Tôi đi lang thang khắp nơi trong khu nông trại, như để cố tìm ra những dấu tích của nàng. Buổi chiều, khi bà xã và mấy đứa con đang ngồi ở phòng khách, say mê theo dõi một cuốn phim trên truyền hình, tôi một mình lặng lẽ ra vườn cam, rồi vào khu nghĩa địa.

Tôi ngồi trước mộ nàng rất lâu, hình dung lại hình ảnh của nàng trong những ngày cùng tôi trên đồn điền trà ở bên cây cầu Đại Ngà và tung tăng khắp nơi ở bờ hồ, thác Prenn và trong rừng thông Đà Lạt.

Một cơn gió xào xạc, mấy chiếc lá vàng trên tàng cây chầm chậm rơi xuống mộ nàng.

Tôi đưa tay sờ tấm ảnh nàng trên mộ bia, nói thì thầm trong gió :

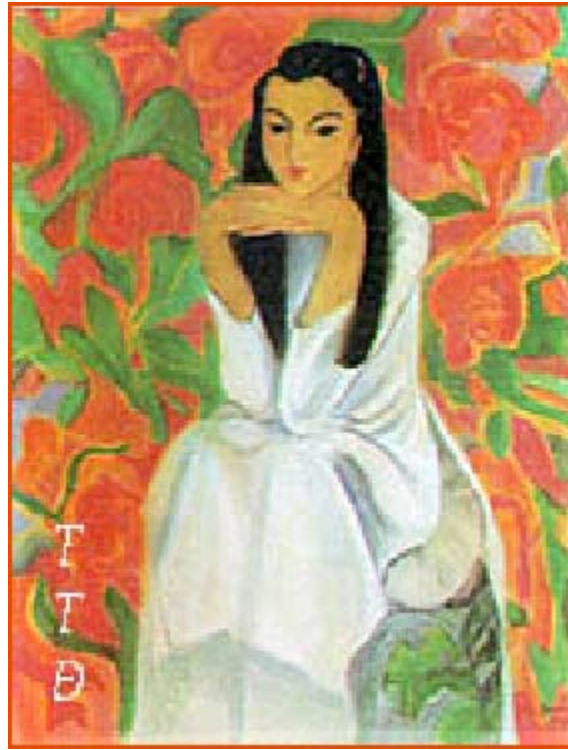
*Et la chanson que tu me chantais
Toujours, toujours je l'entendrai. !*

(Và bài hát mà em đã hát cho anh nghe
Mãi mãi, mãi mãi, anh vẫn còn đang nghe đây)

*phạmtínanninh
(Mùa hè 1988)*

NGƯỜI CON GÀI PHÚ HÒA

FRIDAY, 6. MARCH 2009, 01:16:19



*Ôi những con đường đến tự đâu
Một lần gặp gỡ ngã tư nào
Rồi trong vô hạn chia lìa miết
Có cuốn theo mình bụi của nhau
(Tô Thùy Yên)*

Khi ra khỏi quân trường, cảm tờ sự vụ lệnh lên trình diện đơn vị tại Ban Mê Thuột, tôi cứ ngỡ là suốt đời binh nghiệp của mình sẽ gắn liền với rừng núi cao nguyên. Nhưng không ngờ tiểu đoàn của tôi được chọn làm đơn vị trừ bị cho quân đoàn, nên nhiều khi buổi sáng còn ở trong núi rừng Quảng Đức, Lâm Đồng, buổi chiều lại có mặt ở bờ biển Bình Tuy, Cam Ranh, Phan Thiết.

Một ngày cuối năm 1966, sau hai tháng đánh đấm ở Bình Định, Phú Yên, đơn vị tôi cùng một chi đoàn thiết quân vận tăng phái, được tàu hải quân bỏ xuống bờ biển Nha Trang. Trong đám lính phong trần, có lẽ tôi là thằng mừng vui nhất, không phải đang từ một vùng lửa đạn được đổi đến thành phố biển an bình, nhưng vì bất ngờ được trở lại quê hương, nơi còn rất nhiều dấu vết tuổi thơ. Cuộc hành quân mang tên “Hải Âu” này, với tôi nó còn là một “định mệnh”, khi cả đơn vị tôi đổ quân xuống thị trấn Ninh Hòa lúc hai giờ sáng. Bởi chính lần này cuộc đời tôi cột chặt với vùng đất có “con sông Dinh chảy qua Cầu Sắt” này.

Hơn ba tuần trong mật khu Đá Bàn, chúng tôi xuống Phú Gia nhận lương thực rồi kéo qua Tân Hưng, Trường Lộc và cuối cùng về nghỉ dưỡng quân hai tuần tại Phú Hòa, một làng quê an bình và trù phú như cái tên gọi.

Tôi tìm địa hình thích hợp để bố trí quân, và chọn khu vườn sau một ngôi nhà lớn nằm trên vị trí khá cao bên con hương lộ, để xin được đặt ban chỉ huy đại đội.

Bà chủ nhà đón tôi bằng một nụ cười phúc hậu của một bà mẹ thương con. Bà vui vẻ cho phép chúng tôi được sử dụng cái hiên nhà rộng rãi và thoáng mát làm “bản doanh”. Cần bất cứ thứ gì bà sẵn lòng giúp. Ông chủ cũng là một người nặng tâm lòng, hỏi han từng người lính. Ông Bà xem chúng tôi như con cháu trong nhà, hơn nữa thấy lính tráng khổ cực, Ông Bà thương. Bọn tôi ai nấy cũng cảm động trước tấm lòng nhân hậu của Ông Bà, nhưng theo lệnh trên, không cho phép ở trong nhà dân mà chỉ xin được ở ngoài vườn.

Hai ngày sau, thứ bảy, tôi mới phát hiện nhiều điều thú vị. Đúng là ở hiên gặp lành, Ông Bà có đến năm, sáu cô con gái, mà cô nào cũng xinh đẹp, hiền thực và học hành giỏi. Nghe nói ba cô chị thì đã đi làm hay đi học ở Nha Trang, chỉ về thăm nhà vào cuối tuần, còn mấy cô em thì đang học ở trường trung học quận lỵ. Hỏi ra thì hầu hết các cô nương này tôi chưa gặp nhưng đã nghe danh từ lúc tôi còn đi học ở Nha Trang..

Là một tiểu đoàn lưu động, nên hầu hết lính tráng đều rất trẻ. Ba thằng đại đội trưởng cũng là ba thằng thiếu úy sữa. Thằng nào cũng vừa rời ghế nhà trường mới vài ba năm. Trong số này có Trần Công Lâm, cùng khóa với tôi và Đặng Trung Đức, khóa 19 VBĐL.

Dù sao tôi cũng là dân Khánh Hòa, nên lúc nào cũng giữ thái độ “kính nhi viễn chi”. Hơn nữa tôi cũng vừa mới làm quen với một cô trước Sân Vận Động, nên phải nằm lòng lời dạy của người xưa “ăn cây nào rào cây nấy”. Trong ba thằng, Đặng Trung Đức là hào hoa nhất. Đại đội của Đức đóng trên Gò Quít, nhưng lúc nào chàng ta cũng có mặt trong ban chỉ huy đại đội ... của tôi. Đức có tài nói chuyện, hơn nữa anh thường tâm sự về hoàn cảnh con một của bà mẹ già sống góa bụa trên xứ sương mù Đà Lạt, từ lúc Đức mới lên năm, nên càng được bà chủ nhà động lòng thương. Không biết là trong mấy cô con gái lớn, Đức đã trồng cây si cô nào, (và cũng chẳng biết có cô nào dành một ngăn nhỏ trong trái tim cho anh không ?), nhưng mà thấy chàng ta yêu đời lắm, miệng lúc nào cũng hát líu lo những bản tình ca.

Chưa được hai tuần, thì đơn vị nhận lệnh di chuyển khẩn cấp vào phi trường Nha Trang để được bốc lên tiếp viện cho chiến trường Quảng Đức. Chia tay, chúng tôi ai cũng mang theo lưu luyến trong lòng. Nhưng chắc chắn Đức là thằng buồn nhất, vì chưa kịp nói một lời tỏ tình, và cũng kể từ hôm nay, ngoài vóc dáng bà mẹ già cô độc ở quê nhà, chàng ta còn mang theo bóng hình một người con gái Phú Hòa vào nơi gió cát.

Tình hình chiến sự ngày càng sôi động, đơn vị tôi lại tiếp tục nay đây mai đó. Chiến cuộc làm cho thời gian ngắn lại và mộng mơ của những thằng lính cũng sớm nở tối tàn. Rời khỏi Ninh Hòa, đơn vị của tôi chưa có lần trở lại. Mãi đến đầu năm 1970, khi toàn bộ trung đoàn trên đường di chuyển từ Sông Mao (Phan Thiết) lên An Khê, thương tình tôi, ông trung đoàn trưởng cho đoàn quân dừng lại nghỉ chân dọc theo cái lộ tuyến Đại Hàn hai tiếng đồng hồ, để tôi ghé lại thăm bà vợ vừa mới sinh đứa con gái thứ ba. Đặng Trung Đức chạy theo tôi, rồi hỏi đường lên Phú Hòa, nhưng chỉ gặp được bà mẹ chủ nhà phúc hậu năm nào. Các cô con gái, hầu hết đã theo chồng hoặc đang có người yêu ở đâu đó.

Mùa hè năm sau, (lúc này tôi đã được điều về làm ở bộ chỉ huy Chiến đoàn, bản doanh tại Sông Mao), sau khi hoàn tất chuyến bay đổ quân cho một cuộc hành quân trực thăng vận vào một mật khu nằm giữa ranh giới Bình Thuận - Lâm Đồng, tôi trở về nhà trong khu cư xá. Bà vợ Ninh-Hòa vừa dắt con vào thăm. Bước vào nhà, thấy vợ tôi đang nói chuyện với hai người khách. Một sĩ quan trẻ, bô trai và một cô gái đẹp dịu hiền có nụ cười rất xinh, mà tôi có cảm giác quen quen. Bà xã giới thiệu bạn đồng hương, tôi mới biết hai người là một đôi uyên ương tuyệt vời, họ vừa mới đính hôn. Điều làm tôi ngạc nhiên, cô gái chính là một cô em, trong mấy người đẹp Phú Hòa mà tôi đã được bà mẹ phúc hậu cho phép đóng quân trong vườn nhà sáu năm về trước. Một trùng hợp lý thú: hôn phu của cô, người sĩ quan vừa mới tốt nghiệp khóa 24 từ trường Võ Bị Đà Lạt lại được bổ nhiệm về tiểu đoàn Thần Ưng, mà tiểu đoàn trưởng chính là anh bạn của tôi đã cùng đóng quân ở làng Phú Hòa thuở trước : Đặng Trung Đức.

Gặp nhau, chưa kịp tâm tình, thì vội vã chia tay. Một đơn vị chạm địch, tôi lại phải bay lên bao vùng.

Hôm sau, tôi xách xe chạy lên gặp Đặng Trung Đức. Tiểu Đoàn Thần Ưng của Đức là một đơn vị đánh đấm có tiếng, đang ứng chiến tại bản doanh, làm lực lượng trừ bị cho cuộc hành quân. Tôi hỏi Đức về Phùng, người sĩ quan Võ Bị mới bổ sung về đơn vị Đức, và bảo Đức mời anh đến Câu Lạc Bộ Tiểu Đoàn uống nước. Hai người cùng xuất thân từ mái trường Đà Lạt, nên họ rất trân trọng cái tình huynh đệ. Tôi hỏi Phùng về vị hôn thê, Phùng cho biết là cô đã về lại Cam Ranh, nơi cô làm việc, từ sáng sớm. Đức ngồi nghe nói chuyện, quay sang hỏi tôi :

- Toa bà con với Phùng à?

- Bạn có biết bà xã tương lai của Phùng là ai không ? Tôi không trả lời mà hỏi ngược lại Đức.

Chàng ta tròn mắt, đứng phắt lên đập vào vai Phùng, khi nghe tôi bảo người con gái ấy là một trong mấy cô em của người đẹp Phú Hòa mà chàng ta đã từng mang trong tim bóng hình một dạo.

Điều duy nhất mà Đức và tôi có thể giúp Phùng, là hết lòng trong tình huynh đệ, chỉ vẽ những kinh nghiệm máu xương của một người lính chiến trường. Một sĩ quan Võ Bị như Phùng, chắc chắn anh cũng không yêu cầu chúng tôi điều gì. Hơn nữa, qui chế của Sư Đoàn từ lúc vị Tư Lệnh danh tiếng Trương Quang Ân, dành cho một sĩ quan Võ Bị mới tốt nghiệp là phải giữ một chức vụ tác chiến tối thiểu là bốn năm.

Đầu mùa hè 1972, chiến trường cao nguyên sôi động, BTL Sư Đoàn 22 BB bị tràn ngập tại Tân Cảnh, vị Tư Lệnh hy sinh sau khi từ chối rời căn cứ bằng trực thăng của Mỹ. Trung đoàn tôi có lệnh di chuyển khẩn cấp toàn bộ lên Kontum. Đến Pleiku thì được tin thành phố Kontum đang trong nguy khốn. Đường bộ lên Kontum bị chốt dày đặt ở cao điểm Chư Pao, phi trường bị pháo kích nặng nề, phi cơ không đáp được. Cuối cùng đơn vị tôi được lệnh không vận liên tục bằng C130 vào ban đêm. Khi vào không phận Kontum, phi cơ tắt hết đèn. Khi phi cơ bay sà qua phi đạo là chúng tôi phải nhảy xuống bằng cửa sau, cùng lúc với những trái đạn pháo của đối phương thi nhau rót xuống.

Đơn vị tôi đã giữ vững được Kontum và trở thành tuyến đầu của trận chiến Cao Nguyên trong suốt Mùa Hè Đỏ Lửa. Chiến thắng ngày ấy dù vinh quang nhưng chúng tôi cũng đã phải trả một cái giá không nhỏ. Ba thằng thiếu úy nhóc con, đóng quân ở Phú Hòa lúc trước, hai thằng đã nằm xuống: Trần Công Lâm và Đặng Trung Đức, còn tôi thì bị thương nặng phải tản thương về quân y viện Pleiku. (Có lẽ cô gái Phú Hòa năm xưa không ngờ rằng, có một người lính vừa mang theo vào lòng đất bóng dáng của mình, mà có một thời chàng ta đã yêu trộm nhớ thắm trong một lần dừng quân ngắn ngủi).

Mất hai người bạn chí thân, hai chiến hữu can trường, tôi cảm thấy thật buồn và ngao ngán chiến tranh. Vết thương chưa kịp lành, tôi trở lại đơn vị. Một cái tin làm tôi xúc động đến lặng người. Thiếu úy Phùng, người sĩ quan Võ Bị hiền hậu, đẹp trai vừa mới hào hùng ngã xuống, để dang dở một cuộc tình tưởng chừng đẹp nhất Phú Hòa. Nghe đồng đội của anh kể lại, trước khi nhắm mắt anh lấy hết tàn hơi thì thảo gọi tên người vợ sắp cưới của mình. Tôi mơ hồ nghe tiếng gió mưa, đông bão trên ngôi nhà có khu vườn tôi đã đóng quân ngày trước.

Chiến tranh bao giờ cũng mang theo tai họa và để lại phía sau bao nhiêu điều bi thảm. Nhưng rồi khi cuộc chiến kết thúc lại càng bi thảm hơn: sau tháng 4/75, bao nhiêu người tù đầy, chia ly, khổn cùng, bỏ quê lưu lạc.

Dường như sau một lần mất mát lớn lao quá người ta dễ quên đi những nỗi buồn, những đau đớn cũ. Nhưng nếu trong bất chợt, có điều gì gợi lên nỗi nhớ, ký ức sẽ mang mọi thứ trở về thật nhanh, làm lòng người ta băng khuâng ghê lạnh.

Đầu năm 2003, như những con chim di xứ gọi bầy, một nhóm bạn Ninh-Hòa của bà xã tôi, có cùng tấm lòng tha thiết với quê nhà, với bạn cũ trường xưa, ngồi lại thành lập trang web Đồng Hương Ninh-Hòa. Trong số những cánh chim “hải âu” đáng quý này, có một người là chàng rể út Phú Hòa. Dù chưa một lần gặp nhau, nhưng anh đã cho tôi thật nhiều cảm kích. Qua mỗi lần tâm tình, anh đã gợi lại trong tôi lãng đãng một hình ảnh Phú Hòa dễ thương thuở trước.

Bây giờ Phú Hòa ngàn trùng xa cách. Những người đẹp Phú Hòa xưa giờ đã lưu lạc bốn phương trời. Chỉ có bà mẹ từ tâm, phúc hậu, vừa vĩnh viễn nằm lại trên quê nhà, bên cạnh chồng, trong gió nội hương đồng, pha lẫn dư âm tiếng vui đùa của mấy cô con gái dễ thương trong những ngày mới lớn, cùng biết bao hình ảnh đẹp đẽ của một thời Phú Hòa hưng thịnh.

Tôi miên man nhớ lại một thời xưa, cúi đầu tưởng nhớ người quá cố, và cầu mong những người Phú Hòa xưa được tròn hạnh phúc, cho dù có giây phút nào đó hồi tưởng về một chút quá khứ thật mờ mịt xa xưa.

phạmtínanninh

NGƯỜI BẠN LÀNG TAM ÍCH

WEDNESDAY, 18. MARCH 2009, 04:57:36



(gởi Phạm văn Nếp)

*Bạn về gõ cửa đêm thâu
Ta nghe âm vọng nổi sâu xa xưa*

Sau ba năm ngồi bên nhau ở trường Võ Tánh, chia tay, mỗi thằng đi mỗi ngã. Anh bạn của tôi thì vào trường luật, còn tôi thì vào trường...lính. Khi còn đi học, bạn chăm chỉ và giỏi hơn tôi nhiều. Hai đứa học trò nghèo, cùng ở quê lên tỉnh học, nên dễ dàng là bạn tâm giao. Con nhà nghèo nhưng tôi lại mê truyện François Sagan và thơ Xuân Diệu, biết yêu hơi sớm, nên thay vì theo bạn học thêm vài ba chữ, thì tôi lại đắm say ngụp lặn trong một cuộc tình kiểu Aimez-vous Brahms. Mà dường như tình yêu nó làm cho người ta đổi thay ghê gớm lắm.

Không biết tình yêu ngày ấy có làm tôi "...chết ở trong lòng một ít, và... lạc lối giữa u sầu mù mịt" như ông Xuân Diệu hay không, nhưng nó đã biến tôi thành một thằng lính. Để cho có vẻ lãng mạn một chút, tôi tự cho mình là một thằng lính đa tình.

Trước ngày chia tay, anh bạn dẫn tôi về thăm quê. Từ Nha Trang chúng tôi đi xe đồ Khánh Hòa, một trong những chiếc xe Renault sơn màu nửa xanh nửa trắng, quen thuộc một thời với đám học trò từ Vạn Giã, Ninh Hòa vào Nha Trang đi học. Qua khỏi đèo Rọ Tượng một lúc, xuống xe, anh bạn đèo tôi trên xe đạp về làng. Đi dọc theo con đường đất, hai bên bát ngát những ruộng đồng, hun hút phía xa xa, nằm ẩn hiện sau ngôi đình với bao tàn cây cổ thụ, là làng Tam Ích. Cái làng quê đẹp như bức tranh vẽ và thần tiên như trong cổ tích. Ngay cả cái tên làng của bạn tôi cũng mộc mạc dễ thương như cánh đồng tôi vừa mới đi qua. Làng Tam Ích hiền hòa, êm đềm với tiếng gió đồng nội hòa cùng tiếng sóng rì rào tạo thành khúc nhạc huyền diệu của đất trời, và hun đúc cái hiền lành thánh thiện trong tâm hồn người bạn thời niên thiếu của tôi... Vậy mà chiến tranh cũng đã một thời cướp đi cái yên bình đầm ấm của ngôi làng. Ăn cơm chiều sớm, hai đứa chúng tôi chào những người thân, rồi đèo nhau ra phố Ninh Hòa ngủ qua đêm. Nếu chiến tranh ngày đó đã cướp mất của tôi bao nhiêu điều tốt đẹp, thì trong đó có cả cái lần tôi không được ở lại làng Tam Ích một đêm để cùng anh bạn tôi kéo giành bắt cá, đi câu, và ngồi ngắm ánh trăng lung linh trên đầm Nha Phu trong một vùng biển trời tĩnh mịch.

Ra khỏi quân trường tôi về Nha Trang tìm thăm bạn tôi một lần. Hai thằng rủ nhau ra tiệm sách Vĩnh An Thành, bên cạnh chợ Đầm, vờ mua sách để ngấm dung nhan cô chủ mà anh bạn của tôi đã từng say đắm một thời. Rồi kể từ đó biệt xa nhau. Chiến trường ngày càng ác liệt, những thằng lính đánh giặc như tôi chỉ biết có súng đạn và mục tiêu trước mặt. Phở phờ, bạn cũ trường xưa, là một quá khứ thật dễ thương, nhưng cũng đành phải mờ nhạt phía sau lưng.

Mười năm sau, khi cùng đơn vị sống chết từng phút từng giờ với chiến trường Kontum trong “mùa hè đỏ lửa”, bất ngờ tôi gặp lại người bạn làng Tam Ích ngày xưa. Anh sinh viên trường luật ngày nào bây giờ chỉ huy một đơn vị CTCT, vừa từ Ban Mê Thuột lên hỗ trợ tinh thần cho đơn vị tôi. Bộ “chính y” chưa làm cho chàng ta thay đổi. Vẫn nét mặt thư sinh cùng nụ cười hiền hậu ngày xưa. Hai thằng ôm nhau trong lúc đạn pháo trên các chiến xa T-54 thi nhau bắn vào căn cứ. Nửa khuya hôm ấy đơn vị tôi nhận lệnh di chuyển bất ngờ. Vậy là tâm tình chưa cạn thì hai thằng đã phải lặng lẽ chia tay, chưa kịp bắt chước nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn nắm tay hò hẹn:

“Mai ta đánh trận may còn sống
Về ghé Pleiku* phá phách chơi..
Chia sớt nỗi sầu cùng gái điểm
Đốt tiền mua vợ một ngày vui “

Chiến tranh đã làm bạn bè tan tác, nhưng đến khi kết thúc lại còn tan tác bi thảm hơn. Sau tháng 4/75, cái cổng trại “cải tạo” của nhà nước đã làm chia ly biết bao tình cảm con người. Bạn bè kẻ chết ở đầu non, người mỗi mòn góc bể. Người bạn làng Tam Ích bây giờ chỉ còn mờ mịt đâu đó trong ký ức hiu hắt của tôi.

Vậy mà Trời thương, hai thằng còn sống. Mang tấm thân tàn tạ về với gia đình. Tôi nghiệp, nghe tin tôi về, anh bạn trợn tỉnh, tìm đến nhà ông bà già vợ tôi ở Ninh Hòa thăm thằng bạn cũ. Lúc ấy “chính quyền Cách Mạng” không cho phép “tạm trú” với vợ con ở Ninh Hòa, tôi phải về sống với một bà cô ngoài quê nội, nên bạn tôi không gặp. (Ồ hay, chẳng lẽ trên quê hương tôi đã từng có cái cảnh “gần trong gang tấc mà xa nghìn trùng” như thế hay sao ?)

Đúng ba mươi năm sau, từ những phương trời xa lạ, bất ngờ đọc trang web Ninh Hòa, bạn nhấn tìm tôi. Kể bên bắc Mỹ, người tận bắc Âu xa tít mịt mù, vậy mà tôi có cảm giác hai thằng đang ngồi bên nhau như lúc còn ở trường Võ Tánh. Trên đầu giây điện thoại, hai đứa nhắc nhau bao kỷ niệm vui buồn về bạn cũ trường xưa, cùng chia sẻ mọi nỗi niềm oan khổ từ những ngày “vì sao mà ra nông nổi..”.

Tội nghiệp người bạn một thời học hành chăm chỉ và khi làm lính thì vẫn hiền lành như một thư sinh, vậy mà hơn sáu năm tù đầy trở về phải bỏ cái làng quê Tam Ích với biết bao dấu chân suốt một thời thơ ấu, dắt vợ con lang thang vào vùng kinh tế mới Đồng Bò. Chỉ hai năm sau, rừng thiêng nước độc đã cướp mất của bạn tôi người vợ hiền chung thủy cùng đứa con trai mà ngày cha vào tù nó chưa gọi được tiếng Ba.

Bạn chôn cất vợ con và chôn theo nỗi đau đớn tột cùng của đời mình, rồi trốn khỏi vùng kinh tế mới, đem hai đứa con còn lại gởi cho ông bà ngoại, đi làm bất cứ công việc gì để nuôi hai đứa con thơ. Con gà trống nuôi con trong túng quần, mà mỗi ngày vẫn nhìn con mình như nhìn về phía chân trời để có thêm nghị lực đứng lên và đi tới.

Cám ơn Trời Đất đã mở ra một lối thoát cho những người cuối đường bất hạnh. Mang hai đứa con đến Mỹ khi chúng vừa mới lớn, bạn tôi, con gà trống bây giờ lại nuôi con trên xứ lạ quê người. Bằng tấm lòng độ lượng của người cha, cuối cùng hai đứa con thơ cũng đến được chân trời. Ngày hai đứa con thực sự trưởng thành,

như những con chim bắt đầu tự bay lên bằng chính đôi cánh vững chãi của mình, người bạn của tôi tiễn cô con gái lớn theo chồng rồi trở về sống một mình với nỗi hiu quạnh của tuổi sáu mươi.

Hai năm trước đó, nhờ một nhịp cầu tao ngộ, bạn tôi gặp một cô “con gái” Long Khánh. “Hai người sống giữa cô đơn, hình như nàng có nỗi buồn giống...tôi” nên trở thành đôi bạn tâm giao. Nhưng chớ lo cho con cái lớn khôn và có cuộc sống riêng, mới đây hai người mới về chung một mái nhà, cùng san sẻ nỗi niềm và cho nhau một chút hơi ấm ở chặng tuổi cuối đời.

Gặp nhau trên điện thoại viễn liên, tôi nghe được một giọng nói phúc hậu hiền lành. Chị cho tôi biết anh bạn tôi có thú làm thơ, đọc sách, còn chị thì thích trồng và chăm sóc mấy cành hoa. Tôi đùa: “thì chị cũng đang mỗi ngày chăm sóc một cành hoa Tam Ích đẹp để đó thôi. Tôi hy vọng qua những ngày thiếu nắng thiếu nước, bây giờ cây hoa ấy được trồng trên vùng đất màu mỡ hiền hòa Long Khánh, chắc nó sẽ còn cho chị và cho đời nhiều bông hoa lắm đó”. Chị cười như cùng đồng cảm với những điều tôi vừa mới nói.

Tôi không biết nhiều về Long Khánh, ngoại trừ một lần duy nhất tôi ghé lại đây. Đó là cái ngày tôi ra khỏi trại tù Z 30 C. Sáu thằng tù vừa được thả, tiểu tụy xanh xao, trong túi chỉ có vài đồng bạc, đứng giữa rừng buổi trưa nắng cháy, đón xe quá giang về Sài Gòn, nơi có gia đình của ba trong sáu đứa. Anh tài xế xe lam còn nặng tình với những thằng lính cũ, không đón khách mà dành cả chiếc xe chở bọn tôi về bến xe Long Khánh và hứa sẽ tìm xe quen gửi chúng tôi về tận Sài Gòn. Thời buổi ấy, muốn mua được cái vé xe đồ có khi phải nằm ở bến chờ đợi mấy hôm, huống hồ gì chuyện quá giang. Đến bến xe Long Khánh, không còn chiếc xe nào, anh tài xế xe lam tốt bụng mời chúng tôi vào quán ăn, đãi một chén phở. Trong quán cũng có mấy người đàn bà, hình như buôn bán gần đầu đó. Biết chúng tôi là tù cải tạo mới thả, họ bàn với chủ quán, thay vì mang phở ra, dọn cho sáu thằng chúng tôi một bữa cơm thịnh soạn. Chúng tôi từ chối, nhưng các bà nhất định không cho, bảo chúng tôi đừng phụ lòng của người Long Khánh. Khi xe đến, các bà gặp tài xế, trả tiền xe trước cho chúng tôi. Đã vậy, khi về đến Sài Gòn, anh tài xế còn chuyển lại cho chúng tôi một gói tiền của các bà gửi biếu. Chúng tôi cảm tiền mà muốn rơi nước mắt. Trong cái cảnh bi thương giữa một thời nhá nhem tình nghĩa, vẫn còn có biết bao tấm lòng như người Long Khánh.

Bây giờ bất ngờ gặp chị, nghe lại giọng nói hiền từ của một người Long Khánh, tôi bất giác nhớ lại chuyện xưa, và càng trân trọng chị. Chị đã mở rộng tấm lòng, đón nhận một người bạn đời trên tuổi sáu mươi, mà những vết thương trong tâm hồn vẫn chưa lành được. Xin cảm ơn Long Khánh, đã sản sinh cho đời những người con gái giàu tình nặng nghĩa. Tôi mừng cho người bạn thật dễ thương, hiền hậu của tôi, tìm được vòng tay, an ủi, vỗ về, sau những đớn đau mất mát tưởng chừng chẳng còn gì lớn lao hơn

Ngồi nghe bạn kể về cuộc đời gió mưa của bạn, lòng tôi lắng xuống bằng khuâng. Tôi chợt nhớ một vài kỷ niệm thuở hai thằng còn đi học và cảm nhận có đôi điều dường như đã vận vào số phận của bạn, của tôi.

Ngay từ lúc còn là học sinh trung học, hai thằng đã nghèo mà lại còn mang cái bệnh “đa sầu đa cảm”. Tôi thì mồ côi mẹ từ lúc mới lên ba, cả một thời ấu thơ và lớn lên trong vòng tay tình nghĩa của cô, dì, ông bà nội ngoại, nên lòng sớm biết u sầu. Vậy mà tôi không mau nước mắt và biết làm thơ buồn như người bạn làng Tam Ích. Mới học đệ ngũ đệ tứ gì đó mà dám đứng ra thành lập một “thi văn đoàn” giữa đất Ninh Hòa. Cái xứ mà dường như bây giờ mỗi người là một nhà thơ.

(Tôi còn nhớ lúc tôi còn nhỏ, ba tôi thường bảo, những đứa trẻ sớm có tính đa sầu đa cảm thì sau này cuộc đời sẽ buồn ghê lắm. Ông kể cho tôi nghe chuyện nữ thi sĩ Tiết Đào bên Trung Quốc. Lúc còn rất nhỏ, nàng đã thích thơ phú. Cụ thân sinh là

một nhà thơ nổi tiếng, nên bà thường theo cha để học làm thơ. Năm Tiết Đào mới lên mười, trong một hôm mưa bão, thân phụ nhìn ra ngoài trời thấy một cây ngô đồng bị gió mưa tơi tả, bảo Tiết Đào làm mấy câu thơ vịnh thử, nàng liền ứng khẩu:

Chi nghênh nam bắc điệu

Diệp tổng vắng lai phong

Thân phụ nàng nghe xong thất sắc, vừa phục tài nhưng vừa lo lắng điều không may cho hậu vận của con mình. Sau này, khi một triều đại Trung Hoa thay đổi, gia đình bị tù đầy khổ ải, nên Tiết Đào đã có thời phải đi làm kỹ nữ. Từ ấy trong văn chương mới có câu "Gió lá cành chim", "đón đưa ai gió lá chim cành".

Chuyện ba tôi kể đã trên năm mươi năm, không biết tôi nhớ sai hay đúng, nhưng nó vẫn cứ nằm mãi trong lòng, để liên tưởng tới miền Nam nước tôi, sau tháng 4/1975 đã có biết bao nhiêu nàng Tiết Đào như thế !

...

Năm đệ tam, trong giờ Việt văn của thầy Nguyễn Văn Châu, lúc cả lớp tranh luận về bài Tổng Vịnh Truyện Kiều, bạn và tôi đứng về phía Chu Mạnh Trinh hết lời bênh vực nàng Kiều:

"Giả sử ngay khi trước Liêu Dương cách trở, duyên chàng Kim dừng dở việc ma chay, quan lại công bằng, án viên ngoại tử ngay tình oan uổng, thì đâu đến nỗi son phấn mấy năm lưu lạc, đem thân cho thiên hạ mua cười, mà chắc rằng biên thù một cỗi nghênh ngang ai xui được anh hùng cời giáp..."

..."Ta cũng nòi tình thương người đồng điệu....."

Năm đệ nhất, hai thằng lại cùng say mê những giờ văn học sử Pháp của Thầy Cung Giũ Nguyên, nên đã nắn nót viết vào tập và đọc đi đọc lại đến độ thuộc lòng mấy bài thơ lãng mạn của Lamartine, Chateaubriand, Jacques Prévert, Victor Hugo.

Cuối cùng thì cuộc đời hai thằng, dù là nam nhi, nhưng nào có khác gì thân phận trôi nổi của nàng Kiều:

Một phen thay đổi sơn hà ...

Mảnh thân chiếc lá biết là về đâu

(Nguyễn Du)

hay của những chàng thủy thủ mịt mờ trong Oceano Nox:

Où sont-ils les marins sombrés dans les nuits noires ?....

O flots ! Que vous savez de lugubres histories !

(Victor Hugo)

Gặp lại tôi sau gần bốn mươi năm, trong những lời tâm tình, bạn cho tôi biết thêm một điều nuối tiếc:

"Tớ buồn quá, vì không tìm thấy cái làng Tam Ích nhỏ nhoi, nghèo mà quá đổi thân thương của mình trên tấm bản đồ Ninh-Hòa.. Cái làng mà ngày xưa bạn có lần về thăm với mình rồi vội vã ra đi ấy ! "

Tôi nghe lòng lắng xuống và thấy thương người bạn hiền thời thơ ấu rồi thương cả chính mình. Thế hệ chúng tôi sao bỗng dưng phải mất đi bao nhiêu điều quý giá, để cuối cùng lại trở thành "khúc ruột ngàn dặm" của quê hương?

Hình ảnh bạn tôi cùng cái Làng Tam Ích ngày xưa như đang nhạt nhòa trong nước mắt. Im lặng giây lát, tôi lấy lại bình tĩnh, rồi cười với bạn :

"Thì bạn hãy viết thật nhiều về cái làng của bạn đi, để bạn có cái cảm giác của một Từ Thức trở về nơi xưa chốn cũ, tìm lại dấu vết một thời cùng những "hang động tuổi thơ". Còn với mình, cái "làng Tam Ích dù không trọn một ngày" ấy vẫn mãi mãi còn lại trong lòng như một kỷ niệm dễ thương.

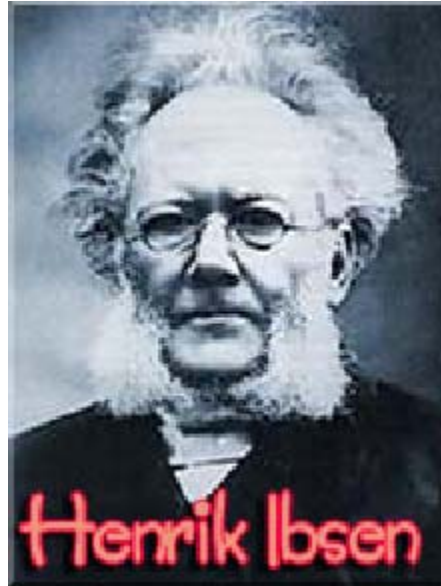
** Trong nguyên tác của Nguyễn Bắc Sơn: "Về ghé Sông Mao phá phách chơi."*

Một ngày lập đông năm 2005

phạm tín an ninh

SỰ KIỆN VĂN HỌC TRONG NĂM 2006

TUESDAY, 31. MARCH 2009, 02:21:28



(1828 - 1906)

Trong năm 2006, không chỉ riêng tại Na Uy, mà hầu như trên khắp thế giới, kể cả ở Hà-Nội và Sài-gòn, đã có những tổ chức vinh danh nhân kỷ niệm một trăm năm ngày mất của Henrik Ibsen, một người Na Uy đã trở thành một trong những kịch tác gia vĩ đại nhất thế giới thời cận kim. Khắp nơi người ta kỷ niệm ngày giỗ lần thứ 100 của ông dưới nhiều hình thức: lễ hội, dựng phim, diễn kịch, kịch robot, hội đàm. Những vở kịch của ông còn được dựng trên một sân khấu ngay phía trước tượng nhân sư Ai Cập và các đại học ở Bangladesh. Một hội nghị về tác phẩm Ibsen được diễn ra tại Mexico City với đông đảo những nhà văn hóa, nghệ sĩ tham dự. Trong khi đó đất nước Romani phát hành loạt tem mới để tưởng niệm ông. Tại Việt Nam, một Lễ Hội Ibsen cũng đã được tổ chức, kéo dài mấy tuần lễ. Trong dịp này, hai vở kịch nổi tiếng của Ibsen: Hedda Gabler đã được Nhà Hát Kịch Việt Nam dàn dựng trên đài truyền hình VTV1, và Ngôi Nhà Búp Bê được công diễn bởi Nhà Hát Tuổi Trẻ với những kịch sĩ hàng đầu của Việt Nam. Người ta ước tính trên toàn cầu có đến trên tám ngàn hoạt động kỷ niệm và tri ân ông, một trong những kịch tác gia có ảnh hưởng nhất của sân khấu đương đại.

Henrik Ibsen (1828–1906) được xếp hàng đại danh trong nền văn chương thế giới. Ông được biết đến, trước hết vì ông viết nhiều kịch phẩm, và thơ đã chiếm một vị thế rất mạnh trong tác phẩm của ông. Kịch Ibsen thuộc về những đỉnh cao của kịch nghệ. Qua mạng thông tin, người ta được biết mỗi một mùa kịch, trên thế giới có khoảng 200 sân khấu dựng kịch Ibsen. Cùng với Shakespeare, Ông là kịch tác gia có kịch phẩm được diễn nhiều nhất mọi thời.

Điều gây ấn tượng hơn, như nhiều nhà bình luận văn học nhận định: Henrik Ibsen không chỉ là một nhà soạn kịch tài ba, mà còn là "một nhà cải cách xã hội" và là một "triết gia".

Khi Sigmund Freud, cha đẻ phân tâm học người Áo mới chín tuổi, thì Ibsen đã đi sâu vào nội tâm của con người qua các vở kịch, mà sau đó được cả thế giới tán tụng như thể kịch "phân tâm học". Chính Freud đã từng học tiếng Na Uy để có thể nghiên cứu tỉ mỉ về các tác phẩm của Ibsen, và ông đã khẳng định Henrik Ibsen chính là nhà tư tưởng có ảnh hưởng quan trọng nhất mọi thời đại.

"Sở dĩ những kịch bản như thế tiếp tục ảnh hưởng mạnh mẽ, dù đã được viết trên 100 năm qua, là vì chúng thấm sâu và có sinh lực mãnh liệt hơn một số những vụ được "đặt vấn đề" mà chúng ta chỉ nhìn thấy ở bề mặt. Giản lược Ibsen vào một thế giới một chiều của những khẩu hiệu là làm ông kém cỏi đi hơn ông thực sự rất nhiều.

Ibsen đã làm mới nền kịch nghệ bằng sức quán quân vô địch của mình trong việc thủ-công-văn chương. Mỗi một chi tiết đều được làm rất ráo và "sống rất ráo"- một trong những cụm từ đặc ý nhất của ông. Ông tránh độc thoại giảng giải và những khúc mắc giả tạo để làm sáng tỏ câu chuyện. Tất cả những gì đã xảy ra hay đang hình thành, đều dần dần được tiết lộ qua các lời đối thoại giữa các kịch sĩ. Viễn tượng thì phong phú và đa diện. Mọi công thức diễn đạt đều ngắn gọn. Tính châm biếm dẹt những sợi chỉ vàng suốt mạng lưới định mệnh, và nơi đây đầy dẫy hài hước, lúc thì mỉa mai, khi thì ưu ái.

James Joyce, người rất ngưỡng mộ Ibsen, nói rằng Ibsen cố gắng "giải mật cuộc đời". Ibsen làm việc đó qua cách ứng xử tinh tế giữa các nhân vật, sự tương tác giữa quá khứ với tương lai của họ, giữa lo âu với hy vọng, lý tưởng cao vời với sa đọa tột cùng - với một nền tảng gợi ý tượng trưng, tạo chiều sâu cho diễn biến bên ngoài. Sức căng giữa những mảnh ráp nối của quá khứ, và niềm hy vọng giải phóng cho một đời sống lý tưởng, thường làm cho các nhân vật trong các vở kịch bị kiệt sức. Kịch-ngệ-hiện-đại-Ibsen trong khuôn khổ "tư sản" được nâng lên một phiên bản mới của ngôn ngữ tế tự cổ điển của bi kịch. Sự vĩ đại của Ibsen là ông nâng cái nhất thời lên cái phổ quát. Với ông, mọi chủ đề đều mang tính toàn cầu. Những thứ ông viết đều là nền tảng của bình đẳng, nhân quyền và bày tỏ tự do. Nora, nhân vật chính trong "Căn Nhà Búp Bê" đã trở thành hiện thân cho phong trào giải phóng phụ nữ. Đặc biệt tại các quốc gia mà người đàn bà bị áp bức cùng cực, vở kịch trên – có lẽ vở kịch được diễn nhiều nhất của Ibsen – mang theo thuốc nổ, kể cả ngày nay. "Kẻ Thù Nhân Dân" có thể tiếp tục khơi mào những cuộc đối chất về bảo vệ môi sinh và hoạt động chính trị trong thời đại chúng ta. Những vở kịch khác của Ibsen cũng đóng vai trò như những tấm gương thách thức phản ánh các vấn đề thời sự. Con-người-phản-kháng Ibsen, con người vạch trần sức mạnh của những quan niệm cổ hủ và thành kiến (ông gọi là "những con ma") rồi hô hào thoát ly, tiếp tục là một nhà thơ đáng sợ." (*)

Điều đặc biệt tại Na Uy, nhân ngày giỗ thứ 100 của Henrik Ibsen, kịch phẩm nổi tiếng PEER GYNT (viết năm 1867) của ông được nhà văn Tâm-Thanh cùng nhà thơ Khánh-Hà chuyển ngữ sang tiếng Việt và được xuất bản với sự trân trọng của Bộ Văn Hóa và Ủy Ban Ibsen Na Uy.

Trong lời giới thiệu, ông Lars Roar Langslet, nguyên Bộ Trưởng Văn Hóa, Chủ Tịch Ủy Ban IBSEN đã viết:

"Thật là một biến cố, kể cả đối với người Na Uy chúng tôi, khi Peer Gynt được dịch sang tiếng Việt. Một quốc gia văn hiến lâu đời từ chân trời xa xăm, do đó có thể làm quen với một tác phẩm mà chúng tôi coi là "thiên quốc thư" Na Uy, như "Faust" của Goethe đối với Đức và "Divina Commedia" của Dante đối với Ý vậy.

"Peer Gynt" là một sự phối hợp toàn hảo: một bi kịch viết bằng thơ, với sự phong phú của trí tưởng vô biên và nghệ thuật ngôn ngữ mỹ diệu. Chính ông coi đây là một "kịch đọc", không phải để trình diễn. Nhưng ngay khi ông còn sinh tiền, nó đã được trình diễn thành công lớn, và hàng loạt dài các buổi trình diễn hiện đại tại nhiều quốc gia trên thế giới, đã chứng tỏ là vở kịch có sức mời gọi mãnh liệt, kể cả với khán giả thời nay.

Peer Gynt (1867) được viết trước khi ông dấn thân vào nền kịch nghệ hiện đại. Đây là một loại kịch phiêu lưu, đan dệt bằng chất liệu từ truyện cổ tích, ca dao và thành ngữ Na Uy, dân nhạc, vũ dân tộc và các loại dân ca khác thuộc xã hội nông nghiệp Na Uy cổ xưa. (Nhưng chúng ta cũng thấy rất nhiều trích dẫn từ thế giới văn hóa phi quốc gia – Kinh Thánh, Shakespeare, Goethe...) Người Na Uy cảm thấy, về mặt chất liệu, nó là cái rất Na Uy nhất trong các tác phẩm của Ibsen. Tại sao nó xảy ra hiện tượng là nó vẫn gây cảm xúc cho người ta trên khắp địa cầu ?

Peer Gynt được cảm nghiệm như bi kịch đầu tiên về sự vĩ đại và thất bại của người nghệ sĩ- một đề tài mà ông đã lập lại trong nhiều tác phẩm sau, nhất là tác phẩm sau cùng "Khi Chúng Ta, Những Người Chết Tỉnh Dậy". Anh chàng ba xạo Peer Gynt là một bản-chất-nghệ-nhân, một nhà thơ đầy tiềm lực, tạo dựng thế giới bằng dự kiến. Lớn nhất là trong những dự kiến lời cuốn thời trẻ, như người cỡi tuần lộc trong màn thứ nhất của vở kịch, và trong giờ hấp hối của mẹ Aase, trong phần chót màn ba. Nhưng anh sa ngã trở thành trở thành một người vô liêm sỉ, gạt hết mọi người sang một bên và phản bội tình yêu. Từ đó ta thấy năng lực thơ cũng cạn kiệt nơi anh.

Nhưng hiểu sâu hơn nữa, Peer Gynt là một tấn "mạt kịch" hiện đại về Mỗi Người, về Con Người, có những toan tính vĩ đại nhưng sa đọa. Cuối cùng tả tơi, làm hư nhân tính mình và không trở thành con người Peer mà anh được an bài để trở thành. Lúc ấy mới có ân sủng từ bên trên – trong hình ảnh Solveig – can thiệp cứu vớt và vực anh dậy.

Chất-liệu-tính Na Uy trong Peer Gynt, do đó trở thành lối vào một bi kịch muôn thuở của số phận con người..."

Cách đây gần 25 năm, một thiếu niên Việt Nam đến định cư tại Na Uy. Cậu ta là một thiên tài về ngôn ngữ. Ngay từ những tháng đầu tiên khi còn trong một trại tị nạn ở Phi Luật Tân, cậu ta đã làm cho các thầy cô giáo và ông đại sứ Na Uy tại đây bất ngờ và thán phục về khả năng học tiếng Na Uy của cậu. Bởi tiếng Na Uy là một ngôn ngữ hoàn toàn xa lạ với người Việt nam lúc ấy, nhưng chỉ trong khoảng bốn tháng, cậu ta đã viết và nói trôi chảy. Sang Na Uy, được giới thiệu vào học tại một trường trung học nổi tiếng và bắt đầu năm đệ tam (lớp 10). Do khả năng vượt trội, nửa năm sau, anh được chuyển thẳng lên đệ nhị (lớp 11). Một năm sau, anh ta tốt nghiệp gymnas (tú tài toàn phần) với điểm tối ưu. Các phương tiện truyền thông bản xứ đã dành nhiều chương trình ca ngợi cậu ta. Điều làm cho bất cứ một người Na Uy nào cũng ngạc nhiên, bởi nằm ngoài sự tưởng tượng của họ, là anh ta đã chọn đề tài luận văn viết về Henrik Ibsen, và đã đạt số điểm tối ưu, kể cả thi viết và vấn đáp. Một điều rất khó khăn cho chính cả những thí sinh bản xứ chuyên văn. Bài viết của anh đã được đưa ra đọc trước Hội Đồng Giám Khảo.

Trong một chừng mực nào đó, ta có thể so sánh: người Na Uy xem Peer Gynt của Henrik Ibsen như chúng ta xem Truyện Kiều của Nguyễn Du, "thiên quốc thư" của Việt Nam. Và dĩ nhiên trong một hoàn cảnh và vị trí nhất định, truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du, không được phổ biến rộng rãi trên thế giới như hầu hết những tác phẩm của Ibsen.

NHỮNG ĐIỀU MƠ ƯỚC

SATURDAY, 11. APRIL 2009, 02:15:20



Có một dạo, đi đâu tôi cũng nghe thiên hạ hát bài Con Chim Đa Đa, “sao không lấy chồng gần mà đi lấy chồng xa...” rồi đến bài Chị Tôi, “thế là chị ơi rụng bông hoa gạo”. Đúng như người ta nói, Thơ và Nhạc có ngôn ngữ riêng của nó. Một người không có nhiều chữ nghĩa như tôi, nhiều khi say mê hát một bài hát mà sau đó suy nghĩ mãi vẫn không hiểu rõ ngọn ngành, ý nghĩa một vài câu. Trong bài Chị Tôi, tôi cũng rất ư là lơ mơ cái sự kiện... rụng bông hoa gạo...và trời cho làm thơ... này lắm. Dù vậy tôi vẫn thấy bản nhạc phổ từ một bài thơ chỉ vồn vện mấy câu này, khá hay. Mà ngay đến cái sự hay này tôi cũng mơ hồ, không biết có đúng là tôi biết thưởng thức thơ nhạc không, hay là chỉ vì có sự đồng cảm mà tôi thấy lòng mình xúc động. Bởi vì mỗi lần nghe ai đó hát bản nhạc Chị Tôi, tôi lại da diết nhớ đến bà Cô Út của tôi.

Từ lúc chưa tròn ba tuổi, tôi lớn lên trong cái bất hạnh của một người chưa hề có “bông hồng cài áo”. Mẹ tôi mất quá sớm, đến nỗi tôi không bao giờ hình dung được khuôn mặt hiền từ phúc hậu của bà như lời cha tôi kể lại. Nỗi bất hạnh đó lại càng lớn hơn, khi tôi không có một bà chị nào để được dịp nhìn dung nhan Chị mà mơ tưởng đến bóng hình của Mẹ. Ba tôi đang dạy học ở trường Pháp Việt thì bị Việt Minh đưa ra liên khu năm làm công tác “xóa nạn mù chữ”. Khi lớn lên một chút, bắt đầu nhận hiểu được đôi ba điều quanh mình, tôi chỉ biết là hai anh em tôi lớn lên ở nhà ông bà nội, và trong vòng tay yêu thương cùng giọng hát ru hời của bà Cô Út. Cô út tôi lớn hơn tôi hơn một con giáp. Ở nhà quê nhưng bà có cái tên nghe rất lạ: Phạm Thị Mầu Đơn. Cho mãi đến lúc đi học tôi mới biết được cái tên này, vì mọi người đều gọi cô là con Út hay cô Út. Sau này tôi hỏi ba tôi về cái tên trong giấy tờ của Cô, được ông giải thích: Sự thực thì tên trong acte de naissance (khai sinh hồi thời Pháp thuộc) của Cô út là Phạm Thị Mau Đan (Phạm thị Mậu Dân), nhưng khi Cô tôi lớn lên và có chút nhan sắc, thì ông bà nội lại lo cho cái tuổi Dân cao số của Cô, nên khi có lệnh làm bản thế vì khai sinh tiếng Việt, ông bảo ba tôi xuống Huyện, nhờ ông anh họ làm chánh lục sự, sửa tên cô tôi thành Mầu Đơn. Mang tên một loài hoa mà suốt cả một đời cô tôi không biết đó là loại hoa gì, chỉ nghe thiên hạ bảo loài hoa này đẹp lắm, thế thôi.

Có một điều chắc chắn là khi cô sinh ra Trời đã không “cho làm thơ”, vậy mà suốt cả một đời Cô vẫn bị “vấn vương với sợi tơ trời, tình riêng bỏ chợ tình người đa đoan”. Mà khổ thay, thằng cháu của Cô cũng dốt nát, chứ phải có tài năng một chút thì hôm nay nó cũng viết một bản nhạc hay chí ít cũng làm được mấy câu thơ để ca ngợi Cô. Vì so với người chị trong mấy bản nhạc Chị Tôi, bà Cô của tôi coi bộ còn thánh thiện và tội nghiệp hơn nhiều lắm.

Cô lo lắng chăm sóc hai anh em tôi không thua bất cứ một bà mẹ mẫu mực nào trên thế gian này. Lòng Cô lúc nào cũng “bao la như biển Thái Bình rạt rào”, lời của cô lúc nào cũng “tha thiết như dòng suối hiền ngọt ngào” mà ông nhạc sĩ Y Vân đã từng ngợi ca, vinh danh người mẹ. Cô cũng là cô giáo vỡ lòng, dạy tôi hai tiếng i tờ, những câu tục ngữ ca dao. Lớn lên một chút, tôi được Cô ngồi bên cạnh dạy đọc truyện Chàng Nhái Kiểng Tiên, Thạch Sanh Lý Thông, Phạm Công Cúc Hoa cho bà Nội tôi nghe mỗi tối. Mùa hè, tôi mê đá dế, Cô dẫn tôi ra trước hồ sen tìm bắt những con dế mun mà mỗi trưa Cô không ngủ, ngồi rình để nghe nó gáy từ chỗ nào. Thấy bọn trẻ hàng xóm thả diều, Cô cũng mò mẫm cả một ngày làm cho tôi cái diều to nhất. Tôi mê nuôi chim, Cô đi khắp nơi tìm mua cho tôi hai con chim keo màu xanh mượt và năn nỉ ông chú tôi làm cho tôi cái lồng thật đẹp. Những lần bị “ám đầu”, tôi tha hồ nũng nịu, làm tình làm tội Cô tôi. Cô ngồi suốt bên cạnh, đắp lên trán tôi một cái khăn ướt, nấu cháo cá bở nhiều tiêu cho tôi ăn để “tháo mò hôi”. Nghe nói Cô cũng ham học lắm, định xin ông bà nội cho học xong cái bằng primaire thì theo ông chú tôi đi dạy học mấy lớp nhỏ trường làng, Nhưng rồi mẹ tôi bất ngờ qua đời, bỏ lại hai anh em tôi. Cô đành phải nghỉ học ở nhà để chăm sóc hai thằng cháu dại, một đứa bốn tuổi và một đứa vừa mới lên hai. Năm tháng cô quanh quẩn trong nhà, làm công việc gia đình và lo lắng cho hai anh em tôi. Khi nào rảnh rỗi Cô nhờ ông chú của tôi chỉ cô học thêm mấy chữ tiếng Tây.

Cô chỉ có một người bạn thân, đó là bà cô họ của tôi. Hai người cùng tuổi và học chung một lớp. Khi Cô Út nghỉ học, thì bà cô họ này vẫn tiếp tục đi học mấy năm nữa, sau này làm y tá và lấy một ông chồng Tây, làm trong viện Pasteur của bác sĩ Yersin ở Nhatrang. Bà đi đó đi đây, lâu lâu trở về thăm quê vài bữa. Lần nào về cũng ghé lại thăm Cô Út tôi và trò chuyện cả đêm. Trông bà thật sang trọng. Cô Út thì trầm trồ những món nữ trang đắt tiền, nhất là sợi dây chuyền vàng có mặt ngọc thạch, thời ấy rất hiếm hoi. Còn tôi thì say mê chuyện đi đó đi đây mà bà cô họ thường kể cho cô cháu tôi nghe.

Dường như từ ngày bà cô họ đi theo chồng, Cô Út không còn ai tâm sự, nên Cô thường tâm tình với anh em tôi về chuyện tình duyên của mình. Có một ông thầy giáo dạy cùng trường với chú tôi, gốc Bình Định, khá bảnh trai, lớn hơn Cô hai tuổi, rất thương Cô và có nhờ người đến mai mối, nhưng Cô Út phản vì thương cảnh mồ côi của anh em tôi, một phần bị ám ảnh bởi những lời đồn đãi của thiên hạ: “tuổi Dần cao số, chỉ hợp với tuổi Dần”, nên Cô từ chối cuộc hôn nhân. Ông thầy giáo Bình Định buồn tình nên xin đổi đi xa, làm lòng Cô cũng xốn xang một dạo. Năm tôi lên bảy, quê tôi có một trận lụt lớn, trận lụt tháng mười. Tôi nhớ loáng thoáng lời Cô tôi giải thích, vì “ông tha mà bà không tha, bà cho cây lụt hăm ba tháng mười”. Nước từ đâu không biết tràn qua, kéo theo nhiều nhà cửa cây cối và cả trâu bò. Nhà ông nội tôi rộng lắm, mấy cây cột lớn có chạm trổ nhiều hình cầm thú, có mái ngói âm dương và nằm trên một nền gạch khá cao, được bao bọc bởi đủ thứ cây ăn trái, vậy mà bây giờ chung quanh tôi chỉ thấy toàn nước và nước.

Ông Nội ra lệnh cho Cô phải giữ kỹ anh em tôi trên bộ phận trong nhà. Hai ngày sau mưa gió đã tạnh, nhìn qua khe cửa, anh em tôi thấy nước ngập cả sân nhà (nhà ông bà nội tôi có cái sân vuông khá rộng bằng xi măng, có bờ thành thấp chung quanh), nên năn nỉ Cô Út ra bịt mấy cái lỗ lù, không cho nước rút, và đứng trên thềm nhà canh chừng cho anh em tôi cời truồng xuống sân bơi lội. Bất ngờ tôi phát hiện trong sân có mấy con cá, anh em tôi tha hồ hò hét rượt bắt cá. Ông Nội tôi nghe ồn ào, chạy ra nhìn thấy hai thằng cháu nội đang bì bõm trong cái sân ngập tràn nước lụt, ông không la chúng tôi mà rầy Cô Út tôi một trận, rồi cầm cung cô cháu tôi ở trên căn nhà thờ, lúc nào cũng đóng kín cửa, mà trước đây rất ít khi tôi dám tới đây, vì rất sợ mấy cái bàn thờ có treo những tấm hình và nhiều bài vị viết chữ nho, nhất là hai cổ quan tài sơn đỏ, có hình con rồng con phượng hai bên. Cô tôi bảo đó là hai chiếc quan tài bằng gỗ quý để dành cho ông bà nội đến lúc qui tiên..

Thấy anh em tôi sợ, Cô Út trấn an bọn tôi bằng cách kể chuyện linh thiêng của những ông bà, tổ tiên đã khuất. Vong linh ông bà lúc nào cũng ở bên cạnh để phù hộ cho con cho cháu. Cô còn bảo nếu có ước mơ điều gì, thắp hương thành tâm khẩn nguyện, ông bà sẽ ban cho những điều ước muốn đó.

Cô hỏi tôi, nếu bây giờ khẩn nguyện xin ông bà, thì tôi sẽ mơ ước được điều gì. Nhớ tới chuyện đi đó đi đây mà tôi rất say mê mỗi lần bà cô họ có chồng Tây kể lại, tôi nhanh nhẩu:

- Con mơ ước mai một lớn lên con được đi đó đi đây như bà cô họ vậy.

Rồi tôi hỏi ngược lại Cô Út, Cô nhìn tôi cười:

- Còn Cô thì chỉ mơ ước được một sợi dây chuyền mặt cẩm thạch màu xanh như của cô ấy, và có khắc hai chữ MĐ chính giữa.

Tôi tin lời Cô, kéo tay Cô đến trước bàn thờ thắp hương để hai cô cháu vái lạy xin Ông bà ứng nghiệm cho những điều mơ ước. Cô chiều tôi, hai cô cháu quì trước bàn thờ. Cô thì im lặng, còn tôi thì nói thật to lời ước của mình. Tôi sợ ông bà già quá, lảng tai, không nghe rõ lời cầu xin của mình.

Mấy năm sau, tôi đành phải rời quê, chia tay Cô Út vào Nha Trang đi học. Cô may cho tôi mấy bộ đồ mới, bao nhiêu tiền dành dụm được cô sắm cho tôi một chiếc xe đạp có ghi đồng hình chữ U mà tôi rất thích. Những năm học ở Nha Trang, dù tuổi đã lớn, nhưng lúc nào tôi cũng thấy thiếu vắng vòng tay và những lời triu mến của Cô tôi. Mỗi lần nghỉ hè về quê, tôi vẫn quanh quẩn ở bên Cô, như thuở mới lên ba, lên năm ngày trước. Lúc này Cô tôi đang làm nghề thợ may, nhưng chỉ làm việc tại nhà, để tiện việc săn sóc ông bà nội tôi, đã đến lúc tuổi già sức yếu. Cô tự tay may cho anh em tôi mấy bộ đồng phục học trò. Mùa hè trời nóng, tối nào cô cháu cũng mang chiếu ra trải bên cạnh hồ sen trước nhà. Trong gió nội hương đồng, cô cháu nằm tâm sự thâu đêm.

Khi biết tôi đi lính, Cô Út buồn ghê lắm. Hết ngăn cản rồi năn nỉ tôi. Cô bảo tôi không thương Cô, nên bỏ Cô mà đi lính, biết bao giờ Cô cháu mới được bên nhau như những ngày xưa, rồi Cô biết còn ai để mà tâm sự.

Nhớ tới trận lụt tháng mười năm nào, Cô dạy cho tôi thắp hương khẩn nguyện ông bà, tôi thủ thủ với Cô:

- Con đi lính là nhờ Ông Bà trên bàn thờ đã ứng nghiệm cho con điều ước, được đi đó đi đây, đúng như Cô bày cho con đó.

Cô vừa cười vừa lau nước mắt.

Khi vào quân trường, hai người đầu tiên tôi viết thư là Ba tôi và Cô. Tôi kèm theo tặng Cô tấm ảnh mặc quân phục, tóc vừa cắt ngắn ba phân. Cô viết thư khen “chú lính sửa của cô trông oai phong ghê lắm”.

Mấy tuần sau khi tôi được gán alpha, Cô theo Ba tôi vào tận quân trường thăm tôi, mang theo cho tôi cả chục xoài tượng và mấy cái bánh rán (bánh cam) mà lúc nhỏ tôi rất thèm ăn.

Ra trường, trước khi trình diện đơn vị, tôi dành trọn mười lăm ngày phép quanh quần bên Ba tôi và Cô. Lúc này ông bà nội tôi đã qua đời và cô vẫn ở vậy chăm sóc ngôi nhà từ đường và lo việc cúng kỵ ông bà. Đêm nào Cô cũng niệm hương khấn vái thì thăm trước bàn thờ ông bà nội và má tôi, rồi bảo tôi cùng lại chấp tay lạy. Tôi nghe Cô xin ông bà và Má tôi phù hộ tôi, tránh được lần tên mũi đạn.

Hơn mười năm trong lính, toàn là đánh đấm. Rất nhiều lần thoát chết trong đường tơ kẽ tóc, tôi tin vào những lời thì thầm khấn vái hằng đêm của Cô.

Lần đầu tiên về phép từ một chiến trường khói lửa ở cao nguyên, tôi dành dụm mấy tháng lương, và mất hai ngày ở thành phố Ban Mê Thuật tìm mua cho Cô sợi dây chuyền vàng có mặt cẩm thạch hình trái tim, loại đắt nhất. Tôi ngồi chỉ cho họ kẻ hai chữ MĐ thật đẹp chính giữa.

Tôi về bất ngờ. Khi mới bước vào cổng nhà nội, tôi thấy Cô đang quét lá dưới gốc cây xoài. Con chó không nhận ra tôi sửa inh ỏi, Cô dừng tay nhìn. Mãi khi tôi đến gần Cô mới nhận ra. Cô nắm tay tôi máng yêu:

- Tổ cha mày, vậy mà Cô cứ tưởng là ông thầy nào.

Tôi cười đùa:

- A, chắc là Cô Út tưởng con là ông thầy Bình Định ngày xưa chứ gì.

Buổi chiều, sau khi cơm nước xong, tôi dắt tay Cô tôi lên căn nhà thờ để cùng tôi thắp hương và lạy ông bà. Khi đứng lên, tôi bảo Cô nhắm mắt lại để thấy một điều kỳ diệu, rồi choàng vào cổ Cô sợi dây chuyền tôi vừa mua tặng. Lúc mở mắt ra, Cô mân mê cái mặt cẩm thạch rồi cảm động nắm tay tôi:

- Cái này mắc tiền lắm. Con đi lính lương ba cọc ba đồng, lấy tiền đâu mà mua tặng Cô.

Tôi cười:

- Đâu phải con mua, mà là ông bà cho Cô theo lời ước của Cô đó chứ. Cũng như ông bà đã cho con bây giờ được đi đó đi đây rồi đây nè. Lời cầu xin của Cô cháu mình linh thiêng quá phải không Cô ?

Thời gian này ở quê nội tôi mất an ninh. Ban ngày tôi quanh quần bên cô. Đến chiều, Cô dắt tôi xuống nhà chú tôi ở bên huyện ngủ. Cô ở với tôi tới tối mịt mới về.

Ngày mãn phép, tôi trở lại đơn vị, Cô giặt ủi mấy bộ áo quần của tôi xếp vào túi xách, kèm theo một gói xôi đậu xanh, để ăn dọc đường. Ngồi trên xe đò, khi lấy gói xôi ra ăn, tôi thấy có một cái túi nhỏ may bằng vải, mở ra tôi mới biết, một xấp tiền mới tinh xếp ngay ngắn trong đó. Nhớ tới cô, nước mắt tôi cứ trào ra.

Tôi theo đơn vị lưu động nay đó mai đây, nên rất khó nhận thư từ hộp thư KBC hậu cứ ở Ban Mê Thuật. Từ Quảng Đức, xuống Lâm Đồng rồi Phan Thiết. Mãi hơn nửa năm sau tôi mới nhận được cùng một lúc năm lá thư của Cô tôi gửi. Tôi mừng, khi

Cô kể là có một ông thầy giáo gốc Huế, cùng tuổi dần với Cô, đã có một đời vợ, cùng làm nghề dạy học. Nhưng chỉ mới vài tháng sau đám cưới, người vợ trẻ bị chết cùng với mấy đứa học trò trong một trận pháo kích. Ông buồn quá, một phần không muốn mỗi ngày bị ám ảnh bóng hình của người vợ trẻ vừa mới chết oan, một phần không muốn nhìn thấy cái thành phố có những lăng tẩm uy nghi của một triều đại, nhưng đã để lại quá nhiều tranh chấp tôn giáo, phủ bóng mây mù chính trị lên từng ngôi trường, từng bức giảng. Bận bịu ông có mấy kẻ đã vào bụng. Ông xin chuyển vào dạy ở quê tôi vì có gia đình người bác ruột, ngày xưa làm xếp ga rồi lấy vợ ở lại đây luôn.

Tôi viết thư cho Cô, lên mặt thuyết giảng tình yêu, nào chuyện “hữu duyên thiên lý năng tương ngộ” nào là “cả hai người cùng một tuổi Dần, thì sau này tát biển đông cũng cạn”.

Mấy tháng sau tôi nhận thư hồi âm của Cô, có kèm theo lá thư ngắn của ông Thầy Huế mà nội dung là một bài thơ ngợi ca người lính.

Tôi để dành tiền lương hằng tháng, chờ ngày về ăn đám cưới. Tôi đến một tiệm bán hàng thêu ở thành phố Phan Thiết đặt thêu một bức tranh có hình hai con cọp âu yếm nhau trong một rừng đầy hoa sim tím dưới ánh trăng để làm quà cưới cho Cô. Sau trận Mậu Thân, đơn vị tôi tiếp tục mỗi ngày sống trong lửa đạn. Tôi không nhận được lá thư nào của Cô tôi. Tôi nghĩ chắc là Cô đã làm đám cưới, nhưng không biết có theo chồng về thăm Huế hay không. Tôi lo cho Cô, khi biết cả thành phố Huế đang đắm chìm trong vầng tang trắng.

Mấy tháng sau, tình hình trở lại yên tĩnh, được mười ngày phép, tôi khăn gói về thăm quê. Cô tôi vẫn sống âm thầm một mình trong nhà ông nội, Đám cưới không thành, không phải ông thầy Huế phụ tình, như một vài người bà con trong họ đã cảnh giác Cô từ lúc mới quen ông: “đừng có quá tin mấy chàng trai xứ Huế”. Oan ức và tội nghiệp cho ông. Ông về Huế ăn Tết và xin cha mẹ được cưới Cô tôi, nhưng rồi không ngờ phải cùng chịu chung số phận với mấy ngàn người bất hạnh. Ông mất tích trong đêm mừng hai Tết. Mãi đến ba tháng sau, người nhà mới tìm được xác của Ông trong một hố chôn người tập thể.

Cuối cùng thì.. Cô tôi “vẫn chưa lấy chồng! “. Trên bàn thờ, tấm ảnh nhỏ của ông Thầy Huế được đặt ở một góc khiêm nhường.

Năm 1975, miền Nam bắt ngờ thua trận, tôi bị tù đầy từ Nam ra Bắc, đến tận Lào Cai, Yên Bái. Ba tôi và ông chú bị bắt vào trại cải tạo trong Nam. Vợ con tôi cùng gánh chịu bao đắng cay hệ lụy, bơ vơ nheo nhóc. Lá chưa rụng mà phải về cội, vợ con tôi lại dắt díu nhau về ở với Cô tôi trong ngôi nhà xưa của ông bà nội, bây giờ trở nên trống vắng, nên chắc buồn và tĩnh mịch hơn xưa. Vợ tôi phải bươn chải làm ăn, nuôi bầy con bữa đói bữa no. Cô tôi bán đủ thứ trong nhà, và cuối cùng bán luôn cả sợi dây chuyền mặt cẩm thạch mà cô đã từng nâng niu như bảo vật, để lo cho mấy đứa con của tôi, và cùng vợ tôi dành dụm gởi cho tôi một ký lô đường và mấy lọ tép mỡ sau khi biết tôi vừa trải qua một cơn kiệt lý, chỉ còn da bọc lấy xương. Tội nghiệp, tôi chỉ được phép nhận 200 gram đường và một lọ tép mỡ, số còn lại bị sung vào nhà bếp hậu cần, vì số quà gởi “ngoài qui định, không nằm trong chính sách”.

Tháng 6 năm 1976, ba tôi chết trong trại cải tạo Đá Bàn. Nhưng mãi đến hai năm sau tôi mới nhận được tin buồn. Tôi khóc đến không còn nước mắt.

Tám năm sau, tôi cũng được thả về. Lúc này vợ tôi không còn sống ở quê nội tôi, vì không tìm ra công việc gì làm, nên phải dắt theo hai đứa con nhỏ nhất trở lại Ninh-Hòa sống cùng ông bà già vợ của tôi, rồi chạy được cái “hộ khẩu” ở đây luôn. Còn bốn đứa con lớn thì vẫn ở lại quê nội tôi, nhờ cô tôi nuôi nấng. Sum họp được mới năm hôm, thời gian chưa đủ làm quen với mấy đứa con, mà lúc ra đi đứa nhỏ nhất còn nằm trong bụng mẹ, tôi được công an thị trấn Ninh Hòa gọi lên cho biết là chính quyền trên huyện không chấp nhận tôi tạm trú ở đây. Tôi bị gọi trả lại trại tù, rồi được chỉ định về “quản chế” tại nơi sinh quán. Cuối cùng, thì tôi cũng trở lại trong vòng tay của Cô tôi. Có điều bây giờ, Cô phải nuôi thằng cháu, đã gần nửa đời người, mà bỗng dưng trở thành vô gia cư nghề nghiệp. Ăn cơm nhà nhưng hằng ngày tôi phải đi đắp đê, làm thủy lợi cho “nhân dân”. Cô tôi bây giờ ốm yếu, đôi mắt buồn hiu hắt. Sau mấy năm khóc than cho những mất mát đổi thay trong gia tộc, Cô đã già nhiều trước tuổi. Vậy mà bây giờ còn phải lo gánh vác cho mấy cha con tôi. Đã vậy, ông chú của tôi, sau khi ở trại cải tạo về, phải dắt vợ và hai đứa con gái đi kinh tế mới. Bà thím bị sốt rét chết hai năm trước khi tôi về. Cứ vài hôm, ông chú phải tay dắt tay bông đưa hai đứa con về đây gọi cho Cô tôi. Nhiều lúc âm thầm nhìn Cô “lưng còng uốn nặng kiếp long đong”, tôi ghen ngào muốn khóc, nhưng có lẽ tôi cũng không còn nước mắt.

Khi tính chuyện vượt biển, tôi tâm sự xin Cô cùng đi với chúng tôi. “Dù trôi nổi ở đâu, có cô bên cạnh là con mãn nguyện rồi”, Nhưng cô bảo Cô đã già, không muốn rời bỏ quê hương, hơn nữa còn phải trông coi ngôi nhà từ đường và mồ mả ông bà, không để cho hương tàn khói lạnh. Và còn phải phụ giúp ông chú tôi đang ốm đau, lo cho hai đứa con của chú ấy nữa.

Mấy ngày sau, tôi thấy Cô xuống tóc, và ăn chay trường. Đêm nào cũng quì trước bàn thờ. Tôi biết là Cô đang cầu nguyện cho tôi đi đến bến bờ. Hôm tiễn biệt, Cô nắm chặt tay tôi: “xin ông bà và cha mẹ con phù hộ cho vợ chồng con và mấy đứa nhỏ” rồi im lặng nhìn tôi với hai hàng nước mắt.

Thuyền ra đến hải phận quốc tế thì gặp bão. Mưa gió suốt mấy ngày, không còn trăng sao để mà định hướng. Tất cả đàn bà con nít xuống dưới khoang thuyền. Chỉ có bọn đàn ông chúng tôi ở lại phía trên chống chọi với phong ba. Trong những lúc nguy khốn nhất, tôi lại nghĩ đến Cô, nhớ những lời cầu nguyện của Cô mà lấy lại niềm tin và can đảm. Cuối cùng, một chiếc tàu chở dầu của Vương quốc Na-uy đã cứu vớt chúng tôi trước khi cơn bão chính ập tới. Từ trên tàu, vị thuyền trưởng giúp chuyển hộ mỗi người ba cái điện tín cho thân nhân. Người đầu tiên tôi báo tin mừng là Cô.

Sau khi định cư, tôi thường xuyên gửi thư thăm Cô và kèm theo tiền để giúp Cô cùng gia đình ông chú, và xây lại mồ mả ông bà. Cô mừng ghê lắm. Lá thư nào Cô cũng viết thật dài, khuyến khích tôi cố gắng làm lại cuộc đời và dạy dỗ cho con cái phải biết sống theo đạo lý và đừng bao giờ quên quê hương, nguồn cội của mình. Cô ở xa tôi cả nghìn trùng mà lúc nào tôi cũng tưởng Cô vẫn đang đâu đó bên mình. Mỗi lần gặp khó khăn, phiền muộn trên xứ người, cứ nghĩ đến Cô là lòng tôi phần chấn. Bây giờ Cô đã già và chắc cũng yếu đi nhiều lắm. Vậy mà chỉ với hình bóng thôi, Cô đã cho tôi biết bao nghị lực.

Hai năm sau, tôi lại nhận được tin buồn. Ông Chú của tôi, sau bao năm chống chọi với bệnh tật mang về từ trại cải tạo, vừa mới lìa đời, giao hai đứa con gái lại cho Cô tôi nuôi nấng. Tội nghiệp cho Cô, đúng là “Trời không nín gió cho ngày Cô sinh”, tuổi già rồi mà phải còn cưu mang con cháu. Lá thư báo tin buồn này là lá thư cuối cùng

Cô tự tay nắn nót viết cho tôi. Những lá thư sau đó, mấy đứa con gái ông chú tôi viết. Tôi lo lắng hỏi Cô, Cô chỉ bảo đôi mắt của cô bây giờ hơi kém, nhưng dặn dò tôi không phải gởi thuốc thang gì, vì ở trong nước Cô mua cũng được. Cô khẩn khoản muốn tôi đưa mấy đứa con về cho Cô gặp lại một lần.

Hơn mười năm sau, khi nghe nhà nước có chút đổi thay, gọi những người vượt biên có tội phản bội tổ quốc ngày xưa là khúc ruột ngàn dặm, tôi dắt theo ba đứa con lớn về thăm quê hương. Đúng hơn là về tìm ngôi mộ cha tôi chôn trong núi bên trại cải tạo Đá Bàn và thăm bà Cô suốt cả một đời bảo bọc chúng tôi. Nhớ lại kỷ niệm xưa, tôi nhờ cô con gái lớn ở bên Cali, đến khu Phước Lộc Thọ tìm đặt mua cho tôi một sợi dây chuyền vàng, có mặt màu xanh cẩm thạch, khắc hai chữ MĐ chính giữa. Tôi nghĩ có lẽ đây sẽ là món quà có ý nghĩa, đền bù lại sợi dây chuyền tôi tặng Cô lúc trước, và để cho Cô được trẻ lại những ngày xưa.

Tôi không báo trước ngày về, vì muốn làm cho Cô bất ngờ và không phải khăn gói vào tận Sài Gòn để đón cha con tôi, như lời cô hứa.

Quê nội tôi, cái làng Phú Hội một thời trù phú như cái tên gọi, bây giờ sao mà cằn cỗi, điêu tàn. Khi bước vào cổng nhà nội, tôi xa lạ đến thần thờ. Ngôi nhà ngày xưa rộng lớn, hồi còn nhỏ tôi đi còn sợ lạc, sao bây giờ nhỏ nhoi, tiêu điều và hiu quạnh quá. Tôi đứng giữa cái sân gạch mà ngày nào trời lứt, anh em tôi tha hồ bơi lội như trong một dòng sông, bây giờ chỉ còn lại cái nền loang lổ, phủ đầy những lá của cây xoài già héo úa, một thời xum xuê làm “bóng mát thiên đường” để Cô cháu tôi ngồi đọc truyện cho bà nội tôi nghe trong những buổi trưa hè. Cái hồ sen tỏa hương thơm ngát ngày xưa, bây giờ là một cái ao cạn đầy cỏ dại. Chỉ còn lại tiếng dế than rên rĩ. Không nghe con chó sủa. Nó là con vật trung thành, không giống như một số người sau tháng tư năm nào, phản suy phù thịnh. Có lẽ nó cũng buồn mà chết rồi sau cuộc đổi đời của chủ. Tôi và ba đứa con lạc lõng trong ngôi nhà mà tất cả đã từng một thời lớn lên ở đó, với biết bao là kỷ niệm buồn vui. Trong nhà không có một ai, ngoài bóng dáng của chính mình ngày trước. Bước ra cửa sau, tôi đứng lặng người khi thấy Cô Út ngồi quay lưng, vãi thức ăn cho một bầy gà. Mái tóc Cô bạc trắng. Cha con tôi đến đứng phía sau lưng, mà Cô không biết.

Mấy đứa con tôi cười khúc khích, Cô quay lại. Tôi ôm chầm lấy cô, nghẹn ngào không nói nên lời. Tôi ngạc nhiên khi nghe cô hỏi: đứa nào đây? Chẳng lẽ mới mười năm mà cô không còn nhận ra tôi. Buông cô ra, tôi suýt hét lên, khi biết là đôi mắt của Cô đã mù. Tôi chỉ thốt lên được mấy tiếng “Cô ơi, thằng Ninh đây Cô”, rồi khóc nức nở.

Sau một khắc yên lặng, tôi nghe Cô cười, rồi đưa hai tay sờ lên đầu lên mặt tôi, rồi đến mấy đứa con tôi.

Tôi dìu Cô vào nhà. Nhưng cô bảo là cô đi được. Cô nói là cả một đời cô ở đây, mọi ngõ ngách và đồ đạc trong nhà như in trong trí. Tôi hỏi mấy đứa con ông chú đâu mà để cô ở một mình. Cô cho biết là nhờ dành dụm số tiền tôi gởi về, đứa lớn đã ra nghề thợ may, vừa lấy chồng, mở tiệm ở dưới huyện. Còn đứa nhỏ, Cô cho đi học làm y tá, vẫn còn ở với Cô.

Thấy chúng tôi về, mấy người hàng xóm sang thăm. Ai cũng nhắc lại cái thời anh em tôi còn bé và ca ngợi Cô tôi hết lời. Không biết ai nhắn tin, hai cô em, con ông chú tôi cũng về ngay, có cả thằng em rể. Sau này tôi mới biết nó chính là cháu họ của ông thầy giáo Huế, người tình của Cô Út ngày xưa.

Có sẵn chiếc taxi thuê bao, tôi mời Cô và mấy đứa em xuống phố ăn cơm, nhưng Cô không cho, bảo hai đứa em con ông chú làm thịt mấy con gà để mấy cô cháu vừa ăn vừa nói chuyện cho vui.

Cả một tuần sau, tôi bận rộn lo việc cải táng phần mộ của ba tôi từ Đá Bàn về chôn trong nghĩa trang gia tộc, bên cạnh ngôi mộ của má tôi và ông bà nội. Cô Út theo ra đến tận nghĩa trang, đưa tay sờ ngôi mộ mới xây của ba tôi, rồi khóc sục sùi. Hai tuần sau, tôi quanh quẩn bên cạnh cô tôi, kể lại hầu hết những kỷ niệm ngày xưa, và cuộc sống ở xứ người. Cô bảo có lần nằm chiêm bao, cô thấy ông thầy Huế về thăm Cô, nhưng người ông bê bết máu, Cô lấy khăn lau mãi mà máu vẫn cứ ứa ra.

Đêm nào trước khi đi ngủ, Cô cũng bảo cha con tôi thắp hương và lạy trước bàn thờ. Tôi lại nhớ tới những điều cô cháu tôi ước mơ thuở trước.

E dè mãi, đến đêm cuối cùng, khi đứng trước bàn thờ, tôi lấy sợi dây chuyền vàng có mặt cẩm thạch ra, đeo vào cổ cho Cô. Tôi ôm chặt Cô thì thầm: “xin cho con trả lại Cô cái điều mà ngày xưa cô mơ ước”. Ba đưa con tôi vỗ tay phụ họa: “đẹp lắm ! bà Nội ơi, đẹp lắm!”

Cô tôi không mân mê cái mặt cẩm thạch như lần trước, cách đây hơn bốn mươi năm, khi tôi tặng Cô, mà chỉ đứng lặng im, bất động. Tôi biết, trong đôi mắt mù lòa kia, dù không còn thấy cái mặt cẩm thạch màu xanh có khắc hai mẫu tự tên mình, nhưng Cô tôi đang nhìn thấy cả một quá khứ xa xăm, bao la và sâu thẳm như chính tấm lòng Cô.

Cuối cùng thì tôi cũng phải chia tay Cô, bỏ lại đằng sau dấu tích của cả một phần đời, mà tất cả vui buồn bây giờ đều đã trở thành kỷ niệm, nằm sâu chôn chặt tận đáy lòng. Tôi nghĩ, có lẽ đây là lần cuối cùng tôi gặp Cô.

Dắt ba đưa con bước ra khỏi cổng nhà ông Nội, tôi không dám quay đầu nhìn lại. Một câu hỏi chợt lóe lên trong đầu: Rồi mai này, tôi lại tiếp tục lưu lạc tha phương. Cũng như sợi dây chuyền mặt cẩm thạch tôi vừa mới tặng cho Cô tôi, liệu cái việc đi đó đi đây trên xứ lạ quê người của tôi, có còn là những điều mà Cô cháu tôi đã từng một thời mơ ước?

Phạm Tín An Ninh

BA DÒNG NƯỚC MẮT

MONDAY, 20. APRIL 2009, 02:48:53



Ảnh minh họa: Sĩ Quan Không Quân QLVNCH

Tôi vô cùng ngạc nhiên khi nhận được thư Bình, thằng bạn thân tình từ thời nôi khó. Nó là đứa cuối cùng trong đám bọn tôi rời xa đất nước, vừa mới được sang định cư bên Mỹ theo diện HO 31. Lá thư chỉ vồn vẹn mấy dòng:

"Tao đã đến Mỹ vừa đúng hai tuần. Ở đây ồn ào và ngọt ngào quá, tao muốn tìm một chỗ bình yên. Mà có cách nào giúp tao sang Bắc Âu với mày. Bởi tao nghe mày kể bên ấy dù có buồn và mùa đông khá lạnh, nhưng cuộc sống yên bình, thích hợp cho những người cần một nơi để chữa trị những vết thương khó lành được trong lòng.

Tao đang có nhiều vết thương, và cũng đang có nhiều điều rối ren không giải quyết được. Rồi có dịp tao sẽ tâm tình với mày sau. Bây giờ, bằng mọi cách mày giúp tao sang đó với mày. Càng sớm càng tốt.."

Hơn một tháng trước, Định đã báo cho tôi biết việc Bình sẽ sang Mỹ. Nó đã phụ giúp vợ Bình sẵn sàng tất cả mọi thứ để đón Bình. Định còn bảo khi nào Bình đến Mỹ rồi, nó sẽ báo để tôi sang thăm. Ba thằng gặp lại, tha hồ mà kể chuyện xưa. Vậy sao bây giờ vừa mới đoàn tụ vợ con, Bình lại muốn sang Bắc Âu với tôi, một nơi xa tít mịt mù ?

Gọi điện thoại cho vợ Bình và Định nhiều lần, nhưng không ai bốc máy. Hôm sau tôi vào sở xin lấy trước một tuần hè, và đặt vé máy bay sang Mỹ.

Bọn tôi là ba thằng bạn thân từ những ngày mới lớn. Cùng học một lớp ở trường làng, rồi lên trường huyện. Điều đặc biệt là tên của ba thằng đều có vần "inh". Trong lớp bạn bè thường gọi bọn tôi là Ninh-Bình-Định, mặc dù cả ba thằng chưa hề biết quê quán của Quang Trung đại đế, cái nơi nổi tiếng "con gái cầm roi đi quyền" đó nó ra sao. Tuổi thơ ở nhà quê khá nhọc nhằn, nhưng lại có biết bao kỷ niệm êm đềm của những ngày câu cá tắm sông, những trận bóng sôi nổi trước nhiều khán giả là đám con gái cùng trường, mà trái banh chỉ là những trái bưởi rụng nhặt được phía sau hè.

Rồi cả ba thằng được may mắn vào thành phố Nha Trang học trung học. Dù khác lớp nhưng cùng vào một đội bóng của trường. Đội bóng bao lần chiếm giải quán quân. Sau khi đậu tú tài, nhìn thấy con đường học hành sao mà xa xăm diệu vợi quá. Muốn học thêm phải khăn gói vào tận Sài Gòn, trong lúc kinh tế gia đình đang lúc khó khăn. Không đành lòng bắt cha mẹ phải còng lưng thêm chút nữa, ba thằng rủ nhau vào lính. Làm đơn tình nguyện vào binh chủng không quân, bởi hình ảnh những chàng phi công hào hoa đi mây về gió, trong bộ đồ bay, khăn quàng cổ tím, đã là thần tượng của bọn tôi từ lâu lắm. Vậy mà chỉ có riêng tôi là mộng ước không thành, vì thiếu thước tấc, bị loại ngay vòng khám sức khỏe đầu tiên. Hai thằng bạn được toại nguyện, nhưng không vui. Vì kể từ hôm nay, không còn "chúng mình ba đứa" nữa. Tôi tiễn hai thằng đến Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân nằm bên bờ biển Nha Trang, rồi một mình khăn gói vào Sài Gòn học tiếp.

Khi bọn nó sang Mỹ học phi hành, thì tôi vào quân trường Thủ Đức. Cứ vài tuần tôi nhận thư từ bên Mỹ. Nhìn tấm ảnh hai thằng chụp trước cổng trường, hoặc đứng bên cạnh một chiếc F 5, tôi thấy thêm cái oai phong của tụi nó. Sau khi về nước chỉ có thằng Bình được lái phản lực A-37 cho một phi đoàn đóng ở Biên Hòa, còn thằng Định thì ra phi đoàn trực thăng tận ngoài Vùng 1.

Tôi ra trường, được bổ sung về một tiểu đoàn tác chiến đang làm lực lượng lưu động cho Quân Đoàn, rày đây mai đó, gần như chỗ nào có trận chiến là tôi có mặt. Vậy mà so với mức độ hiểm nguy, chết chóc, chẳng nhằm nhò gì với cái chuyện đi bay của thằng Định. Bởi phi đoàn của nó chuyên thả và bốc những toán biệt kích delta trong các vùng địch. Sau một chuyến công tác, nếu may còn sống, được thưởng một số tiền và mấy ngày phép xài chơi. Bao nhiêu lần nó thoát chết trong đường tơ kẽ tóc. Nó bảo đúng là đạn tránh nó. Nhờ vậy mà nó là thằng thường có mặt ở thành phố Nha Trang. Cứ sau một lần thoát chết, nó trở về đây, còn tôi và thằng Bình, cả năm chỉ được một tuần "anh về với em rồi anh lại đi". Có lẽ nhờ vậy mà nó có khá nhiều mối tình để kể cho bọn tôi nghe mỗi lần có dịp gặp nhau, hay bất ngờ liên lạc được trên các tần số không lực.

Nhưng rồi trong ba thằng, tôi lại là thằng bước lên xe hoa trước nhất. Thằng Định vẫn muốn thoải mái đi mây về gió, không bị vướng chân vướng cẳng, còn thằng Bình thì khá kín miệng nên chuyện tình duyên của nó bọn tôi cũng mờ mờ mịt mịt.

Một lần tiểu đoàn đổ quân xuống Ninh Hòa lúc hai giờ sáng, khi cả cái thị trấn nhỏ này còn đang say ngủ. Đại đội tôi được chỉ định vào đóng quân trong sân vận động. Sáng hôm sau, quần áo chỉnh tề, tôi rủ thêm hai thằng bạn lính vào một ngôi nhà phía trước "thăm dân cho biết sự tình", không ngờ "hồn lữ sa vào đôi mắt em", đôi mắt nai tơ của cô bé chủ nhà. Đám cưới tôi có mặt cả hai thằng bạn nối khố, và hai thằng đều tình nguyện làm phụ rể.

Ba năm sau, Định lên chức quan ba, được chuyển về một phi đoàn đóng ở Pleiku làm trưởng phòng hành quân, nên chúng tôi có nhiều dịp gặp nhau, khi ở thành phố, khi thì trong các cuộc hành quân trực thăng vận. Lâu lâu nó tình nguyện bay tiếp tế cho đơn vị tôi, thả cho tôi vài ký thịt tươi và chai rượu đế. Mùa hè 72, tôi bị thương ở căn cứ Võ Định, Kontum. Suốt hơn hai tuần bị địch bao vây và pháo kích nặng nề, tôi nhận lệnh phải mở đường máu rút quân ra, nhưng vết thương nặng ở chân phải của tôi là một trở ngại lớn cho đơn vị. Trong lúc Định đang bay chiếc CNC (trực thăng chỉ huy), nhưng đã điều động hai chiếc vũ trang (gunship) bắn nghi binh và yểm trợ, rồi một mình nhào xuống bốc tôi trong lưới đạn phòng

không dày đặc. Chiếc trực thăng bị nhiều vết đạn mà bọn tôi vẫn an toàn. Mặc dù nó dày đạn kinh nghiệm và bay rất tài ba, nhưng đúng là đạn đã tránh nó, như nó vẫn thường ba hoa với đám bạn bè.

Chỉ có thằng Bình là "số để bọc điều". Từ A-37 nó chuyển sang lái F-5, nhưng vẫn quanh quẩn ở Biên Hoà, rồi Cần Thơ. Nó là thằng đẹp trai và ít nói. Trước đám con gái, tôi và thằng Định thì lú lo chuyện dưới biển trên trời, còn nó chỉ ngồi cười mỉm. Có lẽ nhờ vậy, mà sau này nó âm thầm về Nha Trang và cua dính My Khê, một cô bé răng khểnh khá xinh ở trường Nữ, mà ngày xưa cả ba thằng đều quen biết, bởi đã từng thách nhau cùng đạp xe theo "tán", sau các buổi tan trường.

Mỗi lần về Nha Trang thăm bố, nó đều rủ tôi và Định bay về Nha Trang với nó một vài hôm. Lúc này chiến trường Tây Nguyên khá sôi động, phi đoàn Thần Tượng ở Nha Trang có một biệt đội trực thăng tăng cường cho Pleiku, mà hầu hết các chàng pilot đều là bạn thân của Định, nhờ vậy mà tôi và Định về Nha Trang dễ dàng như đi chợ. Có khi chỉ ở Nha Trang một đêm, rồi sáng hôm sau lại có mặt ở chiến trường. Những lần gặp nhau, đều có mặt My Khê. Cô bé học trò trường nữ ngày xưa bây giờ đã là cô giáo. Nhưng có lẽ đi dạy học chỉ để làm kiếng, bởi cô ta là con nhà giàu. Ông bà già có mấy tiệm buôn trên đường Độc Lập. My Khê được nuông chiều, nên ngay cả chuyện bếp núc cũng không rành. Lần nào gặp nhau ở nhà nàng, bọn tôi cũng chỉ được mời một món duy nhất mà nàng rất tự hào do chính tay mình nấu : cháo trắng ăn với hột vịt muối.

Cuộc tình này cũng kéo dài đến mấy năm. Không phải để tập làm sao "đừng nhìn nhau mà cùng nhìn về một hướng" như lời khuyên trong sách, mà vì cha mẹ My Khê rất tin vào bói toán. Tuổi tác của hai người chưa thể kết hôn. Cuối cùng, đến mùa hè 73, thì cuộc tình dài này cũng kết thúc bằng một cái đám cưới khá linh đình ở nhà hàng La Frégate. Khách khứa lên đến trăm người.

Lần này chỉ có thằng Định được làm phụ rể, còn tôi bị loại khỏi vòng chiến bởi "xác thân đã nhuốm mùi trần tục", một vợ mấy con, nên được thằng Bình giao cho cái chức tiếp tân, chỉ đứng mỉm cười đón khách. Đúng là thằng Định có số đào hoa. Không biết tài tán gái thế nào mà sau đám cưới, tôi đi tìm nó khắp nơi, cuối cùng bất ngờ gặp nó ôm chặt cô bé phù dâu xinh đẹp, ngồi ngoài bờ biển. Có lẽ đúng như mấy ông bà già thường nói "lắm mối tối nằm không", đến ngày mất nước thằng Định đào hoa nhất bọn vẫn cứ còn độc thân.

Tháng 3-75, miền Trung mất vào tay giặc, Định theo phi đoàn di tản về Nha Trang rồi Biên Hoà. Trong cái cảnh dầu sôi lửa bỏng này nó gặp lại vợ chồng Bình. Sau một ngày với bao nhiêu phi vụ hiểm nguy, tối đến hai thằng lại bù khú mày tao mi tớ với nhau như cái thời còn đi học. My Khê, bà xã của Bình cũng vừa sinh được cô con gái đầu lòng, nên căn cứ xá lúc nào cũng rộn rã tiếng cười hoà lẫn tiếng khóc của trẻ thơ. Nhờ vậy mà hai thằng phi công cũng bớt được phần nào những ưu tư lo lắng trong giờ phút lâm nguy của chính mình và đất nước.

Sau những trận đánh lầy lùng của các đơn vị ở Long Khánh, cũng chỉ có khả năng cầm chân địch hơn một tuần. Biên Hoà bỏ ngõ. Phi đoàn của Bình nhận lệnh đem máy bay xuống phi trường Trà Nóc tránh pháo. Bình nhờ Định đưa vợ con về Tân Sơn Nhất, cùng ở tạm trong cư xá, nhà của một thằng bạn cùng khoá, sau mấy lần bị thương, không còn khả năng phi hành nên về làm trong Bộ Chỉ Huy Hành Quân Không Quân.

Ngày 29.4, phi trường Tân Sơn Nhất bị pháo kích liên tục. Tình hình nguy ngập, cả phi đoàn của Định chỉ còn lại vài chiếc trực thăng. Anh em trong phi đoàn ngồi lại tính chuyện bay ra hạm đội Mỹ đang chờ ngoài biển..

Trong lúc bận bịu chạy ngược xuôi tìm chỗ cho vợ con, chỉ có Định là một thân một mình nên chẳng lo lắng gì, ngoài cái tâm trạng bức tức, chán chường. Định liên lạc với Bình, báo cho biết việc phi đoàn của nó sẽ bay ra hạm đội, bảo Bình thu xếp gấp về Sài Gòn để kịp đưa vợ con đi. Định bảo là nó được dành ba chỗ trên tàu, vừa đủ cho vợ chồng Bình và một đứa con nhỏ. Nhưng Bình từ chối, bảo là vùng 4 còn an toàn, phi đoàn phản lực của nó được đặt dưới quyền của tướng tư lệnh Nguyễn Khoa Nam. Bình chỉ nhờ Định lo cho vợ con nó đi cùng. Tùy tình hình nó sẽ đi sau.

Khi Định và vợ con Bình đến đảo Guam hai ngày, thì biết tin Sài Gòn thất thủ. Định đi tìm Bình khắp nơi nhưng không thấy. Người ta bảo có lẽ Bình đã bay sang Thái Lan.

Ngày tôi khăn gói đến địa điểm trình diện "học tập cải tạo" bất ngờ gặp Bình. Trong cái cảnh "nước mất nhà tan" này mà có được một người bạn thân thì cũng vui được nỗi buồn. Nó kể là anh em trong phi đoàn không đành rời căn cứ trong lúc hai ông tướng quân đoàn vẫn còn ở lại sống chết với anh em. Sau khi hai ông tự sát, thì tình hình đã quá muộn màng, địch quân bao vây, pháo kích dữ dội vào phi trường, nên anh em chỉ còn kịp phá hủy một vài hệ thống trên phi cơ.

Ở tù chung trong trại tù An Dưỡng Biên Hòa gần một năm, khi chuyển ra ngoài Bắc mỗi tháng bị chia mỗi ngả. Ra tù, tôi ghé lại thăm gia đình Bình. Ông già nó qua đời, chỉ còn bà mẹ và cô em gái, nhưng nhà cửa được xây lại khang trang và cuộc sống khá sung túc so với những người khác trong vùng. Mẹ nó bảo tiền bạc do vợ Bình gởi về đều đặn. Bà còn khoe mấy tấm ảnh của vợ con Bình được phóng lớn treo trên vách.

Đúng một năm ra khỏi tù, tôi vượt biên. Trong trại tỵ nạn Bataan, bên Phi, khi chuẩn bị lên đường định cư thì nhận tin Bình được thả về. Nhưng chỉ vài tháng sau thì lại được tin nó bị bắt khi tổ chức vượt biên. Mãi đến tám năm sau nó mới lên đường sang Mỹ theo diện HO. Tôi định chờ một vài tuần để nó tạm ổn định cuộc sống và gia đình, tôi sẽ bay sang thăm vợ chồng nó và thằng Định, thì bất ngờ nhận lá thư này của nó.

Máy bay đáp xuống phi trường Fayetteville, North Carolina lúc 9 giờ rưỡi tối. Một phi trường nhỏ ở một nơi tôi hoàn toàn xa lạ. Anh tài xế taxi người da đen chở tôi chạy lòng vòng qua những rừng thông hoang vắng càng làm đầu óc tôi căng thẳng, lúc nào cũng trong tư thế "ứng chiến" để đối phó với những điều bất trắc. Cuối cùng thì anh ta cũng tìm tới được địa chỉ nhà Bình. Trong nhà tối om. Cổng khoá chặt. Tìm chuông cửa nhưng không thấy. Tôi mở bóp tìm địa chỉ của Định, nhưng lâu nay viết thư cho tôi, Định chỉ dùng P.O.Box. Tôi hỏi anh tài xế taxi tên một motel gần nhất. Tôi viết vài chữ lên tấm giấy nhỏ, bảo Bình đến tìm tôi ở motel ấy, rồi gắn lên cửa.

Trưa hôm sau, người đến tìm tôi không phải là Bình, nhưng là ông già vợ của Bình. Tôi chỉ gặp và nói chuyện với ông vài lần trong ngày đám cưới của Bình, nhưng nhận ra ngay. Mặc dù bây giờ ông già hơn xưa, nhưng có tướng đẹp lão. Và vẫn còn hàng ria mép. Ông bảo chính My Khê nhờ ông đi đón tôi. Trên đường đưa tôi về nhà, ông cho biết là ông đang làm chủ một khách sạn nhỏ và một nhà hàng. Ở cách xa nhà vợ chồng Bình chừng hai mươi phút lái xe.

- Tôi nghiệp, vợ chồng nó đang có chuyện buồn. Chuyện phức tạp quá nên hai bác đã cố gắng hết sức nhưng không giải quyết được. Cháu là bạn bè thân, hy vọng cháu nói bọn nó nghe.

- Cháu muốn được nói chuyện riêng với bác trước khi gặp vợ chồng Bình. Tôi muốn biết rõ ràng việc gì đã xảy ra với vợ chồng Bình, để biết cách ứng xử sao cho thích hợp.

Ông già của My Khê quay xe lại, tìm đường rẽ sang một hướng khác. Hơn mười phút sau, ông dừng xe trước một nhà hàng Á châu.

- Cháu vào đây với bác. Nhà hàng này là của bác.

Ông bảo người con gái đứng trong quầy mang cho tôi một phần ăn, và một tách trà cho ông, rồi kéo tôi ngồi xuống một cái bàn nằm riêng trong góc. Ông bảo tôi cứ dùng cơm tự nhiên, rồi bắt đầu tâm sự :

- Hai bác thật là buồn và khó xử, chẳng biết phải tính làm sao. Khi thằng Định đưa con My Khê, vợ thằng Bình sang Mỹ với đứa con chưa tròn một tuổi. Một thân một mình nơi xứ lạ quê người, tất cả từ việc lớn đến việc nhỏ gì nó cũng trông cậy vào thằng Định. Mà Định quả là thằng chí tình với bạn bè, Nó hết lòng lo lắng cho vợ con thằng Bình, mê chuyện học hành mà đành phải bỏ, đi làm hai ba ca để vừa có đủ tiền lo cho mẹ con My Khê, mà còn gởi về Việt Nam giúp gia đình thằng Bình sau tháng 4/75 trải qua bao năm túng quẫn. Rồi cũng chính nhờ thằng Định giúp việc bảo lãnh gia đình bác từ Việt Nam sang Mỹ đoàn tụ với mẹ con My Khê. Nhưng rồi tất cả cũng vì Bác mà gây nên cố sự. Trước khi rời Việt Nam, hai bác có ra chào vợ chồng anh chị sui gia, là ba má của thằng Bình. Ông bà khóc lóc kể cho bác biết là có tin do vợ một người bạn cùng tù với Bình vừa ra thăm chồng ngoài Bắc về, bảo là Bình đã bị bắn chết trong một lần trốn trại với mấy người bạn tù khác nữa ở biên giới Lào. Chính vì vậy mà hai bác khuyên con My Khê nên tiếp nối với Định, bởi bao nhiêu năm nay nó đã hy sinh ở vậy để tận tình lo lắng cho mẹ con My Khê, và cháu Lina, con của Bình cũng xem Định như là cha của nó. Hai bác tâm tình khuyên mãi, tụi nó mới làm đám cưới. Sống với nhau hơn mười năm, tụi nó có hai đứa con, thì mới nhận được tin là thằng Bình vẫn còn sống, chỉ bị thương nhẹ, rồi đem đi biệt giam ở một trại tù nào khác, không ai biết. Từ ngày ấy thằng Định buồn ghê lắm và lúc nào cũng ngồi thờ thẩn một mình. Nó giấu việc này không dám nói với thằng Bình, và cũng chính nó phụ với hai Bác gởi tiền về giúp đỡ gia đình Bình và lo cho Bình sang Mỹ theo diện HO.

Tôi đưa tay xin ngưng lời bác.

- Bây giờ thằng Định đang ở đâu thưa Bác ?

- Trước ngày thằng Bình sang đây, thằng Định mang hai đứa con của nó với My Khê sang đây nhờ hai bác mượn người giữ hộ, rồi "mu" qua Hawaii. Con My Khê khóc lóc, bảo nó cứ ở lại đây, khi nào thằng Bình sang Mỹ Khê sẽ nói chuyện với thằng Bình, thằng Bình sẽ hiểu được bao điều khúc mắc và chắc sẽ không buồn. Hai bác cũng giải thích cho nó biết, dù sao thằng Bình với con My Khê cũng đã xa cách quá lâu, và sự việc xảy ra là do bao nhiêu nghịch cảnh đẩy đưa, chứ Định là một thằng tốt bụng, hết lòng chung thủy với bạn bè. Hai bác cũng sẽ nhận trách nhiệm này trước mặt thằng Bình, khi nó tới đây.

- Rồi cuối cùng ra sao, thưa Bác ?

- Vợ chồng bác khuyên giải suốt cả mấy ngày liền, nhưng nó vẫn không nghe, nó xin lỗi hai bác và con My Khê, rồi nhờ bác trao lại cho thằng Bình một lá thư. Nó xin được phép dán lá thư lại nên hai bác cũng chẳng biết nó viết cái gì trong đó. Khi đến Hawaii, nó có gọi phon về cho bác, bảo đang chạy taxi với một thằng bạn cũ. Chút nữa bác sẽ cho cháu số phon của nó, để cháu liên lạc khuyên giải nó hộ bác. Bác chở tôi lại trước nhà vợ chồng Bình, bỏ tôi trước cửa, chỉ tôi cái chuông điện nằm kín phía bên trong cánh cửa, rồi lái xe về. Bác bảo là để đám trẻ bọn tôi gặp nhau sẽ được tự nhiên hơn.

Người ra mở cửa là My Khê. Vừa nhận ra tôi, My Khê nắm chặt tay tôi, nhoeo miệng cười, nhưng lại bật khóc ngay sau đó. My Khê đưa tôi vào nhà, chỉ cho tôi nơi Bình ở, căn nhà sau, chung vách với gara xe. Tôi gõ mấy lần, cửa mới mở.

Sau bao nhiêu năm hai thằng bạn thân từ thời nổi khổ gặp lại nhau, nhưng đều không vui, ôm lấy nhau mà lòng dạ bùi ngùi. Suốt đêm hôm ấy tôi ở trong phòng Bình, nhưng hai thằng không ngủ, nằm tâm sự thâu đêm. Tôi chưa biết phải nói điều gì với Bình, thì Bình mở đầu tâm sự.

- Khi biết việc này, tao có bất ngờ, và dĩ nhiên cũng buồn ghê lắm. Nhưng chỉ sau một đêm suy nghĩ, tao lấy lại được sự bình thản, và nghĩ là My Khê đã thuộc về Định, và hai người rất xứng đáng trong tình yêu, trong cuộc hôn nhân mới này. Tao phải cảm ơn thằng Định, đã hết lòng cứu mang vợ con tao và cho My Khê một gia đình hạnh phúc, một chỗ dựa vững chắc trên xứ lạ quê người. Hơn nữa tao và My Khê xa cách khá lâu, trong lúc nàng đã hội nhập vào xã hội Mỹ này từ lâu rồi, còn tao bây giờ cũng đã già, lại là một thằng quê mùa, bệnh hoạn, mà vết thương trên thân xác cũng như trong lòng tao vẫn chưa lành được. Tao tự biết mình thực tình không còn thích hợp, không còn xứng với nàng. Tao cũng đã tâm tình với My Khê và điện thoại cho thằng Định, nói hết nỗi lòng.

Mong nó trở về đây. Cháu Lina, con gái của tao cũng nhớ nó mà khóc cả ngày. Tao hiểu, con bé còn xa lạ với tao lắm. Mà nó xa lạ là phải. Không dễ dàng gì cho một cô con gái đã hơn 20, không hề biết mặt cha từ lúc mới năm tháng tuổi, bây giờ phải chấp nhận một ông cha bất ngờ từ trên trời rơi xuống

- Thế rồi vợ mày và thằng Định tính sao ?

- My Khê thì chỉ khóc và im lặng, còn thằng Định thì nhất quyết trả My Khê lại cho tao. Nó còn bảo là nó nhớ tao lắm, nhưng không muốn gặp tao.

- Bây giờ mày tính sao ? Tao sẽ giúp được gì cho tụi mày ?

- Tao nhờ mày. Chỉ có mày có thể giúp tao trong lúc này. Mày đưa tao qua Hawaii gặp thằng Định và tâm tình giải thích để nó trở về với vợ con tao.

- Còn mày thì sao ?

- Tao một thân một mình. Nếu mày kéo tao sang Naui ở với mày là phúc cho tao. Có mày tao sẽ dễ quên bao nhiêu chuyện đau lòng. Còn nếu không được thì tao lang thang đâu cũng được. Lâu lâu kiếm được tiền tao lại ghé về đây thăm cháu Lina, cho dù trong lòng nó, có lẽ tao chưa hề là cha của nó.

Ba thằng bọn tôi lại gặp nhau, qua bao nhiêu năm chia cách cùng những đông tố trong đời. Ôm nhau mừng rỡ mà sao nghẹn ngào, không ai nói nên lời, chỉ có nước mắt chảy dài trên má. Ngày xưa, thằng Định là đứa ba hoa, khôi hài nhất trong bọn, vậy mà cũng không mở miệng để nói một lời, dù chỉ là một chữ hello, mà nó đã thường xài từ lúc còn ở Việt nam, mỗi khi gặp bạn bè.

Không biết lúc này trong đầu hai thằng bạn đang nghĩ điều gì. Riêng tôi đang hình dung tới cuộc chiến bi thảm mà kẻ chiến thắng lại là những con người tàn ác nhất đã tạo nên bao chia ly tan tác.

Sáng nay, chủ nhật, mùa đông Bắc Âu khá lạnh. Tôi thức giấc đã lâu nhưng còn đang trằm chằm nằm nán trên giường thì nghe điện thoại reo. Bốc ổng nghe chưa kịp hỏi là ai, thì nghe bên kia đầu giây giọng nói quen thuộc của thằng Định :

- Hello! Ninh ơi. Có thằng Bình đây, nó muốn nói chuyện với mày.

Tôi nghe giọng nói yếu ớt nhưng rất vui của Bình :

- Bình đây. Gọi thăm vợ chồng mày và báo cho mày một tin vui. Tao đang ở nhà vợ chồng thằng Định đây. Vừa từ bệnh viện về. Vợ chồng Định lên tận Houston tìm thăm tao, báo tin cháu Lina bị bệnh rất nặng cần phải thay gấp một quả thận. Bác sĩ cho biết cách tốt nhất là lấy thận của người cùng huyết thống, nên tao theo Định và Mỹ Khê bay xuống North Carolina ngay để kịp thời lo cho cháu. Bác sĩ bên này giỏi thật.

Mọi việc tiến hành nhanh chóng. Bây giờ đã xong xuôi. Cháu Lina cũng đã khỏe lại. Đáng lẽ tao đã về lại Houston, vì tao vừa mới mở cái tiệm giặt ủi, do vợ chồng thằng Định giúp vốn, vợ chồng nó cũng vừa mua cho tao một ngôi nhà nhỏ, ở bên cạnh hai thằng bạn cùng phi đoàn với tao ngày trước, nhưng vợ chồng nó nhất định giữ tao lại. Cả cháu Lina nữa. Nó cũng muốn có nhiều thời gian để tâm tình với cha của nó. Mày cố gắng bay sang đây với tụi tao cho vui.

Chưa kịp trả lời, tôi lại nghe giọng nói của đàn bà :

- Ông bà qua đây để tôi còn đãi món cháo trắng ăn với hột vịt muối. Tôi nghe những tiếng cười khúc khích, rồi giọng đùa nghịch của thằng Định xen vào :

- Hello, Ninh ! Mỹ Khê bây giờ nấu ăn nghệ lắm đó, biết nấu cả cháo trắng tới bảy món. Vợ chồng mày nhớ bay qua sớm, không thì mất phần đó nghe chưa.

Tôi buông ổng nghe, thần thờ nhìn ra ngoài cửa sổ như muốn tìm kiếm một điều gì. Trời mùa đông Bắc Âu phủ đầy tuyết trắng, nhưng sao trước mắt tôi đang lung linh bầu trời xanh bao la của cả một thời tuổi thơ. Cái thuở ba thằng chúng tôi vui đùa nghịch ngợm, trong lòng chưa hề vướng bận chuyện chiến tranh kéo theo bao cay đắng cuộc đời.

phạmtinanninh

THẰNG BÉ ĐÁNH GIÀY

NGƯỜI NGHĨA LỘ

MONDAY, 27. APRIL 2009, 00:57:16



Mấy ngày gần gũi ở Sài Gòn, tôi thường đến ăn tối tại một quán ăn gần khách sạn tôi ở, đi bộ chừng năm phút, có tên Nhà Hàng Thanh Niên, nằm phía sau nhà thờ Đức Bà. Một nơi tương đối yên tĩnh, khu vườn lộ thiên nhỏ nhưng với những khóm trúc dễ thương, và nhất là được nghe lại những bản nhạc tình ca -kể cả tình lính- của miền Nam thuở trước.

Sài Gòn dường như không kịp thở vào những ngày cuối năm. Ngoài đường tấp nập xe cộ và trên vỉa hè cũng kín cả người. Tất cả đều hối hả ngược xuôi, làm như tất cả không còn đủ thời gian để kịp “đổi đời”. Tôi thấy mình lạc lõng trong cái không gian ấy. Tốt nhất là tìm một nơi vắng vẻ ngồi một mình để suy tư và hồi tưởng về Sài Gòn của một thời xưa cũ, mà bây giờ mơ hồ như chỉ còn trong cổ tích.

- Chào chú, cháu đánh giày cho chú nhé.

Tôi giật mình khi nghe một giọng rất bắc kỳ, chưa kịp quay lại thì ba chú bé đã đến trước mặt tôi. Thằng bé nhất và cũng đứng gần tôi nhất nhìn tôi gật đầu chào:

- Sao chú ngồi một mình buồn thế ? Trông chú hơi lạ. Chắc chú là Việt Kiều mới về thăm quê ?

Tôi ngạc nhiên, không hiểu tại sao thằng bé biết mình là “Việt kiều”. Bởi tôi ăn mặc rất đơn giản. Có thể nói là đơn giản nhất so với những thực khách có mặt ở đây. Và mặc dù không ưa cái danh xưng “Việt kiều” này, nhưng thấy thằng bé lễ phép dễ thương, tôi giả tiếng bắc đùa:

- Chú ở nước ngoài về chứ không phải Việt Kiều. Thế ngoài ấy quê cháu ở đâu.

- Cháu ở tận Nghĩa Lộ - Yên Bái

Tôi nắm tay nó:

- Thế hóa ra mình là đồng hương đấy. Chú cũng từng ở Nghĩa Lộ một thời gian lâu lắm.

Thằng bé tròn xoe đôi mắt:

- Chú cứ đùa. Trông chú chẳng phải người quê cháu.

Tôi bèn kể một mạch về Nghĩa Lộ cho thằng bé nghe, từ con sông, con đường cho đến cái dốc Cổng Trời và cái thung lũng Hang Dơi nằm sâu trong vùng núi rừng cực bắc.

Thằng bé ngạc nhiên thích thú, nhưng đôi mắt cứ nhìn tôi không chớp. Tôi bật cười, vỗ vai thằng bé:

- Xin lỗi cháu. Chú đùa cho vui. Đúng là chú từng ở Nghĩa Lộ gần năm năm. Nhưng mà chú bị tù cải tạo ngoài ấy



Cả ba thằng bé cùng nhao lên:

Ảnh: dốc Cổng Trời

- À, đúng rồi, con đường ô tô từ dốc Cổng Trời về huyện, bây giờ người ta vẫn gọi là Đường Tù Cải Tạo. Vì nghe mấy ông bà cụ bảo do các chú trong Nam ra cải tạo đắp con đường ô tô ấy.

Ba thằng ở ba nơi khác nhau ngoài Yên Bái. Cả làng đang đói, nên rủ nhau bỏ quê vào miền Nam kiếm sống. Khởi nghiệp là đi xin, sau đó cũng chạy theo “nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa”, ba thằng chung vốn làm ăn, kiểu công ty hợp doanh... Một thằng bán vé số, một thằng bán báo, còn thằng bé nhất đánh giày. Vậy mà cũng sống thoải mái (dù chỉ trên vỉa hè) lại còn dành dụm tiền gởi về cứu trợ gia đình. Thằng bé nhất đang nói chuyện với tôi quê ở Thôn Thượng Sơn, thuộc huyện Nghĩa Lộ. Một cái huyện miền núi nghèo xơ xác, có thể là một trong những nơi nghèo nhất nước, nằm cực bắc tỉnh Hoàng Liên Sơn ngày trước, cách thị xã Yên Bái khoảng một ngày đường. Và cũng là nơi đã từng nhốt nhiều tù cải tạo từ miền Nam chuyển ra, từ anh binh nhì TQLC bị bắt trận Hạ Lào, cho đến hơn ba mươi tướng lãnh, mà đa số đã không bỏ rơi đồng đội của mình vào giờ thứ hai mươi lăm.

Đã hơn ba mươi năm, và bây giờ đang ngồi giữa thủ đô Sài Gòn xưa, tôi cứ tưởng là mình đã quên rồi cái tên Nghĩa Lộ. Vậy mà hôm nay tôi có cảm giác như đang đứng giữa núi rừng Hoàng Liên Sơn, nhìn những thằng bạn tù - và thấy cả chính mình nữa - đang bị hành hạ, đối khổ khốn cùng.

- Cháu đánh giày cho chú nhé. Cháu đánh để kỷ niệm, đề đền ơn chú đã từng đắp con đường ô tô cho quê cháu, chứ không phải xin tiền xin bạc gì chú đâu nhé.

Câu nói hơi dài của thằng bé làm tôi bật cười, trở về thực tại. Tôi cười bởi nghe thằng bé rất nhà quê này xài hai tiếng kỷ niệm, và nói năng ra điều nghĩa hiệp.

Mà có thể là nó nghĩa hiệp thiệt. Ngày xưa khi còn trong lính, sau mỗi lần hành quân về phố, tôi cũng từng quen, và đỡ đầu cho những em bé đánh giày. Tụi nó nghèo, ít học, nhưng biết yêu thương đùm bọc lẫn nhau, và chí nghĩa chí tình. Sau ngày ở tù về, trong lúc làm lơ xe, bất ngờ tôi gặp lại hai đứa đang làm bốc vác ở bến xe Tuy Hòa. Bây giờ là hai cậu thanh niên khỏe mạnh. Có điều sống dưới chánh quyền mới, “nhân dân làm chủ tập thể” nhưng hai thằng không có một mảnh đất cắm dùi, ngày làm ở bến xe, tối ngủ ở chợ. Nghề đánh giày cũng không còn. Không phải vì những thằng bé đánh giày giàu lên sau cuộc đổi đời, mà vì chẳng còn ai mang giày nữa để mà đánh. Vậy mà gặp lại tôi, hai đứa nhận ra, mừng rỡ như gặp lại người thân, vẫn một tiếng “anh Ba”, hai tiếng “anh Ba” như hơn mười năm trước. Tôi tìm mọi cách từ chối, nhưng hai đứa bảo tôi nhất định phải nhậu với tụi nó một chầu, mừng cho cuộc trùng phùng này mới trọn nghĩa anh em. Khi chia tay, còn nhét vào túi tôi một mớ tiền nhăn nheo, bảo là gởi quà cho các cháu. Tôi thực sự cảm động trước lòng thủy chung của tụi nó, trong lúc có bao nhiêu thằng vốn học thức đầy mình, nhưng mới một sớm một chiều đã trở mặt phản thầy phản bạn chạy theo nịnh bợ những thằng “cách mạng 30”, mà mới hôm qua hôm kia còn khinh rẻ là đám lưu manh, xích lô xe kéo!

Anh tiếp thị của nhà hàng mang thức ăn đến và đuổi ba thằng bé ra khỏi quán. Tôi vui vẻ nói với anh là tôi mời ba cậu bé, rồi quay sang bảo ba đứa kéo ghế ra ngồi và gọi bất cứ thức ăn nào các cháu thích. Tất cả tròn mắt ngạc nhiên rón rén kéo ghế ngồi và mỗi đứa chỉ kêu một đĩa cơm chiên Dương Châu.

Điều đặc biệt làm tôi lưu tâm tới thằng bé nhỏ nhất bọn này, bởi quê nó ở thôn Thượng Sơn. Một làng quê xa nhất của cái huyện Nghĩa Lộ đèo heo hút gió. Vậy mà có lần tôi đã đến đó và ở lại đó gần cả một tuần. Một tuần duy nhất được no, được vui và hạnh phúc trong tám năm tù tội.

Khi mới ra Bắc, tôi được “biên chế” về trại 3 Hang Dơi. Sau ba năm được chuyển về trại 6 Nghĩa Lộ, nằm cách trại 5 của mấy ông tướng mấy cái ao nuôi cá trắm cỏ. Sau một trận kiệt ly, tôi chỉ còn da bọc lấy xương, đứng không vững thì còn sức ở đâu để mà biến “sỏi đá thành cơm”, nên được điều từ đội trồng trà sang đội “tăng gia”, tức là trồng rau, mà nhiều nhất là rau muống. Vào mùa đông, vùng Hoàng Liên Sơn khá lạnh, nên các loại rau không mọc ra được, đám chúng tôi phân động chuyển qua trồng sắn, phát rừng, còn lại luân phiên nhau mấy toán, vào vùng núi mua thực phẩm, chủ yếu là cho “cán bộ trại”, chứ còn đám tù bọn tôi thì đã có “sắn” (khoai mì) để “khắc phục”.

Toán bốn thằng chúng tôi, do một chàng vệ binh dẫn đi, kéo theo hai cái xe cải tiến (loại xe đóng bằng gỗ giống như chiếc xe bò nhỏ) vào Thượng Sơn, nằm cách trại khoảng 60 cây số. Trong thời gian tù tội, những ngày được đi xa như thế này thật là hiếm hoi, hạnh phúc ghê gớm lắm. Chẳng khác gì người trong nước bây giờ được xuất ngoại. Ít nhất cũng được tự do hơn, ăn uống khá hơn, và nhất là được sống với dân để nghe họ nói những điều chân thật. Có một trùng hợp lý thú là trong bốn thằng tù bọn tôi đều có đủ bắc, trung, nam. Một thằng chính gốc Hà Nội 54, một thằng xứ Huế, một thằng Nha Trang là tôi và một thằng nữa là dân Cần Thơ, Nam bộ.

Khởi hành từ sáng sớm, chiều chúng tôi đến làng. Nếu không đến đây có lẽ chẳng ai ngờ là giữa núi rừng xa xôi hẻo lánh này lại có một cái làng với khoảng một trăm nóc nhà nằm dọc bên bờ con suối lớn dưới những tàng cây che kín mặt trời. Vậy mà trông rất sạch sẽ và thơ mộng. Từ cổng làng, bọn tôi đã nghe tiếng chim hót líu lo hòa trong tiếng suối chảy róc rách giữa một vùng núi rừng tĩnh mịch.

Bọn tôi được sắp xếp ở trong một căn nhà mái lá cọ, có vách bằng nứa, nằm dưới một tàn cây cao, sát bên bờ suối. Chủ nhà là một bà già trọng tuổi. Điều làm chúng tôi ngạc nhiên là trông bà không giống những người dân mà chúng tôi thường gặp ở vùng này, từ cách ăn mặc tới cử chỉ nói năng. Lúc nào bà cũng vui vẻ niềm nở với chúng tôi, trên môi lúc nào cũng có sẵn nụ cười.

Thằng bạn tù gốc Hà Nội của bọn tôi quả quyết là bà nói đúng giọng Hà Nội, cái thời còn một Hà Nội thanh lịch. Trên vách, treo một tấm giấy khen với một cái tên cũng rất Hà Nội, không hợp với khung cảnh núi rừng này: "Bà Vương Chu Khánh Hà". Cái tên trùng tên một cô ca sĩ miền Nam, làm chúng tôi dễ nhớ.

Bà ở với người con trai, vừa làm y tá cho thôn, vừa làm rẫy, trồng thơm (dứa), trồng nhãn. Một phần đất anh dành ra trồng rau và nếp nương. Anh nói năng hiền lành dễ mến. Đặc biệt rất thương và chiều mẹ.

Ngày đầu tiên, bà chỉ cười chào bọn tôi, không dám đến gần "quan hệ". Nhưng hôm sau, bà mua chuộc anh vệ binh và giới thiệu cô thợ may ở nhà kế bên cho anh ta, nên anh ta đóng đô luôn bên ấy. Bà cho chúng tôi ăn xôi, ăn thịt rừng, còn thêm đủ loại trái cây bà mua được trong làng. Ở đây, ăn uống như thế là thuộc hàng "tư bản". Ban ngày chúng tôi đi khắp nơi mua thực phẩm các loại, chiều về lại nhà, kéo nhau xuống suối tắm, rồi được ăn một bữa cơm "thịnh soạn", bọn tôi có cảm giác như đang ở đâu đó trên thiên đường.

Đêm nào bà cũng mang đến một ấm trà tươi, ngồi tâm sự với bọn tôi tới khuya. Đúng như thằng bạn tù gốc Hà Nội nhận xét, bà dân Hà Nội chính tông. Ngày xưa gia đình bà giàu có. Vợ chồng làm chủ một hãng dệt lớn nhất nhì Hà Nội. Sau hiệp định Genève, chia đôi đất nước, chần chờ tiếc của, chưa kịp xuống tàu há mồm chạy vào Nam thì bị đánh tư sản. Chồng bà chết trong tù, nhà cửa bị tịch thu, bà bị bắt buộc phải dắt theo hai đứa con, một trai một gái, đứa nhỏ nhất chỉ mới sáu tuổi, cùng một số "đối tượng" khác lên vùng núi non này, lúc ấy gọi là Khu Kinh Tế Mới Thượng Sơn.

- Ngày ấy, cả khu này chỉ là rừng thiêng nước độc. Chỉ ba tháng sau là con bé gái chết vì sốt vàng da, mà không tìm đâu ra một viên thuốc.

Bà nhìn lên trời mơ màng, kể lại cho bọn tôi những ngày đầu mới đến, nước mắt chảy dài trên má.

Sau đó, vì bản năng tự tồn, những người "Hà Nội lưu đày" (chữ của bà), ngồi lại, cùng bàn bạc nắm tay vượt lên số phận. Trong số những người lên đây, có nhiều thành phần, đa số là tư sản và trí thức. Với bộ óc và với kinh nghiệm trên thương trường, vậy mà họ đã tận dụng được để cùng nhau vươn lên trong chốn thâm sơn cùng cốc này. Dù nghèo khổ, họ vẫn giữ được cái tình, cái thanh lịch của người Hà Nội. Điều mà chính quyền cần họ phải gột rửa.

Ngày tiễn chúng tôi đi, bà năn nỉ và đút lót anh vệ binh cho chúng tôi được nhận một kí nếp, một ít thịt rừng muối mặn, nhưng bị chối từ, mặc dù anh ta cũng rất quý bà. Cuối cùng để cho bà vui, anh vệ binh cho chúng tôi được ăn tại chỗ một bữa no nê, lần này còn có cả rượu nếp, do chính tay bà cất.

Một tháng trước ngày rời Nghĩa Lộ, bọn chúng tôi ngày đêm phải đắp cho xong một con đường ô tô kéo dài từ Nghĩa Lộ lên tận dốc Cổng Trời. Chúng tôi thắc mắc không biết để làm gì, vì gần năm năm ở đây, thỉnh thoảng chỉ thấy vài người đạp xe đạp hoặc thồ ngựa trên con đường ngoằn ngoèo heo hút này. Đến ngày chuyển trại vào Nghệ Tĩnh, chúng tôi mới biết con đường này dùng để chuyển quân lên Lạng Sơn ngăn chặn bọn bá quyền Trung Quốc vừa xua quân tràn qua biên giới đòi "dạy cho người anh em một bài học".

Hơn ba mươi năm, con đường "làm lại cuộc đời" của riêng tôi cũng thăng trầm, quanh co không kém, đã làm tôi tạm quên một quá khứ buồn thảm, dù tất cả vẫn còn nằm sâu chôn chặt tận đáy lòng. Bất ngờ hôm nay, thằng bé đánh giày gọi tôi nhớ lại. Có điều trong bao nhiêu đau đớn chất chồng cũng có đôi điều vô cùng đẹp để, chẳng khác gì một đóa hoa nở trên sỏi đá, một cành lan mọc giữa rừng già, trên một thân cây héo khô cằn cỗi.

- Thế cháu ở Thượng Sơn có biết bà Vương Chu Khánh Hà. Bây giờ chắc cũng đã hơn tám mươi ?

Tự dưng tôi buột miệng hỏi thằng bé, để rồi ngẩn người ra khi nghe nó trả lời:

- Ô, đó là bà nội cháu. Bà mất hơn năm năm rồi!

Lòng tôi chùng xuống.

Thằng bé kể lại những ngày cuối cùng của bà nội, lúc ấy nó mới tám tuổi. Khi mà ở Hà Nội đầy dẫy quán bar và nhà hàng sang trọng, dành cho khách nước ngoài và những ông quan lớn, thì cái thôn Thượng Sơn này vẫn cứ nghèo xơ xác. Một số đã phải bỏ làng tìm về thành phố cũ, sống trước mái hiên nhà của chính mình ngày trước. Bà nội nó chỉ về được một lần, đứng nhìn ngôi nhà của mình bây giờ đang là một khách sạn mấy tầng, mà chủ nhân là một ông ngồi trong Ủy Ban Cải Tạo Tư Sản ngày xưa, bây giờ đã là ông lớn, chức hàm cỡ bộ trưởng. Tài sản duy nhất còn lại của gia đình bà là ngôi mộ hoang của ông chồng, ngày xưa nằm trong một nghĩa trang ở ngoại ô thành phố, nhưng bây giờ nhà cửa mọc kín chung quanh. Cây cối và cỏ rác như muốn phủ lấp mộ phần. Bà phải ở lại đó mấy ngày mới dọn dẹp xong. Sau lần ấy, bà về nhà rồi ngã bệnh. Vợ chồng cậu con trai bán đủ thứ trong nhà, cùng với hảo tâm của mấy người hàng xóm, nhưng cũng không đủ tiền đưa bà đi bệnh viện. Trước khi chết bà chỉ ước ao duy nhất một điều là được chôn cất bên cạnh mộ chồng dưới thủ đô Hà Nội, cũng là vùng đất của dòng họ qua bao nhiêu đời. Vậy mà cái điều ước ao trời trần duy nhất đó của bà, cũng không ai thực hiện được, bởi cái nghĩa trang đó bây giờ nằm trong qui hoạch thành phố, tấc đất tấc vàng, không dễ gì mua được.

Nghe thằng bé kể, nhìn nhà thờ Đức Bà trước mặt và nhớ tới bà, tôi lại thầm nghĩ là Thượng Đế đã không có mặt trên đất nước tôi. Thực ra điều này tôi cũng đã từng nói với mấy thằng bạn tù, sau tháng 4/75. Bởi nếu có Thượng Đế, sao ngài lại bắt dân chúng miền Nam, những người hữu thần, đã bao nhiêu đời hằng tin và thờ phụng ngài, lại phải vác cây thánh giá nặng nề, để tan tác điêu linh như thế. Lòng tôi thấy xốn xang và tôi nghiệp cho bà. Tôi thầm trách mình cũng chỉ là kẻ vong ơn, đã quên mất lòng tốt của bà trong những ngày mình vô cùng khốn khó. Mà lẽ đời là thế. Khi đã sang sông còn có mấy ai nghĩ tới con đò.

Thằng bé lại nhắc tôi về chuyện đánh giày, đền ơn đáp nghĩa. Tôi đưa chân ra, cả đám cười ồ, tôi đang mang dép. Thằng bé lấy một tập báo đủ loại trên tay thằng bạn, để trước mặt tôi:

- Vậy thì chúng cháu biếu chú mấy tờ báo, về khách sạn chú đọc cho vui. Toàn chuyện mấy ông lớn tham nhũng ăn chơi tiền tỉ đấy!

Tôi cảm ơn và hỏi mua một xấp vé số. Trả tiền xong tôi chia đều cho ba đứa, coi như món quà may mắn, rồi hẹn ngày mai đến gặp tôi ở khách sạn, tôi sẽ dẫn đi chơi bất cứ nơi nào các cháu thích. Khi chia tay tôi ôm vai thằng bé đánh giày:

- Ngày mai cháu nhớ đến nhé. Chú rất cần gặp cháu.

Suốt ngày hôm sau, sau khi dắt ba thằng bé vào chợ Bến Thành mua sắm một số áo quần, cho các cháu một ít tiền, tôi thuê xe chở cả đám đi Vũng Tàu. Cả ba đứa đều mong ước được đến đây một lần cho biết thành phố biển nổi tiếng này, và cũng

muốn xem “tình hình” để chuyển xuống đây kiếm sống, bởi nghe nói ở đây có nhiều khách ngoại quốc đến du lịch, hơn nữa ở Sài Gòn càng lúc càng khó khăn, vì số trẻ em (và cả người lớn) từ ngoài Bắc vào kiếm ăn ngày càng đông. Trong lúc ngồi trên bãi sau, tôi tâm tình thật nhiều với thằng bé đánh giày, kể cho nó nghe chuyện ngày xưa bọn tôi có lần đến ở nhà bà nội nó một tuần và được bà thương yêu giúp đỡ. Nó ngồi bên tôi nghe rôm rớm nước mắt, rồi dùng ngón tay viết tên của bà nội trên cát.

Trên đường về lại Sài Gòn, tôi ghé lại Nghĩa Trang Quân Đội cũ, nằm bên xa lộ Biên Hòa. Khó khăn lắm, phải hỏi thăm nhiều người, anh tài xế taxi mới tìm được lối vào. Bức tượng Tiếc Thương đã từng tạo huyền thoại một thời, không còn nữa, nhưng Nghĩa Dũng Đài còn đứng sừng sững giữa những ngôi mồ hoang phế, im lìm. Tôi nghe trong gió như có tiếng oan hồn tử sĩ. Tìm đến ba ngôi mộ của ba thằng bạn lính cùng đơn vị cũ, mà chính tôi là người thân quen duy nhất chào tiễn biệt tại đây vào những giờ phút thứ hai mươi lăm của cuộc chiến, cùng với những người lính chung sự vẫn âm thầm tận tụy như từng bao nhiêu năm mai táng những đồng đội chưa bao giờ gặp mặt. Ba thằng bé phụ tôi hì hục dựng lại mấy tấm bia gãy đổ. Tôi ngồi trước những nắm mộ sụt sùi. Ba thằng bé chưa từng biết những gì đớn đau và bất công của cuộc chiến bắc-nam, cũng ngậm ngùi cảm động, trịnh trọng hứa với tôi sẽ thường xuyên rủ nhau đến đây để hương khói và chăm sóc các mộ phần.

- Bạn đồng đội của chú chắc chắn là những người tốt.

Ba đứa bé nói với tôi trên đường ra xe về lại Sài Gòn, trong lúc tôi còn đang miên man về cách hành xử tàn tệ từ những con người không có trái tim, không còn biết thế nào là “nghĩa tử nghĩa tận”.

Về khách sạn, ba cháu xin được ở lại với tôi đêm nay, để khuya được đưa tôi ra phi trường. Không ngờ những đứa bé từ một vùng núi non Việt bắc xa xôi lại chí tình với một người miền Nam, và bây giờ chỉ còn là.. “khúc ruột ngàn dặm”, như tôi.

Tôi lấy thêm một phòng cho hai đứa kia, còn thằng bé đánh giày nhỏ nhất ở cùng phòng với tôi. Trước khi đi ngủ, tôi cho thằng bé một ngàn đô-la, bảo nó ngày mai mua vé xe lửa về lại Nghĩa Lộ, đưa cho ba má nó. Tôi viết một mảnh giấy kèm theo, bảo với ba nó tôi là một trong bốn người tử cải tạo lúc xưa, và dùng số tiền này tìm mọi cách đưa bà cụ về Hà Nội nằm bên ông cụ như lời bà trấn trối lúc lâm chung. Tôi có cho địa chỉ để anh ta liên lạc. Tôi còn căn dặn thằng bé phải hết sức cẩn thận, vì các chuyến xe Thống Nhất Bắc-Nam sẽ rất đông người vào những ngày giáp tết. Nó tròn mắt nhìn tôi ngạc nhiên, rồi nắm chặt bàn tay tôi, nói ngày mai, sẽ may thêm một cái túi bên trong chiếc áo để khâu tiền vào trong đó.

“Kính thưa Anh,

Vợ chồng em và chắc chắn là vong linh của mẹ em nữa, xin muôn vàn cảm tạ ơn anh. Không ngờ chỉ có mấy ngày ngắn ngủi rất xa xưa, mà mãi đến nay anh vẫn còn nhớ đến mẹ con em. Riêng em thì gần như đã quên chuyện ấy nếu không có anh nhắc lại hôm nay. Giờ em mới nhớ lại, sau khi các Anh rời khỏi nhà em, mẹ em khóc mất mấy hôm. Bà bảo phần thì tội nghiệp các anh, phần thì nghĩ tới số phận oan khiên của gia đình em vào những ngày đang vừa lên nắm chánh quyền. Bà bảo các anh và gia đình chúng em cũng cùng gánh chung số phận.

Chúng em cũng xin báo tin để anh mừng, là với số tiền anh cho, chúng em đã đưa được mộ phần của bố em ra một nghĩa địa khác, trước khi chính quyền cho san bằng khu nghĩa địa cũ để xây đô thị. Khu nghĩa địa mới dù nằm khá xa thành phố nhưng sạch sẽ và yên tĩnh. Vợ chồng em cũng cải táng phần mộ của mẹ em và đưa em gái ở Nghĩa Lộ, đưa về chôn bên cạnh bố em. Gọi là nghĩa địa, nhưng phải mua với giá rất cao. Nếu không có tiền của Anh cho, biết đến lúc nào chúng em mới thực hiện được lời ước ao trấn trối của mẹ em.

Nghe đất nước đã đổi mới từ lâu, nhưng có lẽ chỉ đổi mới ở dưới những thành phố lớn, chứ cái làng Thượng Sơn của chúng em thì ngày thêm khổ khó. Rồi nay mai vợ chồng em cũng phải bỏ Thượng Sơn mà về Hà Nội, hoặc chạy thẳng vào Sài Gòn. Có làm ô xin hay phải sống ngoài đường chắc cũng còn khá hơn.

Phân vân mãi, cuối cùng chúng em cũng phải báo đến anh một tin buồn. thằng bé Khiêm con em cũng không còn. Trên chuyến tàu Thống Nhất ngày ba mươi tết hôm ấy, nó bị cướp. Không hiểu có phải bọn cướp biết được cháu giữ số tiền lớn của anh cho, nên đánh để cướp. Nhưng dù bị máu me thương tích đầy người cháu vẫn hai tay ôm chặt lấy túi tiền khâu kỹ trong mấy lớp áo trước ngực. Bọn cướp tháo chạy trước khi có công an đường sắt tới.

Về nhà cháu tỉnh táo được một vài hôm, ăn tết với chúng em, kể lại chuyện bất ngờ gặp anh, được anh yêu thương và gọi cho chúng em một số tiền quá lớn. Chúng em cứ tưởng mình nằm mơ. Nhưng chỉ một tuần sau cháu bị sốt nặng rồi hôn mê. Đem vào bệnh viện huyện, bác sĩ bảo cháu bị cảm cúm, cấp cho mấy viên aspirin và dặn em mua mật ong cho cháu uống sẽ khỏi. Nhưng càng lúc thấy cháu càng tệ hơn, em xin phương tiện chuyển vào bệnh viện tỉnh. Chờ mãi không có, vợ chồng em nóng lòng nên phải thuê xe tư. Ở bệnh viện tỉnh, em phải đứt lót cháu mới được chụp hình. Bác sĩ cho biết cháu bị chấn thương sọ não. Cháu qua đời vài ngày sau đó.

Bây giờ cháu cũng đang nằm bên cạnh ông bà nội và cô út của nó, chắc cháu nó cũng được ấm lòng nơi chín suối.. Chúng em tin là cháu sẽ mãi mãi theo phù hộ cho Anh trong những ngày Anh xa quê lưu lạc xứ người.

Chúng em xin gửi đến Anh trọn lòng kính mến và lúc nào cũng cầu nguyện mọi điều tốt đẹp cho Anh cùng gia đình.

Kính thư,

Bố mẹ cháu Khiêm
Trần Trọng An

Bức thư tôi nhận được đúng một tháng sau ngày tết Nguyên Đán. Suốt cả đêm trằn trọc, tôi không biết có đúng là mình đã trả ơn Bà, hay là lại mang thêm tai họa đến cho gia đình Bà. Thì ra trong cái xã hội đang có nhiều ông lớn và đại gia giàu có, thì cái sinh mạng của những người nghèo khổ khốn cùng cũng vẫn chỉ là cỏ rác. Dường như tôi có nghe ai đó nói "cuối niềm vui nào cũng có xót xa, sau cuộc trùng phùng nào cũng có mầm mống của ly tan".

Phạm Tín An Ninh

NHỮNG BÀI HÁT CỦA MỘT THỜI BÌNH LỬA

TUESDAY, 12. MAY 2009, 02:15:32



Thay một vòng hoa cho ca nhạc sĩ Nhật Trường Trần Thiện Thanh.

Từ giữa thập niên 60, chiến trường miền Nam bắt đầu sôi động, hàng hàng lớp lớp thanh niên phải từ giã mái trường, phố thị, "xếp bút nghiên theo việc kiếm cung". Người lính miền Nam lúc ấy được thi ca nói tới như là những chàng tuổi trẻ hiền lành, lãng mạn, đi hành quân như vui thú với rừng núi sông hồ, mà hành trang lúc nào cũng kèm theo thơ túi rượu bầu và hình ảnh một người tình nhỏ nhỏ ở hậu phương:

*"..Kẻ thù ta ơi, những đứa xâm mình
Ăn muối đá và hăng say chiến đấu
Ta vốn hiền khô, ta là lính cậu
Đi hành quân với rượu để mang theo
Mang trong đầu những ý nghĩ trong veo
Xem chiến cuộc như tai trời ách nước.."*
(NBS)

Những chàng lính 19, 20 thời ấy không phải là những người hăng say chém giết, không hề muốn "xẻ dọc trường sơn" để "sinh bắc tử nam", mà chỉ muốn anh em một nhà cùng sống trong hòa bình an lạc:

*Đêm nằm ngủ vống trên đồi cát
Nghe súng rừng xa nổ cắc cù
Chợt thấy trong lòng mình bát ngát
Nỗi buồn sương khói của mùa thu*
(NBS)

Cũng từ thời gian đó, xuất hiện những bản nhạc của Trần Thiện Thanh và tiếng hát của chính anh, ca sĩ Nhật Trường. Những bài hát viết về lính, về tình yêu của lính. Những người lính lãng mạn hào hoa, và những cuộc tình đẹp, dễ thương như mùa thu, như hoa tím trong rừng sim, cho dù kết cuộc chỉ còn là những "chiếc khăn xô của người cô phụ còn lóng lánh dấu ái ân và những dòng nước mắt".
Ta thử hình dung những người lính ấy trong bài "Tình Thư của Lính" :

*"Từ khi anh thôi học, và từ khi anh khoác áo treillis
Từ khi anh xa nhà, một ngàn đêm nhung nhớ giữa trời mây
Ngại chằng đêm di hành và thường khi dừng bước giữa hoang vu
Một thằng ước ao, để một thằng khát khao, còn mình thì nằm đếm sao. . ."*

Người lính thuở ấy, dù nay đây mai đó, nhưng rất đổi chung tình và biết chấp nhận những chia lìa mất mát. Cho dù lúc nào " ngày anh đi sông hồ cũng in dáng em" và vẫn biết là:

*"..nếu em không là người yêu của lính
em sẽ nhớ ai chủ nhật trời xanh
em sẽ nhớ ai đêm sương lạnh lùng
và giữa chốn muôn trùng ai viết tên em lên tay súng ?"*

nhưng người lính lúc nào cũng lo sợ mình sẽ mang nỗi buồn và điều bất hạnh đến cho người tình nhỏ, nên nhiều lúc đành phải lặng lẽ chia tay:

*"biết trả lời sao, khi chưa nói yêu mà đã xa rồi..". . .
" sẽ không trả lời đâu, khi anh muốn em đừng vương u sầu.."*

Cho dù biết "tôi chỉ là người lính phong trần, thấy hoa nhớ người yêu rất xa" (Hoa Trinh Nữ), "trong bao lần quân hành, tôi qua vùng khô cằn mòi hôi thành biển mặn trên môi" (Biển Mặn) hay "Anh vì lửa khói quê hương, đường hun hút biên cương, một mình ngắm trăng sông.. Từng chiều rót bên sông em có mơ gì không ?" (Chân Trời Tím)

Và cho dù người tình của lính có sẵn lòng chấp nhận thương đau:

*".. Nếu anh không về nữa, thì em xin chiếc khăn xô
Lỡ anh không về nữa, hàng cây đêm sẽ đứng gục đầu
Và vì sao khuya khép mắt sầu"
(Chân Trời Tím)*

nhưng người lính đa tình vẫn luôn ưu tư cho người tình nhỏ:

*"..Giờ này thành phố chợt bùng lên
Em dòng lệ bất giác chạy quanh
Nghĩ đến một điều em không rõ
Nghĩ đến một điều em sợ không dám nghĩ
Đến một người đi giữa chiến tranh
Lại nghĩ tới anh.. . . .nghĩ tới anh.."
(Chiều Trên Phá Tam Giang)*

để cuối cùng đành nói một lời khuyên:

*"Nếu em biết rằng, có những người đi đấu tranh cho đời
mang lời thề lên miền sơn khê
Từng đêm địa đầu hun hút gió sâu
Nếu em đã gặp mẹ già thương con khấn nguyện đêm rằm
Vợ yêu chồng đang áo lạnh từng đông
Thì duyên tình mình có nghĩa gì không ? "
(Tạ Từ Trong Đêm)*

Những khúc hát này ngày xưa, những người cùng thế hệ thời ấy ai cũng có lần đã hát. Những tiếng hát đó không phải là những tiếng kèn hung hân thúc quân vào trận mạc, nhưng chính là những làn gió ngát hương trên từng bước quân hành của người lính chiến miền Nam. Nó không làm át đi phần nào tiếng súng nhưng có lẽ đã làm dịu bớt đi những vết thương, những khổn khổ, chia lìa của cả một thời ly loạn.

Tác giả những bài hát này, và cũng chính anh đã hát hay nhất những sáng tác của anh, không còn nữa. Anh đã vĩnh viễn ra đi ngày 13.05 vừa qua ở một nơi không phải là quê hương anh. Nhưng những lời ca khúc hát của anh vẫn còn mãi vang vọng tự quê nhà và khắp cả năm châu. Bởi vì ở đó vẫn còn những người lính và cả những người suốt một đời yêu lính. Cho dù, những người lính ngày xưa bây giờ đã là những nắm xương trong những nghĩa địa hoang tàn, hoặc là những thương binh khổn khổ đâu đó ở quê nhà, còn lại là những người lính già sống uất nghẹn ở những nơi nào đó thật xa xăm.

"Nhạc sĩ của Lính" là tên mà rất nhiều người miền Nam đã đặt cho anh. Bởi anh đã viết và hát trên 200 ca khúc, không phải chỉ về đời lính, về người tình của lính, mà còn ngợi ca người lính. Sự ngợi ca của anh không phải là những bản hùng ca rầm rộ tiếng quân hành, nhưng nó nhẹ nhàng len lỏi vào tận cùng tâm thức, khua động những tình cảm rất thật, rất người. Nhạc của anh đã làm cho người ta hiểu và yêu lính hơn, và làm cho chính người lính thấy yêu đời lính của mình hơn. Những người lính với đầy đủ những bi hùng, nhưng cũng đầy ắp những lãng mạn, vị tha và nhân bản.

Sau mùa hè 1972, đơn vị tôi từ chiến trường Kontum được chuyển về dưỡng quân một tháng tại hậu cứ Sông Mao, Phan Thiết. Trong một đêm văn nghệ do tỉnh Bình Thuận tổ chức ủy lạo chiến sĩ, bất ngờ có sự tham gia của ca sĩ Nhật Trường nhân dịp anh từ Sài gòn về thăm quê (quê anh ở Phan Thiết). Lúc ấy anh còn trẻ, đẹp trai và hoạt bát. Anh ngồi chung bàn với tôi. Trong lúc tâm tình, khi nghe tôi nói là ngày mai sẽ về thăm vợ ở Ninh-Hòa, anh tròn mắt nhìn tôi rồi ghé vào tai tôi nói nhỏ, có một thời anh đã say mê một cô gái Ninh-Hòa. Sau đó anh lên sân khấu hát tặng tôi bài Mùa Đông Của Anh, và nhờ tôi chuyển đến cô gái Ninh-Hòa nào đó hai câu:

*"...Xưa hôn em một lần mà đau thương tràn lấp..
Anh yêu em một ngày rồi xa em trọn kiếp.."*

Rất tiếc, cho đến khi tôi biết được cô gái Ninh- Hòa ấy, thì thế sự đã đổi thay. Tôi không còn muốn nói với cô những điều anh gửi gắm.

Sau hơn 20 năm, nhìn lại anh trên sân khấu hải ngoại, tôi thấy chạnh lòng. Anh cười nhưng khuôn mặt anh khắc khổ. Nụ cười có vẻ héo hon. Có lẽ anh đã phải bỏ sân khấu khá lâu, nên đi tới đi lui không còn tự nhiên như ngày trước. Anh ốm hơn xưa và cần cỗi đi nhiều. Tôi tội nghiệp cho Anh. Không biết những đau thương nào từ cuộc đời đã làm anh đổi thay đến thế.. Hôm ấy, anh hát bài Biển Mặn, dù giọng hát không còn được như xưa, nhưng chưa bao giờ tôi thấy anh hát hay và cảm động như thế.

Rồi đến khi ca sĩ Thanh Lan bất ngờ tái ngộ. Hai người hát lại bài Chiều Trên Phá Tam Giang. Hai mái tóc đã ngã màu. Cả hai không còn là cô sinh viên và người lính trẻ ngày nào. Nhưng hôm đó họ đã hát với nhau rất tuyệt vời và diễn xuất đến xuất thần. Thanh Lan đã khóc sục sùi. Có lẽ mọi người cũng không ngăn được dòng lệ cảm xúc.

(Dường như tôi đã đọc được ở đâu đó những dòng tương tự trên đây mà tôi có cùng chung cảm xúc.)

Nhật Trường Trần Thiện Thanh ! Xin cảm ơn Anh, và vĩnh biệt Anh trong muôn vàn thương tiếc.

Phạm Tín An Ninh
Vương Quốc Nauy
20 tháng 5 năm 2005

NEW ORLEANS, CHO TÔI NÓI MỘT LỜI XIN LỖI

THURSDAY, 28. MAY 2009, 02:43:12



Cái tựa bài viết này tôi mượn từ một tờ báo Pháp. Hôm qua, chiều thứ bảy, lên phi trường Gardemoen Oslo đón vợ chồng đưa con trai út nghỉ hè từ Tây Ban Nha về. Chuyến bay đến trễ 40 phút. Trong lúc chờ đợi tôi tạt vào quán cà phê, tìm một chỗ ngồi. Nhìn trên giá báo, tôi bất ngờ đọc được cái tựa lớn trên một tờ báo Pháp: “La Nouvelle Orléans! Je demande pardon!”. Vốn liếng Pháp văn chỉ bị bõm vài ba chữ, nhưng vì tò mò, tôi cầm tờ báo lên tìm đọc.

Bài viết của một cô gái Pháp, có một thời lớn lên ở New Orleans. Năm mười hai tuổi, cô bé theo gia đình về lại quê cha. Từ đó cô chưa có lần trở lại New Orleans. Một thành phố xinh đẹp, thơ mộng và lãng mạn. Isle d’Orléans của tổ tiên cô bé bao đời về trước. Với cô, nó là “một Pháp Quốc của thời thơ ấu”. Đã bao nhiêu năm về sống tại một vùng ngoại ô Paris, nhưng mỗi buổi sáng thức dậy, dư âm tiếng nhạc Jazz dọc theo con đường Bourbon trong khu Vieux Carré vẫn còn rộn rã bên tai, mùi thơm từ quán Café du Monde trong French Quarter vẫn còn làm cho cô ngây ngất. Nhưng quan trọng hơn hết là ở nơi đó, cô còn có biết bao hang động tuổi thơ. Cô ân hận, vì đã trót bỏ lỡ hai cơ hội khá lý tưởng để trở lại thăm thành phố yêu dấu xưa. Cách đây ba năm, khi cô vừa tốt nghiệp trung học, cha mẹ và người anh của cô trở lại thăm New Orleans, trong lúc cô theo bạn bè cùng lớp tổ chức một trại hè chia tay trên một hòn đảo ngoài khơi bờ biển Nice. Cô hẹn với cha mẹ sẽ sang thăm New Orleans một mình vào hè năm sau. Nhưng khi vào đại học, cô quen một người bạn trai và sau đó cô yêu chàng. Mùa hè năm ấy thay vì đi New Orleans, cô theo người yêu về quê ở Marseille ra mắt bố mẹ chàng. Hè năm sau, cô ngộ ý với người yêu rủ chàng cùng sang New Orleans, nhưng chàng ta hẹn chờ thêm hai năm nữa, làm đám cưới, chàng sẽ đưa cô sang đó hưởng tuần trăng mật cho thật tròn ý nghĩa. Cô cảm ơn thiện ý này. Nhưng rồi cuối mùa thu năm ngoái, buổi sáng, khi lái xe tới giảng đường, một tai nạn giao thông đã làm cô tê liệt cả hai chân. Mùa hè vừa qua, khi cô còn nằm trên giường bệnh, thì người yêu đã làm đám cưới với một cô con gái khác. Điều đau lòng, cô gái này lại chính là cô bạn thân của cô bé.

Khi được cha mẹ an ủi về những điều bất hạnh, cô bé bảo điều cô ân hận không phải là cái kết thúc bi thảm của một cuộc tình tưởng chừng đẹp nhất, mà chưa có lần được trở lại thăm La Nouvelle Orléans thời thơ ấu của cô. Cha mẹ hứa nhất định sẽ đưa cô bé đi khi tình trạng đôi chân khá hơn.

Khi xem trên truyền hình, cơn bão Katrina tàn phá New Orleans, nhìn thấy cả một thành phố đẹp đẽ của cô ngày xưa bây giờ ngập trong biển nước, cô khóc nức nở, vì biết rằng chẳng bao giờ cô còn nhìn thấy lại một La Nouvelle Orléans của cô. Cô đã mất “quê hương thời thơ ấu” Cô cảm thấy mình có tội với New Orleans, nên đêm nào trong giấc ngủ, cô cũng gọi: “New Orleans ơi ! Xin hãy tha lỗi cho tôi “.

Tôi biết tên thành phố này khi còn ở Việt Nam. Khi ra tù, tôi mới biết ông anh họ, con ông cậu của tôi, là một trong những người đầu tiên trong làng, vượt biển. Trước kia anh là một hạ sĩ quan thông dịch, lương ba cọc ba đồng. Sau đó không biết nhờ đường giây nào anh lại được “biệt phái” cho công ty RMK của Mỹ. Chỉ vài năm sau anh trở nên giàu có, lấy một cô vợ gốc Tàu Chợ Lớn. Vợ chồng có phần hùn trong hãng sữa Ông Thọ và nhà máy Xi Măng ở Thủ Đức. Sau tháng 4 /75, anh nhanh chóng hiến hết tài sản cho nhà nước để khỏi bị đánh “tư sản mại bản” và tình nguyện bỏ vốn liếng còn lại thành lập một hợp tác xã “đánh bắt hải sản”. Thấy anh sớm “giác ngộ cách mạng”, nhà nước chấp nhận thỉnh cầu và cấp giấy phép cho anh. Sau khi làm lễ hạ thủy chiếc tàu máy đầu tiên, người ta không thấy anh trở lại. Khi tôi về, cả làng nói về anh. Khen anh ta vừa khôn ngoan lại vừa có tấm lòng. Cùng đi trên chiếc tàu của anh, có đến hai mươi anh em bạn bè vừa cải tạo trở về, anh đã giúp cho đi theo không tốn một đồng.

Định cư ở New Orleans, nhờ có kinh nghiệm làm ăn ở Việt Nam, cộng với một số vốn liếng mang theo, anh lập một tổ hợp công ty đánh cá. Anh mua mấy chiếc tàu biển hiện đại, và kêu gọi tất cả những bà con đồng hương nào chưa tìm được việc, về New Orleans cùng nhau làm ăn với anh. Chỉ hai năm sau, công ty của anh phát đạt, anh trở thành một trong những người tị nạn giàu có sớm.

Anh gọi cho tôi một số tiền, nói bóng gió là tìm mọi cách vượt biên. Đừng lo lắng vấn đề kinh tế khi sang Mỹ. Anh sẽ bảo lãnh cả nhà sang New Orleans để sống với anh. Hai năm sau, tôi cùng vợ con vượt biển sang đảo Bataan, Phi luật Tân. Gửi cho anh mấy lá thư nhưng chờ mãi không thấy hồi âm. Sau này, qua thư của một người bà con khác ở Cali, tôi mới biết, trong lúc làm ăn, anh đã đụng chạm với băng KKK, nên phải bán đồ bán tháo tàu bè, bỏ New Orleans, chạy mãi lên tận Detroit, Michigan, để tránh tai họa. Rời trại tị nạn Bataan, tôi không đến nơi đã từng hẹn trước, thành phố New Orleans, mà lại sang định cư tận một xứ Bắc Âu xa lạ. Không biết có phải do một lần lỡ hẹn, mà cho mãi đến bây giờ, tôi vẫn không có duyên mà chỉ có nợ với New Orleans.

Sau những đợt HO, bạn bè tôi tìm tới New Orleans khá nhiều. Những sinh hoạt cộng đồng ở tiểu bang Louisiana, mà trụ cột là thành phố New Orleans này rất thành công, nhờ vào nhiệt tình và lòng đoàn kết của anh em. Louisiana là tiểu bang đầu tiên ban hành Nghị quyết Cờ vàng. Lý Tổng cũng “từ thành phố này.. người đã ra đi”.

Trong số bạn bè ở New Orleans, tôi có hai người bạn thân thiết. Nhưng hai người là hai mảnh đời khác biệt. Một người là bạn cùng đơn vị lúc xưa, nhanh chân đến đây năm 75 cùng với những người Việt tị nạn đầu tiên. Kinh tế gia đình vững vàng cũng như con cái đều đã thành công từ lâu. Đứa con trai lớn là bác sĩ giải phẫu não bộ, tiền vào như nước. Cô con gái là quản đốc thư viện trong một đại học danh tiếng.

Bây giờ vợ chồng đi nhiều nơi xây chùa, hưởng phước. Người thứ hai là bạn học cùng lớp, cùng quê Ninh-Hòa với bà xã tôi, và cũng là nhà thơ mà tôi rất hâm mộ. Bởi tất cả những bài thơ, tập truyện, anh đã viết thay cho nỗi lòng của những thằng lính, đã trải qua thời kỳ nghiệt ngã như tôi. Anh chàng cùng gia đình sang Mỹ muộn màng theo diện HO. Thời gian chưa đủ để lành những vết thương, thì hơi sức đâu mà lo chuyện làm giàu, nên vốn liếng chỉ còn có tấm lòng, và gia tài chắc chiu chính là những bài thơ buồn đứt ruột. Sau này tôi trở thành người bạn già của anh. Tôi thích anh chàng, không phải chỉ vì tài thơ văn, mà lòng còn nặng tình “huynh đệ chi binh” và cái tính lúc nào cũng tếu, hoàn cảnh nào cũng cười thoải mái “lính mà em”.

Sáng thứ bảy 27 tháng 8, tôi ngủ nướng, lúc thức dậy, theo thói quen, bật TV, tìm đài CNN nghe tin tức. Đạo này sao thế giới có nhiều biến động quá. Có tin cơn bão Katrina từ vịnh Mexico, qua Florida và sắp sửa đổ bộ vào thành phố New Orleans, tiểu bang Louisiana. Ông thị trưởng thành phố New Orleans rồi tới bà thống đốc tiểu bang Louisiana kêu gọi dân chúng New Orleans phải rời khỏi thành phố, tránh bão. Tôi nghĩ bão mà vào Florida và New Orleans, cũng chẳng khác gì một cô gái đẹp, khó tính (cô nào đẹp mà chẳng khó tính ?) bất ngờ ghé thăm người tình, không hẹn trước. Có ghen tuông, hờn dỗi mấy thì lúc ra đi cũng chỉ làm chàng trai tôi tả, buồn bã một đôi ngày rồi đâu cũng vào đó mà thôi. Cũng như mấy lần trước, bão ghé thăm nhà thơ Vĩnh Hồ, nhà thơ Đường có tâm Phật của Ninh-Hòa, cũng chỉ mang theo mấy cây bưởi, cây khế, chưa có khả năng làm mất đi một “mảnh vườn quê hương” mà nhà thơ đã mang theo từ Diêm Tịnh.

Tôi gọi phen cho hai người bạn. Nghe tiếng điện thoại reo, nhưng không ai bốc, tôi cười, thầm nghĩ là hai cha này rút kinh nghiệm xương máu từ tháng 4/75, nên đã nhanh chân bỏ của chạy lấy người. Tôi bèn viết e-mail vừa hỏi thăm vừa đùa (Hai hôm sau, tôi ân hận về cái đùa này lắm). Ông bạn cùng đơn vị cũ, thì tôi biết chắc đã bay sang thằng con trai bác sĩ ở Dallas, tôi bảo “thôi thì lâu lâu ông bà lên Dallas vừa bông cháu nội vừa hưởng tuần trăng mật”. Còn ông bạn nhà thơ với bà vợ, vốn là người đẹp một thời của quê quán Quang Trung, không biết đang trôi dạt về đâu. Trong cái mail tôi còn hỏi đùa: “là lần di tản này có bị thảm hơn hồi di tản 75 không ? ” Còn dặn anh bạn trẻ nhớ làm một bài thơ chạy bão nữa chứ. Mấy tiếng đồng hồ sau, tôi nhận được e-mail của cả hai. Không hoàn toàn như tôi nghĩ, ông bạn giàu kia không sống êm ấm ở nhà cậu con trai trên Dallas, mà lại mang tiền cúng dường cho một ngôi chùa ở đâu đó trên Houston để cùng giúp đỡ cho bà con cùng chạy nạn. Còn ông bạn nhà thơ thì cũng chạy thoát được đến Houston, tá túc ở nhà một người quen tốt bụng. Trong hoạn nạn mà anh vẫn cười như không, anh ta chỉ lo nước làm trôi mấy con đê sau hè, để mai mốt anh về không còn nghe tiếng gáy, và cây bưởi chính tay anh trồng mới vừa nở hoa trắng xóa chắc cũng đã bị “cuốn theo chiều gió” mất rồi. Đúng là một nhà thơ. Hôm sau, bà con nghe được bài thơ BÃO RŨỢT của anh được đọc trên đài VOA. Tôi yên lòng mà thấy tội nghiệp cho anh. Không ngờ chỉ hai hôm sau, khi xem truyền hình, tôi thần thờ khi thấy cả thành phố New Orleans dần dần chìm trong biển nước. Buồn hơn nữa, khi bên cạnh những thê lương chết chóc, là những cướp bóc, hỗn loạn. Lòng tôi thất lại khi người ta gọi New Orleans đã chết, bây giờ chỉ là một thành phố ma. Khi đoàn xe quân đội đầu tiên mang theo lính cùng thực phẩm cứu trợ mò mẫm theo những con lộ chính ngập sâu trong nước, “bơi” vào thành phố, tôi nhìn thấy cây cầu Causeway nằm lơ lửng trên biển nước mênh mông. Dường như nó

là cái biểu tượng duy nhất mà tôi còn thấy được của cái thành phố một thời đẹp đẽ và lãng mạn nổi tiếng của nước Mỹ. Cây cầu mà nhà thơ Quan Dương mỗi lần lái xe qua là nhớ đến cây cầu Dinh trong con phố nhỏ Ninh-Hòa. Tôi chạnh lòng khi thấy những chiếc trực thăng bay trong mưa gió, thả xuống từng bao đá nhỏ để lấp chỗ vỡ của con đê ngăn nước từ hồ Pontchartrain. Tôi có cảm giác vô vọng, như một ông bác sĩ đang cố may lại vết mổ của một người ung thư tới thời kỳ cuối cùng, trong cơn hấp hối.

Tôi biết, như vậy là hết. Mãi mãi không bao giờ còn New Orleans để tôi đến thăm như bao lần đã hẹn.

Ngay từ khi mới sang định cư ở Nauy, tôi được ông bạn đến New Orleans năm 75 gọi phôn sang thúc tôi và sẵn sàng tặng không tám cái vé máy bay cho vợ chồng tôi và sáu đứa con sang thăm thành phố mà anh ta hết lời ca ngợi. Lúc ấy tôi vừa học vừa làm, lại không muốn phiền lòng bè bạn, nên hẹn hai năm sau. Hai năm sau gia đình tôi sang Florida thăm cô em con bà cô, theo chồng sang Mỹ từ năm 70, và gửi lại đứa con gái lớn theo học ở đây. Dự trù tuần cuối sẽ sang thăm gia đình ông bạn vàng ở New Orleans. Nhưng đêm trước ngày lên đường, ông em rể bị cơn bệnh tim phải vào nhà thương cấp cứu. Tình trạng nguy kịch, tôi không thể bỏ cô em lo lắng một mình (mặc dù sau đó ở lại tôi cũng chẳng làm được việc gì). đành lỗi hẹn với New Orleans.

Năm sau cả nhà tôi sang Houston dự đám cưới của một ông bạn khác, mà cô vợ là con ông bà chủ nhà ở phố Tuy Hòa, ngày xưa cả hai thằng tôi đóng quân...nhờ trước mái hiên. Vợ chồng ông bạn New Orleans cũng có mặt suốt mấy ngày, mang theo thêm một chiếc xe “van”, áp tải bọn tôi về dưới ấy. Nhưng hôm đám cưới bọn tôi gặp lại hơn hai trung đội bạn bè đồng đội cũ, nhất định giữ bọn tôi lại Houston. Phe đa số thắng thế. Vợ chồng anh bạn New Orleans đành phải ở lại với bọn tôi thêm mấy ngày, trước khi xách xe không trở về tuyến xuất phát. Như vậy là lần thứ hai tôi lỡ hẹn với New Orleans.

Hai năm sau, cô con gái lớn ra trường, được một công ty ở Houston nhận vào làm, vợ chồng tôi lại sang Houston và lại gặp anh bạn New Orleans lên đón. Mấy năm sống ở Bắc Âu, bà vợ Ninh-Hòa của tôi không chịu nổi cái nóng mùa hè của Texas, nên long thể bất an. Thay vì theo ông bạn về New Orleans, thì bọn tôi rủ rê anh ta bay xuống Cali thăm đám bạn cùng KBC mới sang theo diện HO. Tôi lên mặt thánh thiện, “nên đến với đám bạn bè cùng khổ”. Động lòng trắc ẩn, nên anh bạn, thay vì bắt bọn tôi theo về New Orleans thì lại đi theo bọn tôi xuống Tiểu Sài Gòn.

Sau này chúng tôi có thêm ông bạn nhà thơ, gốc Ninh Hòa. Ngoài nhiều thứ tình, anh ta còn chung thủy với một thứ tình có đủ thứ “bi hùng” là tình lính. Hội hè nào có lính là có anh đứng hàng đầu. Mùa hè năm ngoái, Tổng Hội Cựu SVSQ Thủ Đức đại hội tại New Orleans, bởi những cựu alpha đen ở Louisiana là những con chim đầu đàn. Anh bạn nhà thơ “dành chỗ” cho vợ chồng tôi từ giữa mùa đông. Cả nhà tôi sang Cali, để lo tìm chỗ ở cho ba cô con gái đang làm việc ở đây. Đúng cái ngày hẹn lên với ông bạn nhà thơ, thì cũng là lúc phải bám theo trả giá một cái nhà vừa ý cho mấy cô con gái. đành phải làm buồn lòng anh bạn nhà thơ và xin hẹn với New Orleans, rồi thế nào cũng có một ngày tương ngộ.

Nhưng rồi, bão đi nhanh hơn con người. Mặc dù Katrina không hề hẹn trước, vậy mà nàng đã đến sớm hơn tôi. Mang cái tên đẹp đẽ, nhưng nàng lại là mụ phù thủy ác độc, chỉ trong phút chốc đã biến New Orleans thành một bãi tha ma hoang địa, điêu tàn. Để hai người bạn thân thiết của tôi phải có thêm một lần di tản nữa.

Còn tôi, sẽ mãi mãi là một người lữ hèn. Làm sao tôi có thể tìm được quê hương của nhạc Jazz, mà Louis Armstrong đã trở thành vĩ đại khi chọn nơi đây để khai sinh sự nghiệp âm nhạc lừng lẫy của mình. Làm sao tôi có cơ hội để được đi bộ trên con đường Bourbon trong khu phố French Quarter của cô bé người Pháp bị tê liệt đôi chân. Tất cả đã trở thành huyền thoại.

Tôi biết, với sự giàu có và vĩ đại của nước Mỹ, người ta thừa khả năng xây dựng lại một thành phố mới trên New Orleans đổ nát, hoang tàn. Hai người bạn thân thiết của tôi rồi mai này cũng trở về lại niệm kinh và làm thơ trên nền nhà cũ. Thành phố mới chắc chắn to lớn hơn, sang trọng, hùng vĩ hơn. Nhưng đó không phải là New Orleans, mà sẽ là một New New-Orleans lạ lẫm.

Tôi nhớ lại cái tâm trạng trở lại quê nhà sau mười mấy năm biệt xứ. Tôi lạc lõng giữa Sài Gòn, với nhiều nhà cao tầng và những con đường tràn ngập những chiếc xe gắn máy trong buổi trưa hè ồn ào, chói nắng. Khó khăn lắm mới băng qua được những ngã tư, cho dù có đèn xanh đèn đỏ, tôi vẫn không tìm lại được “con đường Duy Tân cây dài bóng mát, buổi chiều công viên mây trời xanh ngắt” thuở nào. Sài Gòn bây giờ không còn là của tôi nữa. Còn New Orleans, sau bao lần lữ hèn, mãi mãi trong tôi chỉ còn là cố tích.

New Orleans ơi, La Nouvelle Orléans ơi ! Cho tôi xin được nói một lời xin lỗi.

*Phạm Tín An Ninh
Vương Quốc Naury
Olso, ngày 11.9.2005*

CÁI CHẾT OAN KHUẤT CỦA NHẠC SĨ MINH KỲ

MONDAY, 15. JUNE 2009, 01:57:51



♥ ♪ ♥ “Nha Trang là miền quê hương cát trắng
Có những đêm nghe vọng lại, âm âm tiếng sóng xa đưa
Nha Trang cánh đồng bao la bát ngát
Hương quê dâng lên ngào ngạt, hòa cùng sức sống yên vui ...

Ai ơi, người về cho ta nhớ với ...

Nha Trang quê hương dịu hiền, ngàn đời lòng tôi mến yêu ...” ♥ ♪ ♥

Ai đã sinh ra và lớn lên ở Nha Trang, hoặc đã từng ghé lại đây đôi lần, đều không quên bài hát dễ thương này, mà cả một thời gian gần hai thập niên, đài phát thanh Nha Trang đã dùng làm nhạc hiệu mở đầu.

Cuối tháng 3/75, Nha Trang bị nhận chìm trong làn sóng đỏ. Người Nha Trang đã cùng chịu chung số phận. Kẻ bị giết, người bị tù đầy, gia đình, bè bạn, thầy trò, chia ly tan tác. Số phận của nhạc sĩ Minh Kỳ, tác giả bài hát này (cùng nhiều bản nhạc về Nha Trang khác nữa) cũng đã gắn liền với định mệnh đau thương của thành phố mà ông đã được sinh ra, hết lòng yêu thương và đã gởi trọn lòng mình qua những dòng nhạc thiết tha triu mến đó. Ông đã bị giết. Cái chết thê thảm và oan khuất của ông có lẽ được ít người Nha Trang, - dù còn ở trên quê nhà, hay tha phương khắp chốn - biết đến.

Người viết bài này, có cái cơ duyên được ở chung cùng một trại tù với ông, và cũng đã được tâm sự cùng ông một vài ngày trước khi ông chết.

Đầu tháng 3/75, sau khi Ban Mê Thuột mất, những đơn vị từng sống chết với Cao Nguyên có lệnh triệt thoái. Tôi theo đơn vị, chỉ còn một phần tư quân số, lần lượt “di tản chiến thuật” vào Cam Ranh, rồi Vũng Tàu để tái tổ chức, trước khi tham dự những trận đánh cuối cùng “cô đơn và buồn tẻ” ở những địa danh xa lạ: Cần Giuộc, Bến Lức, thuộc tỉnh Long An, ngăn bước chân địch quân đang ồ ạt kéo về vây hãm Sài Gòn.

Ngày 28/4/75, tôi và cả vợ con, theo lời hẹn của người bạn chí thân, là SQ Hải Quân, có mặt tại Bến Bạch Đằng. Nhưng đến giờ chót, trước sự ngỡ ngàng và tức giận của người bạn có lòng, tôi quyết định không cùng vợ chồng anh ấy xuống tàu di tản. Có lẽ anh không hiểu được là tôi cũng đã khổ tâm biết đường nào để có cái quyết định “sống chết” ấy, mặc dù tôi biết trước là rồi tôi cũng phải trả một cái giá, chắc không nhỏ. Tôi không đành lòng bỏ lại những đồng đội đã theo tôi từ những quê quán miền Trung, mà giờ đây đã trở nên xa tít mịt mờ trong tay giặc, và nhất là cha tôi, người cha đã làm gà trống nuôi con từ lúc tôi mới lên ba, mà tôi được tin là ông đã bị bắt và đang bị giam giữ ở đâu đó ngoài Nha-Trang. Tôi không thể xa ông trong hoàn cảnh khốn cùng này.

Điều đáng ân hận nhất là, dù ở lại để chấp nhận mọi điều, nhưng tôi cũng không bao giờ có cơ hội gặp lại cha tôi. Ông đã chết trong trại cải tạo Đá Bàn, cuối tháng 6/76, và đúng ngay vào cái đêm tôi bị chở bằng xe “bịt bùng” từ trại tù An Dưỡng Biên Hòa ra bến Tân Cảng để xuống tàu Sông Hương ra Bắc. Mãi gần năm năm sau tôi mới nhận được tin buồn.

Trại tù An Dưỡng Biên Hòa, cũng chính là nơi tôi đã gặp nhạc sĩ Minh Kỳ, và đã tâm tình cùng ông một ngày trước khi ông chết.

Tôi trình diện tại Trường Đại Học Kiến Trúc, bị đưa lên nhốt tại trại tù binh Tam Hiệp. Một tháng sau được chuyển đến trại tù An Dưỡng Biên Hòa, nằm bên cạnh phi trường quân sự Biên Hòa. Trại An Dưỡng này, trước là một khu quân sự, về sau được chỉnh trang lại để tiếp nhận những quân nhân tù binh của ta được miền Bắc trao trả theo hiệp định Paris. Họ được nghỉ ngơi, bồi dưỡng cả sức khỏe lẫn tinh thần ở trại An Dưỡng này trước khi trở về đơn vị cũ và gia đình.

Đến trại này, tôi gặp những anh em ở đây từ trước cùng một số mới được chuyển từ các trại khác tới. Gồm đủ các quân binh chủng, kể cả những sĩ quan biệt phái về các Bộ, và Cảnh Sát. Trong số này có nhạc sĩ Minh Kỳ. Tôi ở Nhà 1, còn anh Minh Kỳ ở Nhà 3 (?), cách nhau khu nhà bếp (gọi là hậu cần).

Cũng như những người Nha Trang khác, lớn lên vào những năm giữa thập niên 50, đầu thập niên 60, tôi thuộc lòng những bài hát Nha Trang của nhạc sĩ Minh Kỳ, nhưng chưa hề biết tên thật và cũng chưa được hân hạnh gặp ông. Trong Nhà 1, tôi nằm bên cạnh hai anh bạn tù lớn tuổi hơn tôi. Một anh từ Trường Chỉ Huy Tham Mưu, một anh làm ở Nha Quân Pháp.

Hai anh này rất tốt bụng và vui tính, có quen biết nhạc sĩ Minh Kỳ. Biết tôi là dân Nha Trang, nên có lần anh đã giới thiệu tôi với anh Minh Kỳ.

Nhạc sĩ Minh Kỳ lớn tuổi hơn tôi nhiều, nên tôi gọi ông bằng Anh và xưng em.. Có lẽ bản tính của anh vốn trầm lặng, ít nói, và đặc biệt trong hoàn cảnh như vừa trải qua cơn ác mộng, chưa biết ngày mai sẽ ra sao này, anh lại càng ít nói hơn. Gặp anh vài ba lần, tôi chỉ nói lên lòng hâm mộ của tôi về những bài hát Nha Trang, mà với tôi bây giờ nó lại là những kỷ niệm vô giá. Anh thường chỉ trả lời tôi bằng một nụ cười buồn.

Một đêm, cuối tháng 8/75 (31/08/75?), vào khoảng 09:30 tối, cả trại tù đang chìm trong bóng đêm với cả ngàn người tù đang nằm thao thức, bởi tâm tư còn nặng trĩu lo âu, đang chờ đợi những điều bất trắc nào đó sẽ đến với số phận mình, bỗng một

tiếng nổ long trời kèm theo những tiếng la thất thanh, và rồi tiếng còi báo động, tiếng chát chúa trên loa phóng thanh, lệnh cho tất cả “cải tạo viên” nằm yên tại vị trí, kẻ nào bước ra khỏi nhà sẽ bị bắn tại chỗ.

Khi đám tù chúng tôi chưa hết hoang mang, thì tiếng xích sắt xe tăng T 54 tràn vào trại rít lên từng chập, chia nhau bao vây từng căn nhà. Hàng loạt bộ đội, súng gắn lưỡi lê, mặt tên nào cũng đằng đằng sát khí tủa vào từng nhà, kéo cơ bằm lên đạn, quát tháo chúng tôi đứng dậy ngay tại chỗ, hai tay để trên đầu. Tôi có cảm giác là chúng tôi sắp bị xử tử...

Chúng tôi đứng bất động như vậy cho đến gần 10 giờ trưa. Nhìn qua khe cửa, tôi thấy mấy anh em tù ở nhà 3 nghiêng một số người bị thương lên bệnh xá.

Cả ngày sau, tất cả tù đều không được ra khỏi nhà, ngoại trừ đi ra cầu tiêu và ở đó cũng có đầy lính gác. Sau đó, đúng vào ngày 2 tháng 9, Quốc khánh của VC, tất cả chúng tôi được đưa lên hội trường. Ngồi chễm chệ trên dãy bàn trước mặt chúng tôi là những “thủ trưởng” không mang quân hàm, nên chúng tôi cũng chẳng biết họ là ai. Chúng tôi bị “nghiêm khắc” cảnh cáo là “có bọn phản động trong các anh đã dấu diếm vũ khí, mang lựu đạn Mỹ vào để nhằm phá hoại thành quả cách mạng”(!). Sau đó chúng tôi làm “bản tự khai tội ác” và bắt đầu bài học số 1, “Đế Quốc Mỹ là kẻ thù của nhân dân ta”.

Khi ấy chúng tôi mới biết tiếng nổ tối hôm ấy đã xảy ra tại Nhà 3, làm chết và bị thương khá nhiều. Mọi dấu tích đã được thu dọn sạch sẽ, như chưa hề có việc gì xảy ra.

Có điều cái “sự cố” thảm khốc ấy, không phải như lời “lên lớp” hù dọa của mấy ông thủ trưởng, bởi một điều rất dễ hiểu là ngay từ lúc vào trại cho đến bây giờ, đã qua hàng trăm lần kiểm soát, vả lại hành trang mang theo của mỗi người tù đâu có cái gì, ngoài hai bộ áo quần, cái khăn lau mặt và bàn chải đánh răng. Tiền bạc và tư trang khác đã được “kách mạng” giữ hộ ngay sau khi nhập trại. Vậy thì một trái lựu đạn có phép màu nào lọt vào trong trại. Điều quan trọng hơn, là nếu người tù nào dám liều mạng mang được lựu đạn vào trại thì cũng chỉ nhằm mục đích giết kẻ thù chứ sao lại giết chết bao nhiêu bè bạn của mình?

Những câu hỏi đó đã có sự trả lời chính xác ngay sau đó. Một số bạn tù ở Nhà 3 và Nhà kế bên kể lại như sau:

Nhà 3 (chứa khoảng 80 tù nhân, đa số là SQ Cảnh Sát) nằm đối diện ngay trước Khu Trục Ban và Nhà Vệ Binh của Trại, chỉ cách nhau chừng hơn năm mét và một hàng rào kẽm gai. Khi ấy tổ của nhạc sĩ Minh Kỳ đang họp để phân công nấu bếp vào ngày mai, thì một quả lựu đạn được quăng vào vách tôn ngay phía sau làm 3 người chết tại chỗ và khoảng 8 người bị thương. Nhạc sĩ Minh Kỳ bị thương rất nặng, được anh em tù nghiêng lên bệnh xá cùng với những anh em bị thương khác. Ông bị thương ở ngực, bụng và cổ rất nặng. Biết mình sắp chết nên trần trối với những bạn tù:

- Tội mày về nói với vợ tao ráng nuôi con tao, chắc tao không sống được.

Sau đó máu ở ngực và cổ chảy ra lênh láng. Ông vừa la vừa rên :

- Sao chân lạnh quá!

- Lạnh quá! Sao bụng tao lạnh quá! Sao ngực tao lạnh quá!

Ông chết từ từ, chết từ chân đến bụng rồi đến ngực cho đến lúc tắt thở.

Một cái chết mà chính Ông cảm nhận được, biết được nó đến với mình từng phút từng giây.

Sáng sớm hôm sau, anh em bạn tù, với sự giám sát của toán vệ binh VC, đem chôn các bạn tù vẫn sống của mình trên một mảnh rừng bên ngoài vòng đai phi trường quân sự Biên Hòa.

Ai cũng biết là trái lựu đạn giết chết nhạc sĩ Minh Kỳ cùng những người bạn tù khác, là do chính bọn VC quăng từ khu trục ban của Trại phía bên kia hàng rào.

(Có một số Sĩ Quan ngành đạn dược còn cho là tiếng nổ ấy có thể là tiếng nổ của đạn B40 hay B41, có sức tàn phá còn hơn cả lựu đạn).

Và cũng sau ngày ấy, chúng tôi phải chịu một trò chơi trả thù ác độc từ phía những người chiến thắng. Mỗi ngày chia nhau đi gỡ các bãi mìn trong hàng rào phi trường quân sự Biên Hòa.

Họ đã bày ra cái trò giết người dẫu tay ở Nhà 3, để rồi lại lấy đó làm lý do giết tiếp những người còn lại bằng cái trò chơi đẫm máu “gỡ mìn” này.

Những bãi mìn này do Công Binh của ta thiết lập chằng chịt dọc theo hệ thống phòng thủ phi trường. Bây giờ, không có sơ đồ những bãi mìn, chúng tôi lại là những người không chuyên môn về mìn bẫy, có nhiều anh em giữ các chức vụ tham mưu, hay được biệt phái về các bộ khác, chưa hề thấy lại quả mìn sau ngày rời khỏi quân trường. Vậy mà bây giờ phải tham dự cái trò chơi bắt nạt này. Ngày nào cũng có mìn phát nổ, người chết, vài người mất tay, mất chân, nhưng vẫn không làm giao động được tấm lòng của những người “kách mạng!”.

Và cũng chính nhờ được cắt cử đi đào huyết chôn một người bạn tù chết mìn, sớm trả “nợ máu” sau ngày miền Nam “giải phóng” này, đám chúng tôi mới phát hiện được bốn ngôi mộ mới đã nằm sẵn tại “nghĩa trang” vô danh trong một mảnh rừng hoang. Trước mỗi ngôi mộ được đắp đất sơ sài đó có cái bia làm bằng một mảnh gỗ nhỏ. Bọn chúng tôi lên đọc tên trên từng tấm bia viết bằng sơn đỏ, trong đó có tên Vĩnh My (Vĩnh Mỹ?). Đó chính là tên trong khai sinh của nhạc sĩ Minh Kỳ (Nguyễn Phúc Vĩnh Mỹ). Dưới sự canh gác nghiêm ngặt của đám vệ binh, tôi chẳng biết làm gì khác hơn là khi đi ngang trước mộ anh để trở về trại, chấp hai tay trước ngực và cúi đầu tưởng niệm anh cùng những bạn bè xấu số đã chết tức tưởi cùng anh. Lòng tôi nhói lên đau đớn như vừa bị một nhát chém hư vô nào đó. Trong tôi vừa mới mất thêm một điều gì, mà với tôi nó trở thành thiêng liêng hơn là kỷ niệm. Nhiều đêm sau đó tôi trằn trọc cả đêm không ngủ. Dư âm những bài hát Nha Trang của anh lúc nào cũng văng vẳng bên tai tôi. Tâm tư lúc nào cũng mơ màng đến thành phố Nha Trang, đến ngôi trường Võ Tánh, nhớ da diết những kỷ niệm ấu thơ, của những ngày đi học, và hình dung đến từng khuôn mặt bè bạn thân quen... Cũng mới đây thôi, mà bây giờ tưởng chừng như đã là một quá khứ thật xa xăm, mơ hồ như kiếp trước.

Ba mươi năm chiến tranh trên quê hương đã đem lại biết bao điều bi thảm. Vậy mà sau khi chiến tranh chấm dứt lại còn nhiều bi thảm hơn. Cái chết của nhạc sĩ Minh Kỳ cũng chỉ là một trong hàng vạn, hàng triệu điều oan khiên bi thảm đó. Nhưng chúng ta xót xa và nhớ đến nhạc sĩ Minh Kỳ, bởi chính vì ông là một nghệ sĩ, một người đã sống và cống hiến cho đời bằng chính trái tim mình. Đặc biệt với những người Nha Trang và những người yêu Nha Trang, đã mang ơn Ông vì Ông đã cho chúng ta những dòng nhạc biểu tượng của quê nhà, mà chúng ta sẽ mang theo dư âm tiếng hát cho đến suốt cuộc đời.

Với tôi, những đau đớn này cứ tưởng chỉ chôn chặt trong lòng, không ngờ sau khi xem chương trình nhạc Lê-Dinh trên Thúy Nga Paris trước đây, trong đó nhạc sĩ Lê-Dinh có nhắc tới cái chết của nhạc sĩ Minh Kỳ, và mới đây là chương trình Huyền Thoại Lê Minh Bằng trên Asia, đã làm tôi nhớ thật nhiều đến cái chết của Ông và ngồi xuống viết lại những dòng này.

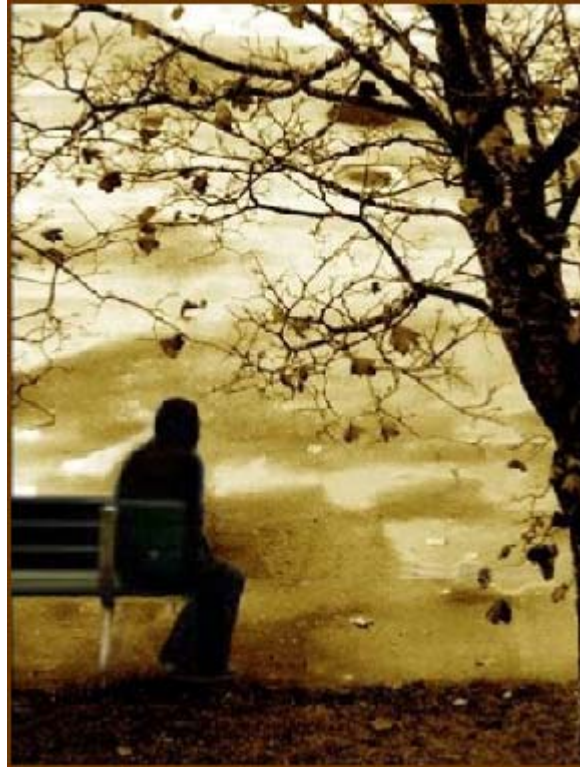
Xin được thay một nén hương lòng đốt lên cho một người đồng hương, đồng tù, bỏ bạn bè ra đi bằng một cái chết thảm thương, oan khuất... Cũng để được nói lên lòng tiếc thương một nhạc sĩ tài hoa đã làm Nha Trang sống mãi trong lòng người. Và nếu được phép, xin gửi một lời chia buồn thật muộn màng nhưng với trọn tấm lòng đến gia đình Ông.

Bắc Âu, một ngày không có mặt trời
phạmtínanninh

LÁ RỤNG KHÔNG VỀ CỘI

SUNDAY, 12. JULY 2009, 06:35:28

Sáng tác: Phạm Tín An Ninh. TRUYỆN NGẮN.



Thứ bảy tuần rồi, ông Trương nhận được hai món quà, do ông bà sui vừa về thăm quê bên Việt Nam mang sang tặng. Hai món quà thực ra không đáng bao nhiêu tiền, nhiều lắm cũng chỉ bằng giá một tô phở bán ở Little Saigon, nhưng với ông nó lại là vô giá, đã làm ông xúc động, nhen ngào đến nỗi không thốt lên được hai tiếng cảm ơn. Cả tuần nay, nhiều đêm ông trần trọc mất ngủ, ban ngày ngồi thần thờ, hoặc chắp tay sau lưng lẫn thẩn một mình trong khuôn vườn nhỏ sau nhà, suy nghĩ mông lung.

Năm vừa rồi, con cháu đã tổ chức mừng Lễ Thượng Thọ cho ông, mặc dù ông thường cản ngăn điều ấy. Nhưng con cháu làm vậy là phải, vì gia đình ông trải qua bao đời sống trong gia phong lễ giáo, hơn nữa suốt một đời vào sinh ra tử mà ông sống được tới hôm nay cũng là lạ lắm. Con cháu không chỉ mừng ông mà còn phải cảm tạ Đất Trời.

Sinh ra ở vùng quê, một cái huyện nghèo, mà thơ mộng. Biển xanh nằm sát bên dãy trường sơn hùng vĩ, cực bắc tỉnh Khánh Hòa. Cuộc đời ông có nhiều may mắn bất ngờ. Vì sinh kế, cha mẹ ông phải vào Nam lập nghiệp. Ông được một người trí thức có lòng nhận làm dưỡng tử. Người này gốc Quảng Bình, tốt nghiệp kỹ sư công chánh ở đại học Sorbone bên Pháp, vừa mới hồi hương và đang làm cho hãng thầu Descours & Cabaud đặc trách hai công trường xây cầu NeakLuong và Norodom,

cách thủ đô Nam Vang 6 – 10 cây số. Là “dưỡng tử” nhưng ông thường được xưng hô là “thầy trò”. Ông kỹ sư chưa lập gia đình. Để thuận tiện công việc làm, ông thuê một ngôi nhà đơn lập, nằm cạnh nhà của người bạn là một nhà giáo, và gởi gắm cậu dưỡng tử theo học. Thời đó Nam Vang không có một trường nào dành cho văn hóa Việt Nam, mà chỉ có trường Pháp và Miên. Ông kỹ sư sống ở Pháp hơn bốn mươi năm, thấm nhuần văn hóa Pháp, vì vậy “cậu bé” Trương tất nhiên chịu ảnh hưởng của người dưỡng phụ, nên học hành rất nhanh và sớm thi đỗ Diplôme. Ngày 8 tháng 3 năm 1945, quân Nhật lật đổ chính quyền bảo hộ Pháp ở Đông Dương. Ông kỹ sư dưỡng phụ bị quân Nhật bắt đem đi mất tích. Không còn nơi nương náu, ông Trương chỉ còn con đường duy nhất là về lại quê xưa. Bảy tháng sau, quân Pháp từ Ban Mê Thuột đổ xuống đồng bằng như thể chẻ tre. Ông Trương, lúc này đã là một thanh niên, bị bắt. Khi Phòng Nhì Pháp thẩm vấn, ông đội (Phinh) thông ngôn dịch sai câu trả lời của ông Trương, làm cho viên sĩ quan Pháp hiểu lầm tức giận, đứng lên định tát vào mặt ông Trương. Nhờ lanh trí và với căn bản Pháp văn vững chãi, ông Trương trình bày tận tường sự việc, làm cho vị sĩ quan Pháp ngạc nhiên, thán phục. Thay vì làm tù binh, ông Trương được đưa vào Nha Trang để làm thủ tục đồng hóa vào quân đội Pháp. Sau đó ông được sự giúp đỡ của một số Sĩ quan Pháp tốt nghiệp trường Võ Bị Saint Cyr, thi đỗ vào École Militaire InterArmes de Dalat (EMIAD) (trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt). Tốt nghiệp với thứ hạng cao, ông được chọn làm huấn luyện viên cho các khóa Sinh Viên Sĩ Quan Hiện Dịch

Rồi từ ngày ấy ông biệt xa quê, nơi chôn nhau cắt rốn, cho tới hôm nay. Đúng ra, trong thời gian hơn sáu mươi năm ấy, ông chỉ sống ở quê mình vốn vẹn có ba năm, khi ông bất ngờ được chọn về đây làm quận trưởng. Nhiều người cho đây là một điều may mắn. Hơn nữa lúc này là thời Đệ Nhất Cộng Hòa, tiêu chuẩn để chọn một quận trưởng rất khó khăn. Vậy mà khi nhận được Lệnh Bổ Nhiệm, ông đã xin từ chối. Ông biết làm việc ngay ở quê mình là một điều không dễ, bởi còn có nhiều người thân, em út trong nhà , bà con chú bác. Dù tình lý có phân minh, cũng khó tránh được đôi lời dị nghị.

Nhưng cuối cùng ông cũng phải mang balô, từ giả một tiểu đoàn thiện chiến, do chính ông dày công tổ chức và rèn luyện, về chính quê mình nhận trách nhiệm mới, nặng nề phức tạp. Lời khẩn cầu từ chối của ông không được chấp thuận. Lý do được Bộ Nội Vụ đưa ra: Ông (cố vấn) Ngô Đình Nhu đang là dân biểu Quốc Hội (đảm trách hai quận thuộc tỉnh Khánh Hòa, trong đó có quận của ông), đề nghị Trung Ương bổ nhiệm một vị quận trưởng phải có đạo đức, lập trường kiên quyết chống Cộng, vừa có kinh nghiệm tổ chức chiến đấu vừa am tường địa hình và dân chúng trong quận. Trong danh sách những người được đề nghị, ông Trương là đối tượng duy nhất đáp ứng các tiêu chuẩn trên.

Ba năm, sau khi đã ổn định tình hình và tổ chức được một hệ thống chính quyền xã ấp cùng một lực lượng an ninh vững mạnh, xây xong một con đập lớn (Bình Trung) và ngôi trường trung học công lập đầu tiên cho quận, ông làm đơn xin được trở lại đơn vị cũ. Là một sĩ quan chiến đấu, ông không hứng thú với những thủ đoạn ở chính trường. Đơn chưa được xét, thì xảy ra cuộc đảo chính ngày 1.11.63. xóa bỏ nền Đệ Nhất Cộng Hòa một thời thịnh trị. Ông bị đám tướng tá “cách mạng” chụp cho chiếc nón Cẩn Lao, mặc dù ông là một Phật tử ngoan đạo, thuần thành. Cuối cùng không tìm ra tội, họ phải chấp nhận đề nghị của ông: trả ông về quân đội. Ông được bổ nhậm về Trung Đoàn 48BB biệt lập, đang quần thảo với địch quân trong Chiến khu D. Bàn giao công việc cho người kế nhiệm. Thêm một lần nữa ông phải ra đi trong thương tiếc của mọi người. Và ông cũng không ngờ, lần ra đi này cũng là lần vĩnh viễn xa quê.

Bao nhiêu năm lăn lộn ở các chiến trường, biết bao lần vào sinh ra tử, đơn vị ông đã tạo nhiều chiến thắng lẫy lừng. Bảo Quốc Huân Chương Độ Ngũ rồi Độ Tứ Đẳng ông được thưởng từ khi còn khá trẻ, được chính các vị nguyên thủ quốc gia trao gấm. Cũng có một thời ông được chọn về làm huấn luyện viên cho các quân trường lớn : Võ Bị Liên Quân Đà Lạt, Võ Khoa Thủ Đức, Chỉ Huy Tham Mưu Đà Lạt. Ông cũng là đồng soạn giả của một số Binh Thư dành cho các cấp chỉ huy từ cấp đại đội, tiểu đoàn đến trung đoàn bộ binh.

Tình hình Vùng 1 Chiến Thuật ngày càng nặng nề, từ ngày đường mòn Hồ Chí Minh với những ống dẫn dầu từ Bắc vào Nam - không hiểu vì sao - gần như bỏ ngõ (?), để từng đoàn xe pháo Bắc quân xâm nhập. Từ những chiến trường khu D, Bình Long, ông được điều ra tận vùng địa đầu hỏa tuyến, tái tổ chức một trung đoàn biệt lập, với trang bị và nhiệm vụ phù hợp với một sách lược do chính cá nhân ông biên soạn lúc còn phục vụ tại Trường Chỉ Huy Tham Mưu Đà Lạt. Đó là kế hoạch "Chữ Tâm Trong Lũy Tre Xanh" (The Hearth Within The Green Bamboo Rampart), có nghĩa là phía quốc gia phải chinh phục được niềm tin của dân làng trước (và trong) kế Hoạch Bình Định & Xây Dựng Nông Thôn. Và cũng vì chính sách lược ấy, ông được chuyển đến vùng lãnh thổ này: Hai quận Hòa Vang và Điện Bàn thuộc tỉnh Quảng Nam được cơ quan MACV đề nghị làm thí điểm cho việc thực thi kế hoạch.

Chỉ trong một thời gian ngắn, ông đã tái tổ chức xong trung đoàn, lấy Tâm Lý Chiến làm hành trang cho binh sĩ mang vào vùng trách nhiệm, đến tận những nơi thâm sơn để theo dõi, bám sát và tiêu diệt các đại đơn vị Bắc quân xâm nhập. Mặc dù luôn bóp méo, viết sai sự thực, nhưng trong quân sử của đối phương không hề dám viết một dòng nào về hai Sư đoàn 304 và 324B của chúng đã đụng độ với lực lượng Hưng Quảng I của ta tại Quảng Nam. Bởi theo yêu cầu và chỉ điểm của đơn vị ông, một ngày, bốn phi vụ B52 trải thảm tại một khu vực nhỏ hẹp ở Gò Nổi (Phù Kỳ, huyện Điện Bàn) mà sau đó, các đơn vị Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ đã phải dùng Rome Plough của Sea Bee để vào chôn xác quân thù. Đủ biết số tử vong của địch cao biết chừng nào.

Trong hồi ký, Y sĩ Thiếu Tá Nguyễn Gia Thọ, nguyên là bác sĩ quân y của Trung Đoàn, đã viết về ông khi vị bác sĩ này mới về trình diện:

....Tôi có cảm tình ngay với vị chỉ huy mới, vừa lịch sự vừa dứt khoát, lệnh lạc rõ ràng, và coi quân y quan trọng cho đơn vị. Tôi hình dung lại dáng người của ông, cao gầy, mặt xương. Sau tôi biết ông là người có tú tài Pháp, sùng đạo Phật, đêm nào cũng thắp nhang khấn ngoài trời, và trong ngôn ngữ truyền tin, ông là Phụng Hoàng.....

và về chiến tích đầu tiên mà vị bác sĩ này được vinh dự góp phần, một ngày không xa sau đó:

....Kết quả cuộc tấn công của Việt Cộng: ta gần như vô sự, chỉ có Canh, xạ thủ đại liên, rớt từ chòi cao xuống, xương sống gãy một đốt đi lom khom và tôi, bị miếng đạn vạt mất mõng bên trái, không ăn thua gì. Còn địch thì để lại trên một trăm xác chết ngoài hàng rào.

Sau trận đó, tôi được thưởng anh dũng bội tinh với ngôi sao bạc, và chiến thương bội tinh.

Đại Tướng Hoa Kỳ Louis C. Wagner, từng là cố vấn trưởng trung đoàn, được ông Trương đề nghị ân thưởng Anh Dũng Bội Tinh với Nhành Dương Liễu, trong tập bút ký nổi tiếng Steel and Blood, đã hết lời ca ngợi trung đoàn dưới sự chỉ huy của ông.

Nhưng với ông, người Mỹ đã làm cho ông thất vọng. Từ sự trở mặt của một đồng minh cho đến cả cái tình một thời chiến hữu.

Ngoài trách nhiệm nặng nề của người anh cả một đại đơn vị, ông còn trách nhiệm của người anh cả đối với những đứa em trai không cha, mẹ già, chu cấp lo lắng cho các em học hành. Ông cũng không thể dứt dúi hết bầu đoàn thể tử theo ông ra vùng lửa đạn, nên phải gọi cậu trai lớn về quê ngoại Ninh Hòa và hai cậu con trai nhỏ cho hai người em trọ học ở Nha Trang. Sau này, tất cả các em và con trai đều theo bước chân ông vào quân ngũ. Có người là sĩ quan biệt động quân, người ở hải quân, không quân.

Trung Đoàn Biệt Lập của ông trở thành một đơn vị hàng đầu thiện chiến, luôn ở tuyến đầu lửa đạn. Cuộc đời ông lại gắn chặt dưới những giao thông hào, trong những lô cốt làm bằng những bao cát (được gọi là trung tâm hành quân) và đại gia đình ông bây giờ chính là những người lính chiến dưới quyền, cùng ông sống chết, nhục vinh.

Với khả năng lãnh đạo chỉ huy, đức tính cương trực liêm khiết, cùng bao nhiêu kinh nghiệm chiến trường, ông được tướng Ngô Quang Trưởng, điều về làm Tư Lệnh Phó cho một Sư Đoàn thiện chiến vào bậc nhất miền Nam. Một Sư Đoàn đã tạo nên bao chiến tích lẫy lừng cùng những vị Tư Lệnh và nhiều cấp chỉ huy nổi danh một thời của Quân Lực: Ngô Quang Trưởng, Phạm văn Phú, ..., Lê Huân, Võ Toàn, ...

Đầu tháng 3/75, sau khi Ban Mê Thuột thất thủ, Quân Đoàn II có lệnh triệt thoái khỏi Cao Nguyên theo Tỉnh Lộ 7. Một cuộc lui binh tồi tệ nhất trong lịch sử chiến tranh. Tướng Ngô Quang Trưởng đau đớn nhận lệnh bỏ Quân Đoàn I, trong khi người bạn đồng minh phải tay và chính quyền trung ương cùng cả một hậu phương rối ren, hỗn loạn. Sư Đoàn của ông cũng cùng chịu chung số phận. Vị Tư Lệnh cùng vài vị trung đoàn trưởng tử nạn trực thăng, không ai tìm ra tung tích. Ông nhìn cả một đại gia đình tan tác mà trong lòng như có trăm ngàn vết chém. Cuối cùng ông cũng phải rời khỏi vùng đất địa đầu miền Nam, nơi có những người lính anh hùng, giẫm lên xác thù, cắm cờ trên Cổ thành Quảng Trị, có cố đô của một triều đại cũng từng một thời dẹp Bắc bình Nam, mở rộng cả một vùng giang sơn bờ cõi, nơi đã hơn 30 năm đứng vững trong bom đạn hung hãn của kẻ thù và những tranh chấp hận thù của những người nhân danh tôn giáo. Ông đã phải cắt ruột mà đi, không những chỉ bỏ lại máu xương, bao nhiêu nắm mồ đồng đội, cùng với những chiến tích vang dội một thời, mà còn cả một đứa con trai, cũng là lính chiến, rút lui theo đoàn quân lên tàu, nhưng chẳng bao giờ tới bến. Người con trai của ông đã nằm lại vĩnh viễn ở một nơi nào đó cùng với đồng đội - những chiến sĩ vô danh.

Như một phép màu, ông Trương đã được bốc đi vào đúng giờ thứ hai mươi lăm của cuộc chiến, khi địch quân cắm lá cờ oan nghiệt nửa đỏ nửa xanh trên nóc ngôi nhà “Dinh Độc Lập”. Hôm đó người ông đi, mà hồn ông vẫn còn ở lại trên quê nhà.

Đến Mỹ, ông tìm một nơi tạm cư vắng vẻ, cùng với một gia đình không trọn vẹn, sống âm thầm những tháng ngày còn lại. Ông tìm lãng quên trong sách vở, với những đứa cháu nội ngoại không hề biết quê hương nơi ông sinh ra và cả một đời chiến chinh và nỗi đau cắt ruột. Niềm vui duy nhất của ông bây giờ là tìm lại những đồng đội ngày xưa, nhắc nhớ nhau một thời trận mạc. Nhưng vui đó rồi lại buồn đó, khi bất chợt có ai nhắc lại tên một người đã mất hoặc vẫn còn sống mà khốn khổ lạc loài trên chính mảnh đất quê hương.

Những lúc rảnh rỗi, ông đóng cửa phòng, đọc sách, hồi tưởng lại cả một chuỗi quá khứ của đời mình, nhớ lại từng chi tiết trong các trận đánh, phân tích các điều thành bại rồi viết lại và lưu giữ trong computer. Lâu lâu ông lại mở ra đọc, nghiền ngẫm

hàng giờ. Rồi thở dài. Ông tiếc thắm, vì những kinh nghiệm có được từ bao nhiêu máu xương này không còn biết đem truyền lại cho ai.

Nhiều lúc ông da diết nhớ quê, nhớ mồ mả cha mẹ tổ tiên, nhưng ông không bao giờ có ý nghĩ trở về, dù chỉ một lần, và chỉ một đôi ngày ngắn ngủi. Bởi một lý do đơn giản: ông nghĩ nơi ấy không còn là quê hương ông ngày xưa, mà chỉ còn là một vùng đất lạ lẫm, mà mỗi ngày, mỗi một phút, lũ cầm quyền vong bản, hèn mạt, bất tài, đua nhau bán rẻ quê cha đất tổ, cướp đi từng hạt cát của biển, hạt lúa của ruộng đồng, từng cành cây của rừng, từng tảng đá của núi và cả những giọt nước mắt, mồ hôi của những người dân khốn khổ, trong đó có nhiều người bà con của ông đã gần 50 năm chưa hề gặp lại. Ông cũng hổ thẹn, thấy chính mình có lỗi khi để quê nhà lọt vào tay bọn giặc man rợ, bất lương.

* * *

Suốt một tuần nay, buổi sáng nào, sau khi thức dậy, ông cũng rón rén đến bàn thờ, tìm hai món quà mà ông bà sui đã tặng : một chiếc nón lá và một bao nilon chỉ toàn là cát.

Hôm nay, ông ngồi thật lâu, dường như suy nghĩ một điều gì quan trọng lắm. Cuối cùng, ông đi tìm chiếc ghế, đứng lên đóng một cây đinh vào vách phòng khách, nơi mà trước đây ông luôn dằn dò, nhắc nhở vợ con mình không được làm điều ấy. Ông trịnh trọng treo chiếc nón lá lên đó. Rồi ông lúi ra nhìn chiếc nón. Bất chợt trong nháy nhòa nước mắt, ông nhìn thấy bóng dáng mẹ ông, nhớ tới bài văn xuôi rất học trò của ông Thanh Tịnh, mà ông đã thuộc lòng từ thời tấm bé :

“...Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã đi lại lắm lần..”. Hôm ấy mẹ ông cũng đội một chiếc nón lá .

Nhớ tới bao nilon cát, ông tìm một tấm nhựa mới, đổ hết cát từ trong chiếc bao hai lớp, lên tấm nhựa. Những hạt cát mà ông bà sui của ông đã hốt lên từ bãi biển ở quê ông, nơi mà thời còn nhỏ dại ông thường tụ tập tại đây tắm biển, vui đùa với đám bạn bè con nít, reo hò đón những chiếc ghe đầy cá của những bác ngư ông lán giềng trở về từ biển cả. Ông lấy cái lư hương trên bàn thờ xuống, lau chùi bên trong sạch sẽ, lót lên một tấm vải màu đỏ, rồi trịnh trọng bốc từng bốc cát bỏ vào. Những hạt cát đối với ông bây giờ là những hạt ngọc, trong lóng lánh ông tưởng chừng như bao nhiêu đôi mắt của người thân, của đồng đội, bạn bè, dù còn sống hay đã chết, bây giờ biến biệt ở nơi nào đó, mịt mờ trong cõi hư vô. Ông chỉ bỏ vào chiếc lư hương một nửa số cát, nửa còn lại ông gói thật kỹ vào tấm vải đỏ, rồi bỏ vào trong một chiếc hộp thiếc, vốn là hộp trà kỷ niệm lễ cưới của thằng con trai út.

Ông dặn lòng, tối nay, ông sẽ thức khuya một đêm nữa, viết tờ di chúc cho vợ và các con. Cả một đời ông đã bỏ lại quê nhà, sang xứ người khi tuổi đã về chiều, ông chỉ còn biết đem hết công sức nuôi nấng, dạy dỗ các con. Trời không phụ lòng ông, tất cả con cái đều đã nên người, hiếu thảo. Mai này, khi nhắm mắt ra đi, ông cũng chẳng còn gì để lại, ngoài cuốn nhật ký ghi lại đời mình. Và bây giờ có thêm chiếc lư đồng, trong đó chỉ có những hạt cát quê hương, mà ông xem như “vật gia bảo” trên bàn thờ tiên tổ. Nửa số cát còn lại, ông cất kỹ dưới đầu giường và xin vợ con ông sẽ rắc trên di thể của ông trước khi đặt nắp quan tài.

Ông hình dung tới những chiếc lá trong cơn bão, tả tơi, tan tác, bị cuốn đi trong trời đất mênh mông, để không bao giờ được rơi về với cội. Lòng thấy xót xa. Bỗng bất chợt, ông nhìn lên bàn thờ, mắt ông sáng lên, rạng rỡ, khi nghĩ rồi đây bên cạnh mình còn có nắm cát của quê hương.